

Edgar Rice Burroughs

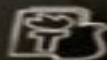
BARSOOM

JOHN CARTER

và CÔNG CHÚA HỎA TINH

Tiểu thuyết phiêu lưu - hành động

1



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Thông tin sách

Tên sách: **John Carter và công chúa hoả tinh**

Nguyên tác: **A Princess of Mars (Barsoom #1)**

Tác giả: **Edgar Rice Burroughs**

Người dịch: **Nguyễn Thành Nhân**

Nhà phát hành: **NXB Trẻ**

Nhà xuất bản: **NXB Trẻ**

Khối lượng: **250g**

Kích thước: **13x20 cm**

Ngày phát hành: **04/2012**

Số trang: 264

Giá bìa : 68.000đ

Thể loại: **Tiểu thuyết Kinh điển - Phiêu lưu Giả tưởng**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **15/04/2016**



Dự án ebook #192 thuộc Tủ sách BOOKBT

Ebook này được thực hiện nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!

Còn nếu bạn có khả năng hãy mua sách ủng hộ nha!

Giới thiệu

John Carter là một cựu binh trong cuộc Nội chiến của Hoa Kỳ. Một ngày tình cờ anh bị hút vào Hỏa tinh, và nó đã khởi đầu cho cuộc phiêu lưu ly kỳ của anh trong suốt hơn hai mươi năm dài. Trải qua bao nhiêu phen vào sinh ra tử và vô số cuộc chiến, bằng lòng quả cảm, thủy chung và những đức tính rất “người” của một cư dân Trái đất, John Carter không những đã xây dựng cho mình một gia đình hạnh phúc mà còn góp phần lớn vào công cuộc đem lại hòa bình, thịnh vượng và tình yêu thương cho hành tinh vốn khô cằn và đang hấp hối

này.

Những thủ pháp miêu tả và cách xây dựng nội dung, tình tiết, cao trào của Burroughs đúng là của một bậc thầy, khiến độc giả không bao giờ chán và thậm chí không muốn dừng mạch đọc, dù đang theo dõi một cuộc đấu nghệt thở hay đang lắng lòng với cảnh tự tình của hai con người yêu nhau. Ngoài ra, một trong những điểm đặc sắc của bộ truyện là tư tưởng mang tính tiên phong của Burroughs. Ngay từ đầu thế kỷ XX, ông đã có một tầm nhìn sâu sắc về môi trường, trong đó một Hỏa tinh đã từng trù phú trở nên khô khan cằn cỗi và các chủng tộc buộc phải lấy chiến tranh làm một phương tiện để trung hòa giữa dân số và nguồn tài nguyên thực phẩm hiếm hoi. Bên cạnh đó, những ý tưởng mang đầy tính sáng tạo của ông về các công nghệ trên Hỏa tinh thật sự là những yếu tố hấp dẫn và thú vị, đặc biệt của một tác giả sống trước năm 1950.

Tác giả



Edgar Rice Burroughs (01/09/1875 - 19/03/1950) là một tác giả người Mỹ, nổi tiếng với những tác phẩm về người rừng Tarzan và những cuộc thám hiểm của anh hùng John Carter trên Hỏa tinh.

Ông từng theo học tại Philips Academy Andover và Học viện quân sự Michigan. Từ 1897 đến 1911, Burroughs đã không thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh tại Chicago và Idaho. Năm 1911, Burroughs ổn định gia đình tại Chicago và bắt đầu sáng tác. Sáng tác đầu tay của ông Under the Moons of Mars đã gây tiếng vang lớn. Thành công này đã thôi thúc ông tập trung vào con đường trở thành nhà văn chuyên nghiệp.

Năm 1912, tập truyện đầu tiên trong bộ truyện 25 quyển về Tarzan đã ra đời: Truyện Tarzan (Tarzan of the Apes) đã được dịch ra hơn 56 ngôn ngữ và đã trở thành đề tài hấp dẫn cho điện ảnh, các chương trình phát thanh. Ngoài Tarzan, Burroughs còn là tác giả của hơn 68 đầu sách.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Burroughs là phóng viên thường trú cho “The Los Angeles Times” và là phóng viên thường trú cao tuổi nhất (66 tuổi) có mặt tại Nam Thái Bình Dương.

Mục lục

[GIỚI THIỆU](#)

[LỜI TỰA](#)

[CHƯƠNG I: TRÊN NHỮNG NGON ĐÔI ARIZONA](#)

[CHƯƠNG II: CUỘC TÁU THOÁT CỦA MỘT NGƯỜI ĐÃ CHẾT](#)

[CHƯƠNG III: DU HÀNH TRÊN SAO HÓA](#)

[CHƯƠNG IV: BỊ CẤM TỬ](#)

[CHƯƠNG V: TRỐN KHỎI CON CHÓ](#)

[CHƯƠNG VI: CUỘC CHIẾN ĐẤU VÀ TÌNH BẠN](#)

[CHƯƠNG VII: VIỆC NUÔI CON Ở HÒA TÌNH](#)

[CHƯƠNG VIII: NGƯỜI NỮ TỬ XINH ĐẸP](#)

[CHƯƠNG IX: TÔI HỌC TIẾNG HÒA TÌNH](#)

[CHƯƠNG X: CHIẾN THẮNG VÀ CHÚC TỬ TRƯỞNG](#)

[CHƯƠNG XI: VỚI DEJAH THORIS](#)

[CHƯƠNG XII : NGƯỜI TỬ CỎ QUYỀN LỰC](#)

[CHƯƠNG XIII: MÔI TÌNH Ở HÒA TÌNH](#)

[CHƯƠNG XIV: MỘT CUỘC THÁCH ĐẤU](#)

[CHƯƠNG XV: CÂU CHUYỆN ĐÔI CỦA SOLA](#)

[CHƯƠNG XVI: ẦM MƯU CHAY TRỐN](#)

[CHƯƠNG XVII: BỊ BẮT - TẤN CÔNG TAL HAJUS](#)

[CHƯƠNG XVIII: BỊ XIÊNG Ở WARHOON](#)

[CHƯƠNG XIX: TRẬN CHIẾN Ở ĐÁU TRƯỜNG](#)

[CHƯƠNG XX: TRONG NHÀ MÁY KHÍ QUYỀN](#)

[CHƯƠNG XXI: PHI ĐỘI TRÌNH SÁT CỦA ZODANGA](#)

[CHƯƠNG XXII: TÌM THẤY DEJAH THORIS](#)

[CHƯƠNG XXIII: LẠC GIỮA BẦU TRỜI](#)

[CHƯƠNG XXIV: TARS TARKAS KẾT TÌNH BẰNG HỮU](#)

[CHƯƠNG XXV: CƯỚP PHÁ ZODANGA](#)

[CHƯƠNG XXVI: NIỀM HÂN HOAN SAU CẢNH TANG THƯỜNG](#)

[CHƯƠNG XXVII: TỬ NIỀM VUI TỚI CÁI CHẾT](#)

[CHƯƠNG XXVIII: TRONG HANG ĐỘNG Ở ARIZONA](#)

[Chú thích](#)

GIỚI THIỆU

Nhà văn Mỹ Edgar Rice Burroughs (1/9/1875 - 19/3/1950) là một tác giả nổi tiếng với việc sáng tạo ra nhân vật người rừng Tarzan huyền thoại. Xê ri tiểu thuyết về Tarzan, khởi đầu với *Tarzan of the Apes* (xuất bản vào tháng 10/1912) và những truyện sau viết về nhân vật này là thành công lớn nhất của ông. Dù xuất hiện trong tiểu thuyết, phim ảnh hay thậm chí những cột báo vui, Tarzan luôn được quần chúng say mê thích thú cho tới tận ngày nay và đã trở thành một hình tượng văn hóa.

Ngoài ra, ông còn viết nhiều thể loại khác, trong đó nổi bật là những chuỗi truyện khoa học viễn tưởng viết về những cuộc phiêu lưu mạo hiểm tới các hành tinh (nổi bật nhất là Barsoom - cái tên tưởng tượng của Burroughs dành cho Hỏa tinh), các vùng đất mất tích, và vào lòng trái đất trong xê ri truyện *Pellucidar*.

Thị trấn Tarzana ở California được đặt theo tên Tarzan. Năm 1919, Burroughs mua một nông trại lớn ở bắc Los Angeles, California mà ông đặt tên là “Tarzana”. Những cư dân sống quanh nông trại đã bỏ phiếu tán thành việc đặt tên thị trấn theo cái tên đó khi thị trấn được thành lập vào năm 1928. Miệng núi lửa Burroughs trên Hỏa tinh được đặt theo tên của Burroughs để vinh danh ông.^[1]

Ở tiểu thuyết Công chúa Hỏa tinh được giới thiệu sau đây, bạn đọc sẽ cùng Đại úy John Carter - một cựu sĩ quan quân đội miền Nam trong cuộc Nội chiến Mỹ, một tay săn vàng ở những miền hoang vu của Arizona - du hành lên sao Hỏa, tiếp xúc với những cư dân lạ lùng, làm quen với những tập tục và cách sinh hoạt khác thường ở đó. Với giọng văn lôi cuốn, hấp dẫn và trí tưởng tượng phong phú, Burroughs đã hình dung ra một Hỏa tinh rất gần gũi mà cũng rất khác biệt với trái đất của chúng ta. Ở đó bạn sẽ gặp những bộ tộc Hỏa tinh da xanh hoang dã, với những con người khổng lồ, xấu xí và độc ác, yêu thích chiến tranh; những cộng đồng người Hỏa tinh da đỏ văn minh, và những con khi đột trắng, những con ngựa *thoat*, voi răng mấu *zitidar*, chó rừng *carlos* khổng lồ, dữ tợn. Nhưng quan trọng hơn hết, bạn sẽ gặp một nàng công chúa Hỏa tinh da đỏ xinh đẹp, yêu kiều và cao quý. Đại úy John Carter đã yêu thương, đã sống, và chiến đấu vì nàng suốt mười năm lưu lạc trên sao Hỏa. Khi gấp quyển tiểu thuyết lại, vào một đêm sáng trời nào đó, bạn hãy nhìn lên vì sao lớn màu đỏ lung linh. Và bạn sẽ có cùng cảm giác với John Carter: *”Qua cánh cửa sổ nhỏ cạnh bàn viết, tôi có thể nhìn thấy Hỏa tinh đỏ rực lấp lánh giữa bầu trời. Đêm nay dường như nó lại cất tiếng kêu gọi tôi. Vì trước đó, kể từ cái đêm chết chóc xa xôi ấy, nó chưa bao giờ cất tiếng gọi tôi. Và tôi nghĩ tôi có thể nhìn thấy, xuyên qua vực thẳm kinh khủng của không gian, một người phụ nữ xinh đẹp với mái tóc đen óng ả, đang đứng trong khu vườn của một cung điện. Bên cạnh nàng là một đứa bé trai. Nó vòng đôi tay quanh cổ nàng khi nàng chỉ lên bầu trời tới hành tinh Trái đất...”*

Ngay từ đầu thế kỷ 20, Burroughs đã có một tầm nhìn sâu sắc về môi trường, trong đó một Hỏa tinh đã từng trù phú trở nên khô khan cằn cỗi và các chủng tộc buộc phải lấy chiến tranh làm một phương tiện để trung hòa giữa dân số và nguồn tài nguyên thực phẩm hiếm hoi. Những ý tưởng của ông như một tiếng chuông cảnh báo chúng ta về việc bảo vệ môi trường trái đất đang ngày càng cạn kiệt tài nguyên

và chịu tác động xấu của nền công nghiệp cũng như sự khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách thái quá.

Hiện hãng phim Disney/Pixar (Mỹ) đang triển khai dự án dựng cuốn phim đầu trong bộ ba phim (trilogy) kết hợp giữa diễn xuất thật và hoạt hình 3D “*John Carter*” dựa trên tập đầu của bộ tiểu thuyết - do Andrew Stanton đạo diễn, vai John Carter do Taylor Kitsch thủ diễn, vai Dejah Thoris do Viola Lynn Collyns thủ diễn. Dự kiến bộ phim sẽ được công chiếu lần đầu vào ngày 9/3/2012 tại Mỹ.^[2]

Chúng tôi sẽ lần lượt dịch và giới thiệu cùng các bạn những tập tiểu thuyết tiếp theo trong bộ truyện Barsoom trong thời gian ngắn nhất (gồm 11 cuốn). Chúc các bạn đọc tìm được những phút giây hào hứng, thú vị với bản dịch này.

Nguyễn Thành Nhân

LỜI TỰA

Độc giả thân mến,

Khi đưa tập bản thảo của Đại úy Carter ra in thành sách, tôi tin rằng đôi lời liên quan đến nhân vật đặc biệt này cũng là điều đáng được quan tâm.

Ký ức đầu tiên của tôi về Đại úy Carter là những tháng ngày ông đã sống tại nhà của cha tôi ở Virginia, ngay trước khi xảy ra cuộc Nội chiến. Hồi ấy tôi chỉ là một chú nhóc lên năm tuổi, thế nhưng tôi còn nhớ rất rõ người đàn ông cao lớn lực lưỡng, da ngăm đen, gương mặt thân thiện mà tôi gọi là chú Jack.

Dường như lúc nào chú ấy cũng cười to; chú tham gia vào những trò chơi của bọn trẻ chúng tôi với lòng mê say nồng nhiệt như đối với những trò tiêu khiển mà những người đàn ông hay phụ nữ ở lứa tuổi của chú ưa thích; chú thường ngồi suốt hàng giờ để kể cho bà tôi nghe những câu chuyện về cuộc sống lạ lùng, dữ dội của chú ở khắp các vùng trên thế giới. Tất cả chúng tôi đều yêu mến chú, còn những người gia nô ở nhà tôi tôn sùng từng mảnh đất mà chú đã bước qua.

Chú là một mẫu người tuyệt diệu, cao gần một mét chín mươi, vai rộng, eo thon, và có dáng đi của một chiến binh từng trải. Nét mặt của chú đều đặn và rõ ràng, mái tóc đen nhánh được cắt ngắn sát da đầu, đôi mắt màu xám thép, phản ánh một tính cách mạnh mẽ và chân thành, đầy nhiệt huyết và sáng kiến. Cung cách cư xử của chú rất hoàn hảo, và thái độ lịch thiệp của chú là điển hình cho loại người thượng lưu cao quý nhất ở miền Nam.

Tài cưỡi ngựa của chú, nhất là trong những chuyến đi săn có chó, là một điều kỳ diệu trong một vùng đất có toàn những kỵ mã cừ khôi. Tôi thường nghe cha tôi nhắc nhở chú giảm bớt sự liều lĩnh táo bạo của mình, nhưng chú chỉ cười to, và bảo rằng cú ngã có thể giết chết chú là từ lưng của một con ngựa nào đó còn chưa ra đời.

Chiến tranh nổ ra, và chú từ giã chúng tôi. Tôi không gặp lại chú suốt khoảng mười lăm, mười sáu năm sau đó. Khi chú trở lại một cách bất ngờ, tôi rất ngạc nhiên khi nhận thấy rằng chú chẳng già đi chút xíu nào, mà cũng chẳng thay đổi bất kỳ một đặc điểm ngoại hình nào. Khi ngồi với mọi người, chú vẫn là một anh chàng tài hoa, vui tính mà chúng tôi từng biết. Nhưng những khi chú cho rằng mình đang ở một mình, như tôi đã từng trông thấy, chú ngồi suốt hàng giờ nhìn đắm đắm vào không trung. Nét mặt chú hiện lên một niềm khát khao tiếc nuối và một nỗi đớn đau tuyệt vọng. Ban đêm, chú thường ngồi nhìn lên bầu trời như vậy, hướng về một cái gì đó mà tôi không hề biết cho tới khi tôi đọc được tập bản thảo của chú nhiều năm sau đó.

Chú kể rằng chú đã thăm dò và khai thác mỏ ở Arizona một quãng thời gian sau chiến tranh. Và chú đã làm ăn rất thành đạt, bằng chứng là số tiền nhiều vô kể mà chú đang có. Nhưng các chi tiết của cuộc đời chú trong những năm đó chú rất ít nhắc tới, hay nói đúng hơn, không hề đá động gì tới chúng.

Chú sống với chúng tôi khoảng một năm rồi chuyển tới New York. Ở đó, chú mua một mảnh đất nhỏ trên bờ sông Hudson, và hàng năm tôi đều ghé thăm chú một lần khi có dịp tới chợ New York. Đạo đó, cha tôi và tôi làm chủ và điều hành một loạt cửa hàng trải khắp Virginia. Đại úy Carter có một ngôi nhà nhỏ xinh đẹp, nằm trên một con dốc nhìn xuống dòng sông, và trong suốt những chuyến viếng thăm cuối cùng của tôi, vào mùa đông năm 1885, tôi nhận thấy chú tập trung nhiều vào công việc viết lách, mà giờ đây tôi đoán ra, là để hoàn thành tập bản thảo này.

Lúc ấy, chú bảo tôi rằng, nếu có chuyện gì xảy ra với chú, chú muốn tôi lo liệu giùm khu điền sản, và trao cho tôi chìa khóa của một ngăn tủ sắt trong phòng đọc sách của chú, bảo rằng tôi sẽ tìm thấy di chúc của chú ở đó và một vài hướng dẫn riêng tư mà chú yêu cầu tôi phải tự mình thực hiện với sự chính xác tuyệt đối.

Sau khi về tới phòng ngủ, từ cửa sổ căn phòng, tôi nhìn thấy chú đang đứng trong ánh trăng trên bờ con dốc đổ xuống sông Hudson, hai tay vươn dài hướng lên bầu trời như thể đang van nài gì đó. Lúc đó, tôi nghĩ rằng chú ấy đang cầu nguyện, dù tôi chưa bao giờ nghe nói rằng, trong một ý nghĩa nghiêm mật nhất, chú là một tín đồ.

Nhiều tháng sau khi tôi quay về nhà từ chuyến viếng thăm cuối cùng đó, vào ngày 1/3/1886, tôi đã nhận được một điện báo yêu cầu tôi đến chỗ chú ngay lập tức. Tôi luôn luôn là đứa cháu mà chú yêu mến nhất trong số những con cháu họ Carter, vì thế, tôi vội vã làm theo yêu cầu đó.

Tôi tới cái sân ga nhỏ, cách điền trang của chú chừng một dặm, vào buổi sáng ngày 4/3/1886. Khi tôi đề nghị một người đánh xe chở tôi tới gia thự của Đại úy Carter, ông ta đáp rằng nếu tôi là bạn của ngài Đại úy, ông sẽ thông báo cho tôi biết vài tin không lành: ngay sáng hôm đó, người bảo vệ điền sản kế bên phát hiện ra ông ta đã chết sau khi trời rạng sáng ít lâu.

Vì một nguyên nhân nào đó, tin tức này không làm tôi ngạc nhiên, nhưng tôi vội vã tới ngay nhà chú, để lo liệu tang ma và những công việc mà chú đã giao cho.

Tôi tìm thấy người bảo vệ đã phát hiện ra cái chết của chú, cùng với viên cảnh sát trưởng địa phương và nhiều người dân trong thị trấn, đang tụ họp trong căn phòng đọc sách nhỏ của chú. Người bảo vệ kể lại đầy chi tiết liên quan tới việc phát hiện ra xác chết, mà ông ta bảo rằng hãy còn hơi ấm khi ông ta tới gần xem xét. Xác chết nằm duỗi dài trên mặt tuyết, ông ta kể, với đôi tay vươn thẳng bên trên đầu hướng tới rìa con dốc. Và khi ông ta chỉ cho tôi chỗ ấy, tôi nhớ ra ngay đó chính là nơi tôi từng trông thấy chú đứng giờ hai tay lên bầu

trời vào những đêm trước đó.

Không có dấu hiệu bạo hành nào trên thân thể chú, và với sự trợ giúp của một viên y sĩ địa phương, nhóm nhân viên điều tra nhanh chóng đi đến kết luận rằng đó là một cái chết do đột quỵ tim. Khi còn lại một mình trong phòng đọc sách, tôi mở chiếc tủ sắt, lấy ra những tài liệu cất trong ngăn kéo mà chú từng bảo là trong đó tôi sẽ tìm thấy những lời chỉ dẫn. Thật sự chúng rất lạ thường, nhưng tôi cố vẫn thực hiện theo đúng từng chi tiết.

Chú hướng dẫn rằng tôi phải mang xác chú tới Virginia mà không ướp gì cả, và đặt nó trong một cái quan tài để mở nằm trong một nhà mồ mà trước đó chú đã xây, và, như sau này tôi hiểu, được thông gió rất tốt. Lời hướng dẫn nhấn mạnh rằng tôi phải tự bản thân trông nom việc thực hiện điều này đúng như chú đã nêu, thậm chí trong vòng bí mật nếu cần.

Di sản chú để lại được giao cho tôi với toàn bộ thu nhập suốt hai mươi năm của chú. Các hướng dẫn khác liên quan tới cuốn bản thảo mà tôi không được mở niêm phong để đọc ngay khi tìm thấy nó, mà phải chờ tới mười một năm sau đó; tôi cũng không được phép tiết lộ nội dung của nó cho tới lúc tròn mười hai năm sau khi chú chết.

Một đặc điểm kỳ lạ của căn nhà mồ nơi đặt xác chú là cánh cửa đồ sộ với một ổ khóa mạ vàng to tướng chỉ có thể mở được... từ bên trong!

Trân trọng chào bạn.

Edgar Rice Burroughs

CHƯƠNG I: TRÊN NHỮNG NGỌN ĐỒI ARIZONA

Tôi là một người rất già; già tới mức nào tôi cũng không biết nữa. Có thể tôi đã một trăm tuổi, có thể hơn; nhưng tôi không thể nói được bởi vì tôi chưa bao giờ có tuổi như những người khác, mà tôi cũng không nhớ ra bất kỳ một thời thơ ấu nào đó của mình. Ở mức độ tôi có thể nhớ lại, tôi đã luôn luôn là một người đàn ông, một người đàn ông trạc ba mươi tuổi. Ngoại hình của tôi hôm nay cũng giống hệt ngoại hình của tôi cách đây bốn mươi năm hay hơn nữa. Thế nhưng tôi cảm thấy rằng tôi không thể tiếp tục sống mãi; rằng một ngày nào đó tôi sẽ chết một cái chết thật sự, không còn một sự hồi sinh nào nữa. Tôi không biết vì sao tôi lại sợ hãi cái chết. Tôi, kẻ đã từng chết hai lần, và vẫn còn sống sót; thế mà tôi vẫn có cùng nỗi sợ hãi nó như bạn, người chưa từng chết lần nào, và chính vì nỗi sợ này, tôi tin rằng mình sẽ phải chết.

Do niềm xác tín này, tôi quyết định viết lại câu chuyện về những quãng thời gian kỳ thú trong cuộc sống và cái chết của tôi. Tôi không thể lý giải hiện tượng; tôi chỉ có thể kể lại bằng những ngôn từ của một người lính đánh thuê bình thường những sự kiện lạ lùng đã xảy đến với tôi trong suốt thời gian mười năm, khi mà thi thể của tôi nằm biệt tích trong một cái hang núi ở Arizona.

Tôi chưa bao giờ kể về câu chuyện này, cũng sẽ không một con người khả tử nào trông thấy cuốn bản thảo này cho tới khi tôi đã về cõi vĩnh hằng. Tôi biết rằng đầu óc của một người bình thường sẽ không tin vào một điều nó không thể hiểu, và do đó tôi không muốn bị công luận, các nhà giáo sĩ và báo giới bêu rếu và lên án như là một tên đại bịp trong khi tôi chỉ kể lại những sự thật giản đơn mà một ngày nào đó khoa học sẽ chứng minh.

Có thể những đề xuất mà tôi thu lượm được về Hòa bình, và tri thức mà tôi có thể viết ra trong cuốn biên niên sử này sẽ bổ sung thêm một sự thấu hiểu sớm hơn về những bí ẩn của một hành tinh chị em của trái đất - những bí ẩn đối với các bạn, chứ không còn là những bí ẩn đối với tôi.

Tôi là John Carter. Nhiều người biết đến tôi với cái tên Đại úy Jack Carter ở Virginia. Khi cuộc Nội chiến kết thúc, tôi phát hiện ra rằng mình sở hữu hàng trăm ngàn đô la (tiền miền Nam không còn sử dụng được) và không còn mang trách vụ của một viên đại úy kỵ binh trong quân đội nữa; một kẻ phục vụ cho một tiểu bang đã tan biến theo những niềm hy vọng của miền Nam. Không còn ai làm chủ, không một xu dính túi, với phương tiện sinh sống duy nhất của tôi là đánh nhau đã lỗi thời, tôi quyết định đi về miền tây nam và cố gắng cứu vãn tương lai đã sụp đổ của mình trong một cuộc săn vàng.

Tôi trải qua gần một năm tìm kiếm mỏ vàng cùng một sĩ quan quân đội miền Nam khác, Đại úy James K. Powell ở Richmond. Chúng tôi đã cực kỳ may mắn, bởi vì vào cuối đông năm 1865, sau nhiều gian lao và thiếu thốn, chúng tôi đã xác định được một mạch quặng thạch anh chứa vàng đáng kể nhất mà trong những giấc mơ cuồng nhiệt nhất chúng tôi cũng chưa từng hình dung tới.

Powell, vốn là một kỹ sư địa chất, bảo rằng chúng tôi đã phát hiện ra một khu mỏ quặng đáng giá hơn một triệu đô la sẽ được khai thác trong hơn ba tháng.

Vì các công cụ thiết bị của chúng tôi còn quá thô sơ, chúng tôi quyết định rằng một trong hai người phải quay về thế giới văn minh để mua sắm máy móc cần thiết và quay lại với một lực lượng nhân công đầy đủ để bắt đầu khai thác mỏ.

Do Powell quen thuộc với địa phương đó, cũng như với những thứ thiết bị cơ khí khai thác mỏ cần yếu, chúng tôi quyết định tốt nhất là anh sẽ lên đường. Chúng tôi cũng thỏa thuận rằng tôi sẽ trông nom khu mỏ để tránh khả năng nó sẽ bị một tay săn tìm mỏ lang thang nào đó chớp mắt.

Ngày 3/3/1866, tôi và Powell chất các thứ hành lý của anh lên hai con lừa, rồi anh chào tạm biệt tôi, khởi sự đi xuống đèo, băng qua một thung lũng rộng, chặng đầu tiên trong chuyến hành trình.

Buổi sáng hôm Powell lên đường, như hầu hết mọi buổi sáng ở Arizona, trời trong xanh tuyệt đẹp. Tôi có thể nhìn thấy anh và hai con lừa nhỏ đang lần mò đi xuống đèo hướng về thung lũng, và trong suốt buổi sáng hôm ấy, thỉnh thoảng tôi lại nhìn xuống anh khi anh hiện ra trong một bình nguyên thấp. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Powell là vào khoảng ba giờ chiều khi anh đi vào bóng râm của một dãy núi ở phía bên kia thung lũng.

Chừng nửa giờ sau, tôi nhìn một cách ngẫu nhiên xuống thung lũng và vô cùng ngạc nhiên khi nhận thấy ba chấm đen nhỏ ở nơi mà tôi đã nhìn thấy bạn tôi và hai con lừa lần cuối. Tôi không lo âu một cách không cần thiết, nhưng càng cố tự thuyết phục mình rằng mọi chuyện đều tốt đẹp đối với Powell, và những chấm đen tôi đã trông thấy trên con đường anh đi qua chỉ là những con linh dương hoặc ngựa hoang, tôi càng không thể an tâm.

Từ lúc tới vùng này, chúng tôi chưa hề gặp một thổ dân da đỏ thù địch nào. Do vậy, chúng tôi trở nên vô cùng dửng dưng, và quen với việc nhạo báng những câu chuyện người ta kể về những tên cướp hung tợn thường lai vãng trên đường, giết và hành hạ bất kỳ người da trắng nào lọt vào bàn tay không biết xót thương của chúng.

Tôi biết Powell có mang theo vũ khí, hơn nữa, anh là một chiến binh từng trải; nhưng cả tôi cũng đã từng sống và đánh nhau nhiều năm với người Sioux ở miền Bắc, và tôi hiểu rằng anh có rất ít cơ may khi đối phó với cả một toán cướp Apache gian xảo. Cuối cùng, không thể nén lòng được nữa, tôi mang theo hai khẩu súng côn và một khẩu các bin, quàng hai dây đạn vào người rồi thẳng ngựa, khởi sự đi xuống con đường mà Powell đã đi qua lúc sáng.

Ngay khi vừa xuống cuối đèo, tôi thúc ngựa chạy nước kiệu, và cứ tiếp tục chạy như thế ở nơi nào địa hình cho phép, cho tới khi trời gần tối. Tôi phát hiện ra vị trí những dấu vết khắc giao với con đường của Powell, đó là dấu chân của những con ngựa nhỏ không đóng móng. Tất cả có ba con, và chúng chạy nước kiệu.

Tôi vội vã đi theo dấu vết đó cho tới khi bóng đêm sụp xuống. Tôi buộc phải chờ cho đến lúc trăng lên, và do đó có cơ hội để xem xét lại tính chất cuộc truy đuổi của mình. Có thể tôi đã tưởng tượng ra những nguy hiểm không thể có, giống như những bà vợ già hay lo lắng không đâu, và khi đuổi kịp Powell, có lẽ anh sẽ cười tôi một trận. Tuy vậy, tôi không phải là loại người đa cảm. Việc làm theo bản phận, dù nó có đưa đẩy tôi tới đâu, luôn luôn là một thiên chức trong suốt quãng đời tôi đã sống. Điều này giải thích cho những vinh dự đã được ba nước cộng hòa ban tặng cho tôi, cùng những tấm huân chương và những tình bạn hữu với một hoàng đế già hùng mạnh và những vị vua nhỏ hơn, mà trong khi phục vụ cho họ, lưỡi kiếm của tôi đã nhiều lần nhuộm máu.

Vào khoảng chín giờ, ánh trăng đã đủ sáng để tôi tiếp tục lên đường. Tôi dễ dàng theo dấu con đường với một tốc độ khá nhanh, đôi khi còn phi nước đại. Khoảng nửa đêm, tôi tới một vùng nước mà có thể Powell đã dừng lại nghỉ. Tôi đến gần và nhận ra nó đã hoàn toàn khô cạn, và không có một dấu hiệu nào của một lều trại mới.

Tôi nhận thấy dấu chân của những người cưỡi ngựa đuổi theo Powell đã dừng lại một lúc ở vùng nước, và luôn đi cùng một tốc độ với Powell.

Lúc này tôi khá chắc rằng bọn người này là những người Apache và chúng muốn bắt sống Powell để thoả mãn thú hành hạ, vì thế tôi thúc ngựa chạy tiếp với một tốc độ liều lĩnh nhất, hy vọng rằng mình có thể đuổi kịp bọn cướp thô dân trước khi chúng tấn công Powell.

Những suy đoán đột ngột bị cắt ngang bởi hai phát súng nổ vọng lại từ phía xa trước mặt tôi. Tôi biết rằng lúc này Powell cần sự giúp sức của tôi hơn lúc nào hết, và tôi thúc ngựa phi hết tốc lực theo con đường núi nhỏ hẹp gập ghềnh.

Tôi tiến về trước được chừng hơn một dặm, vẫn chưa nghe thấy tiếng súng nào khác thì con đường đột ngột đâm vào một cao nguyên nhỏ, gần đỉnh của con đèo. Tôi băng qua một hẻm núi hẹp ngay trước lúc đột nhiên đâm vào vùng đất bằng trên núi, và cảnh tượng trước mắt làm tôi kinh hoàng thất đảm.

Những túp lều thổ dân phủ trắng cả dải cao nguyên nhỏ hẹp, và có lẽ có đến năm trăm chiến binh đang vây quanh một đối tượng gì đó gần trung tâm của khu trại. Sự chú ý của chúng tập trung toàn bộ vào đối tượng đó nên chúng chưa nhận ra tôi. Lẽ ra, tôi có thể dễ dàng quay vào bóng tối của hẻm núi và bỏ trốn an toàn. Tuy nhiên, thật sự là ý nghĩ này không hiện lên trong đầu tôi.

Tôi không tin rằng tôi được sinh ra với thứ chất liệu tạo nên những vị anh hùng, bởi vì trong hàng trăm khoảnh khắc mà những hành

động tự nguyện của tôi đã khiến tôi phải mất đôi mắt với cái chết, tôi không thể nhớ lại một chút gì những điều tôi đã suy nghĩ cho tới nhiều giờ sau đó. Rõ ràng, tâm trí tôi được cấu tạo theo cách nào đó khiến cho từ trong tiềm thức, tôi buộc phải đi theo con đường của bốn phận mà không cần phải đắn đo suy tính. Dù có thể nào chăng nữa, tôi chưa hề bao giờ phải hối tiếc rằng tôi đã không chọn lựa sự hèn nhát.

Ở trường hợp này, dĩ nhiên, tôi chắc rằng Powell chính là trung tâm chú ý. Và không biết là ý nghĩ hay hành động của tôi đến trước, chỉ trong một thoáng giây ngắn ngủi sau khi nhìn thấy cảnh tượng đó, tôi đã rút hai khẩu súng ngắn ra, nhắm vào bọn thổ dân, bắn nhanh, và hú to hết cỡ tiếng hú xung trận. Đơn thương độc mã, tôi không thể có những chiến thuật nào tốt hơn, bởi khi bọn thổ dân, tin chắc với sự ngạc nhiên, rằng phải có cả trung đoàn bên trên đầu chúng, quay ra và chạy nháo nhào tứ phía để lấy cung tên và súng.

Quang cảnh khi chúng chạy tứ tán để lộ ra khiến tim tôi tràn ngập nỗi sợ hãi và cơn cuồng giận. Powell nằm dưới ánh trăng vùng Arizona sáng rỡ, thân thể anh tua tủa những mũi tên thù địch của bọn thổ dân. Tôi chắc rằng anh đã chết rồi, thế nhưng việc tôi phải cứu anh thoát khỏi việc bị cắt xẻo thân thể cũng cần phải thực hiện nhanh chóng như chính việc cứu sống anh.

Phi ngựa tới gần anh, tôi nhảy khỏi yên và kéo thân hình anh nằm vắt qua lưng ngựa. Nhìn lại sau lưng, tôi chắc rằng nếu quay lại con đường cũ sẽ mạo hiểm hơn là tiếp tục băng qua cao nguyên. Vì vậy, thúc mạnh giày đinh vào con ngựa tội nghiệp, tôi phi nhanh tới đầu của con đèo mà tôi có thể nhận ra ở phía bên kia dải cao nguyên.

Lúc này bọn thổ dân da đỏ đã phát hiện ra tôi chỉ có một mình và đuổi theo tôi với những lời nguyện rủa, những mũi tên và những viên đạn. Vì chúng chẳng thể nhắm bắn dưới ánh trăng, vì chúng bối rối trước sự mạo hiểm bất ngờ và đột ngột của tôi, mặt khác, vì tôi đang là một mục tiêu di động rất nhanh, tôi đã thoát khỏi làn tên mũi đạn của kẻ thù và chạy tới vùng bóng râm của những đỉnh núi vây quanh trước khi chúng có thể tổ chức một cuộc truy đuổi có trật tự.

Con ngựa của tôi được tự do chạy vì tôi biết rằng có lẽ tôi ít hiểu biết về vùng đất này hơn nó. Thế là nó chạy vào một hẻm núi dẫn tới ngọn của một dãy núi chứ không phải tới con đèo mà tôi đã hy vọng sẽ đưa tôi xuống thung lũng an toàn. Tuy nhiên, có lẽ nhờ sự việc này tôi mới có được cuộc sống và những kinh nghiệm lạ thường đã xảy đến với tôi trong suốt mười năm sau đó.

Ý thức đầu tiên của tôi là tôi đã chạy nhầm đường khi nghe thấy tiếng kêu thét của bọn truy đuổi hung hăng đột nhiên ngày càng nhỏ dần đi ở phía bên trái của tôi.

Tôi biết rằng chúng đã chạy qua phía bên trái dãy đá lởm chởm ở rìa của cao nguyên, còn phía bên phải là con ngựa mang trên lưng tôi và thi thể của Powell.

Tôi kéo cương ngựa tới một doi đất thấp nhỏ nhìn xuống con đường phía trái bên dưới, và thấy bọn thổ dân đang biến mất dần sau một đỉnh núi kế bên.

Tôi biết bọn thổ dân sẽ sớm phát hiện ra rằng chúng đã đi nhầm đường, và sẽ quay sang hướng này. Tôi đi thêm một đoạn ngắn nữa thì đường như có một con đường tuyệt diệu chạy vòng lên bề mặt của một vách đá cao. Con đường rộng và hướng lên trên theo đúng hướng mà tôi muốn tới. Vách đá dựng lên hàng trăm bộ ở mé phải của tôi, còn mé trái là một con dốc gần như thẳng đứng chạy xuống tới đáy hẻm núi đá.

Tôi đi theo con đường này khoảng một trăm thước thì có một cửa quẹo gắt sang mé phải đưa tôi tới miệng của một hang núi lớn. Cửa hang cao khoảng bốn bộ và rộng chừng ba, bốn bộ, và con đường chấm dứt tại đây.

Lúc đó trời đã sáng, và việc không có bình minh vốn là một đặc tính lạ lùng của vùng Arizona. Trời đột nhiên bừng sáng mà không có dấu hiệu gì báo trước. Tôi xuống ngựa, đặt Powell lên mặt đất, nhưng dù xem xét thật cẩn trọng, tôi vẫn không tìm thấy một dấu hiệu mong manh nào của sự sống ở anh nữa. Tôi rót nước trong bình vào giữa đôi môi bất động của anh, rửa mặt và lau sạch đôi bàn tay, tiếp tục như thế suốt gần một giờ, đối diện với thực tế rằng tôi biết anh đã chết.

Tôi rất yêu mến Powell. Anh là một người đàn ông đúng nghĩa ở mọi khía cạnh, một chàng trai miền Nam tao nhã; một người bạn chân thành. Và với một nỗi đau sâu sắc, cuối cùng tôi từ bỏ những nỗ lực cứu sống anh.

Rời khỏi thi thể Powell ở cửa hang, tôi vào trong để thăm dò. Tôi phát hiện ra một cái hang rộng lớn, đường kính có lẽ chừng một trăm bộ và cao chừng bốn mươi bộ; nền hang êm ái và mơn nhẵn, cùng nhiều chứng cứ khác cho thấy trước đây từng có người cư ngụ trong cái hang này. Đáy hang sâu và chìm vào bóng tối nên tôi không thể biết có còn khe hở sang một cái hang khác hay không.

Khi tiếp tục xem xét, tôi bắt đầu cảm thấy lơ mơ buồn ngủ do tác động của chuyến cưỡi ngựa dài và vất vả vừa qua, cùng cuộc chiến đấu và bị truy đuổi. Tôi thấy tương đối an toàn ở vị trí hiện tại vì biết rằng chỉ một người cũng có thể ngăn chặn cả một toán quân trên con đường tới hang động.

Buồn ngủ quá, tôi hầu như không thể cưỡng lại niềm ước ao mãnh liệt được ngã người xuống nền hang nghỉ ngơi một lúc, nhưng tôi biết rằng không thể làm điều này được, vì như thế cũng có nghĩa là nằm chờ cái chết đến từ bàn tay của những tên thổ dân, có lẽ sẽ tới đây vào bất cứ lúc nào. Tôi cố gắng đi ra cửa hang nhưng lại lao đảo nghiêng người vào bức vách hang rồi té sấp xuống nền hang.

CHƯƠNG II: CUỘC TÀU THOÁT CỦA MỘT NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Một cảm giác mơ màng êm ái bao trùm lên tôi, những cơ bắp của tôi dịu lại, và tôi sắp sửa buông xuôi theo niềm ước ao được ngủ thì có tiếng vó ngựa đang tiến tới gần vọng đến. Tôi cố gắng đứng lên nhưng kinh hoàng nhận ra tứ chi của tôi không tuân theo ý chí của tôi nữa. Tôi vẫn tỉnh táo, nhưng không thể nhấc được đôi tay và chân lúc này dường như đã hoá đá. Ngay lúc ấy, lần đầu tiên tôi nhận ra một làn hơi ẩm nhẹ phủ đầy hang động. Nó rất loãng và chỉ có thể nhận ra khi nhìn ra cửa hang ngập tràn ánh sáng. Mũi tôi cũng ngừng thấy một mùi hơi nồng nồng, và tôi đoán rằng mình đã hít phải một loại khí độc nào đó, nhưng tôi không thể nghĩ ra vì sao trong lúc tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo, tôi lại không thể động đậy.

Tôi nằm hướng mắt ra cửa hang, và có thể nhìn thấy một quãng ngắn của con đường nằm giữa hang động và chỗ ngoặt của vách núi. Tiếng ngựa phi tới đã dừng hẳn, và tôi đoán là bọn thổ dân đang bò dần tới cửa hang. Tôi nhớ lúc ấy tôi đã hy vọng rằng chúng sẽ giết chết tôi ngay vì tôi không thể chịu đựng nổi ý nghĩ về vô số việc mà chúng có thể thực hiện đối với tôi theo ngẫu hứng.

Chẳng bao lâu, tiếng chân rón rén cho tôi biết chúng đang ở rất gần, rồi một gương mặt vằn vện đội cái mũ lông chiến binh cẩn thận lộ ra từ rìa vách núi, hướng đôi mắt dữ tợn về phía tôi. Tôi chắc rằng hắn có thể nhìn thấy tôi, vì ánh mặt trời buổi sáng rọi tới chỗ tôi nằm qua cửa hang.

Hắn không tới gần mà chỉ đứng nhìn chằm chặp, đôi mắt hắn trợn trừng và miệng hắn há hốc ra. Rồi một gương mặt dữ tợn khác xuất hiện, rồi gương mặt thứ ba, thứ tư, thứ năm, lộ cổ qua vai của tên đồng bọn đang đứng chắn ngang quãng đất hẹp. Mỗi gương mặt là một bức tranh của sự kinh hoàng và sợ hãi, nhưng vì lý do gì thì tôi không biết và cũng không thể hiểu được cho tới mười năm sau đó.

Hiển nhiên là sau lưng bọn chúng còn có nhiều chiến binh khác vì những tên đứng đầu ngoái lại thì thăm gì đó với bọn phía sau.

Đột nhiên từ phía sâu thẳm trong hang động phía sau chỗ tôi nằm vọng ra một tiếng rên rỉ trầm trầm nhưng nghe rất rõ, và khi nó tới tai bọn thổ dân, chúng quay lại và bỏ chạy một cách kinh hãi. Những nỗ lực bỏ trốn khỏi điều gì đó không thể biết ở phía sau tôi điên cuồng đến nỗi một tên trong bọn phóng người từ vách núi xuống những mỏm đá bên dưới. Tiếng hét kinh hoàng của chúng dội lại trong hẻm núi một lúc, rồi mọi thứ yên lặng lại.

Âm thanh gây khiếp hãi cho bọn chúng không lặp lại, nhưng đủ để cho tôi đoán được sự kinh khủng lần khuất trong bóng tối phía sau lưng. Sự sợ hãi chỉ là một khái niệm tương đối, và tôi chỉ có thể đo lường những cảm giác của tôi lúc ấy bởi những gì tôi đã từng trải qua trong những hoàn cảnh nguy hiểm trước đó, nhưng tôi có thể nói mà không xấu hổ rằng nếu những cảm giác mà tôi trải qua trong một vài phút kế tiếp là sự sợ hãi, thì Thượng đế sẽ phù trợ cho những tên hèn nhát, vì sự hèn nhát đã là một bảo đảm cho sự trừng phạt của chính

nó rồi.

Việc nằm tê liệt, lưng quay về mối nguy hiểm khủng khiếp và vô hình nào đó do chính âm thanh đã làm những chiến binh Apache hung hãn phải bỏ chạy tán loạn như một đàn cừu kinh hãi trước một bầy sói dữ, đối với tôi dường như chính là những nỗi kinh hoàng lớn nhất cho một con người đã từng chiến đấu suốt đời bằng mọi sức lực của một thể chất cường tráng.

Nhiều lần, tôi cho là mình đã nghe thấy những tiếng động mơ hồ ở sau lưng như thể có ai đó đang khẽ di động, nhưng cuối cùng chúng tắt hẳn, và tôi nằm đó trầm ngâm mãi về hoàn cảnh của mình. Tôi chỉ có thể ước đoán mơ hồ về nguyên nhân của sự tê liệt, và niềm hy vọng duy nhất của tôi là nó sẽ qua đi cũng nhanh như lúc nó ập xuống người tôi.

Cuối chiều hôm ấy, con ngựa của tôi, vẫn đứng vững yên cương trước hang động, bắt đầu chậm chậm đi xuống con đường, rõ ràng là để tìm thức ăn và nước uống, và tôi nằm lại một mình với một người đồng hành bí ẩn nào đó cùng thi thể của bạn tôi, đang nằm trong tầm mắt của tôi ở rìa hang, nơi tôi đã đặt nó vào buổi sáng.

Từ lúc ấy cho tới khoảng nửa đêm mọi vật đều im lặng, sự im lặng của cái chết; rồi, đột nhiên, tiếng rên kinh khủng lúc sáng chợt đâm nhói tai tôi, rồi từ bóng tối lại có tiếng một vật gì đó di động, cùng với tiếng ào xào như tiếng lá rơi.

Sự kích động đối với hệ thần kinh đã chịu đựng quá mức của tôi trở nên cực kỳ khủng khiếp, và với một nỗ lực siêu nhân, tôi cố gắng vùng thoát khỏi những sợi dây trói buộc vô hình. Đó là một nỗ lực của tinh thần, ý chí và hệ thần kinh; chứ không phải của cơ bắp, vì tôi vẫn không thể cử động ngay cả một ngón tay, nhưng là một nỗ lực tối đa. Và rồi có điều gì đó xảy ra, một cảm giác buồn nôn, một tiếng lách cách như tiếng bật của một sợi dây thép, và tôi đứng lên, lưng dựa vào vách hang động, đối mặt với kẻ thù chưa biết của mình.

Ánh trăng tràn ngập hang động, và trước mặt tôi, thân hình của chính tôi đang nằm như nó đã nằm suốt hàng mấy giờ qua, với đôi mắt nhìn đắm đuối về phía cửa hang và đôi bàn tay sóng soây trên nền đá.

Đầu tiên tôi nhìn vào thân hình không sự sống của tôi trên nền đá của hang động, rồi nhìn lại mình với sự hoang mang tột độ. Bởi vì, ở đó, tôi đang nằm với quần áo trên người, thể nhưng ở đây, tôi lại đang đứng, trần trụi như lúc mới chào đời.

Sự việc quá đột ngột và bất ngờ đến nỗi nó làm cho tôi quên đi mọi điều gì khác trong một lúc, chỉ nghĩ về sự hóa thân kỳ lạ của tôi. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là, vậy đây là cái chết! Tôi đã thật sự mãi mãi chuyển sang một đời sống khác! Nhưng tôi không thể chắc chắn lắm về điều này, vì tôi có thể cảm thấy tim tôi đang đập mạnh trong lồng ngực do sự nỗ lực để tự giải thoát khỏi trạng thái tê liệt vừa rồi. Hơi thở của tôi đang dồn dập từng hơi ngắn, mồ hôi lạnh đang túa ra khắp mọi bộ phận trên người tôi, và kinh nghiệm xưa cũ của một cú tự véo vào người đã vén mở một sự thật rằng tôi là một cái gì đó khác hơn một hồn ma.

Đột nhiên, tôi lại nhớ tới hoàn cảnh thực tại quanh mình bởi sự lặp lại của tiếng rên rì kỳ quái từ đáy sâu của hang động. Trần trường, tay không vũ khí, tôi không muốn đối mặt với vật vô hình đang dọa nạt tôi.

Những khẩu súng ngắn vẫn còn đeo trên thân thể không sự sống của tôi, mà vì một lý do không thể lý giải nào đó, tôi không thể buộc mình chạm tay vào nó. Khẩu các bin còn nằm trong bao, buộc vào yên ngựa, và con ngựa của tôi đã đi mất, tôi không còn phương tiện gì để tự vệ. Lựa chọn duy nhất của tôi dường như là chạy trốn, và tôi quyết định làm như thế, bởi âm thanh lảo xào vẫn lặp đi lặp lại từ một vật gì đó, mà lúc bấy giờ, trong bóng tối của hang động và trong trí tưởng tượng méo mó của tôi, đang bò rón rén tới gần tôi.

Không thể cưỡng lại thôi thúc chạy trốn khỏi cái nơi kinh khủng này, tôi phóng nhanh qua cửa hang ra dưới bầu trời đầy sao của một đêm thanh vùng Arizona. Không khí vùng núi mát lạnh và trong lành như một vị thuốc có công hiệu ngay lập tức, và tôi cảm thấy một đời sống mới, một niềm can đảm mới tràn ngập khắp người. Dừng lại bên bờ vực, tôi tự trách mình vì điều mà đối với tôi lúc bấy giờ dường như là một nỗi sợ hoàn toàn vô lý. Tôi tự lý luận rằng tôi đã nằm vô vọng nhiều giờ trong hang động, thế nhưng chẳng có cái gì quấy nhiễu tôi, và xét đoán của tôi, với những lý do rõ ràng và hợp lý, thuyết phục tôi rằng những tiếng động mà tôi đã nghe ắt hẳn là từ những nguyên nhân tự nhiên đơn thuần và vô hại; có lẽ là cấu tạo của hang động và một cơn gió đã tạo thành những âm thanh đó.

Tôi quyết định sẽ điều tra, nhưng trước hết tôi ngừng đầu lên, hít đầy buồng phổi làn không khí đêm trong trẻo, đầy sinh lực của những ngọn núi. Khi đó, tôi nhìn thấy ở phía xa bên dưới phong cảnh xinh đẹp của hẻm núi đá, và dải đồng bằng rải rác những bụi xương rồng, được ánh trăng biến thành một cảnh tượng diệu kỳ êm ả đầy thu hút.

Ở miền Tây, ít có cảnh tượng nào gây cảm hứng hơn là những vẻ đẹp của một đêm trăng sáng Arizona; những ngọn núi lấp lánh ánh bạc xa xa, những ánh sáng lạ lùng và những bóng sẫm trên những dãy núi nhấp nhô uốn lượn và những dòng kênh, đường nét kỳ lạ của những bụi xương rồng cứng nhắc nhưng xinh đẹp tạo nên một bức tranh tràn đầy cảm hứng mê say; như thể lần đầu tiên người ta thoáng nhận ra một thế giới đã chết đi và bị lãng quên nào đó, rất khác với những cảnh tượng trần gian.

Khi đang đứng trầm ngâm như thế, tôi thoáng nhìn lên bầu trời nơi vô số vì sao đang dệt thành một cái vòm trắng lợt cho những kỳ quan trên mặt đất. Tôi nhanh chóng tập trung chú ý vào một ngôi sao lớn đỏ rực đang nằm sát chân trời xa.

Khi nhìn nó, tôi cảm thấy một sức thu hút quyến rũ đầy mê hoặc - đó là Hỏa tinh - Thần chiến tranh^[3], và đối với tôi, một chiến binh, nó luôn luôn có một sức quyến rũ không thể cưỡng kháng lại. Vào cái đêm đã trôi xa đó, khi tôi nhìn lên nó, dường như nó đang cất một tiếng gọi không thể hình dung được, dỗ dành tôi đến với nó, hút lấy tôi như thời nam châm hút một mảnh sắt con.

Nỗi khao khát của tôi vượt xa khỏi sức cưỡng kháng; tôi nhắm mắt lại, duỗi hai tay hướng về vị thần linh chức nghiệp của tôi và cảm thấy tôi bị hút đi qua khoảng không vô hạn. Đó là một khoảnh khắc của cơn giá lạnh cực kỳ và tối tăm tột độ.

CHƯƠNG III: DU HÀNH TRÊN SAO HỎA

Tôi mở mắt ra, nhìn vào một cảnh quan lạ lùng và kỳ quái. Tôi biết rằng tôi đang ở trên sao Hỏa; tôi không hề tự hỏi về trạng thái thần kinh hay sự tỉnh táo của mình. Tôi không ngủ mơ, không cần phải tự véo mình ở đây; ý thức nội tâm của tôi bảo rằng tôi đang ở trên sao Hỏa cũng đơn giản như ý thức của bạn bảo rằng bạn đang ở trên trái đất. Bạn không cần đặt vấn đề tự hỏi, và tôi cũng vậy.

Tôi thấy mình đang nằm sấp trên một thảm thực vật giống như rêu màu vàng nhạt, trải dài vô số dặm khắp bốn phía xung quanh. Đường như tôi đang nằm trong một trứng đất sâu hình lòng chảo, dọc theo mép ngoài của nó tôi có thể nhận ra những dãy đồi thấp nhấp nhô.

Trời đang giữa trưa, ánh nắng sáng rực rọi xuống tôi và sức nóng của nó khá cao đối với thân thể trần truồng của tôi, tuy nhiên không nóng bằng một sa mạc Arizona trong cùng điều kiện đó. Đây đó nhô lên những quãng đá thạch anh lấp lánh trong ánh nắng, và ở bên phía trái của tôi chừng một trăm mét, hiện ra một bức tường thấp vào khoảng bốn bộ bao quanh một công trình gì đó. Không có nước, không một loài thực vật nào khác ngoài thứ rêu vàng, và vì thấy hơi khát nước, tôi quyết định phải đi vòng quanh thám hiểm đôi chút.

Khi nhô người đứng lên, tôi nhận được sự kinh ngạc đầu tiên về sao Hỏa, vì với lực đó, mà nếu trên trái đất chỉ đủ nâng tôi đứng lên, tôi bay bổng vào không trung với độ cao ba mét. Tuy nhiên, tôi nhẹ nhàng rơi xuống đất trở lại, không chấn động hay lao đảo gì cả. Lúc bấy giờ đã nảy sinh một loạt những thay đổi mà ngay trong thời điểm đó cũng cực kỳ đáng buồn cười. Tôi nhận ra rằng mình phải tập lại cách đi, vì những chuyển động cơ bắp giúp tôi di chuyển dễ dàng và an toàn trên trái đất lại biến tôi trở thành một chú hề nhào lộn trên sao Hỏa.

Thay vì tiến triển theo một cung cách đang hoàng đúng mực, những cố gắng để bước đi của tôi trở thành những bước nhảy lò cò nhiều kiểu, nhắc bổng tôi lên cách mặt đất chừng hai bộ sau mỗi bước và hạ tôi xuống, lúc sắp lúc ngửa sau cú bước thứ hai hoặc thứ ba. Những cơ bắp của tôi, hoàn toàn thích nghi và quen thuộc với trọng lực của trái đất, giờ chơi khăm tôi trong nỗ lực đầu tiên để đối phó với trọng lực và áp suất không khí thấp hơn của sao Hỏa.

Tuy thế, tôi quyết định phải thám hiểm khu tường rào thấp, chứng cứ duy nhất trong tầm mắt về cư dân ở đó. Thế là tôi quay trở lại với một trong những nguyên tắc đầu tiên của sự di chuyển - tôi bò. Tôi thực hiện việc này khá tốt và chỉ trong giây lát đã tới bức tường thấp của vòng đai.

Có vẻ như không có một cửa ra vào hay cửa sổ nào ở phía gần tôi nhất, nhưng vì bức tường chỉ cao khoảng bốn bộ, tôi cẩn thận nhìn qua đỉnh bức tường vào một cảnh tượng lạ lùng nhất mà tôi từng thấy.

Mái của vòng đai là một lớp thủy tinh rắn dày khoảng bốn hoặc năm in-sơ, và bên trong nó là hàng trăm quả trứng lạ lùng, tròn vành vạnh và trắng như tuyết. Chúng gần như bằng nhau với đường kính khoảng hai bộ rưỡi.

Có năm sáu quả trứng đã nở và những bức tranh biếm họa đang ngời nhấp nháy mắt dưới ánh nắng đủ khiến cho tôi nghi ngờ về sự tinh tảo của mình. Chúng hầu như chỉ có cái đầu, với những thân hình bé nhỏ giờ xương, những cái cổ dài, và có sáu chân, hoặc, như sau đó tôi biết, hai chân và hai tay, cùng với một cặp chi trung tính, có thể dùng làm chân hay tay tùy ý thích. Mắt chúng nằm ở hai cực xa nhất của đầu, hơi cao hơn phần giữa mặt và lồi hẳn ra khiến chúng có thể nhìn thẳng về phía trước, sau lưng hoặc ngay cả nhìn một cách độc lập vào nhau, do vậy, cho phép chúng nhìn về bất cứ hướng nào, hoặc nhìn tới hai hướng trong cùng một lúc. Đôi tai, nằm cao hơn đôi mắt một chút, nhỏ nhắn, có hình dáng nhọn như cần ăng-ten, nhô ra không hơn một in-sơ. Mũi của chúng chỉ là những đường rãnh chạy dọc ở giữa khuôn mặt, nằm giữa miệng và tai.

Thân thể chúng không có lông, màu xanh lá cây pha vàng rất nhạt. Ở người trưởng thành, như chẳng bao lâu sau đó tôi biết, màu xanh này đậm hơn, chuyển thành màu xanh ô-liu và sẫm hơn ở những người đàn ông. Ngoài ra, đầu của người trưởng thành không quá to so với cơ thể như ở bọn trẻ con.

Tròng đen mắt màu đỏ như máu, giống những người bị chứng bạch tạng, còn con ngươi thì sẫm tối. Nhãn cầu lại rất trắng, trông như màu răng. Những đặc điểm sau càng làm tăng vẻ hung dữ và đáng sợ, với đôi răng nanh dưới cong ngược lên tới vị trí đôi mắt của một người trái đất. Màu trắng của răng nanh không giống như màu của ngà, mà trắng như tuyết và lấp lánh như đồ sứ. Ngược với màu da xanh của chúng, cặp răng nanh nổi bật lên, càng làm tăng thêm vẻ dữ dằn vốn có.

Phần lớn những chi tiết đó về sau tôi mới để ý, vì tôi chỉ có chút ít thời gian để xem xét những cảnh tượng lạ lùng trong chuyến thám hiểm mới của mình. Tôi thấy rằng những quả trứng đang ở giai đoạn nở, và trong lúc tôi đang đứng nhìn những con quái vật xấu xí bé nhỏ thoát ra khỏi lớp vỏ trứng, tôi không biết rằng một nhóm người sao Hỏa trưởng thành đang tới gần sau lưng tôi.

Họ đến, trên lớp thảm rêu mềm mại trải dài trên toàn bộ bề mặt sao Hỏa, trừ những khu vực đóng băng ở hai cực và những vùng trũng ướt rải rác đó đây. Lẽ ra họ có thể dễ dàng bắt được tôi, nhưng ý định của họ tàn ác hơn nhiều. Chính tiếng va chạm lách cách của những thứ đeo trên người tên chiến binh đi đầu đã báo động cho tôi.

Cuộc sống của tôi khi ấy như chỉ mảnh treo chuông đến nỗi tôi phải kinh ngạc với việc tôi đã dễ dàng tẩu thoát. Nếu không vì khẩu súng trường mà tên trưởng toán rút ra khỏi những cái móc bên cạnh yên ngựa một cách mạnh bạo đến mức đập vào cán của chiếc giáo lớn có mũi kim loại của hắn thì có lẽ tôi đã tiêu đời mà không hề biết cái chết đang tới gần mình. Nhưng tiếng động đã làm tôi quay lại, và cách ngực tôi không đầy mười bộ, là mũi của một ngọn giáo khổng lồ, dài tới bốn mươi bộ, mạ kim loại lấp lánh, đang hạ thấp bên hông của một bản sao giống hệt với những con quỷ con bé xíu mà tôi vừa nhìn khi nãy. Nhưng trông chúng thật yếu ớt và vô hại so với sự hiện

thân to lớn và kinh khủng của lòng thù hận, căm ghét và cái chết lúc này. Người đàn ông, nếu có thể gọi là thế, cao tới mười lăm bộ, và nếu trên trái đất, có thể nặng tới bốn trăm cân Anh.

Hắn ngồi trên con thú cười giống như chúng ta ngồi trên lưng ngựa, bám chặt thân hình con vật bằng những chi dưới, còn đôi tay của hai cánh tay phải đang cầm ngọn giáo không lồ hạ thấp bên hông con vật, hai tay trái của hắn giơ thẳng ra để giữ thẳng bằng, con vật hẳn cười chẳng có yên cương hoặc một thứ gì để dẫn dắt.

Và con vật cười của hắn! Làm sao những từ trần thế có thể mô tả nó! Lưng nó cao hơn mười bộ, mỗi bên có bốn chân, một cái đuôi bẻ to lớn, nhỏ dần về phía cuối, mà nó duỗi thẳng về phía sau khi đang chạy; một cái mõm như đường rãnh chẻ đôi đầu nó kéo dài tới cái cổ dài to lớn.

Giống như chủ nó, nó hoàn toàn không có một sợi lông nào, lớp da đen sẫm mịn và bóng loáng. Bụng nó màu trắng, và những cái chân của nó chuyển từ màu đen ở lưng và hai bên hông sang màu vàng sẫm ở những bộ móng guốc. Chân của nó có một lớp da dày và không đóng móng, do vậy đã góp phần cho sự lặng lẽ không tiếng động khi bọn họ tới gần, và kèm theo là số lượng chân nhiều gấp bội, một đặc điểm riêng biệt của các động vật ở Hòa tinh.

Phía sau tên quái vật đầu tiên là chín tên khác, giống nhau về mọi mặt, nhưng, như sau đó tôi biết, cũng có những đặc điểm cá nhân riêng biệt của chúng; cũng giống như không bao giờ hai người trái đất chúng ta giống hệt nhau, dù chúng ta, ở mọi chủng tộc, đều có cùng một khuôn mẫu. Cảnh tượng, hay đúng hơn, như hình ảnh trong một cơn ác mộng mà tôi vừa mô tả, tạo nên một ấn tượng tức khắc và khủng khiếp khi tôi quay lại nhìn nó.

Trần trụi và tay không tấc sắt, quy luật đầu tiên của tự nhiên tự nó đưa ra giải pháp duy nhất có thể trong tình huống của tôi, đó là tránh ra khỏi tầm của cái mũi giáo đang chĩa tới. Và tôi thực hiện một cú nhảy vừa trần tục vừa siêu nhân lên trên đỉnh của cái lồng ấp trứng của người sao Hỏa. Lúc này tôi đã xác định được nó đúng là một cái lồng ấp trứng.

Nỗ lực của tôi đã được thực hiện với sự thành công không chỉ làm tôi kinh ngạc mà cả đối với những chiến binh sao Hỏa, vì nó nhắc tôi lên không trung ba mươi bộ và tôi hạ xuống đất cách xa khỏi bọn người sao Hỏa một trăm bộ ở phía bên kia cái lồng ấp.

Tôi đáp xuống lớp rêu mềm một cách dễ dàng và không hề hấn gì. Quay lại, tôi thấy kẻ thù đang chạy dọc theo bức tường. Một số tên ngấm nhìn tôi với những biểu hiện mà sau đó tôi phát hiện ra là sự kinh ngạc tột độ, còn những tên khác rõ ràng cảm thấy hài lòng vì tôi đã không làm tổn hại tới bọn trẻ con của chúng.

Chúng thì thăm dò chuyện với nhau, rồi ra những điệu bộ và chỉ về hướng tôi. Việc chúng khám phá ra tôi đã không làm hại đám trẻ con,

và không có vũ khí, giúp chúng nhìn tôi với vẻ ít dữ dằn hơn; nhưng, như sau đó tôi biết, việc nặng cân nhất tạo thuận lợi cho tôi là cú nhảy biểu diễn của tôi.

Người sao Hỏa to lớn, xương cốt của họ cũng rất lớn và họ chỉ vận động tương ứng với trọng lực ở đây. Hậu quả là họ xoay trở chậm chạp và yếu hơn, so với một người trái đất cùng trọng lượng. Tôi còn ngờ rằng nếu đột nhiên một tên trong bọn được đưa tới trái đất hẳn y sẽ không thể nhắc thân người của mình lên khỏi mặt đất. Thực tế, tôi tin chắc là y không thể làm điều đó.

Kỳ công của tôi đúng là tuyệt vời, dù ở sao Hỏa hay trên trái đất. Vì vậy, từ chỗ muốn giết tươi tôi, họ đột nhiên nhìn tôi như vừa phát hiện ra một điều lý thú - bắt giữ tôi để triển lãm cho đồng bào họ xem.

Sự trì hoãn nhờ khả năng linh hoạt bất ngờ của tôi cho phép tôi vạch ra những kế hoạch cấp thời và nhìn kỹ hơn về mặt của bọn người sao Hỏa, vì đầu óc tôi không thể tách những người này khỏi những chiến binh đã đuổi theo tôi ngày hôm trước.

Tôi nhận thấy mỗi tên trang bị nhiều loại vũ khí khác ngoài ngọn giáo lớn mà tôi đã mô tả. Món vũ khí khiến tôi phải quyết định không cố gắng tẩu thoát bằng những cú nhảy là một loại súng trường gài đó, mà tôi cảm thấy có vẻ khá hữu dụng.

Những khẩu súng đó làm bằng một loại kim loại trắng gắn liền với phần báng gỗ, mà sau đó tôi biết là một loại gỗ cứng rất nhẹ và đắt giá trên sao Hỏa, hoàn toàn không có ở trái đất. Kim loại làm thân súng là một hợp kim giữa nhôm và thép mà họ đã biết cách luyện tới một độ cứng hơn nhiều so với thứ thép quen thuộc của chúng ta. Trọng lượng của những khẩu súng này tương đối nhẹ, và với nòng súng nhỏ, thuốc nổ và đạn mà họ sử dụng, với chiều dài của nòng, chúng cực kỳ nguy hiểm, ở những khoảng cách không thể tưởng so với trái đất. Tầm đạn lý thuyết của loại súng này là ba trăm dặm, nhưng trong thực tế khi chúng được trang bị với bộ kính ngắm thì chỉ hơn hai trăm dặm chút ít.

Tầm đạn này quá đủ để tôi thật sự kính nể thứ vũ khí của người sao Hỏa, và một linh cảm nào đó đã ngăn cản tôi không nỗ lực tẩu thoát trong ánh sáng ban ngày dưới hòng của hai mươi khẩu súng chết người này.

Những người sao Hỏa, sau khi nói chuyện với nhau một lúc, quay ra và phi ngựa về hướng họ đã xuất hiện, chỉ để một tên ở lại bên cái lồng ấp trứng. Đi được khoảng hai trăm thước, họ dừng lại, quay ngựa hướng về người lính đang ngồi cạnh chiếc lồng.

Hắn chính là kẻ đã suýt đâm chết tôi, và rõ ràng cũng là người chỉ huy cả bọn, vì tôi nhận thấy dường như cả bọn làm theo sự chỉ đạo của hắn. Khi lực lượng của hắn đã dừng lại, hắn xuống ngựa, ném chiếc giáo và những thứ vũ khí khác xuống, đi vòng theo cạnh cái lồng ấp, trần truồng và tay không giống như tôi, trừ những thứ trang sức gắn trên đầu, tai và ngực.

Khi còn cách tôi chừng năm mươi bộ, hấn tháo một vòng đeo tay bằng kim loại to lớn ra, giơ về phía tôi với lòng bàn tay mở rộng, nói với tôi bằng một giọng rõ ràng, vang vang, nhưng với một ngôn ngữ, mà không cần phải nói cũng biết là tôi không hiểu được. Rồi hấn dừng lại như thể chờ tôi đáp lại, dồng đôi tai nhọn như ăng-ten lên và đảo đôi mắt kỳ lạ nhìn tôi.

Khi sự im lặng trở nên nặng nề, tôi nói lên dăm ba câu, vì tôi đoán rằng hấn ta đang biểu lộ một thái độ hòa bình. Việc vứt bỏ những vũ khí và việc rút lui của toán quân trước khi hấn tiến lại gần tôi bày tỏ một thiện chí hòa bình ở bất kỳ nơi nào trên trái đất, vì vậy, sao không phải là thể trên sao Hỏa!

Đặt một bàn tay lên ngực, tôi cúi người chào gã người sao Hỏa và giải thích với hấn rằng trong khi tôi vẫn không biết thứ ngôn ngữ của hấn, những hành động của hấn đã nói lên ý muốn hòa bình vào lúc đó rất gần gũi với tim tôi. Tất nhiên, tôi chỉ nói lảm nhảm đôi điều cho có lệ, nhưng hấn hiểu hành động đi kèm với những lời nói đó.

Chia bàn tay về phía hấn, tôi tiến tới và cầm lấy cái vòng đeo tay trong lòng bàn tay hấn, đeo vào tay tôi, chỗ phía trên cùi chỏ; mỉm cười với hấn và đứng chờ đợi. Cái mồm rộng của hấn nở ra một nụ cười đáp lễ, và nắm lấy tay tôi bằng một trong những bàn tay của hấn, chúng tôi quay lại chỗ con vật cưỡi. Cùng lúc đó, hấn ra dấu cho bọn thuộc hạ tiến tới. Họ chạy về phía tôi với tốc độ kinh hồn, nhưng được kiểm soát bởi một dấu hiệu của hấn. Hiển nhiên hấn e rằng nếu tôi thực sự bị đe dọa trở lại, tôi có thể nhảy đi mất dạng.

Hấn trao đổi mấy lời với thuộc hạ, ra dấu cho tôi cùng cưỡi sau lưng một người, rồi nhảy lên con thú. Tên được chỉ định đưa tay xuống và nhắc tôi lên ngồi phía hấn, trên tấm lưng đen bóng của con thú, và tôi bám thật chặt vào những sợi dây hay cái móc để treo những thứ vũ khí trang bị của người sao Hỏa.

Cả đoàn quay ra và phi nước kiệu hướng về những dãy đồi xa.

CHƯƠNG IV: BỊ CÀM TÙ

Chúng tôi đi được khoảng mười dặm thì mặt đất bắt đầu dốc lên. Như sau này tôi biết, chúng tôi đang ở gần mép của một trong những cái biển đã cạn từ lâu của sao Hỏa, mà tại đáy của nó, tôi vừa có cuộc chạm trán đầu tiên với những người sao Hỏa.

Trong phút chốc, chúng tôi đặt chân lên những ngọn núi. Sau khi băng qua một ngọn đồi nhỏ hẹp dẫn tới một thung lũng mà đầu bên kia là một cao nguyên, tôi nhìn thấy một thành phố khổng lồ. Chúng tôi cho các con thú phi về hướng đó, vào thành phố bằng một con đường dành cho xe cộ chạy từ thành phố cho tới rìa thung lũng.

Khi đi qua những tòa nhà trên đường, tôi nhận thấy chúng bị bỏ hoang, dù chưa suy tàn lắm, nhưng chắc chắn đã nhiều năm hoặc nhiều thế kỷ không có ai cư ngụ. Ở trung tâm thành phố có một quảng trường rộng, ở đó và trong những tòa nhà mới xung quanh có khoảng chín trăm đến một ngàn người ở.

Ngoại trừ những đồ trang sức, tất cả đều trần truồng. Phụ nữ có vẻ mặt đa dạng nhưng bé nhỏ hơn đàn ông, dù vậy, cặp răng nanh của họ trông to hơn nhiều so với thân hình, ở một vài người chúng uốn ngược lên gần tới chòm tai. Thân hình họ nhỏ hơn, màu da nhạt hơn, những ngón tay và ngón chân có một lớp móng chưa phát triển đầy đủ, điều không có ở những người đàn ông. Những phụ nữ trưởng thành cao từ mười đến mười hai bộ.

Bọn trẻ con có màu da nhạt hơn cả những phụ nữ, và tất cả đều trông giống hệt nhau trước mắt tôi, trừ việc những đứa này cao hơn những đứa kia, chắc do lớn tuổi hơn.

Tôi không thấy dấu hiệu nào của sự già nua ở họ, mà cũng không có một khác biệt nào ở ngoại hình của họ từ tuổi trưởng thành, vào khoảng bốn mươi. Họ sống cho tới một ngàn tuổi, rồi tự nguyện tiến hành cuộc hành hương kỳ lạ cuối cùng xuống dòng sông Iss. Một con sông mà tất cả những người sao Hỏa còn sống đều không biết nó chảy về đâu, và từ lòng của nó chưa từng bao giờ có người quay lại, và dù có thể quay lại từ lòng nước lạnh giá tối tăm của nó, họ cũng không được phép sống sót.

Chỉ có khoảng một phần ngàn người sao Hỏa chết vì ốm yếu hay bệnh tật, và có lẽ chừng hai mươi người tự nguyện hành hương. Số chín trăm bảy mươi chín người còn lại chết trong các cuộc đấu tay đôi, khi đi săn, khi đi trên không và trong chiến tranh. Nhưng có lẽ số tử vong nhiều nhất xảy ra trong thời kỳ chưa trưởng thành, khi mà phần lớn những trẻ con sao Hỏa trở thành nạn nhân của bọn khi đột trưởng khổng lồ.

Tuổi thọ trung bình của một người sao Hỏa sau khi trưởng thành vào khoảng ba trăm năm, nhưng có thể kéo dài tới gần một ngàn năm

nếu không có những nguyên nhân đưa tới cái chết do bạo lực.

Do những nguồn năng lượng của hành tinh đang dần suy kiệt, rõ ràng việc trung hòa tuổi thọ - đang gia tăng do kỹ năng độc đáo của họ trong điều trị học và giải phẫu học - là điều cần thiết, và vì thế, mạng sống của con người sao Hỏa ít được quan tâm, chứng cứ là những trò thể thao nguy hiểm và những cuộc chiến liên miên giữa các cộng đồng khác nhau.

Có những nguyên nhân tự nhiên và nguyên nhân khác đưa đến sự giảm bớt dân số, nhưng không có nguyên nhân nào góp phần lớn cho mục tiêu này bằng việc không người đàn ông hoặc phụ nữ sao Hỏa nào tự nguyện từ bỏ một vũ khí hủy diệt.

Khi đến gần quảng trường và mọi người đã phát hiện ra tôi, ngay lập tức chúng tôi bị bao quanh bởi hàng trăm người dường như đang nôn nóng muốn lôi tôi khỏi chỗ ngồi sau lưng tay vệ sĩ của tôi. Người chỉ huy toán lính thốt lên một tiếng để dập tắt tiếng la hét ầm ĩ của họ, và chúng tôi phi nhanh qua quảng trường tới lối vào của một dinh thự nguy nga chưa từng thấy.

Tòa dinh thự thấp, nhưng có diện tích rất lớn, được xây bằng đá cẩm thạch trắng dát vàng và khảm nhiều loại đá màu lông lánh phản chiếu ánh mặt trời. Lối vào chính rộng khoảng một trăm bộ, phía trên có một mái vòm khổng lồ che kín. Không có những bậc thang, nhưng một lối đi hơi dốc dẫn tới lầu một của tòa nhà, một căn phòng rộng lớn vây quanh bởi những gian trưng bày các thứ đồ nội thất.

Trong phòng đặt rải rác những bộ bàn ghế được chạm khắc công phu. Có khoảng bốn, năm mươi người đàn ông đang tụ tập quanh những bậc thang của một cái bục cao. Ngay giữa bục, một chiến binh cao lớn đang ngồi xổm, trên người ông ta đeo đầy những đồ trang sức bằng kim loại, những chiếc lông màu sắc rực rỡ và những bộ đai da đẹp đẽ trên có đính nhiều loại đá quý. Vài ông ta khoác một tấm áo choàng lông trắng ngắn mép viền lụa tím.

Điều gây thắc mắc cho tôi nhất về đám người này và cái hội trường mà họ đang tụ tập là họ không cân xứng với kích thước của các bộ bàn ghế và các đồ trang trí khác - những thứ này chỉ thích hợp cho những người ở tầm vóc của tôi. Tầm vóc những người sao Hỏa này quá to lớn để có thể ngồi lọt vào những chiếc ghế kia, và cũng không có đủ khoảng trống cần thiết bên dưới mặt bàn cho những đôi chân dài của họ. Như vậy, hiển nhiên là trên sao Hỏa còn có những cư dân khác ngoài những sinh vật to lớn đã bắt giữ tôi. Nhưng những vết tích rất cổ xưa hiện hiện xung quanh tôi cho thấy những tòa nhà này thuộc về một chủng tộc nào đó từng tồn tại cách đây rất lâu và đã rơi vào quên lãng.

Toán lính đã dừng lại ở cửa vào tòa nhà, và theo dấu hiệu của viên chỉ huy, tôi khom người chào. Vẫn khoác tay tôi, h dẫn tôi đi vào căn phòng tiếp khách. Có rất ít nghi thức cần tuân thủ khi tới gần viên thủ lĩnh. Viên chỉ huy toán lính chỉ đơn giản bước lên cái bục cao, những người khác tránh đường cho hắn khi hắn đi tới. Viên thủ lĩnh đứng lên và khẽ hô tên của hắn. Tới lượt mình, hắn cũng dừng lại và hô tên gọi cùng tước vị của ông ta.

Vào lúc ấy, nghi thức và những từ họ chào hỏi nhau không có ý nghĩa gì đối với tôi, nhưng về sau này, tôi biết đó là tập tục chào mừng của những người Hỏa tinh da xanh. Nếu hai người xa lạ nhau, và do vậy không thể trao đổi họ tên, họ sẽ lặng lẽ trao đổi các thứ đồ trang sức, chứng tỏ thái độ hòa bình, nếu không, họ sẽ trao đổi đạn, hoặc đánh nhau với những người kia.

Người bắt tôi, Tars Tarkas, gần như là phó thủ lĩnh của bộ tộc này, và là một người có tài năng trong việc điều hành bộ tộc và trong chiến đấu. Rõ ràng hắn đã giải thích vắn tắt những sự cố liên quan tới chuyến thám hiểm, bao gồm việc bắt được tôi. Khi hắn nói xong, viên thủ lĩnh nói với tôi vài câu gì đó.

Tôi đáp lại bằng thứ tiếng Anh xưa cũ của chúng ta, chỉ nhằm cho ông ta biết giữa hai bên không ai hiểu ai cả, nhưng tôi nhận thấy khi tôi kết thúc câu nói của mình bằng một nụ cười mỉm, ông ta cũng mỉm cười. Sự kiện này, và những điều tương tự xảy ra trong cuộc đối thoại đầu tiên với Tars Tarkas, giúp tôi tin chắc rằng ít nhất chúng tôi cũng có điểm gì đó chung; khả năng mỉm cười, và dĩ nhiên cả cười to; chứng tỏ một tính cách vui vẻ. Nhưng về sau tôi biết rằng nụ cười mỉm của người sao Hỏa chỉ đơn giản là hình thức, và họ cười to là để gây kinh hãi cho những đối thủ hùng mạnh.

Những khái niệm về sự khôi hài vui vẻ ở người Hỏa tinh da xanh khác biệt rất xa với những khái niệm của chúng ta. Đối với những sinh vật lạ lùng này, những nỗi thống khổ của cái chết kích thích niềm vui man dại nhất, còn hình thức giải trí chủ yếu chung của họ là đưa những tù nhân chiến tranh của họ đến cái chết bằng nhiều cách thức đa dạng và khủng khiếp.

Những tù trưởng cùng những chiến binh tụ tập ở đó cẩn thận ngắm nghía tôi, sờ vào các cơ bắp và đo lường độ dày lớp da của tôi. Rõ ràng viên thủ lĩnh rất muốn xem tôi biểu diễn, ông ta ra dấu cho tôi đi theo, rồi cùng Tars Tarkas đi ra phía quảng trường.

Lúc này, tôi không cố bước đi nữa, vì lần thử trước đây của tôi đã thất bại, ngoại trừ lúc đang nắm chặt cánh tay của Tars Tarkas. Vì thế tôi nhảy lung tung giữa những bộ bàn ghế như một con cào cào to tướng. Sau khi tự làm cho mình mấy bầm tím hết - điều làm những người sao Hỏa rất khoái chí, tôi bắt đầu bò trở lại. Nhưng việc này khiến họ thất vọng, và một gã cao lớn thô lỗ, tên đã cười to nhất trước những tai nạn của tôi, nắm lấy tôi giật bổng lên một cách thô bạo.

Khi hắn đặt tôi đứng xuống, bộ mặt của hắn nghiêng xuống gần mặt tôi, và tôi đã làm điều duy nhất mà một con người lịch thiệp sẽ phải làm trong những tình huống bị đối xử thô bạo, không được tôn trọng như một người khách lạ; tôi nện thẳng nắm đấm vào hàm hắn, và hắn ta quỵ xuống như một con bò mộng bị hạ. Khi hắn rơi xuống nền nhà, tôi xoay lưng vào cái bàn gần nhất, sẵn sàng chờ đón sự tấn công trả thù của những đồng bọn hắn, quyết tâm chiến đấu với chúng bằng mọi khả năng, dù không bình đẳng, trước khi tôi phải bỏ mạng.

Tuy nhiên, sự e sợ của tôi không có căn cứ, vì thoạt đầu bọn người sao Hỏa rất kinh ngạc, rồi cuối cùng chúng phá lên những tràng cười

lớn và hoan hô tôi. Khi ấy, tôi không biết kiêu hoan hô đó, nhưng về sau, khi đã quen với những tập tục của họ, tôi hiểu rằng tôi đã chiếm được cảm tình của họ, một biểu lộ của sự tán thành.

Cái gã tôi đã hạ gục vẫn nằm tại chỗ, không tên đồng bọn nào của hắn tới giúp đỡ hắn. Tars Tarkas bước tới gần tôi, giơ một tay ra, và chúng tôi tiến ra quảng trường một cách an toàn. Dĩ nhiên, tôi không biết chúng tôi đến đó vì lý do gì, nhưng tôi sẽ sớm sáng tỏ ngay. Trước tiên, họ lặp đi lặp lại từ “sak” nhiều lần, rồi Tars Tarkas nhảy lên nhảy xuống, lặp lại từ đó sau mỗi bước nhảy, rồi quay sang tôi, ông ta nói: “sak!”. Tôi thấy cả bọn làm theo, và tập trung toàn bộ sức lực, tôi “sak” với một thành công tuyệt vời đến nỗi tôi đã vọt lên cao hơn một trăm năm mươi bộ. Lần này tôi cũng đáp xuống đất một cách thẳng băng. Thế rồi tôi thực hiện những cú nhảy dễ dàng hơn, chừng hai mươi lăm đến ba mươi bộ bên trên nhóm chiến binh.

Cú biểu diễn của tôi đã được hàng trăm người Hỏa tinh tầng lớp thấp hơn chứng kiến, và ngay lập tức họ cũng hét to yêu cầu tôi lặp lại, theo đó, viên thủ lĩnh ra lệnh cho tôi thực hiện, nhưng tôi đang vừa đói vừa khát, và quyết định ngay rằng giải pháp tự vệ duy nhất của tôi là yêu cầu sự tôn trọng, rõ ràng sẽ không được chấp nhận một cách tự giác, của bọn người này. Vì thế, tôi phớt lờ những yêu cầu lặp đi lặp lại “sak”, và cứ mỗi lần họ la lên, tôi lại chỉ vào miệng tôi và xoa xoa vào bụng.

Tars Tarkas và viên thủ lĩnh trao đổi một vài lời, rồi Tars Tarkas gọi một phụ nữ trẻ trong đám đông, nói vài câu chỉ đạo, rồi ra dấu cho tôi đi theo cô ta. Tôi bám chặt cánh tay giơ ra của cô ta rồi cùng băng qua quảng trường, đi về phía một toà nhà lớn ở đầu bên kia.

Người đồng hành tốt bụng của tôi cao chừng tám bộ, vừa mới bước vào tuổi trưởng thành, nhưng chưa đạt hết mức chiều cao có thể. Làn da của nàng màu xanh ô-liu nhạt và mịn màng, bóng láng. Tên nàng, như về sau tôi biết, là Sola. Nàng thuộc vào đoàn tùy tùng của Tars Tarkas. Nàng đưa tôi vào một gian phòng rộng lớn của một trong những tòa nhà hướng mặt ra quảng trường, và với những đồng lụa và da thú chất trên nền nhà, tôi dọn một chỗ ngủ giữa những cư dân khác.

Gian phòng được soi sáng bởi nhiều cửa sổ lớn và được trang hoàng đẹp đẽ với nhiều tranh vẽ và bức khảm, nhưng tất cả dường như đều thuộc vào một thời xa xưa nào đó khó mà lý giải, khiến tôi tin rằng những kiến trúc sư và thợ xây tạo ra những công trình tuyệt diệu này không có gì chung với những kẻ thô lỗ vũ phu đang chiếm lĩnh chúng.

Sola chỉ tôi ngồi xuống một đồng lụa gần trung tâm của gian phòng, rồi nàng quay sang, huýt lên một tiếng kỳ lạ, như để ra dấu cho ai đó ở phòng kế bên. Đáp lại tiếng gọi của nàng, tôi trông thấy, lần đầu tiên, một sinh vật lạ lùng mới của Hỏa tinh. Nó lạch bạch đi trên mười đôi chân ngắn cùn, và ngồi xôm trước cô gái như một con chó con ngoan ngoãn. Con vật có kích thước cỡ một con ngựa nhỏ Shetland, nhưng cái đầu của nó trông tựa như đầu ếch, ngoại trừ việc cái hàm của nó được trang bị bằng ba hàng răng nanh dài và sắc.

CHƯƠNG V: TRỐN KHỎI CON CHÓ

Sola nhìn thẳng vào đôi mắt tinh quái của con vật, lăm bắm ra lệnh, rồi chỉ vào tôi và rời khỏi gian phòng. Tôi tự hỏi cái con quái vật dữ tợn này có thể làm gì khi bị bỏ lại một mình gần một mẫu thức ăn tương đối ngon lành như tôi. Nhưng nỗi sợ của tôi quá thừa, vì con quái vật, sau một lúc chăm chú quan sát tôi, băng qua gian phòng tới cánh cửa duy nhất dẫn tới con đường, và nằm duỗi dài hết thân mình nó qua thềm cửa.

Đây là kinh nghiệm đầu tiên của tôi với một con chó Hòa tinh, nhưng không phải là kinh nghiệm cuối cùng mà định mệnh đã an bài, bởi vì cái con quái đó canh gác tôi rất cẩn thận trong suốt thời gian tôi là tù nhân của những người Hòa tinh da xanh; đã cứu tôi thoát chết hai lần, và không bao giờ chịu rời xa tôi một phút giây.

Trong lúc Sola đi khỏi, tôi tranh thủ xem xét giấy lát căn phòng đang giam giữ tôi. Những bức bích họa mô tả các phong cảnh xinh đẹp và kỳ thú; những ngọn núi, sông, hồ, biển cả, đồng cỏ, cây cỏ và hoa lá, những con đường uốn lượn, những khu vườn ngập nắng - những phong cảnh đều giống với cảnh vật trên trái đất nhưng các loài thực vật có những màu sắc khác hẳn. Những tác phẩm này rõ ràng đã được sáng tác từ một bàn tay bậc thầy, bầu không khí thật vi tế, kỹ thuật vô cùng hoàn hảo, dù là vẽ người hay vật, mà từ đó tôi có thể đoán ra ngoại hình của những cư dân khác của sao Hỏa đã tuyệt chủng.

Trong khi tôi tự cho phép trí tưởng tượng của mình chạy loảng quảng theo những phỏng đoán ngông cuồng để lý giải về những sự dị thường kỳ lạ đã từng chứng kiến trên sao Hỏa cho tới lúc đó, Sola quay lại, mang theo thức ăn và nước uống. Nàng đặt mọi thứ lên nền nhà bên cạnh tôi, rồi ngồi cách tôi một quãng, nhìn tôi chăm chú. Thức ăn bao gồm khoảng một cân Anh một thứ hỗn hợp bơ đặc và gần như không mùi vị, trong khi thứ nước uống rõ ràng là sữa của một con vật gì đó, không hẳn là không ngon, mặc dù hơi chua, và chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, tôi đã đánh giá nó rất cao. Như sau này tôi biết, đó không phải là sữa của một con vật, vì ở sao Hỏa chỉ có một loài có vú, và loài này thật sự rất hiếm, mà được làm từ một loài thực vật lớn có thể mọc không cần nước. Chúng tổng hợp thứ nhựa tuyệt diệu đó từ những chất trong lòng đất, từ hơi ẩm của không khí và ánh sáng mặt trời. Một thân cây này cho được từ tám đến mười lít nhựa mỗi ngày.

Ăn xong, tôi cảm thấy thật khoẻ khoắn, nhưng thấy cần phải nghỉ ngơi, tôi nằm dài trên đồng lụa và nhanh chóng ngủ thiếp đi. Chắc là tôi đã ngủ suốt nhiều giờ, vì khi tôi thức giấc trời đã tối, và tôi thấy rất lạnh. Tôi nhận thấy có ai đó đã ném lên người tôi một tấm da thú nhưng nó đã tuột khỏi người tôi phần lớn. Đột nhiên một bàn tay đưa ra và kéo tấm da trùm lại lên người tôi, rồi kẻ đó trùm lên thêm một tấm nữa. Tôi đoán đó là Sola, và đúng là như vậy. Chỉ có cô gái này, trong số tất cả những người Hòa tinh da xanh mà tôi tiếp xúc, bộc lộ những tính cách của sự cảm thông, lòng tốt và cảm xúc; những chăm sóc của nàng đối với các nhu cầu cơ thể của tôi không bao giờ vơi cạn, và sự quan tâm lo lắng của nàng đã giúp tôi thoát khỏi nhiều đau khổ và thử thách.

Như tôi đã biết, đêm ở sao Hỏa cực kỳ lạnh giá, và vì ở đó thực sự không có khoảng thời gian chạng vạng hay bình minh, những thay đổi về nhiệt độ rất đột ngột, và vô cùng khó chịu, như thể sự chuyển đổi từ giữa trưa sang bóng tối. Trời đêm hoặc là sáng chói chang, hoặc là tối đen như mực, vì nếu không có mặt trăng nào trong hai mặt trăng của sao Hỏa xuất hiện trên bầu trời, trời sẽ vô cùng đen tối, do thiếu bầu khí quyển, đúng hơn, do bầu khí quyển rất mỏng manh; trái lại, nếu cả hai mặt trăng cùng xuất hiện, mặt đất sẽ rất sáng.

Khoảng cách giữa cả hai vầng trăng với Hỏa tinh đều nhỏ hơn nhiều so với khoảng cách giữa mặt trăng của chúng ta với trái đất. Vầng trăng lớn chỉ cách sao Hỏa chừng năm ngàn dặm, còn vầng nhỏ hơn thì cũng chỉ xa thêm chừng bốn trăm dặm nữa, so với khoảng cách giữa mặt trăng của chúng ta và trái đất là gần một phần tư triệu dặm.

Mặt trăng lớn của sao Hỏa xoay tròn một vòng chung quanh nó trong khoảng hơn bảy tiếng rưỡi đồng hồ chút ít, vì thế người ta có thể trông thấy nó lướt qua bầu trời đêm sao Hỏa như một gã khổng lồ hai hoặc ba lần, bộc lộ mọi tuấn trắng của nó trong mỗi chuyến du hành qua bầu trời.

Mặt trăng kia quay quanh sao Hỏa trong khoảng hơn ba mươi giờ mười lăm phút, và cùng với vệ tinh chị em của nó tạo thành một trong những cảnh tượng hùng vĩ, diệu kỳ và quái lạ nhất ở Hỏa tinh. Tự nhiên đã ban bố một cách thừa thãi ánh sáng cho đêm sao Hỏa, vì những người Hỏa tinh da xanh là một chủng tộc du cư và không phát triển lắm về trí tuệ, chỉ có những phương tiện soi sáng thô sơ, chủ yếu là đuốc, một thứ nến và một loại đèn dầu kỳ lạ phát ra khí đốt và cháy mà không cần bắc.

Loại đèn này phát ra một thứ ánh sáng trắng chói chang và lan tỏa khá xa, nhưng thứ dầu tự nhiên để thắp đèn này chỉ có thể tìm thấy ở những vùng mỏ xa xôi và rải rác, những người Hỏa tinh da xanh ít khi sử dụng nó. Họ là những người chỉ nghĩ tới chuyện trước mắt, và sự cảm ghét lao động chân tay của họ đã giữ họ trong trạng thái bán dã man trong vô số thế kỷ.

Sau khi được Sola đắp thêm chăn, tôi lại ngủ tiếp cho tới tận sáng hôm sau. Có năm người khác cùng ở trong phòng, tất cả đều là phụ nữ, và họ vẫn còn đang ngủ dưới những lớp chăn lụa và lông da thú nhiều màu sắc sỡ. Nằm vắt qua thêm công là con chó vẫn tỉnh thức, như lần cuối tôi nhìn thấy nó hôm qua; hiển nhiên là nó không động dậy chút xíu nào. Nó giương đôi mắt nhìn tôi, và tôi tự hỏi nếu tôi tìm cách bỏ trốn thì chuyện gì có thể xảy ra.

Tôi luôn có xu hướng mạo hiểm, điều tra và thử nghiệm trong những lúc mà một người thông minh chỉ muốn được yên thân. Do vậy, lúc này tôi nghĩ cách chắc ăn nhất để biết chính xác thái độ của con quái thú đối với tôi là cố thử rời khỏi căn phòng. Tôi chắc rằng nếu tôi thoát được ra ngoài, nó sẽ không thể đuổi kịp tôi, vì tôi là một tay nhảy cao vô địch. Ngoài ra, tôi có thể nhận thấy, với những đôi chân ngắn cùn đó, nó không thể nào là một vận động viên nhảy cao hay chạy điền kinh cừ khôi được.

Chậm rãi và cẩn thận, tôi đứng lên, và thấy kẻ canh gác tôi cũng làm điều tương tự. Tôi thận trọng tiến về phía nó, thấy rằng nếu đi theo

kiểu lê từng bước, tôi có thể giữ được thăng bằng cũng như đi với tốc độ khá nhanh. Khi tôi tới gần hơn, nó cảnh giác lùi ra xa tôi, và khi tôi đi tới cửa, nó tránh sang một bên để tôi đi qua. Khi tôi đi dọc theo con đường vắng vẻ, nó lờ đờ đi theo ở quãng cách chừng mười bước

Hiển nhiên nhiệm vụ của nó chỉ là bảo vệ tôi, tôi nghĩ, nhưng khi tôi tới rìa thành phố, nó đột ngột phóng ra phía trước tôi, rít lên những tiếng kêu lạ lùng và nhe những chiếc nanh sắc nhọn xỉ kinh khủng của nó ra. Nghĩ rằng có thể chơi khăm nó đôi chút, tôi đi nhanh về phía nó, và khi gần như sắp chạm vào nó tôi phóng thẳng lên không trung, đáp xuống ở cách xa nó và ở phía ngoài thành phố. Nó lồng lên và đuổi theo tôi với một tốc độ đáng sợ sốt mà tôi từng chứng kiến. Tôi đã tưởng mấy đôi chân ngắn ngủn đó rất chậm chạp, thế nhưng nếu so với tốc độ của nó với tốc độ của những con chó săn thỏ, thì những con vật nói sau này chỉ như đang nằm ngủ trên một tấm thảm lót nhà. Sau này tôi biết rằng đây là con vật chạy nhanh nhất Hòa tinh, và với sự thông minh, lòng trung thành và sự dũng cảm, chúng được những người sao Hòa dùng để đi săn, chiến đấu và bảo vệ.

Tôi nhanh chóng nhận thấy khó mà thoát khỏi bộ nanh của con vật nếu chạy theo đường thẳng, vì thế tôi quay lại và nhảy qua đầu nó khi nó gần như sắp tóm được tôi. Cử ngoặt này tạo cho tôi một lợi thế đáng kể, và tôi có thể tới thành phố trước nó một chút. Khi nó lao theo tôi, tôi nhảy lên một cái cửa sổ ở mặt tiền của một trong những tòa nhà nhìn xuống thung lũng, cách mặt đất chừng ba mươi bộ.

Tôi nắm ngưỡng cửa và đu người ở tư thế ngồi, không nhìn vào tòa nhà mà ngó xuống con vật bên dưới. Tuy nhiên, sự hân hoan của tôi thật ngắn ngủi, vì hầu như ngay lúc tôi ngồi lên ngưỡng cửa một cách an toàn, một bàn tay khổng lồ tóm lấy cổ tôi từ phía sau và thô bạo lôi tôi vào trong. Tôi bị ném té ngửa ra, và nhìn thấy trước mặt tôi một sinh vật gì đó trông như loài khi đột khổng lồ, màu trắng và không có lông ngoại trừ một chòm lông dựng đứng ngay trên đầu của nó.

CHƯƠNG VI: CUỘC CHIẾN ĐẤU VÀ TÌNH BẠN

Sinh vật này trông gần giống với người trái đất hơn là những người Hòa tinh mà tôi đã gặp. Nó đè chặt tôi xuống nền nhà bằng một bàn chân to tướng trong lúc lúng búng kêu và chỉ tỏ ra dấu gì đó với một ai đó ở sau lưng tôi. Sinh vật kia, chắc chắn là bạn của nó, tiến ra trước mặt tôi ngay sau đó, tay cầm một cái dùi cui có lẽ làm bằng đá mà rõ ràng là nó sẽ dùng để nện vỡ đầu tôi.

Hai sinh vật này cao khoảng mười đến mười lăm bộ, đứng thẳng lưng, và cũng giống những người Hòa tinh xanh, chúng có một đôi tay trung tính, nằm giữa hai chi trên và hai chi dưới. Mắt chúng nằm gần nhau và không lồi; đôi tai nhô cao nhưng nằm dịch về hai bên đầu hơn là những người Hòa tinh xanh. Mồm và răng của chúng giống như của loài khỉ đột châu Phi. Nói chung, chúng dễ nhìn hơn nhiều so với những người Hòa tinh da xanh.

Chiếc dùi cui đang vẽ thành một vòng cung, mà điểm kết thúc là bộ mặt đang ngẩng lên của tôi, chợt một cái bóng khổng lồ khủng khiếp với vô số chân lao bổ vào ngực của hai kẻ sắp hành hình tôi. Con khỉ đột hét lên một tiếng kinh hãi rồi bỏ mặc tôi, nhảy vọt qua ô cửa sổ mở, nhưng bạn của nó bị dính vào một cuộc đánh nhau chí tử với kẻ bảo vệ của tôi, chính là con vật canh gác trung thành. Tôi chụm chân đứng dậy thật nhanh rồi lui lại sát tường, theo dõi một trận đánh ly kỳ hiếm có. Sức mạnh, sự linh hoạt và sự dã man của hai con vật này vượt khỏi sự hiểu biết của người trên trái đất. Con chó của tôi chiếm ưu thế, đang cảm ngập bộ nanh của nó vào ngực đối thủ, nhưng cánh tay vạm vỡ và nắm đấm to lớn của con khỉ đột, to hơn nhiều so với những người Hòa tinh tôi đã gặp, đã khoá chặt cổ họng kẻ bảo vệ cho tôi, chậm rãi xiết lại, kẹp sát đầu và cổ của đối thủ vào ngực nó. Và tôi tưởng chừng như con chó sắp chết nghẹt với cái cổ gãy rời.

Trong lúc đó, toàn bộ phần trước ngực của con khỉ đột bị xé toang, nằm trong bộ hàm khoẻ mạnh như một gọng kềm. Chúng lăn lộn vòng vòng trên sàn nhà, không con nào thốt ra một tiếng kêu sợ hãi hay đau đớn. Lúc này, tôi nhìn thấy đôi mắt to của con chó lồi hẳn ra ngoài và máu trào ra từ mũi nó. Rõ ràng nó đang yếu dần đi, nhưng cả con khỉ đột cũng thế, sức chiến đấu của nó giảm dần.

Đột nhiên tôi ngộ ra một điều, và với bản năng lạ lùng luôn thôi thúc tôi làm bổn phận của mình, tôi nắm lấy cái dùi cui đã rơi xuống sàn lúc bắt đầu cuộc đánh nhau. Rồi vung nó lên với toàn bộ sức lực của mình, tôi giáng chiếc dùi cui vào đầu con khỉ đột, nện vỡ toang đầu nó như một cái vỏ trứng.

Ngay khi cú nện hạ xuống, tôi phải đối mặt với một nguy cơ mới. Bạn của con khỉ, lấy lại tinh thần sau cơn hoảng hốt, đã quay trở lại bằng lối dưới của tòa nhà. Tôi nhìn thấy nó ngay đúng lúc nó bước qua cửa ra vào. Nó gầm lên khi phát hiện xác chết của bạn nó trên sàn, bọt mép sùi ra. Con cuồng nộ dữ dội của nó, phải thú nhận, đã khiến tôi cảm thấy trước những điều thảm khốc.

Tôi luôn sẵn sàng đứng lên và chiến đấu khi kẻ địch không quá áp đảo, nhưng trong trường hợp này, tôi nhận thức rằng chẳng có vinh

quang hay lợi ích gì khi đem sức mạnh bé nhỏ của tôi ra đối chọi với những cơ bắp rắn như thép và sự hung hăng tàn bạo của con vật này. Thực sự, kết quả duy nhất của một cuộc chạm trán như thế, theo tôi biết, hình như cái chết bất ngờ.

Tôi đang đứng gần cửa sổ và tôi biết khi đã ở trên đường tôi có thể trở lại quảng trường an toàn trước khi con vật này có thể chop được tôi. Ít nhất cũng có một cơ may an toàn trong việc chạy trốn, hơn là cái chết chắc chắn nếu tôi ở lại và chiến đấu một cách tuyệt vọng.

Đúng là tôi đang cầm cái dùi cui, nhưng với nó tôi có thể làm được gì khi chống lại bốn cánh tay vạm vỡ? Ngay cả khi tôi đập gãy một cánh tay với cú quất đầu tiên, tôi biết rằng nó sẽ cố giành lại cái dùi cui, nó có thể vươn tay ra và tiêu diệt tôi trước khi tôi có cơ hội tấn công cú thứ hai.

Trong khoảnh khắc mà những ý nghĩ này lướt nhanh qua đầu tôi, tôi đã quay về phía cửa sổ, nhưng ánh mắt tôi, khi lướt qua thân hình của kẻ bảo vệ trung thành, đã quét sạch mọi ý nghĩ chạy trốn của tôi. Nó nằm thờ thoi thóp trên sàn nhà, đôi mắt to lớn của nó nhìn vào tôi như van nài một sự bảo vệ. Tôi không chịu đựng nổi ánh mắt đó, tôi cũng không thể bỏ mặc kẻ đã cứu tôi mà không gắng hết sức mình, như nó đã hành động.

Thế là, không do dự nữa, tôi quay lại đón tiếp sự tấn công của con khi đột đang nổi điên. Lúc này nó đã đến gần sát tôi đến mức cái dùi cui xem ra không còn tác dụng mấy, vì thế, tôi lấy hết sức ném mạnh nó vào thân hình to lớn của con vật. Nó đập vào phía dưới đầu gối của con khi đột, gây nên một tiếng rú đau đớn và giận dữ, và khiến cho nó mất thăng bằng, ngã úp vào tôi với đôi tay dang rộng.

Một lần nữa, như ngày hôm trước, tôi sử dụng những chiến thuật trên trái đất, giáng một cú đấm ngược lên cằm của nó, tiếp theo tôi quất một cú tay trái vào ức nó. Kết quả thật tuyệt vời, vì, khi tôi bước né sang một bên, nó lao đảo và té quỵ xuống sàn nhà vì đau đớn và nghệt thở. Nhảy qua thân hình co quắp của nó, tôi lượm cái dùi cui lên và kết thúc con quái vật trước khi nó có thể đứng lên.

Khi tôi giáng dùi cui xuống, một tiếng cười trầm trầm vang lên ở sau lưng tôi, và, quay lại, tôi trông thấy Tars Tarkas, Sola và ba bốn chiến binh khác đang đứng ở lối ra vào. Khi mắt tôi chạm vào ánh mắt họ, lần thứ hai, tôi đón nhận sự sột sắng hoan nghênh của họ.

Sola đã phát hiện ra sự vắng mặt của tôi khi thức giấc, và nàng đã nhanh chóng báo cho Tars Tarkas. Ngay lập tức ông ta lên đường với một nhóm chiến binh để tìm tôi. Khi họ tới ranh giới của thành phố, họ đã nhìn thấy con khi đột đang giận dữ sùi bọt mép lao vào toà nhà.

Họ đã theo sau nó ngay lập tức, nghĩ rằng những hành động của nó chứng tỏ có manh mối liên quan tới việc tôi đang ở nơi đâu, sau đó đã chứng kiến cuộc chiến ngắn ngủi nhưng quyết liệt của tôi với nó. Cuộc chạm trán này, cộng với cuộc ẩu đả với tay chiến binh ngày hôm trước và tài nhảy nhót của tôi đã đưa tôi lên tột đỉnh trong lòng kính trọng của họ. Hiển nhiên là thiếu vắng tất cả những tình cảm tốt

đẹp hơn của tình bạn, tình yêu hay lòng say đắm, những con người này chỉ tôn thờ lòng dũng cảm, và không có điều gì có thể trở thành đối tượng của sự sùng mộ của họ tốt cho bằng một người luôn giữ vững vị trí bằng những ví dụ lặp đi lặp lại về kỹ năng, sức mạnh và sự dũng cảm của mình.

Sola, người cùng đi với toán quân tìm kiếm một cách tình nguyện, là người duy nhất trong số những người Hòa tinh không há miệng cười to khi tôi đang chiến đấu sống còn. Trái lại, nàng rất nghiêm nghị với sự lo lắng rõ rệt, và ngay khi tôi hạ được con quái vật, nàng chạy ào tới bên tôi và xem xét cẩn thận thân thể tôi để tìm những vết thương. Khi thấy tôi vẫn không hề xây xước, nàng hài lòng và nở một nụ cười lặng lẽ, rồi nắm lấy tay tôi bước ra cửa.

Tars Tarkas và các chiến binh khác đã đi vào và đứng quanh con vật đang nhanh chóng hồi phục. Đường như họ đang tranh luận sôi nổi điều gì đó, cuối cùng, một người quay sang nói với tôi, rồi chợt nhớ ra tôi không biết thứ ngôn ngữ đó, hẳn quay sang Tars Tarkas. Tay chỉ huy với một từ và cử chỉ, ra một mệnh lệnh gì đó cho hắn và quay lại đi theo chúng tôi.

Đường như có một mối đe dọa nào đó trong thái độ đối với con vật, và tôi ở lại chờ xem kết quả ra sao. May mà tôi đã làm điều đó, vì gã chiến binh đã rút một khẩu súng ngắn ra khỏi bao và định kết liễu nó. Tôi nhào tới và hất tay hắn. Viên đạn cắm vào lớp gỗ ở cửa sổ, tạo thành một lỗ hổng trên gỗ và tường.

Rồi tôi quỳ xuống bên cạnh con vật trông có vẻ đang sợ hãi, và nâng nó đứng lên, tôi ra dấu cho nó theo tôi. Những cái nhìn ngạc nhiên mà hành động của tôi đã gợi nên ở những người sao Hỏa thật là lỗi bịch. Họ không thể hiểu, ngoại trừ theo một cách thức rất ngây ngô lơ tơ mơ, về những tính cách như lòng biết ơn và sự thông cảm. Tay chiến binh bị tôi hất súng nhìn Tars Tarkas dò hỏi, viên phó thủ lĩnh ra dấu cứ để mặc cho tôi lo liệu. Thế là chúng tôi quay ra quảng trường với con vật to lớn đi theo sát gót chân, và Sola khoác chặt cánh tay tôi.

Ít nhất, tôi đã có hai người bạn trên sao Hỏa: một người thiếu nữ chăm sóc tôi với lòng lo lắng của một bà mẹ, và một con vật ngắn ngủn bè bè, mà sau này tôi biết, ẩn bên trong cái thân xác xấu xí đó là tình yêu, sự trung thành và lòng biết ơn nhiều hơn hẳn so với toàn bộ năm triệu người Hòa tinh da xanh lang thang khắp những thành phố hoang vắng, khắp những đáy biển cạn của sao Hỏa.

CHƯƠNG VII: VIỆC NUÔI CON Ở HỎA TINH

Sau buổi điểm tâm - hết như bữa ăn hôm trước, và cũng sẽ là thực đơn thường trực cho những ngày sau đó, khi tôi còn sống với những người Hỏa tinh da xanh - Sola hộ tống tôi tới quảng trường. Tại đó, tôi thấy toàn thể cộng đồng đang nhìn ngó hoặc góp tay vào việc thắng những con thú khổng lồ vào những cỗ xe lớn ba bánh. Có khoảng hai trăm năm mươi cỗ xe như vậy, mỗi cỗ xe thắng một con thú. Theo vóc dáng của chúng, chúng có thể kéo một cách dễ dàng cả một cỗ xe được chất đầy.

Những chiếc xe rất lớn, rộng rãi và được trang trí lộng lẫy. Trong mỗi xe có một phụ nữ đeo trang sức, vàng vòng, khoác những tấm lụa là và da lông thú, và sau lưng mỗi con thú kéo xe là một người đánh xe trẻ. Cũng giống như những con thú mà các chiến binh cưỡi, mấy con thú này không mang hàm thiếc mà cũng chẳng có dây cương, chỉ được dẫn dắt bằng các phương tiện ngoại cảm.

Khả năng này phát triển một cách kỳ diệu trong mọi người dân sao Hỏa, và lý giải cho sự đơn giản của ngôn ngữ cũng như những trao đổi tương đối ít từ ngữ ngay cả trong những cuộc đối thoại dài. Nó chính là ngôn ngữ phổ quát của Hỏa tinh, mà qua trung gian của nó các sinh vật bậc cao nhất và thấp nhất của thế giới ngược đời này có thể trao đổi thông tin ở một mức độ nhiều hay ít, tùy thuộc vào phạm vi trí năng của mỗi loài và sự phát triển của từng cá thể.

Khi đoàn xe tiến lên theo hàng dọc, Sola kéo tôi lên một chiếc xe trống và chúng tôi tiến về hướng mà từ đó tôi đã đi vào thành phố ngày hôm trước. Ở đầu đoàn xe có khoảng hai trăm kỵ binh, bên hông năm trăm và khoảng hai trăm hộ tống phía sau. Và có khoảng hai mươi lăm đến ba mươi kỵ binh mở đường ở cả hai bên cánh.

Mọi người, nam nữ, trẻ con, trừ tôi ra, đều trang bị vũ khí tới tận răng, và ở sau đuôi mỗi chiếc xe là một con chó săn, con chó của tôi cũng chạy sát sau lưng chiếc xe của tôi. Thực sự, con thú trung thành này chưa bao giờ tự nguyện rời khỏi tôi trong suốt mười năm tôi sống trên sao Hỏa. Chúng tôi đi qua cái thung lũng nhỏ phía trước thành phố, băng qua những ngọn đồi và xuôi xuống đáy biển cạn mà tôi đã đi qua từ chỗ cái lồng ấp trứng. Như dự đoán, cái lồng ấp trứng chính là điểm đến của cuộc hành trình hôm ấy. Và khi cả đoàn xe lòng lên phi nước đại ở vùng trũng của đáy biển, chẳng mấy chốc chúng tôi đã nhìn thấy cái lồng ấp.

Khi tới nơi, những cỗ xe đậu lại với sự chính xác như đội hình quân ngũ ở bốn phía của cái lồng ấp, và phân nửa số chiến binh, dẫn đầu là các tù trưởng, bao gồm Tars Tarkas và một số tù trưởng khác có cấp bậc thấp hơn tiến tới cái lồng ấp. Tôi thấy Tars Tarkas giải thích gì đó với viên thủ lĩnh, tên của ông ta, với mọi cố gắng diễn dịch sang tiếng Anh của tôi, gần như là Lorquas Ptomel, Jed (Tạm dịch là Phó vương). Jed là tước hiệu của ông ta.

Chẳng bao lâu sau, tôi nhận định được đối tượng của cuộc đối thoại, khi Tars Tarkas gọi và ra dấu cho Sola đưa tôi đến. Lần này tôi đã

làm chủ được những rắc rối trong việc đi bộ trên sao Hỏa. Nhanh chóng thực hiện yêu cầu của ông ta, tôi tiến tới cạnh lồng ấp nơi các chiến binh đang đứng.

Khi tới nơi, tôi liếc thấy chỉ còn một ít trứng chưa kịp nở, cái lồng ấp khá sống động với những đứa nhóc con xấu xí. Chúng cao từ ba đến bốn bộ, quanh quẩn đi lại không ngừng trong lồng như đang tìm kiếm thức ăn.

Khi tôi đến đứng trước mặt, Tars Tarkas chỉ vào lồng và nói: “Sak!” Tôi thấy ông ta muốn tôi lặp lại cú biểu diễn hôm qua cho Lorquas Ptomel thấy. Tôi đáp lại nhanh chóng, nhảy qua những cỗ xe đang đậu ở phía bên kia cái lồng ấp. Khi tôi quay lại, Lorquas Ptomel nhe răng cười nói với tôi điều gì đó, và rồi quay sang ra lệnh cho các chiến binh lo liệu công việc liên quan đến cái lồng. Họ không để ý đến tôi nữa, do vậy tôi tới gần và quan sát các hoạt động của họ, bao gồm việc phá một lối đi trên bức tường để để những đứa bé sơ sinh thoát ra.

Những thanh niên nam nữ đứng ở hai bên lối ra, tạo thành một bức tường người kéo dài qua khỏi những cỗ xe, tới tận đồng cỏ ngoài xa. Giữa hai bức tường đó, mấy đứa trẻ con sao Hỏa bò lồm ngồm, rồi lần lượt từng đứa một được những thiếu nữ và thanh niên giữ lấy, cho tới lúc tất cả bọn trẻ đã ra khỏi lồng ấp và được đón nhận. Khi đã đón bọn trẻ, những người phụ nữ rời khỏi hàng, quay lại xe của mình, còn những đứa lọt vào tay bọn trai trẻ sau đó cũng được giao lại cho những người phụ nữ.

Sau đó nghi lễ, nếu có thể gọi là như thế, kết thúc. Tôi tìm Sola và thấy nàng ngồi trong xe của chúng tôi với một đứa bé xấu xí trên tay.

Công việc giáo dưỡng bọn trẻ con của người Hòa tinh da xanh chỉ bao gồm dạy cho chúng nói và sử dụng các thứ vũ khí mà chúng sẽ phải mang ngay từ năm đầu đời. Chúng nằm trong trứng suốt thời gian ấp trứng năm năm, rồi bước ngay vào thế giới trưởng thành, ngoại trừ kích thước thân hình. Chúng hoàn toàn không biết mẹ chúng là ai. Cả những người mẹ đó cũng chẳng thể chỉ ra chính xác ai là cha chúng. Chúng là con chung của cả cộng đồng, và việc dạy dỗ chúng tùy thuộc vào những phụ nữ đã tiếp nhận chúng lúc chúng ra khỏi lồng ấp.

Những người mẹ nuôi này có khi chẳng có quả trứng nào trong lồng ấp, và đó cũng là trường hợp của Sola. Nàng chưa bắt đầu đẻ trứng, và trở thành mẹ của con một người khác. Điều này lý giải vì sao người Hòa tinh da xanh không biết tới tình cảm cha mẹ con cái giống chúng ta. Tôi tin rằng cái cơ chế kinh khủng đã được thực hiện qua nhiều thế kỷ này là nguyên nhân trực tiếp cho sự đánh mất mọi cảm giác tốt đẹp và các bản năng nhân tính cao cấp của những sinh vật nghèo nàn này. Từ khi sinh ra, họ đã không biết tình yêu của cha mẹ, họ không hiểu ý nghĩa của từ gia đình. Họ được dạy bảo rằng họ chỉ gánh chịu cuộc sống cho tới khi họ có thể chứng tỏ bằng thể chất và sự dã man rằng họ thích ứng được với cuộc sống. Nếu họ tỏ ra có khuyết tật hay nhược điểm, họ sẽ bị bắn chết ngay, và họ cũng không hề nhìn thấy một giọt nước mắt nào rơi trong suốt những năm gian khổ và tàn nhẫn mà họ trải qua ngay từ lúc sơ sinh.

Tôi không có ý nói rằng người sao Hỏa trưởng thành tàn nhẫn một cách không cần thiết hoặc vô tình đối với bọn trẻ con, vì việc tồn tại trên một hành tinh khô chết chính là cuộc chiến đấu khó khăn và tàn nhẫn. Mọi tài nguyên thiên nhiên đã suy kiệt đến mức việc cung cấp cho mỗi cuộc sống mới mang ý nghĩa là một món thuế thêm vào cho cộng đồng mà nó rơi vào.

Họ chọn lựa cẩn thận và chỉ nuôi những cá thể khoẻ mạnh nhất, và với một khả năng dự báo gần như siêu nhiên, họ ấn định tỷ lệ sinh sản vừa đúng để bù lại cho con số tử vong.

Mỗi phụ nữ sao Hỏa trưởng thành đẻ chừng ba mươi trứng mỗi năm, và những trứng đạt được các tiêu chí về kích thước, trọng lượng và qua được những cuộc kiểm tra nghiêm túc được giấu vào những cái hầm kín đáo dưới lòng đất, nơi mà nhiệt độ thấp không đủ để làm trứng nở. Hàng năm, một hội đồng gồm hai mươi tù trưởng sẽ kiểm tra cẩn thận những quả trứng này, và tất cả đều bị hủy đi trừ một trăm quả trứng tốt nhất. Vào cuối mỗi quãng thời gian năm năm, khoảng năm trăm quả trứng tốt nhất được chọn ra từ hàng ngàn quả được đẻ ra. Những trứng này sau đó được đưa vào những cái lồng ấp kín gió và được ấp bằng ánh mặt trời thêm năm năm nữa. Cuộc nở trứng mà chúng ta chứng kiến hôm nay là một sự kiện minh họa cho kiểu đó, khoảng 99% số trứng nở trong vòng hai ngày. Nếu số còn lại tiếp tục nở chúng ta cũng không biết số phận của bọn trẻ này sẽ ra sao. Chúng bị loại bỏ, vì con cái của chúng cũng sẽ kế thừa và di truyền lại khuynh hướng lâu nở, và do đó sẽ gây rắc rối cho một hệ thống đã tồn tại từ lâu, cho phép những người Hỏa tinh trưởng thành xác định thời gian chính xác để quay lại những cái lồng ấp, gần như chỉ trong phạm vi một giờ đồng hồ.

Những cái lồng ấp được xây dựng ở những nơi xa xôi hẻo lánh, nơi không có hoặc rất ít có khả năng những bộ tộc khác phát hiện ra sự tồn tại của chúng. Kết quả của một thảm họa như thế đồng nghĩa với việc sẽ không có trẻ con trong cộng đồng suốt năm năm tới. Sau này tôi đã chứng kiến những thảm họa của việc phát hiện ra một lồng ấp của một chủng tộc khác.

Cộng đồng này của dân Hỏa tinh da xanh có khoảng ba mươi ngàn người. Họ sống lang thang khắp vùng đất sơn địa và bán sơn địa nằm giữa vĩ độ nam bốn mươi và tám mươi, và giáp với hướng đông và hướng tây bởi hai vùng đất phì nhiêu. Thủ phủ của họ nằm ở góc tây nam của vùng đất, gần chỗ giao nhau của hai con kênh đào.

Vì lồng ấp được đặt ở hướng bắc, cách xa nơi ở của họ, trong một khu vực vắng vẻ ít người lui tới, chúng tôi phải vượt qua một chặng đường dài.

Sau khi quay lại thành phố chết, tôi trải qua nhiều ngày tương đối nhàn rỗi. Ngay hôm sau đó, tất cả các chiến binh đã cưới những con thú ra đi từ sớm và tới khi trời sụp tối mới quay trở lại. Như sau này tôi biết, họ đã tới những lò ấp ngầm dưới đất nơi giữ các quả trứng để chuyển chúng tới cái lồng ấp mà họ đã xây tường bao quanh để ấp trứng thêm năm năm, và trong thời gian đó, họ sẽ không tới đó lần nào nữa.

Những lò ấp ngầm được đặt cách nhiều dặm về phía nam của cái lồng ấp, và hàng năm hội đồng gồm hai mươi tù trưởng sẽ tới thăm nom nó. Lý do vì sao họ không dựng những cái lò ngầm và lồng ấp gần nơi ở luôn là một điều bí mật đối với tôi, và cũng giống như những bí ẩn khác của người sao Hỏa, là không thể hiểu được theo những nguyên do và phong tục của người trên trái đất.

Nhiệm vụ của Sola giờ đây tăng gấp đôi, vì nàng phải chăm sóc cho đứa bé Hỏa tinh cũng như cho tôi, nhưng cả hai chúng tôi đều không đòi hỏi nhiều quan tâm cho lắm, và vì cả hai đều có trình độ học vấn ngang nhau trên sao Hỏa, Sola tự đứng ra huấn luyện cho chúng tôi.

Thằng bé của nàng cao khoảng bốn bộ, rất khỏe và hoàn hảo về thể chất. Nó cũng học hỏi rất nhanh, và chúng tôi khá là vui vẻ, ít nhất là với tôi, trong sự ganh đua mà chúng tôi thể hiện. Ngôn ngữ sao Hỏa, như đã nói, cực kỳ đơn giản. Chỉ trong một tuần tôi đã có thể nói được hầu hết những điều mình muốn và hiểu hầu hết những gì người khác nói với tôi. Tương tự, dưới sự giám hộ của Sola, tôi đã phát triển khả năng ngoại cảm để nhận thức mọi thứ xung quanh.

Điều làm Sola ngạc nhiên nhất là trong khi tôi có thể dễ dàng hiểu được những thông điệp ngoại cảm của mọi người, thông thường là khi họ không định gửi chúng tới tôi, không một ai có thể đọc được tí tẹo nào những gì tôi nghĩ, dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào. Lúc đầu, điều này làm tôi bức mình, nhưng sau đó tôi lại rất vui mừng, vì nó tạo cho tôi một lợi thế rõ rệt đối với những người sao Hỏa.

CHƯƠNG VIII: NGƯỜI NỮ TÙ XINH ĐẸP

Ngày thứ ba sau lễ hội ở lồng ấp chúng tôi đang trên đường trở về nhà. Chợt người dẫn đầu đám diễu hành né tránh khoảng đất trống phía trước thành phố và ra lệnh cho mọi người nhanh chóng quay lại ngay lập tức. Như đã được huấn luyện nhiều năm về việc này, những người Hỏa tinh da xanh tan chảy như một đám sương mù vào bên trong những cánh cửa của các tòa nhà gần đó. Trong không đầy ba phút, không còn thấy toàn bộ đoàn xe, các con thú kéo xe và những chiến binh đâu nữa.

Sola cùng tôi đi vào một ngôi nhà ở phía trước thành phố, trên thực tế chính là ngôi nhà mà tôi đã chạm trán với bọn khi đột. Để tìm hiểu nguyên nhân của cuộc thoái lui đột ngột này, tôi đi lên tầng trên và nhìn từ cửa sổ ra thung lũng và những ngọn đồi bên ngoài, và ở đó tôi nhìn thấy nó. Một chiếc tàu bay lớn, dài, thấp, sơn xám, đang chậm chạp đu đưa trên đỉnh của ngọn đồi gần nhất. Theo sau nó là một chiếc khác, rồi một chiếc khác nữa, cho tới lúc cả hai mươi chiếc tàu bay hạ cánh trên mặt đất, chậm rãi và đường bộ lướt tới chỗ chúng tôi.

Mỗi chiếc tàu bay treo một dải cờ neho lạ lùng đong đưa từ đầu đến cuối ở phía trên cùng của máy bay. Và bên trên mũi tàu có vẽ một ký hiệu kỳ lạ lấp lánh dưới ánh nắng và hiện ra khá rõ ràng dù còn ở cách chúng tôi khá xa. Tôi có thể nhìn thấy những thân hình đang tụ tập ở boong tàu phía trước và ở phía trên của những chiếc tàu bay. Tôi không thể biết họ đã nhìn thấy chúng tôi chưa hay chỉ đơn thuần nhìn vào thành phố vắng lặng, nhưng dù ở trường hợp nào, họ cũng đã nhận được một sự tiếp đón thô bạo, vì đột nhiên và không hề có một cảnh báo trước nào, những chiến binh Hỏa tinh da xanh nã một loạt đạn khủng khiếp từ cửa sổ của các tòa nhà đối diện với cái thung lũng mà những con tàu đang băng qua một cách hòa bình.

Ngay lập tức cảnh tượng thay đổi như một phép thuật. Con tàu đi đầu quay hông về phía chúng tôi rồi nổ súng phản công, đồng thời chuyển động song song với phía trước dãy nhà một quãng ngắn rồi quay lại với một ý định rõ ràng là hoàn tất một vòng tròn lớn để nó một lần nữa đối diện với tuyến lửa của chúng tôi, những chiếc tàu khác lướt theo nó, mỗi chiếc phoi ra trước chúng tôi khi nó xoay vào vị trí. Tiếng súng của chúng tôi vẫn nổ ra không ngừng, và tôi cho rằng khoảng một phần tư số phát súng của chúng tôi đã trúng đích. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một thứ vũ khí chính xác chết người như thế, và dường như cứ sau mỗi tiếng đạn nổ là một thân hình bé nhỏ trên chiếc tàu ngã gục, trong lúc những lá cờ và phần trên cùng của những chiếc tàu bùng lên thành những ngọn lửa khi những khẩu súng của các chiến binh chúng tôi chia về phía họ.

Hỏa lực từ những chiếc tàu không mấy hiệu quả, sự bất ngờ của loạt đạn đầu đã khiến cho chiếc tàu bị hư hỏng nặng và các thiết bị vũ khí đã lộ ra trước tầm ngắm chết người của các chiến binh của chúng tôi.

Dường như mỗi chiến binh Hỏa tinh da xanh có những đối tượng cụ thể dưới những tình huống tương đối giống nhau của chiến tranh. Vì

đủ, một số trong bọn, luôn luôn là những nhà thiện xạ giỏi nhất, hướng thẳng vào thân súng và bộ ngắm của những khẩu súng lớn của đối phương, số khác ngắm vào những khẩu súng nhỏ hơn; số khác ngắm vào những tay súng, số khác nữa vào những viên chỉ huy; trong khi một số lớn tập trung vào những thành viên khác trên tàu, ở phía trên cùng, ở sau lái và cánh quạt.

Hai mươi phút sau loạt súng đầu tiên, đoàn tàu bỏ chạy theo hướng từ đó nó đã xuất hiện. Có thể thấy nhiều chiếc tàu cổ lè đi, và dường như không còn nằm dưới sự kiểm soát của phi đoàn đã kiệt sức. Tiếng súng của họ đã ngưng hoàn toàn và toàn bộ sức lực của họ dường như được tập trung cho việc tẩu thoát. Các chiến binh phía chúng tôi chạy xuống tầng trệt những tòa nhà và đuổi theo đoàn tàu đang bỏ chạy, tiếp tục nã súng.

Tuy nhiên, từng chiếc một, đoàn tàu chìm khuất sau những đỉnh đồi xa cho tới khi hầu như chỉ còn nhìn thấy một chiếc tàu đang di động. Nó đã gánh chịu mũi dùi hỏa lực của chúng tôi và dường như đã hoàn toàn kiệt quệ, vì chúng tôi không nhìn thấy một hình dáng nào di động trên tàu. Nó chậm chạp xoay khỏi hướng đi, quay lại phía chúng tôi trong một cung cách chập choạng đáng thương. Những chiến binh ngưng nổ súng, vì lúc ấy rõ ràng là con tàu đã hoàn toàn tuyệt vọng, và khó mà gây tổn hại cho chúng tôi, thậm chí nó không còn có khả năng tẩu thoát.

Khi nó tới gần thành phố, những chiến binh chạy ra cánh đồng trống để đón nó, nhưng hiển nhiên là nó vẫn còn quá cao để có thể hy vọng với tới boong tàu. Từ vị trí thuận lợi của mình trên cửa sổ, tôi có thể nhìn thấy những thân hình của phi đoàn nằm ngổn ngang, dù tôi không thể nhận ra họ thuộc loại sinh vật nào. Không có một dấu hiệu của sự sống nào trên tàu khi nó chậm chậm lướt đi trong cơn gió nhẹ thổi theo hướng đông nam.

Nó cao khoảng năm mươi bộ tính từ mặt đất, theo sau là toàn bộ phe ta, trừ vài trăm chiến binh được lệnh phải lùi lại để đề phòng khả năng đoàn tàu quay lại. Chẳng bao lâu, có thể thấy là nó sẽ đâm vào phía trước dãy nhà nằm về phía nam cách chúng tôi khoảng một dặm. Trong khi quan sát cảnh rượt đuổi, tôi thấy một số chiến binh phi ngựa tiến lên phía trước, xuống ngựa và đi vào tòa nhà mà con tàu sẽ đâm vào.

Khi con tàu tới gần tòa nhà, và ngay trước khi nó đâm vào đó, những chiến binh sao Hỏa nhảy vào tàu từ cửa sổ, và dùng những chiếc giáo của họ làm giảm nhẹ cú va chạm. Trong vài giây, họ đã ném xuống những sợi dây có móc để neo tàu và con tàu lớn bị neo chặt vào mặt đất bởi những chiến binh bên dưới.

Sau đó, họ nhảy lên hông tàu và đi từ đầu đến cuối để xem xét. Tôi trông thấy họ kiểm tra các tử thi, và lúc này họ đang lồi theo sau một thân hình bé nhỏ. Sinh vật này chỉ cao chưa tới phân nửa chiều cao của các chiến binh Hỏa tinh da xanh, và từ ban công, tôi có thể nhìn thấy nó đi thẳng trên hai chân và cho rằng đó là một quái vật Hỏa tinh nào đó mới lạ mà tôi chưa từng biết.

Họ đưa tên tù nhân xuống đất và tiến hành bốc dỡ các vật phẩm trên tàu. Công việc này đòi hỏi nhiều giờ, trong thời gian đó một số chiến binh được lệnh chuyển vận các chiến lợi phẩm, bao gồm các loại vũ khí, đạn dược, vải vóc, da thú, châu báu, những chiếc bình bằng đá được chạm trổ một cách lạ lùng, và một lượng lớn thực phẩm và thức uống, trong đó có nhiều thùng nước mà lần đầu tiên tôi nhìn thấy kể từ chuyến phiêu lưu lên sao Hỏa.

Sau khi chuyển hàng cuối cùng đã được chuyển đi, những chiến binh cột dây vào con tàu rồi kéo nó ra phía thung lũng ở hướng đông nam. Một vài người lên tàu và bận rộn làm điều gì đó, mà từ vị trí xa xôi tôi đoán là họ đang đổ những bình a-xít lên các tử thi và các khoang tàu.

Xong xuôi, họ vội vã leo qua hông tàu, đu xuống đất. Chiến binh cuối cùng rời boong tàu quay lại và ném một vật gì đó vào con tàu. Khi một khoảng lửa bùng lên từ chỗ đó, anh ta phóng ra hông tàu và đu nhanh xuống đất. Gần như khi anh ta vừa tháo bỏ những sợi dây neo, con tàu, đã nhẹ đi do việc cất dỡ các thứ hàng hóa, bay lên không trung với khoang tàu và phần trên đang cháy đỏ.

Nó chậm chạp trôi về hướng đông nam, bốc lên cao dần trong khi ngọn lửa đang nuốt dần những phần bằng gỗ và cất đi gánh nặng bên trên nó. Tôi đứng quan sát nó hàng giờ, cho tới khi nó mất dạng trong khoảng xa mờ mịt. Cảnh tượng đó gợi lên nỗi sợ hãi tột cùng, như một cuộc hỏa táng trên không, với giàn hỏa thiêu đang trôi giạt một cách vô định và đau khổ qua những khoảng không hiu quạnh của bầu trời sao Hỏa.

Buồn nản một cách khó mà lý giải, tôi chậm chạp đi xuống con đường. Cảnh tượng tôi vừa chứng kiến dường như đánh dấu cho sự bại trận và hủy diệt của một lực lượng của những con người tốt. Tôi không thể hiểu nổi cái cảm giác có vẻ mơ hồ đó, cũng không gạt bỏ được nó ra khỏi đầu óc. Nhưng từ đâu đó trong sâu thẳm linh hồn, tôi cảm thấy một niềm thương cảm lạ lùng đối với những kẻ thù vô danh đó, và trong tôi trỗi lên một hy vọng mãnh liệt rằng phi đội đó sẽ quay trở lại để tính sổ với những chiến binh da xanh, những kẻ đã tấn công nó một cách tàn nhẫn và phi lý.

Theo sát chân tôi là con chó săn Woola, và khi tôi đang bước trên đường, Sola chạy vọt tới bên tôi như thể đã tìm kiếm tôi từ nãy. Đoàn kỵ binh đã quay trở lại quảng trường, cuộc hành quân về nhà ngày hôm đó đã chấm dứt; trên thực tế, nó còn kéo dài thêm một tuần nữa do sự phi đội kia quay lại tấn công.

Lorquas Ptomel là một chiến binh già quá đỗi tinh ranh để có thể bị bắt trên một vùng đất trống cùng với đoàn xe ngựa và đám trẻ con, và thể là chúng tôi ở lại thành phố hoang cho tới khi nguy hiểm có vẻ đã qua đi.

Khi tôi và Sola đi vào quảng trường, một cảnh tượng làm cả hồn tôi tràn ngập một cảm giác trộn lẫn giữa sự hy vọng, sợ hãi, hân hoan và phiền muộn, thể nhưng hơn tất cả vẫn là một cảm giác khó tả của sự thư thái và niềm hạnh phúc. Bởi vì, ngay khi chúng tôi đến gần đám

chiến binh, tôi thoáng thấy người tù của trận chiến vừa qua, đang bị hai phụ nữ da xanh lôi kéo một cách thô bạo vào một tòa nhà gần đó.

Đó là một thân hình mảnh mai như thiếu nữ, trông giống đến từng chi tiết với những người phụ nữ trên trái đất trong cuộc đời đã qua của tôi. Lúc đầu nàng không nhìn thấy tôi, nhưng ngay khi nàng sắp biến mất khỏi cổng, nàng quay lại, và mắt nàng chạm phải mắt tôi. Gương mặt nàng hình trái soan, vô cùng xinh đẹp, mỗi đặc điểm trên người nàng đều đẹp đẽ và trang nhã, đôi mắt nàng to, long lánh và đầu nàng được bao phủ bởi một suối tóc gọn sóng, đen như mun, được tết lại theo một kiểu kỳ lạ nhưng rất tương xứng. Da nàng màu đồng hun sáng, ngược với màu hồng trên đôi má và màu đỏ thắm trên đôi môi xinh xắn, tạo nên một hiệu quả lạ lùng.

Nàng không mặc quần áo giống như hai người Hỏa tinh da xanh đang đi cùng; thật ra, ngoại trừ những đồ trang sức tinh xảo đeo trên người, nàng hoàn toàn trần truồng, mà cũng không có thứ trang phục nào có thể nâng cao hơn nữa sự hoàn hảo và thân hình cân đối của nàng.

Khi nhìn thấy tôi, đôi mắt nàng mở to ngạc nhiên, và nàng ra một dấu hiệu gì đó với bàn tay tự do của nàng; một dấu hiệu mà dĩ nhiên là tôi không thể hiểu. Chúng tôi chỉ nhìn nhau trong một thoáng, rồi về hy vọng và lòng can đảm vừa hồi sinh làm gương mặt nàng bừng sáng khi mới nhìn thấy tôi tan thành một nỗi thất vọng cùng cực, hoà lẫn với sự kinh tởm và khinh bỉ. Tôi nhận ra tôi đã không đáp lại dấu hiệu của nàng, và quên rằng tôi đang ở sao Hỏa, tôi cảm nhận theo trực giác rằng nàng đã cầu xin sự cứu giúp và bảo vệ mà do sự ngu dốt của mình, tôi đã không thể trả lời. Thế rồi nàng bị lôi đi khỏi tầm nhìn của tôi vào phía bên trong của tòa nhà.

CHƯƠNG IX: TÔI HỌC TIẾNG HỎA TINH

Khi hoàn hồn lại, tôi liếc nhìn Sola, người đã chứng kiến cuộc gặp gỡ này và tôi ngạc nhiên khi nhận thấy một vẻ mặt lạ lùng so với biểu hiện thường ngày vô cảm của nàng. Tôi không biết nàng đã nghĩ gì, vì đến khi ấy tôi chỉ mới học được chút ít tiếng Hỏa tinh, chỉ đủ dùng cho những nhu cầu hàng ngày.

Khi tôi tới lối vào tòa nhà, một sự ngạc nhiên lạ lùng đang đợi chờ tôi. Một chiến binh mang vũ khí, trang sức và đủ loại trang bị khác bước tới gần. Hắn đưa những thứ này cho tôi với một vài từ thô lỗ và một thái độ vừa kính nể vừa đe dọa.

Sau đó, Sola, với sự giúp đỡ của nhiều phụ nữ khác, chỉnh sửa các thứ đó cho phù hợp với tầm vóc nhỏ bé của tôi, và khi họ đã hoàn tất công việc, tôi đi lại với đầy đủ những thứ giáp trụ binh khí đó.

Kể từ lúc ấy, Sola hướng dẫn cho tôi các bí mật của nhiều loại vũ khí khác nhau, và cùng với đứa bé Hỏa tinh, tôi bỏ ra nhiều giờ mỗi ngày để thực tập trong quảng trường. Tôi chưa giỏi lắm với mọi loại vũ khí, nhưng sự quen thuộc với những vũ khí tương tự ở Trái đất biến tôi thành một học sinh có năng khiếu khác thường, và tôi tiến bộ rất nhanh.

Việc huấn luyện tôi và đứa trẻ Hỏa tinh được thực hiện duy nhất bởi những người phụ nữ. Họ không chỉ tham dự vào việc giáo dục đứa trẻ các nghệ thuật tấn công và phòng ngự, mà còn là những người thợ thủ công sản xuất ra mọi thứ đồ dùng cho người Hỏa tinh da xanh. Họ chế biến thuốc súng, đạn, súng; trên thực tế, mọi thứ có giá trị đều do họ làm ra. Vào thời điểm chiến tranh, họ hợp thành một lực lượng dự bị, và khi cần thiết cũng chiến đấu thậm chí còn thông minh và dũ tợn hơn cả cánh đàn ông.

Đàn ông được huấn luyện về những ngành cao cấp hơn của binh pháp; về chiến lược và việc điều động các đoàn quân lớn. Họ làm ra luật theo nhu cầu; một luật mới cho mỗi việc khẩn thiết. Họ không bị ràng buộc bởi tiền lệ trong việc thực thi phán quyết. Những tập quán đã được truyền lại qua nhiều thời đại lập đi lập lại, nhưng hình phạt đối với việc không biết một tập quán là một cách hành xử mang tính cá nhân của một quan tòa thuộc đẳng cấp ngang với bị cáo, và tôi có thể nói rằng sự phán quyết đó ít khi thất bại, nhưng có vẻ như để cai trị theo tỷ lệ nghịch đảo với uy thế của pháp luật. Ít ra ở một khía cạnh nào đó người Hỏa tinh là những người hạnh phúc: họ không có luật sư!

Tôi không gặp lại người nữ tù suốt nhiều ngày sau cuộc gặp gỡ đầu tiên, và chỉ thoáng nhìn thấy nàng khi nàng đang được dẫn tới khán phòng lớn nơi tôi đã gặp Lorquas Ptomel. Tôi không thể không nhận ra sự thô bạo và tàn nhẫn không cần thiết trong cách đối xử của những người canh giữ nàng; rất khác biệt với lòng tốt gần như là tình mẫu tử mà Sola ban cho tôi, và thái độ kính trọng của một vài người Hỏa tinh da xanh đã từng gặp rắc rối với tôi.

Tôi đã hai lần nhìn thấy nàng trao đổi vài lời với những kẻ canh gác, và điều này làm tôi tin chắc rằng họ nói, hoặc ít nhất có thể hiểu nhau, bằng một thứ ngôn ngữ chung. Với sự khích lệ bổ sung này, tôi gần như khiến cho Sola quẩn trí với những lời nài nỉ đầy nhanh việc dạy tôi và chỉ trong vòng vài hôm, tôi đã làm chủ ngôn ngữ Hòa tinh một cách hoàn hảo, đủ để tôi thực hiện một cuộc chuyện trò qua lại và hoàn toàn thấu hiểu mọi điều mà tôi nghe được.

Lúc này, ngoài Sola, đứa bé mà nàng trông nom, tôi và con chó Woola, khu vực ngủ của chúng tôi còn có ba bốn người phụ nữ và một cặp trẻ em vừa mới nở. Sau khi trở về để nghỉ đêm, những người trưởng thành có thói quen chuyện trò linh tinh một lát trước giờ ngủ, và giờ đây, khi đã hiểu tiếng nói của họ, tôi luôn là một người nghe chăm chú, dù không bao giờ thốt lên nhận xét nào.

Vào đêm sau hôm người nữ tù tới khán phòng, cuối cùng cuộc trò chuyện đã đề cập tới đề tài đó, và tôi đồng tai lắng nghe. Tôi e ngại không dám hỏi Sola về người nữ tù xinh đẹp, vì tôi vẫn còn nhớ biểu hiện kỳ lạ trên mặt nàng vào hôm tôi gặp người nữ tù đó lần đầu. Nó có phải là biểu hiện của sự ghen tuông hay không tôi không dám chắc, thế nhưng, khi xem xét mọi sự việc theo chuẩn mực thông thường như vẫn làm, tôi cảm thấy tốt hơn mình nên tỏ vẻ dửng dưng với vụ này cho tới lúc tôi hiểu chắc chắn hơn về thái độ của Sola đối với mối quan tâm của tôi.

Sarkoja, một trong những phụ nữ lớn tuổi hơn ở cùng chỗ với chúng tôi, từng có mặt ở khán phòng với nhiệm vụ canh gác người tù, và mọi câu hỏi đều hướng về phía ả.

“Khi nào thì chúng ta được thưởng thức cái chết quằn quại của con nhỏ da đỏ đó? Hay là Jed Lorquaz Ptomel dự tính giữ cô ta để đòi chuộc mạng?” Một trong những người đàn bà hỏi.

“Họ đã quyết định mang cô ta về Thark với chúng ta, và triển lãm những khốn khổ cuối cùng của cô ta trong Trò chơi lớn ở trước mặt Tal Hajus.” Sarkoja đáp.

“Cô ta sẽ ra sao nhỉ?” Sola thắc mắc. “Cô ta rất nhỏ bé và xinh đẹp. Tôi hy vọng rằng họ sẽ giữ cô ta để đòi chuộc mạng.”

Sarkoja và những phụ nữ khác nhăn nhó giậm dừ với sự mềm yếu rõ ràng này của Sola.

“Thật đáng buồn, Sola, là cô không được ra đời một triệu năm trước đây,” Sarkoja ngắt ngang, “khi mà tất cả các vùng trũng của mảnh đất này còn đầy ắp nước, và mọi người cũng mềm như cái thứ nước đó. Ở thời của chúng ta, chúng ta đã tiến tới một điểm nơi những tình cảm như thể đánh dấu cho sự mềm yếu và sự lại giống. Cô có thể gặp rắc rối nếu để cho Tars Tarkas biết được cô có những cảm xúc suy đồi như thế, vì tôi ngờ rằng ông ta sẽ giao cho những người như cô các trách nhiệm quan trọng của một người mẹ.”

“Tôi không thấy có gì sai trong việc thể hiện sự quan tâm của mình đối với người đàn bà da đỏ này,” Sola vặn lại, “Cô ta không bao giờ gây tổn hại cho chúng ta, ngay cả nếu như chúng ta lọt vào tay cô ta. Chỉ có những gã đàn ông thuộc dòng giống của cô ta đánh nhau với chúng ta, và tôi từng cho rằng thái độ của họ đối với chúng ta chỉ là sự phản ánh thái độ của chúng ta đối với họ. Họ sống hòa bình với tất cả mọi người thuộc dòng giống họ, chỉ trừ khi bản phận buộc họ phải tiến hành chiến tranh, trong khi chúng ta không hề sống hòa bình với bất kỳ ai cả; luôn đánh nhau ngay trong dòng giống của chính mình cũng như với những người da đỏ, và ngay trong những cộng đồng của chúng ta, những cá nhân cũng đánh nhau. Ô, đúng là một quãng thời gian chém giết đầy u ám, tiếp nối từ khi chúng ta phá vỡ lớp vỏ trứng cho tới khi chúng ta vui mừng được chôn vùi dưới đáy dòng sông Iss bí ẩn, đen tối và xưa cũ, dòng sông đưa chúng ta tới nơi chưa từng biết, nhưng ít nhất sẽ không còn tồn tại sự sợ hãi và khủng khiếp! Kê thật sự may mắn chính là người chấm dứt cuộc đời trong một cái chết đến sớm. Cứ nói với Tars Tarkas những gì tùy thích, ông ta không thể mang tới cho tôi một số phận nào tồi tệ hơn là sự tiếp tục tồn tại đầy khủng khiếp mà chúng ta buộc phải trải qua trong cuộc đời này.”

Sự bùng nổ dữ dội của Sola làm những người kia kinh ngạc và chấn động đến nỗi sau một vài lời trách móc chung chung, mọi người rơi vào im lặng và chẳng bao lâu sau đã ngủ say. Đoạn đối thoại này giúp tôi biết chắc về tình cảm thân thiện của Sola đối với cô gái tội nghiệp, và cũng khẳng định rằng tôi đã cực kỳ may mắn khi lọt vào tay của nàng chứ không phải là của những người đàn bà khác. Tôi biết rằng nàng yêu mến tôi, và giờ đây tôi đã phát hiện ra rằng nàng căm ghét sự độc ác dã man. Tôi tin rằng tôi có thể dựa vào nàng để giúp cô gái bị cầm tù trốn thoát, tất nhiên là nếu điều này nằm trong phạm vi các khả năng có thể xảy ra.

Tôi thậm chí không biết có điều kiện nào tốt hơn để tẩu thoát, nhưng tôi rất sẵn lòng nắm lấy những cơ may sống giữa những người có cung cách giống tôi hơn là tiếp tục sống với những người Hòa tinh da xanh xấu xa khát máu. Nhưng đi đâu, và bằng cách nào, đối với tôi là một câu đố khó khăn không kém việc những người già trên trái đất tìm kiếm mùa xuân của cuộc sống bất tử kể từ khi có con người.

Tôi quyết định rằng ngay khi có cơ hội đầu tiên, tôi sẽ tin cậy vào Sola và công khai yêu cầu sự giúp đỡ của nàng, và với giải pháp này, tôi vui mừng vào đồng lúa và lông thú, đánh một giấc ngủ ngon lành không mộng mị như một cư dân sao Hỏa.

CHƯƠNG X: CHIẾN THẮNG VÀ CHỨC TỬ TRƯỞNG

Sáng sớm hôm sau tôi trở dậy. Tôi được phép sinh hoạt khá tự do, vì Sola đã thông báo với tôi rằng miễn là tôi không cố tìm cách rời bỏ thành phố, tôi được tự do đi lại theo ý muốn. Tuy nhiên, nàng cũng cảnh báo tôi rằng, nên tránh đi lại mà không mang theo vũ khí, vì thành phố này, như mọi trung tâm vắng người khác của một nền văn minh sao Hỏa cổ, đầy những bọ khi đột trắng khổng lồ mà tôi từng gặp.

Khi khuyên tôi không nên ra khỏi phạm vi thành phố, Sola cũng giải thích rằng Woola sẽ ngăn cản việc này bằng bất cứ giá nào nếu tôi cố tìm cách thực hiện nó, và nàng cảnh báo rằng tôi nhất thiết không nên khuấy động bản tính hung tợn của nó bằng cách làm ngor những cảnh cáo của nó khi tôi đến rất gần khu vực cấm. Bản tính của nó dữ tợn đến nỗi nếu nó mang tôi trở lại thành phố, còn sống hay đã chết, thì nàng cũng không thể làm được điều gì để chống lại nó, “có khả năng đã chết nhiều hơn,” nàng nói thêm.

Sáng hôm ấy khi chọn được một con đường mới để thám hiểm, tôi chợt nhận ra mình đã đi đến phạm vi giới hạn của thành phố. Phía trước tôi là những ngọn đồi thấp với những khe núi hẹp đầy mồi mọc. Tôi khao khát muốn khám phá miền đất đó, như dòng dõi tổ tiên những kẻ tiên phong mà từ đó tôi xuất thân, để ngắm nhìn phong cảnh ẩn náu sau những ngọn đồi vây quanh đang che khuất tầm mắt của tôi.

Tôi cũng cho rằng đó là một cơ hội tốt để kiểm tra các phẩm chất của Woola. Tôi biết chắc rằng nó yêu mến tôi; tôi đã nhìn thấy nhiều biểu lộ tình cảm ở nó hơn là ở những bất kỳ người, thú hoặc quái vật Hòa tinh nào khác, và tôi chắc rằng thái độ đối với những hành động đã hai lần cứu sống nó sẽ nặng ký hơn lòng trung thành của nó đối với bốn phận mà những người chủ trước độc ác và không có tình thương đã giao cho nó.

Khi tôi tới đường ranh giới, Woola chạy một cách lo lắng phía trước tôi, và dùng thân hình nó cản chân tôi. Biểu hiện của nó có tính chất van nài hơn là dữ tợn, nó cũng không nhe những chiếc nanh to tướng hay phát ra những tiếng gầm gừ cảnh cáo đáng sợ. Không có tình bạn và tình đồng đội của nhân loại, tôi đã phát triển một tình mến yêu đáng kể đối với Woola và Sola, vì một con người trái đất bình thường phải có phương tiện để thỏa mãn những tình cảm yêu mến của mình, và tôi quyết định khơi dậy một bản năng tương tự ở con vật khổng lồ này, chắc chắn rằng tôi sẽ không thất vọng.

Tôi chưa bao giờ nựng nịu vuốt ve nó, nhưng lúc này tôi ngồi xuống đất và vòng hai cánh tay quanh cái cổ to lớn của nó, tôi vuốt ve mơn trớn nó, nói bằng thú tiếng mà tôi vừa học được như tôi từng nói với con chó săn ở nhà tôi, như từng nói với bất kỳ người bạn nào khác trong số những con thú thấp kém hơn. Phản ứng của nó đối với sự biểu lộ tình cảm của tôi khá đáng kể ở một mức độ nào đó; nó chu cái mõm to lớn ra hết cỡ, che kín hàng nanh trên và nhả mũi lại cho tới khi cặp mắt to của nó hầu như bị che khuất bởi những nếp da. Nếu bạn đã từng trông thấy một con chó cười bạn sẽ hình dung được vẻ mặt nhăn nhó của Woola.

Nó nằm ngửa ra và lăn vào chân tôi, nhảy lên và phóng vào người tôi, lăn tròn tôi trên mặt đất với thân hình đồ sộ của nó, rồi nó uốn éo vặn mình xung quanh tôi như một con chó con đang nô giỡn. Tôi không thể cưỡng lại cảnh tượng vui vẻ ấy, và tôi gập người lại với tiếng cười đầu tiên phát ra từ đôi môi sau nhiều ngày; tiếng cười đầu tiên, thật thế, từ buổi sáng mà Powell rời khỏi khu trại, khi mà con ngựa của anh, do lâu ngày không được cười, đã bắt ngờ hất anh lộn qua đầu nó xuống một vũng sinh.

Tiếng cười của tôi làm Woola hoảng sợ, trò hề của nó chấm dứt và nó bò lê một cách đáng thương tới gần tôi, đặt cái đầu xấu xí của nó vào lòng tôi; và khi ấy tôi nhớ ra rằng tiếng cười có ý nghĩa thế nào ở Hòa tinh - sự hành hạ, sự đau đớn và cái chết. Tôi giữ im lặng, vuốt đầu con chó khốn khổ, nói chuyện với nó khoảng vài phút, rồi với một giọng đầy quyền lực, tôi ra lệnh cho nó đi theo tôi; rồi tôi đứng dậy đi về phía những ngọn đồi.

Giữa chúng tôi không còn vấn đề ai có quyền lực nữa; Woola là một nô lệ tận tụy của tôi kể từ lúc ấy, và tôi là ông chủ duy nhất và hiển nhiên của nó. Cuộc đi bộ tới đây đòi chỉ mất khoảng mấy phút. Tôi không tìm thấy một cái gì đặc biệt. Vô số hoa dại với những màu sắc tươi sáng và hình dáng lạ lùng rải rác trong những khe núi và từ đỉnh của ngọn đồi đầu tiên tôi nhìn thấy có nhiều dãy đồi khác trải dài về hướng bắc, và ngày càng cao dần, dãy này sau dãy khác, cho tới khi chúng trở thành những dãy núi rộng lớn mênh mông; dù sau đó tôi phát hiện ra đó là một vài đỉnh núi duy nhất trên khắp Hòa tinh cao hơn bốn ngàn bộ; ý nghĩ về tầm rộng lớn chỉ có tính tương đối mà thôi.

Cuộc tản bộ buổi sáng của tôi đã trở nên quan trọng hơn vì nó đã giúp tôi hoàn toàn thấu hiểu Woola, con vật mà Tars Tarkas đã đặt niềm tin trong việc giữ an toàn cho tôi. Giờ đây tôi biết rằng về mặt lý thuyết tôi là một tù nhân nhưng thật ra tôi hoàn toàn tự do, và tôi vội quay lại phạm vi giới hạn của thành phố trước khi sự phản bội của Woola bị những người chủ trước của nó phát hiện. Cuộc mạo hiểm này giúp tôi quyết định sẽ không bao giờ rời khỏi những giới hạn của thành phố cho tới khi tôi đã sẵn sàng cho cuộc ra đi mãi mãi, điều tất nhiên phải xảy ra trong tình trạng tự do bị cắt xén của tôi, cũng như cái chết hiển nhiên của Woola, nếu như chúng tôi bị phát hiện.

Trên đường trở lại quảng trường, tôi bắt gặp người nữ tù lần thứ ba. Nàng đang đứng với những người canh giữ ngay trước lối vào khán phòng. Khi tôi tới gần, nàng chỉ liếc nhìn tôi một cách kiêu kỳ rồi quay lưng lại phía tôi. Hành động ấy có tính cách đàn bà, một tính cách đàn bà ở trái đất, đến nỗi nó làm lòng kiêu hãnh của tôi nhói lên, đồng thời làm tim tôi ấm áp với một cảm giác bầu bạn. Thật là tuyệt khi biết rằng trên sao Hỏa còn có một ai đó khác ngoài bản thân tôi có những bản năng con người theo một thể thức văn minh, mặc dù cách biểu hiện của chúng làm tôi khá đau lòng và mất thể diện.

Nếu một phụ nữ Hòa tinh da xanh muốn biểu lộ sự ghét bỏ hay coi thường, cô ta sẽ, trong mọi khả năng, thực hiện nó với nhất kiếm hoặc với một cử động bóp cò của ngón tay trỏ; nhưng vì những tình cảm của họ hầu như đã hao mòn, chỉ cần một vết thương nghiêm trọng đã đủ để khơi nên những hành động đó. Tôi xin nói thêm, Sola là một ngoại lệ. Tôi chưa bao giờ trông thấy nàng thực hiện một hành vi tàn ác hay cộc cằn, hoặc đánh mất lòng tốt bụng và bản chất thiện lương. Thật sự nàng là, như người bạn sao Hỏa kia đã nhận xét, một kẻ lai

giống, một sự kế thừa quý báu và đáng yêu những đức tính của một dạng tổ tiên biết yêu thương và được yêu thương trước đây.

Thấy rằng dường như người nữ tù là trung tâm của sự chú ý, tôi dừng lại để quan sát diễn biến. Không bao lâu sau, Lorquas Ptomel và các tù trưởng tùy tùng tới gần tòa nhà. Ông ta ra hiệu cho những người canh gác cùng người tù đi vào khán phòng. Biết mình là một nhân vật được hưởng quyền đặc cách, và cũng tin chắc rằng những tên chiến binh không biết gì về sự thông thạo ngôn ngữ sao Hỏa của tôi - vì tôi đã yêu cầu Sola giữ bí mật điều này với lý do là tôi bị ép buộc phải trò chuyện với bọn đàn ông cho tới khi tôi hoàn toàn làm chủ tiếng sao Hỏa - tôi tìm cách đi vào khán phòng và lắng nghe diễn biến.

Hội đồng tù trưởng ngồi trên những bậc thềm của bục diễn đàn, phía dưới là hai người canh tù và tù nhân. Tôi nhận ra một trong hai người là Sarkoja, và hiểu ra bằng cách nào ả đã hiện diện trong cuộc thẩm vấn ngày hôm trước, mà kết quả của nó ả đã tường thuật lại với những người bạn cùng phòng tối hôm qua. Thái độ của ả đối với người nữ tù rất ác nghiệt và thô bạo. Khi ả nắm giữ nòng, ả bấu chặt những móng tay vào da thịt của cô gái khốn khổ. Với con người khốn khổ không thể tự vệ này, dường như ả là hiện thân của tất cả những sự căm thù, độc ác, hung tợn, và dù chỉ mới chín trăm tuổi, ả đã quay trở về thời xa xưa của những tổ tiên tàn ác và hung bạo.

Người phụ nữ kia ít tàn ác hơn vì cô ta hoàn toàn đứng đưng; nếu người nữ tù được giao cho một mình cô ta - may là như thế vào ban đêm - nòng sẽ không bị đối xử thô bạo mà cũng không nhận được chút quan tâm chú ý nào, bởi những biểu hiện đứng đưng đó.

Khi Lorquas Ptomel ngẩng lên nhìn người nữ tù, ông ta nhìn thấy tôi và quay sang Tars Tarkas nói gì đó, với cử chỉ nóng nảy. Tars Tarkas đáp lại gì đó tôi không nắm được, nhưng khiến cho Lorquas Ptomel mỉm cười; sau đó họ không để ý gì tới tôi nữa.

“Tên cô là gì?” Lorquas Ptomel hỏi, hướng tới người nữ tù.

“Dejah Thoris, con gái của Mors Kajak xứ Helium.”

“Mục đích của cuộc thám hiểm của các người?” Ông ta hỏi tiếp.

“Đó chỉ là một đoàn khảo sát khoa học do ông nội tôi, Jeddak (vua) xứ Helium cử đi, để vẽ lại sơ đồ các luồng không khí, và để thực hiện các cuộc kiểm tra cường độ khí quyển.” Người nữ tù xinh đẹp đáp, bằng một giọng nói trầm, uyển chuyển.

“Chúng tôi không chuẩn bị để chiến đấu,” nàng nói tiếp, “vì chúng tôi đang đi thực hiện một công vụ hòa bình, như những lá cờ và màu sắc trên những con tàu đã chứng tỏ. Công việc chúng tôi làm cũng được các người quan tâm không kém chúng tôi, vì ông biết rõ rằng nếu không nhờ những lao động vất vả và các thành quả từ các hoạt động khoa học của chúng tôi, sẽ không có đủ không khí và nước trên sao Hỏa để cung cấp cho cuộc sống của một người duy nhất. Suốt nhiều thời đại chúng tôi đã duy trì nguồn cung cấp không khí và

nước ở mức ngang bằng với mức thất thoát, và chúng tôi đã thực hiện nó trong khi đương đầu với sự quấy rầy thô bạo và ngu dốt của bọn da xanh các người.

Vì sao, ô, vì sao các người không học cách sống trong tình hữu nghị với bè bạn của mình, các người phải trải qua nhiều niên kỷ để đi tới sự diệt chủng cuối cùng nhưng chỉ còn chút ít tài nguyên trên hành tinh của những kẻ thô bạo này để phục vụ cho các người! Một dân tộc không có chữ viết, không có nghệ thuật, không có nhà cửa, không có tình yêu; nạn nhân suốt nhiều niên kỷ của một ý tưởng cộng đồng kinh khủng. Sự sở hữu chung mọi thứ, ngay cả đàn bà và con cái của các người đã gây ra hậu quả là các người không sở hữu chung thứ gì cả. Các người ghét lẫn nhau hết như các người ghét mọi người khác trừ bản thân mình. Hãy quay trở lại những cách thức của tổ tiên chung của chúng ta, hãy quay trở lại ánh sáng của lòng tốt và tình bằng hữu. Con đường đang mở rộng để đón các người, các người sẽ tìm thấy những bàn tay của người da đỏ chìa ra để giúp đỡ các người. Cùng chung sức với nhau, chúng ta có thể làm nhiều hơn để phục hưng lại hành tinh đang hấp hối của chúng ta. Cháu gái của người vĩ đại và hùng mạnh nhất trong những Jeddak da đỏ đã yêu cầu các người. Các người có đến không?”

Lorquas Ptomel và các chiến binh ngồi im lặng và nhìn chăm chú vào người thiếu nữ một lúc lâu sau khi nàng dừng lời. Điều gì diễn ra trong đầu họ không ai biết, nhưng tôi thật sự tin rằng họ đã rung động, và nếu một người có chức vụ cao trong số họ có đủ sức mạnh để đứng bên trên tập quán, thời điểm đó sẽ đánh dấu cho một kỷ nguyên mới mẻ và hùng mạnh của Hòa bình.

Tôi trông thấy Tars Tarkas đứng lên phát biểu, và trên mặt ông là một biểu hiện mà tôi chưa từng thấy trên nét mặt của một chiến binh da xanh nào. Nó chứng tỏ một cuộc chiến nội tâm dữ dội với bản ngã, với sự di truyền, với tập quán lâu đời, và khi ông ta mở miệng để nói, có vẻ gì như là sự nhân từ, lòng tốt đã thấp sáng trong giấy lát vẽ mặt hung dữ và khủng khiếp của ông.

Nhưng những lời sắp thoát khỏi miệng ông không bao giờ được nói ra nữa, vì ngay khi đó một chiến binh trẻ, rõ ràng đã cảm nhận được dòng suy nghĩ của những người lớn tuổi hơn, nhảy xuống khỏi những bậc thềm, và đâm mạnh vào mặt người nữ tù, làm nàng ngã quy xuống nền nhà, rồi đặt chân lên thân hình phủ phục của nàng và quay về phía hội đồng lãnh đạo, hấn phát ra một tràng cười buồn bã và khủng khiếp.

Trong khoảnh khắc, tôi nghĩ rằng Tars Tarkas sẽ đâm chết hấn, cả vẻ mặt của Lorquas Ptomel cũng không tỏ vẻ gì ủng hộ đối với tên thô lỗ, nhưng tâm trạng ấy đã trôi qua, bản ngã cũ của họ lại xác nhận uy thế của họ, và họ mỉm cười. Tuy nhiên, việc họ không cười lớn tiếng là một điều kỳ lạ, bởi vì hành động của tên vũ phu đã thiết lập một sự dìm dờn buồn cười theo những nguyên tắc xử thế điều khiển tính hài hước của người Hòa bình da xanh.

Điều tôi vừa thuật lại không có nghĩa là tôi để mất chút thời gian nào cho hành động. Tôi chỉ nghĩ rằng tôi phải cảm nhận một cái gì đó sắp sửa xảy ra, vì tôi nhận ra rằng khi ấy tôi đang thu mình lại cho một cú phóng khi tôi nhìn thấy cú đâm hướng vào gương mặt xinh đẹp

đang ngược lên đây thuyết phục, và trước khi bàn tay hạ xuống, tôi đã phóng qua phân nửa gian phòng.

Hầu như ngay khi tiếng cười của hắn vang lên, tôi đã lao xuống người hắn. Tên vũ phu cao khoảng mười hai bộ, và trang bị vũ khí tận răng, nhưng tôi tin rằng tôi sẽ chứng tỏ cho toàn thể những kẻ có mặt trong phòng biết sự khủng khiếp trong cơn giận của tôi. Co người tới trước, tôi đâm thẳng vào mặt hắn khi hắn quay lại vì tiếng thét cảnh báo của tôi, và khi hắn rút thanh kiếm ngắn ra, tôi cũng rút kiếm của mình, và lao thẳng vào ngực hắn, móc một chân trên cán khẩu súng ngắn của hắn và bám chặt vào một trong những chiếc răng nanh không lồ bằng tay trái trong khi tôi tung hết cú đâm này tới cú đâm khác vào lồng ngực khổng lồ của hắn.

Hắn không thể sử dụng thanh kiếm ngắn để chiếm ưu thế vì tôi áp quá sát vào hắn, hắn cũng không thể rút khẩu súng ngắn ra, vì nó trái ngược hẳn với tập quán của người Hòa tinh. Nó quy ước rằng bạn không thể đánh nhau với một chiến binh khác trong một trận đấu riêng lẻ bằng thứ vũ khí khác với thứ vũ khí dùng để tấn công bạn. Thực sự hắn không thể làm gì được ngoài việc cố gắng một cách man dại và vô ích để đánh bật tôi ra. Với thân hình to lớn, hắn không khoẻ hơn tôi mấy, và chỉ trong khoảnh khắc một hai giây, hắn gục xuống nền nhà, tắt thở, thân hình đầm máu.

Dejah Thoris đã nhô người ti lên trên một cánh tay và quan sát cuộc đánh nhau với đôi mắt mờ to kinh ngạc. Khi tôi đứng thẳng lại, tôi nhắc bổng nòng lên đôi tay và bế nòng bước tới một trong những chiếc trường kỷ đặt ở vách căn phòng.

Một lần nữa không có người Hòa tinh nào ngăn trở tôi. Tôi xé một mảnh lụa từ mũ của mình để chặn lại dòng máu ứa ra từ lỗ mũi nàng. Tôi sớm thành công vì những vết thương của nàng chỉ là một vụ chảy máu mũi thông thường. Khi đã có thể nói chuyện, nàng đặt bàn tay lên cánh tay tôi và nhìn vào mắt tôi, nàng bảo:

“Vì sao anh làm điều đó? Anh, kẻ đã khước từ tôi ngay cả một sự thừa nhận thân thiện trong giờ phút nguy hiểm đầu tiên! Và bây giờ anh đánh liều mạng sống và giết chết một trong những đồng đội của anh vì tôi. Tôi không thể hiểu nổi. Cách xử sự của anh thật lạ lùng, anh kết giao với người da xanh, dù hình thức của anh giống như chủng tộc của tôi, và da anh chỉ sạm màu hơn bọn khi đột trắng chút ít? Hãy cho tôi biết, anh là người hay là cái gì đó hơn cả con người?”

“Đây là một câu chuyện kỳ lạ,” tôi đáp, “rất dài để có thể kể cho cô nghe vào lúc này, và cũng là câu chuyện mà bản thân tôi cũng ngỡ vực vào sự đáng tin của nó đến nỗi tôi không mong rằng những người khác sẽ tin vào nó. Lúc này, chỉ cần biết tôi là bạn của cô, và ở mức độ mà những người giam giữ cô cho phép, sẽ là người bảo vệ và phục vụ cho cô.”

“Vậy anh cũng là một tù nhân sao? Nhưng nếu vậy, vì sao anh có những thứ vũ khí và trang phục của một tù trưởng người Thark? Anh tên gì? Quê hương của anh ở đâu?”

“Vâng, Dejah Thoris, tôi cũng là một tù nhân; tôi tên là John Carter, và tôi xem Virginia, một trong những tiểu bang của Hoa Kỳ, trái đất là quê hương của tôi; nhưng vì sao tôi được mang vũ khí thì tôi không biết, tôi cũng không biết là trang phục của tôi là của một tù trưởng.”

Chúng tôi bị cắt ngang ở đây bởi sự tiếp cận của một trong những chiến binh, mang theo những thứ vũ khí, trang phục và các thứ trang sức, và trong một nháy mắt một trong những câu hỏi của nàng đã được trả lời và một câu đồ rắc rối đã được quét sạch khỏi đầu tôi. Tôi thấy rằng thân thể của địch thủ đã chết của tôi đã bị lột trần, và tôi đọc thấy trong thái độ đe dọa nhưng đầy tôn trọng của gã chiến binh, người mang tới cho tôi những chiến lợi phẩm của vụ giết người, một cung cách tương tự như người lính đã từng mang tới cho tôi các trang bị đang mặc trên người, và lúc này, lần đầu tiên tôi nhận ra rằng cú đâm của tôi, trong trận đánh đầu tiên ở khán phòng đã đem đến cái chết cho đối thủ của tôi.

Lý do cho toàn bộ các thái độ biểu lộ đối với tôi giờ đây đã rõ ràng; tôi đã nổi tiếng, có thể nói thế, và theo sự phán xét thô kệch, điều luôn luôn ghi dấu ấn lên mọi giao dịch của người sao Hỏa, và điều mà, trong số những điều khác, đã khiến cho tôi gọi đây là hành tinh của sự nghịch lý, tôi đã được ban cho những vinh dự xứng với một kẻ chiến thắng; những thứ lễ phục và địa vị của người tôi đã giết chết. Trên thực tế, tôi là một tù trưởng Hỏa tinh, và như sau này tôi biết, đây là nguyên do của sự tự do rộng rãi và quyền được đi vào trong khán phòng của tôi.

Khi quay lại nhận các chiến lợi phẩm, tôi nhận thấy Tars Tarkas và nhiều người khác đang tiến về phía chúng tôi, và ông nhìn tôi với một vẻ cực kỳ kỳ quặc. Cuối cùng ông nói:

“Anh nói tiếng Barsoom một cách rất dễ dàng trong khi đối với chúng tôi chỉ cách đây vài ngày anh là một người câm và điếc. Anh đã học nó ở đâu, John Carter?”

“Ông, chính ông chịu trách nhiệm, Tars Tarkas,” tôi đáp, “trong việc đã cung cấp cho tôi một nữ hướng dẫn có khả năng nổi bật; tôi phải cảm ơn Sola vì sự hiểu biết này.”

“Cô ta đã làm tốt,” ông nói, “nhưng việc học của anh ở các mặt khác cần tăng cường đáng kể. Anh có biết rằng sự táo bạo chưa từng có của anh có thể khiến anh phải trả giá đắt nếu anh không giết được ai trong hai tù trưởng mà huy hiệu của họ anh đang đeo không?”

“Tôi cho rằng kẻ mà tôi không giết được, phải giết chết tôi.” Tôi đáp, mỉm cười.

“Không, anh sai rồi. Chỉ ở giới hạn cuối cùng của sự tự vệ một chiến binh sao Hỏa mới giết một tù nhân; chúng tôi muốn giữ họ sống vì những mục đích khác.” Về mặt của Tars Tarkas biểu lộ vẻ khó chịu không muốn nói ra những ý sau cùng.

“Nhưng bây giờ có một việc có thể cứu anh,” ông nói tiếp. “Nếu, trong việc công nhận sự dũng cảm, sự dũ tợn và khả năng chiến đấu của anh, anh được Tal Hajus xem là xứng đáng để phục vụ cho ông ấy, anh có thể được đưa vào cộng đồng và trở thành một người Thark chính thức. Cho tới khi chúng ta tới bản doanh của Tal Hajus, Lorquas Ptomel muốn rằng anh được ban cho sự kính trọng do các hành động của anh mang tới. Anh sẽ được chúng tôi đối đãi như một tù trưởng người Thark, nhưng anh không được quên rằng mỗi tù trưởng cấp trên của anh chịu trách nhiệm trong việc giao anh một cách an toàn cho vị lãnh đạo hùng mạnh và tàn bạo nhất của chúng tôi. Tôi đã nói xong.”

“Tôi nghe ông, Tars Tarkas,” tôi đáp.” Như ông biết, tôi không phải là người Barsoom; cách của ông không phải là cách của tôi, trong tương lai tôi cũng chỉ có thể hành động như trong quá khứ, theo sự dẫn dắt của lương tâm và những chuẩn mực của những người thuộc chủng tộc của tôi. Nếu ông để cho tôi yên, tôi sẽ đi trong hòa bình, nhưng nếu không, hãy để những người Barsoom mà tôi có liên hệ hoặc là tôn trọng các quyền của tôi với tư cách một người lạ giữa các ông, hoặc là chịu mọi hậu quả có thể xảy ra. Chúng ta hãy chắc một điều, dù những dự tính quan trọng của ông đối với người thiếu nữ không may này là gì, bất kỳ ai có thể làm phương hại hay sỉ nhục cô ta trong tương lai sẽ phải tính sổ với tôi. Tôi biết rằng ông ít có những cảm xúc về sự quảng đại hay lòng tốt, nhưng tôi thì không, và tôi có thể làm cho ông, người chiến binh dũng cảm nhất, tin rằng những tính cách này không phải là không thích ứng với khả năng chiến đấu.”

Bình thường tôi không nói dài dòng, từ trước tôi cũng chưa bao giờ ăn nói khoa trương, nhưng tôi đoán biết rằng những lời này có thể đi sâu vào lòng những người Hòa tinh da xanh, vì rõ ràng lời diễn thuyết của tôi đã gây ấn tượng sâu sắc cho họ, và thái độ của họ đối với tôi sau đó vẫn đầy tôn kính.

Bản thân Tars tarkas có vẻ hài lòng với lời đáp của tôi, nhưng nhận xét duy nhất của ông ta ít nhiều có tính bí ẩn: “Tôi nghĩ là tôi biết Tal Hajus, Jeddak của người Thark.”

Lúc này tôi chuyển sự chú ý sang Dejah Thoris, đỡ nàng đứng lên rồi cùng nàng đi tới lối ra, làm ngơ đám canh tù hung dữ cũng như những cái nhìn dò xét của các tù trưởng. Không phải tôi cũng là một tù trưởng hay sao! Chà, lúc này tôi sẽ làm ra vẻ chút xíu đây. Họ không làm phiền chúng tôi, và thế là Dejah Thoris, công chúa xứ Helium và John Carter, quý ông ở Virginia, theo sau là Woola trung thành, băng qua sự im lặng kỳ quặc từ phía khán phòng của Lorquas Ptomel, phó vương của người Thark ở Barsoom.

CHƯƠNG XI: VỚI DEJAH THORIS

Khi chúng tôi tới cửa, hai mục đàn bà canh tù đi nhanh tới và làm ra vẻ như một lần nữa chịu trách nhiệm trông coi nàng. Cô gái tội nghiệp co người vào tôi và tôi cảm thấy hai bàn tay nhỏ bé của nàng bám chặt vào cánh tay tôi. Xua tay đuổi hai mục ấy đi, tôi báo cho họ biết kể từ đây Sola sẽ trông nom cho người tù, và tôi cũng cảnh báo Sarkoja rằng bất kỳ một hành động tàn ác nào của ả đối với Dejah Thoris sẽ bị trừng phạt thích đáng.

Không may là sự đe dọa của tôi lại có hại cho Dejah Thoris hơn là có lợi, vì, như sau này tôi biết, trên sao Hỏa, đàn ông không giết đàn bà và đàn bà cũng không giết đàn ông. Vì thế Sarkoja chỉ nhìn chúng tôi một cách kỳ quặc và bắt đầu ngấm ngấm bày mưu đặt kế chống lại chúng tôi.

Sau đó, tôi tìm thấy Sola và giải thích cho nàng biết rằng tôi muốn nàng canh gác Dejah Thoris giống như đã canh gác tôi; rằng tôi muốn nàng tìm một nơi ngủ khác để không bị Sarkoja quấy nhiễu và thông báo nàng rằng tôi sẽ tìm chỗ ngủ giữa những người đàn ông.

Sola nhìn vào những thứ trang phục nằm trong tay tôi và vỗ vai tôi.

“Giờ anh là một tù trưởng lớn, John Carter, và tôi phải làm theo mệnh lệnh của anh, tuy vậy tôi thật sự vui mừng để làm điều đó ở bất cứ hoàn cảnh nào. Cả đàn ông có những huy hiệu mà anh đang giữ còn trẻ nhưng là một chiến binh lớn, đã thắng tiến gần tới đẳng cấp của Tars Tarkas, người chỉ đứng thứ hai sau Lorquas Ptomel như anh đã biết. Anh là người thứ mười một, trong cộng đồng này chỉ có mười tù trưởng có đẳng cấp trên anh.”

“Và nếu tôi giết chết Lorquas Ptomel?” Tôi hỏi.

“Anh sẽ là người đứng đầu, John Carter. Nhưng anh chỉ có thể đạt được vinh dự đó bởi ý muốn của toàn thể hội đồng rằng Lorquas Ptomel sẽ đấu tay đôi với anh, hoặc là nếu ông ta tấn công anh, anh có thể giết ông ta để tự vệ, và nhờ đó đạt được vị trí đứng đầu.”

Tôi cười và thay đổi đề tài. Tôi chẳng mong muốn giết chết Lorquas Ptomel và trở thành một thủ lĩnh của người Thark chút nào.

Tôi cùng Sola và Dejah Thoris đi tìm một nơi ở mới, và tìm ra nó trong một tòa nhà gần khán phòng có kiến trúc kỳ lạ hơn nơi ở cũ nhiều. Chúng tôi cũng tìm thấy trong tòa nhà này những phòng ngủ thật sự với những cái giường cổ bằng kim loại được treo lên bằng những sợi xích vàng buông xuống từ trần nhà bằng cẩm thạch. Trang trí của căn phòng rất công phu, và không như những bức họa trong các tòa nhà khác mà tôi đã thấy, có rất nhiều tác phẩm vẽ người. Đó là những người giống như tôi và có màu da nhạt hơn nhiều so

với Dejah Thoris. Họ mặc những chiếc váy xinh đẹp mềm mại, đính nhiều kim loại và châu ngọc, và mái tóc của họ có màu vàng óng ánh hoặc hung đỏ. Những người đàn ông không có râu và chỉ có vài người mang vũ khí. Cảnh tượng mô tả phần lớn về những người có nước da sáng và màu tóc sáng đang chơi đùa.

Dejah Thoris đan hai tay lại trong một trạng thái ngất ngây khi nàng nhìn những kiệt tác này, chúng được chế tác bởi một chủng tộc đã tồn tại cách đây rất lâu; trong khi Sola, trái lại, rõ ràng không thèm nhìn chúng.

Chúng tôi quyết định dùng căn phòng nằm ở tầng hai và nhìn ra quảng trường này cho Sola và Dejah Thoris và một căn phòng khác kề bên và ở phía sau để nấu nướng và chứa đồ. Rồi tôi cử Sola mang tới những chăn mền và thức ăn, dụng cụ cần thiết, bảo nàng rằng tôi sẽ canh giữ Dejah Thoris cho tới khi nàng quay lại.

Khi Sola đi khỏi Dejah Thoris quay sang tôi với một nụ cười e thẹn.

“Nếu anh không từ bỏ tù nhân của mình, cô ta sẽ không chạy trốn, trừ phi đó là đi theo anh và khẩn cầu sự bảo vệ của anh, và anh có tha lỗi cho cô ấy vì những ý nghĩ xấu xa đối với anh trong mấy hôm vừa qua?”

“Cô nói đúng,” tôi đáp, “chúng ta sẽ không chạy trốn trừ khi chúng ta cùng đi với nhau.”

“Tôi đã nghe anh thách thức cái gã mà anh gọi là Tars Tarkas, và tôi biết địa vị của anh trong những người này, nhưng điều mà tôi không thể hiểu là phát biểu của anh rằng anh không phải là người Barsoom.

Vậy nhân danh tiền nhân đầu tiên của tôi, anh đến từ đâu? Anh vừa giống với dân tộc chúng tôi, lại vừa không giống. Anh nói ngôn ngữ của tôi, thế nhưng tôi nghe anh bảo với Tars Tarkas rằng anh chỉ vừa mới học nó gần đây. Tất cả những người Barsoom đều nói cùng một thứ tiếng, từ cực nam đến cực bắc, dù chữ viết của họ khác nhau. Chỉ trong thung lũng Dor, nơi con sông Iss đổ vào biển mất tích Korus, người ta cho là họ nói một thứ tiếng khác, và trừ những huyền thoại của tổ tiên chúng tôi, không có ghi chép nào về một người Barsoom quay trở về từ sông Iss, từ bờ biển Korus trong thung lũng Dor. Đừng bảo với tôi rằng anh đã trở về từ đó! Họ sẽ giết anh một cách dã man ở bất kỳ nơi đâu trên mặt đất của Barsoom nếu điều đó là sự thật; hãy nói với tôi không phải là như vậy!”

Đôi mắt nàng tràn ngập một ánh sáng kỳ lạ khác thường; giọng nói của nàng đầy vẻ van nài, và đôi tay nhỏ bé của nàng đặt lên ngực tôi, đè mạnh xuống như thể muốn vắt ra từ tim tôi một lời phủ nhận.

“Tôi không biết phong tục của cô, Dejah Thoris, nhưng ở bang Virginia của tôi một quý ông không nói dối để duy trì mạng sống của mình; tôi không ở Dor. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy dòng sông huyền bí Iss, biển mất tích Korus vẫn còn mất tích, như tới nay tôi được

biết. Cô có tin tôi không?”

Đột nhiên, tôi chợt nhận ra tôi rất lo rằng nàng sẽ không tin tôi. Không phải là tôi sợ những hậu quả của một niềm tin chung rằng tôi đã trở về từ thiên đường hay địa ngục của người Barsoom, hay bất cứ thứ gì người ta gọi nó. Vậy thì vì sao! Vì sao tôi quan tâm đến những gì nàng nghĩ? Tôi nhìn xuống nàng; gương mặt xinh đẹp của nàng ngẩng lên, đôi mắt diệu kỳ đang hé lộ sự sâu thẳm của linh hồn nàng. Và khi mắt tôi chạm vào mắt nàng tôi đã biết vì sao. Và tôi run bắn lên.

Hình như một làn cảm xúc tương tự cũng đang khuấy động trong lòng nàng. Nàng rời ra khỏi tôi với một tiếng thở dài, và ngẩng gương mặt xinh đẹp, nghiêm trang lên nhìn tôi, nàng nói thì thầm: “Tôi tin anh, John Carter. Tôi không biết một ‘quý ông’ là gì, và tôi cũng chưa bao giờ nghe nói về Virginia, nhưng ở Barsoom không người đàn ông nào nói dối. Nếu anh ta không muốn nói ra sự thật anh ta giữ im lặng. Virginia quê hương của anh ở đâu, John Carter?” nàng hỏi, và dường như cái tên đẹp đẽ của miền đất đẹp đẽ của tôi chưa bao giờ nghe êm dịu hơn khi nó được thốt ra từ đôi môi hoàn hảo đó.

“Tôi ở một thế giới khác.” Tôi đáp. “Hành tinh lớn Trái đất, nó quay quanh mặt trời chung của chúng ta và kẻ bên quỹ đạo của hành tinh Barsoom của cô, mà chúng tôi gọi là Hỏa tinh. Tôi không thể nói cho cô biết tôi đến đây bằng cách nào vì tôi cũng không biết. Nhưng tôi đang ở đây, và kể từ khi sự hiện diện của tôi cho phép tôi được phục vụ cho Dejah Thoris tôi rất vui mừng vì tôi đang ở đây.”

Nàng đắm đắm nhìn tôi thật lâu, đầy dò hỏi với đôi mắt bắn khoăn. Tôi biết rõ là thật khó lòng tin được những gì tôi nói, tôi cũng không thể hy vọng rằng nàng tin tôi dù tôi rất khao khát có được lòng tin và sự tôn trọng của nàng. Đúng hơn, tôi cũng không nên nói bất cứ điều gì về lai lịch của mình, nhưng không người đàn ông nào nhìn vào đôi mắt sâu thẳm đó mà có thể khước từ một mệnh lệnh nhẹ nhàng nhất của nàng.

Cuối cùng, nàng mỉm cười và nói: “Tôi phải tin mặc dù tôi không thể hiểu. Tôi có thể dễ dàng nhận thấy anh không phải là người Barsoom của thời này. Anh giống chúng tôi, thể nhưng lại khác. Nhưng vì sao tôi phải tự làm rối trí mình vì một vấn đề như vậy, khi trái tim tôi đã mách cho tôi biết rằng tôi tin bởi vì tôi muốn tin!”

Đó là một lập luận tốt, một lập luận tốt y như ở trái đất và đầy nữ tính, và nếu nó làm nàng hài lòng thì tất nhiên tôi nên chấp nhận nó. Thực sự, đó cũng là kiểu lập luận duy nhất có thể có đối với vấn đề của tôi. Rồi chúng tôi trò chuyện về những việc thông thường, mỗi bên hỏi và đáp với nhau nhiều chuyện. Nàng rất tò mò muốn biết những tập quán của dân tộc tôi và thể hiện một kiến thức đáng kể về các sự kiện trên Trái đất. Khi tôi hỏi nàng một cách thân mật hơn về việc có vẻ quen thuộc với những điều đó nàng cười và nói to:

“Sao à, mỗi học sinh ở Barsoom đều biết về địa lý, và quan tâm nhiều đến hệ động vật và hệ thực vật, cũng như lịch sử của hành tinh Trái đất, như anh gọi nó, ngang với của hành tinh của mình. Làm sao chúng tôi không thể nhìn thấy mọi thứ diễn ra trên Trái đất; nó không

phải đang treo lơ lửng giữa bầu trời trong tầm nhìn rất rõ hay sao?”

Điều này đã đánh bại tôi, tôi phải thú nhận, hoàn toàn giống như những phát biểu của tôi đã đánh bại nàng; và tôi bảo với nàng như thế. Khi đó, nàng giải thích khái quát về những thiết bị mà người dân của nàng đã dùng và hoàn chỉnh qua nhiều thời đại, cho phép họ thông qua một màn hình có thể nhìn thấy hình ảnh rõ ràng của những gì đang diễn ra trên bất cứ hành tinh nào và trên nhiều vì sao. Những hình ảnh này hoàn hảo về chi tiết đến nỗi khi được chụp lại và phóng lớn ra, những đối tượng không lớn hơn một lá cỏ cũng có thể nhìn thấy rõ ràng. Sau này, ở Helium, tôi đã nhìn thấy nhiều bức ảnh đó, cũng như những thiết bị làm ra chúng.

“Vậy, nếu cô rất quen thuộc với những điều trên trái đất, tại sao cô không nhận ra tôi giống như những cư dân của hành tinh đó?” Tôi hỏi.

Nàng lại mỉm cười như một người chiều theo một câu hỏi trẻ con.

“Bởi vì, John Carter à, hầu như mọi hành tinh và ngôi sao có các điều kiện khí quyển gần giống với của Barsoom, đều có những hình thức của đời sống động vật giống như anh và tôi, hơn nữa, người trái đất, hầu như không có ngoại lệ, che phủ thân thể họ với những thứ áo quần lạ lùng, và đội trên đầu những thứ xấu xí mà mục đích của nó chúng tôi không thể hiểu được; trong khi đó thì anh, khi được những người chiến binh Thark tìm thấy, hoàn toàn trần trụi.

“Sự kiện anh không đeo một vật trang sức nào là một chứng lý hùng hồn về nguồn gốc không phải là người Barsoom của anh, trong khi sự thiếu vắng những thứ che phủ kỳ cục lại gây ra sự ngờ vực về nguồn gốc trái đất của anh.”

Lúc đó, tôi kể lại những chi tiết của chuyến khởi hành từ trái đất của tôi, giải thích rằng thân thể của tôi nằm ở đó trong đầy đủ áo quần mà, đối với nàng, là những thứ trang phục lạ lùng của những người trần tục. Tới đây, Sola quay lại với những đồ đạc của chúng tôi và thẳng bệ mà nàng giám hộ, kẻ dĩ nhiên sẽ ở chung với họ.

Sola hỏi chúng tôi có ai đến gặp không khi nàng vắng mặt, và có vẻ rất ngạc nhiên khi chúng tôi đáp là không có. Hình như khi nàng đi tới tầng trên nơi chúng tôi từng cư ngụ, nàng đã gặp Sarkoja đi xuống. Chúng tôi xác định rằng hắn ả đã nghe lén, nhưng vì chúng tôi không nói điều gì quan trọng, chúng tôi xem chuyện xảy ra là chuyện nhỏ, chỉ tự hứa sẽ cảnh giác cao độ trong tương lai.

Rồi Dejah Thoris và tôi xem xét kiến trúc và các vật trang trí trong những gian phòng xinh đẹp của toà nhà đang chiếm giữ. Nàng bảo tôi rằng có lẽ những người này đã phát triển hưng thịnh trên một ngàn năm trước. Họ là những tổ tiên buổi đầu của chủng tộc nàng, nhưng đã lai tạp với một chủng tộc lớn khác của người Hòa tinh tiền sử có nước da rất tối, gần như màu đen, và cả với chủng tộc da màu vàng hung đang hưng thịnh ở cùng thời đại đó.

Ba nhánh lớn của người Hỏa tinh cao cấp này buộc phải hợp thành một liên minh hùng mạnh khi sự khô cạn của những biển cả Hỏa tinh khiến họ phải tìm kiếm những vùng đất phì nhiêu tương đối ít oi và luôn ở những nơi xa xôi, để tự bảo vệ dưới những điều kiện mới của cuộc sống, chống lại những bộ lạc hoang dã của người Hỏa tinh da xanh.

Nhiều niên kỷ quan hệ gần gũi và kết hôn qua lại đã tạo nên chủng tộc da đỏ mà trong đó có nàng thiếu nữ Dejah Thoris xinh xắn dễ thương. Trong suốt nhiều năm khó khăn vất vả và chiến tranh liên miên giữa nhiều chủng tộc khác nhau của họ, cũng như với người da xanh, và trước khi họ thích ứng với những điều kiện thay đổi, phần lớn nền văn minh cao cấp và nhiều nghệ thuật của người Hỏa tinh tóc sáng đã bị đánh mất, nhưng chủng tộc da đỏ ngày nay đã tiến tới một điểm mà nó tin rằng nó đã thiết lập lại với những phát hiện mới và nền văn minh này có tính thực hành nhiều hơn mọi thứ đã bị vùi chôn cùng với người Barsoom cổ đại, sau vô số năm bị ngắt quãng.

Những người Hỏa tinh cổ đại này là một chủng tộc có nền tri thức và văn học cao, nhưng trong những thăng trầm của bao thế kỷ luôn điều chỉnh với những điều kiện mới, không chỉ sự tiến bộ và sản phẩm của họ đã kết thúc hoàn toàn, mà trên thực tế, tất cả mọi văn thư lưu trữ, các ghi chép và văn học đều thất lạc.

Dejah Thoris nói đến nhiều sự kiện thú vị và huyền thoại liên quan tới chủng tộc những người cao quý và tốt đẹp đã diệt vong này. Nàng bảo rằng thành phố mà chúng tôi đang cắm trại được xem là một trung tâm của nền văn hóa và thương mại được biết đến với cái tên Korad. Nó đã được xây dựng trên một bến cảng tự nhiên xinh đẹp, được vây bọc bởi những ngọn đồi trắng lợt. Cái thung lũng nhỏ ở hướng tây của thành phố, nàng giải thích, là tất cả những gì còn lại của cái bến cảng, còn ngọn đèo băng qua những ngọn đồi tới đáy biển cạn đã từng là một con kênh để thuyền bè qua lại các cổng của thành phố.

Những bờ biển của các biển cổ đại đều có những thành phố như thế hoặc nhỏ hơn nằm rải rác, với số lượng giảm dần, được phát hiện hội tụ về trung tâm của những đại dương, vì người ta thấy cần phải theo những dòng nước đang rút dần cho tới khi sự cần yếu đã buộc họ thực hiện giải pháp cuối cùng, các con đường nước - cái mà trên trái đất chúng ta gọi là những kênh đào sao Hỏa.

Chúng tôi mê mải khám phá tòa nhà và trò chuyện đến nỗi trời đã xế chiều trước khi chúng tôi nhận ra. Chúng tôi bị đưa trở lại với những điều kiện hiện tại bởi một sứ giả mang tới một lệnh triệu tập từ Lorquas Ptomel yêu cầu tôi đến gặp ông ta ngay lập tức. Chào tạm biệt Dejah Thoris, Sola và ra lệnh cho Woola ở lại bảo vệ xong, tôi vội vã đi đến khán phòng. Ở đó tôi thấy Lorquas Ptomel và Tars Tarkas đang ngồi trên bục diễn đàn.

CHƯƠNG XII : NGƯỜI TÙ CÓ QUYỀN LỰC

Khi tôi bước vào và chào hỏi, Lorquas Ptomel ra hiệu cho tôi tới gần, và dán đôi mắt to xầu xí vào tôi, ông ta nói:

“Anh chỉ ở với chúng tôi đôi ba ngày, thế nhưng trong thời gian đó, với sự liều lĩnh của mình, anh đã chiếm được một địa vị cao trong số chúng tôi. Dù là như vậy, anh không phải là một trong số chúng tôi. Anh không có bổn phận gì với chúng tôi.”

“Vị trí của anh là một vị trí đặc biệt.” Ông ta nói tiếp. “Anh là một tù nhân nhưng anh có quyền ban những mệnh lệnh phải được tuân theo; anh là một người xa lạ nhưng lại là một tù trưởng của người Thark; anh là một chú bé tí hon nhưng anh lại có thể giết chết một chiến binh hùng mạnh bằng một cú đấm. Và giờ đây có người báo cáo rằng anh đang âm mưu bỏ trốn với một tù nhân khác thuộc một chủng tộc khác; một tù nhân mà, từ sự thú nhận của chính cô ta, nửa tin nửa ngờ rằng anh đã trở về từ thung lũng Dor. Một trong hai cáo buộc đó, nếu chứng minh được, đủ để hành hình anh, nhưng chúng tôi là những người công minh và anh sẽ phải được xét xử khi chúng ta quay về Thark, nếu Tal Hajus ra lệnh như thế.”

“Nhưng,” ông ta nói tiếp, với giọng dữ tợn, “nếu anh bỏ trốn với cô gái da đỏ thì chính tôi là người chịu trách nhiệm với Tal Hajus, chính tôi là người phải đối diện với Tars Tarkas, và một trong hai điều đó chứng tỏ rằng quyền ra lệnh của tôi, hay huy hiệu từ cái chết của tôi sẽ được chuyển cho một người tốt hơn, vì đó là phong tục của người Thark.”

“Tôi không có xích mích gì với Tars Tarkas; chúng tôi cùng nhau điều hành những người cao nhất trong các cộng đồng nhỏ hơn của người da xanh, chúng tôi không muốn đánh với nhau; và vì thế nếu anh chết, John Carter, tôi sẽ vui mừng. Tuy nhiên, chỉ dưới hai điều kiện, anh mới có thể bị chúng tôi giết mà không cần Tal Hajus ra lệnh; trong trận đấu cá nhân, trong tự vệ, nếu anh tấn công một trong hai chúng tôi, hoặc nếu chúng tôi biết rõ anh đang tìm cách bỏ trốn.”

“Vì công lý, tôi phải cảnh báo anh rằng chúng tôi chỉ chờ một trong hai cáo buộc này để thực thi một trách nhiệm to lớn như thế. Việc bàn giao một cách an toàn cô gái da đỏ cho Tal Hajus là điều quan trọng nhất. Cả ngàn năm nay người Thark mới bắt được một tù nhân như thế. Cô ta là cháu gái của một trong những jeddak lớn nhất của người da đỏ, và cũng là kẻ thù ác liệt nhất của chúng tôi. Tôi đã nói xong. Cô gái da đỏ bảo chúng tôi rằng chúng tôi không có những tình cảm dịu dàng hơn của loài người, nhưng chúng tôi là một chủng tộc công bằng và đáng tin cậy. Anh có thể đi rồi.”

Tôi quay lưng rời khỏi khán phòng. Vậy đây là sự khởi đầu của lời tố cáo của Sarkoja! Tôi biết rằng không ai khác có thể chịu trách nhiệm cho báo cáo đã tới tai của Lorquas Ptomel một cách nhanh chóng thế này, và giờ đây tôi nhớ lại từng phần của cuộc trò chuyện có liên quan tới việc bỏ trốn và nguồn gốc của tôi.

Vào thời điểm đó, Sarkoja là người đàn bà già nhất và đáng tin cậy nhất của Tars Tarkas. Như thế, à có một quyền lực đáng kể phía sau ngai vàng, vì không có chiến binh nào được Lorquas Ptomel tin tưởng tới mức đó như Tars Tarkas.

Tuy nhiên, thay vì quét khỏi đầu tôi những ý nghĩ về cuộc tẩu thoát có thể xảy ra, cuộc gặp mặt với Lorquas Ptomel chỉ giúp tôi tập trung mọi khả năng vào đề tài đó. Lúc này, hơn là trước đó, nhu cầu tuyệt đối của việc bỏ trốn, ở mức mà Dejah Thoris quan tâm, đã in đậm trong tôi, vì tôi tin chắc rằng một số phận khủng khiếp đang chờ nòng ở thủ phủ của Tal Hajus.

Như Sola đã mô tả, gã quái vật này là hiện thân của mọi thời đại độc ác, dã man và thô bạo mà từ đó ông ta xuất thân. Lạnh lùng, nhẫn tâm, đầy tính toán, ông ta còn là sự tương phản đáng kể với những người đồng chủng, một tên nô lệ cho niềm đam mê thô bạo.

Ý nghĩ rằng Dejah Thoris tuyệt trần có thể rơi vào nanh vuốt của một kẻ cực kỳ tàn bạo như thế khiến tôi đổ mồ hôi lạnh. Tốt hơn là chúng tôi nên dành lại những viên đạn thân hữu cho chính bản thân vào giây phút cuối, như những người phụ nữ vùng biên giới của quê hương đã mất của tôi đã làm. Họ thả tự sát chứ không chịu lọt vào tay của thổ dân da đỏ.

Khi tôi đi lang thang quanh quảng trường, chìm vào những dự cảm u ám của mình, Tars Tarkas tới gần tôi trên đường từ khán phòng ra. Thái độ của ông ta đối với tôi không thay đổi, và ông ta chào tôi như thể chúng tôi chưa hề chia tay trước đó không lâu.

“Anh cư ngụ ở đâu, John Carter?” Ông ta hỏi.

“Tôi chưa chọn,” tôi đáp. “Có lẽ tốt nhất tôi sẽ ở hoặc là một mình, hoặc là chung với những chiến binh khác, và tôi đang chờ cơ hội để nghe lời khuyên của ông. Như ông biết,” tôi mỉm cười, “tôi chưa quen với tất cả những tập quán của người Thark.”

“Đi với tôi.” Ông ta ra lệnh và chúng tôi cùng băng qua quảng trường tới một tòa nhà mà tôi vui mừng thấy rằng nó nằm kế bên tòa nhà mà Sola và những người nòng trông nom đang ở.

“Tôi ở tầng thứ nhất trong nhà này,” ông ta nói, “và tầng thứ hai cũng đã đầy người, nhưng tầng thứ ba và các tầng trên còn trống, anh có thể chọn trong số đó.”

“Tôi hiểu,” ông ta nói tiếp, “rằng anh đã cho người đàn bà của anh chăm sóc người tù da đỏ. Chà, như anh đã nói, cách của anh không phải là cách của chúng tôi, nhưng anh có thể chiến đấu tốt đủ để làm điều mà anh mong muốn, và cũng thế, nếu anh làm điều đó, đó là việc của anh; nhưng với tư cách một tù trưởng, anh nên có người phục vụ, và theo phong tục của chúng tôi, anh có thể chọn bất kỳ ai trong tất cả mọi phụ nữ tùy tùng của các tù trưởng mà anh đã thắng.”

Tôi cảm ơn, nhưng bảo đảm với ông ta rằng tôi có thể sống tốt mà không cần sự trợ giúp ngoại trừ vấn đề chuẩn bị thức ăn, và ông ta hứa sẽ cử người tới giúp tôi nấu ăn cũng như coi sóc các vũ khí và đạn dược của tôi, thứ mà ông ta cho là cần thiết. Tôi đề nghị rằng họ cũng có thể mang tới một vài tấm chăn và da thú chiến lợi phẩm thuộc về tôi, vì đêm khá lạnh và tôi không có thứ đó.

Ông ta hứa sẽ làm thế, rồi cất bước. Còn lại một mình, tôi đi theo hành lang lên những tầng trên để tìm một nơi thích hợp. Những thứ xinh đẹp của các tòa nhà khác cũng lặp lại ở đây, và như thường lệ, chẳng bao lâu sau tôi chìm đắm vào việc tham quan và khám phá.

Cuối cùng, tôi chọn một phòng mặt tiền ở tầng ba, vì nó mang tôi tới gần Dejah Thoris hơn, phòng của nàng ở tầng hai của nhà kế bên, và tôi chợt nhận ra rằng tôi có thể tạo ra vài phương tiện liên lạc nhờ đó nàng có thể ra dấu cho tôi trong trường hợp nàng cần sự phục vụ hay bảo vệ của tôi.

Kế bên phòng ngủ là phòng tắm và thay quần áo, và những phòng ngủ và sinh hoạt khác, tất cả khoảng mười phòng ở tầng ba này. Những cánh cửa sổ của các phòng phía sau nhìn xuống một cái sân lớn, trung tâm của một hình vuông tạo nên bởi các toà nhà giáp với những con đường ở bốn góc, và được biến thành nơi nhốt những con thú của các chiến binh đang trú ngụ trong các tòa nhà kề nhau đó.

Cái sân bị bao phủ bởi loài rêu vàng trải khắp bề mặt Hòa bình, có nhiều vòi nước, băng ghế, tượng và những thiết bị giống như những giàn dây leo làm chứng nhân cho vẻ đẹp của cái sân vào những thời đã trôi qua, khi được bố trí bởi những người tóc sáng vui tươi. Những luật pháp nghiêm khắc và hài hòa của họ đã xuất phát không chỉ từ quê hương họ mà còn từ tất cả, ngoại trừ những huyền thoại mơ hồ về tổ tiên của họ.

Người ta có thể dễ dàng hình dung ra vẻ đẹp lộng lẫy, hoa quả xum xuê của Hòa bình một thời từng phủ đầy phong cảnh nơi này với sức sống và màu sắc; những thân hình thanh tú của những phụ nữ xinh đẹp, những người đàn ông tuấn tú khôi ngô; bọn trẻ con nô đùa vui vẻ - tất cả đều sáng sủa, hạnh phúc và an bình. Khó mà nhận ra rằng họ đã mất đi; trải qua nhiều thế hệ tối tăm, độc ác và ngu dốt, cho tới khi những bản năng về văn hoá và nhân tính của lớp người hậu duệ đã một lần nữa đã cất lên ở chủng tộc hỗn hợp cuối cùng hiện nay đang thống trị Hòa bình.

Những ý nghĩ của tôi bị cắt ngang bởi sự xuất hiện của nhiều thiếu nữ vác những bọc vũ khí, vài vóc, da thú, châu báu, các đồ dùng nấu ăn và nhiều thùng thực phẩm và thức uống, bao gồm cả những thứ chiến lợi phẩm từ chiếc tàu bay. Tất cả những thứ này, hình như là tài sản của hai tù trưởng mà tôi đã giết, và giờ đây, theo tập tục của người Thark, đã trở thành sở hữu của tôi. Theo hướng dẫn của tôi, họ đặt mọi thứ vào một gian phòng, rồi đi khỏi, quay lại với chuyến vận chuyển thứ hai. Lần này đi cùng họ là mười hoặc mười lăm phụ nữ khác và những thanh niên, chắc là tùy tùng cũ của hai tay tù trưởng.

Họ không phải là người nhà, không phải là vợ mà cũng chẳng phải là người giúp việc của hai tay tù trưởng đó, mối quan hệ thật khác

thường, và khác biệt với bất cứ quan hệ nào mà chúng ta biết tới mức khó mà diễn tả được. Mọi tài sản trong cộng đồng người da xanh là sở hữu chung, ngoại trừ các vũ khí cá nhân, trang sức và vải vóc và da thú để ngủ của mỗi cá thể.

Một người nào đó chỉ có thể yêu cầu quyền bất khả tranh chấp những thứ này, anh ta cũng không thể tích lũy chúng nhiều hơn nhu cầu thật sự. Những thứ thừa thãi anh ta giữ đơn giản giống như là người canh giữ, và nó được chuyển cho các thành viên trẻ hơn của cộng đồng theo yêu cầu thiết yếu.

Đoàn phụ nữ và trẻ con tùy tùng của một người giống như là một đơn vị quân đội mà anh ta chịu trách nhiệm về nhiều mặt, như trong các vấn đề hướng dẫn, kỷ luật, nuôi dưỡng và những tình huống cấp bách của cuộc sống du mục và đánh nhau liên miên với các cộng đồng khác và với người da đỏ. Những người phụ nữ của anh ta không phải là những người vợ ở bất kỳ ý nghĩa nào. Người Hỏa tinh da xanh không có từ nào mang ý nghĩa của từ “vợ” trên trái đất. Việc kết đôi của họ đơn thuần là một vấn đề thuộc mối quan tâm cộng đồng, và không theo một chọn lựa tự nhiên nào. Hội đồng tù trưởng của mỗi cộng đồng điều hành vấn đề này cũng giống hệt như một con ngựa đua giống Kentucky dẫn dắt bầy đàn nó vì sự tiến triển của cả đàn.

Về mặt lý thuyết điều này nghe cũng tốt, như trường hợp thông thường với những lý thuyết, nhưng kết quả của nhiều thời đại thực hành sự việc phi tự nhiên này, cộng thêm việc cộng đồng quan tâm tới đứa con cao hơn nhiều so với người mẹ, đã bộc lộ ra sự tồn tại tối tăm, u ám và không có tình yêu ở những sinh vật lạnh lẽo, độc ác này.

Nhận ra rằng tôi phải gánh vác trách nhiệm đối với những người này, dù muốn hay không, tôi thực hiện điều tốt nhất và lệnh cho họ đi tìm nơi cư trú ở những tầng trên, để tầng thứ ba cho tôi. Tôi giao cho một trong những cô gái bốn phận nấu những thức ăn đơn giản cho tôi, và bảo những người khác thực hiện nhiều hoạt động khác nhau mà trước đây họ đã từng làm. Sau đó, tôi ít khi gặp họ, và cũng không quan tâm tới.

CHƯƠNG XIII: MÔI TRƯỜNG Ở HỎA TINH

Sau trận chiến với đoàn tàu bay, cộng đồng ở lại thành phố đó nhiều ngày, hoãn lại việc hành quân về nhà cho tới khi họ cảm thấy chắc chắn rằng những con tàu không quay lại, vì bị bắt trên những cánh đồng trống với đoàn xe và bọn trẻ con là điều mà ngay cả một dân tộc rất hiếu chiến như người Hỏa tinh da xanh cũng không hề mong muốn.

Trong thời gian không hoạt động gì, Tars Tarkas đã hướng dẫn tôi nhiều tập tục và nghệ thuật chiến tranh quen thuộc của người Thark, bao gồm những bài học về việc cưới và dẫn dắt những con thú lớn của các chiến binh. Những con thú này, có cái tên chung là “thoat”, cũng nguy hiểm và như hung tợn như chủ của chúng, nhưng khi đã bị chinh phục thì rất dễ sai khiến một cách hữu hiệu cho các mục đích của người Hỏa tinh da xanh.

Hai con thú loại này đã lọt vào tay tôi từ hai tù trưởng đã chết, và trong một thời gian ngắn tôi đã có thể điều khiển chúng không kém những chiến binh bản xứ. Phương pháp không có gì là phức tạp. Nếu những con “thoat” không phản ứng một cách hiệu quả với những hướng dẫn ngoại cảm của người cưới, chúng sẽ nhận được một cú đập kinh khủng bằng báng súng ngắn vào giữa hai tai, và nếu chúng tỏ vẻ kháng cự, cách đối xử này được tiếp tục cho tới khi con vật thuần phục hoặc hất người cưới xuống đất.

Ở trường hợp nói sau, nó trở thành một cuộc đấu tranh chết sống giữa người và thú. Nếu con người đủ nhanh nhẹn với khẩu súng của mình, anh ta có thể còn sống để cưới tiếp tục, dù trên lưng một con “thoat” khác; nếu không, thân thể rách nát tả tơi của anh ta sẽ được những nữ tùy tùng gom lại và hỏa thiêu theo tập tục của người Thark.

Kinh nghiệm của tôi với Woola khiến tôi quyết tâm thực nghiệm lòng tốt trong cách đối xử với hai con “thoat” của tôi. Đầu tiên, tôi dạy chúng rằng chúng không thể hất ngã tôi, và thậm chí còn gõ nhẹ vào giữa hai tai chúng để gây ấn tượng cho chúng về thẩm quyền và tính cách chủ nhân của tôi. Rồi dần dần tôi chiếm được lòng tin của chúng theo cùng một cách thức mà tôi đã áp dụng vô số lần với những con ngựa của tôi.

Trong vòng vài ngày hai con “thoat” của tôi là một sự kỳ diệu đối với cả cộng đồng. Chúng đi theo tôi như hai con chó, chà cái mõm to lớn của chúng vào người tôi một cách thân thiện và đáp lại mọi mệnh lệnh của tôi với sự sốt sắng và ngoan ngoãn khiến những chiến binh Hỏa tinh nghĩ rằng tôi sở hữu một quyền lực nào đó chưa từng có ở Hỏa tinh.

“Anh đã bỏ bùa mê cho chúng bằng cách nào vậy?” Một buổi chiều Tars Tarkas hỏi khi nhìn thấy tôi đưa cánh tay vào giữa hai cái hàm to lớn của một trong hai con “thoat” của tôi, để gỡ một mảnh đá đã nhét vào kẻ răng khi nó ăn thứ cỏ giống rêu trong sân nhà.

“Bằng lòng tốt,” tôi đáp. “Ông thầy đó, Tars Tarkas, những tình cảm dịu dàng có giá trị của chúng, ngay cả với một chiến binh. Ở chiến trận cũng như trong hành quân, tôi biết hai con thoát của tôi sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh của tôi, và do đó khả năng chiến đấu của tôi được nâng lên, và tôi là một chiến binh giỏi hơn vì tôi là một ông chủ tốt. Những chiến binh khác của ông có thể nhận ra rằng việc làm theo phương pháp của tôi ở phương diện này sẽ có lợi cho họ cũng như cho cộng đồng. Chỉ một vài hôm kể từ khi ông, chính ông, bảo với tôi rằng những con vật to lớn này, do tính tình bất nhất của chúng, thường là phương tiện để chuyển thắng thành bại, bởi vì, ở một khoảnh khắc quyết định, chúng có thể lỏng lên hất ngã và đạp lên người cưỡi.”

“Chỉ cho tôi anh đã đạt được những kết quả này bằng cách nào,” là câu đáp duy nhất của Tars Tarkas.

Thế là tôi giải thích thật tỉ mỉ toàn bộ phương pháp huấn luyện mà tôi áp dụng đối với lũ thú, và sau đó ông ta bảo tôi lặp lại với Lorquas Ptomel và các chiến binh trong hội đồng. Giây phút đó đánh dấu sự bắt đầu của một cuộc sống mới đối với những con vật khốn khổ và trước khi rời khỏi cộng đồng của Lorquas Ptomel, tôi đã quan sát một cách hài lòng một trung đoàn các con vật ngoan ngoãn và nhanh nhẹn mà người ta mong muốn nhìn thấy. Hiệu quả đối với độ chính xác và sự nhanh nhạy của các hoạt động quân sự đáng kể đến mức Lorquas Ptomel ban tặng cho tôi một chiếc vòng vàng mà ông ta đeo ở cổ chân, như là một dấu hiệu biết ơn đối với sự phục vụ bộ tộc của tôi.

Vào ngày thứ bảy kể từ cuộc chiến với đoàn tàu bay, chúng tôi lại hành quân tới Thark, mọi khả năng có một cuộc tấn công khác có vẻ như đã xa xôi đối với Lorquas Ptomel.

Trong những ngày trước khi lên đường tôi ít gặp Dejah Thoris vì luôn bận rộn với những bài học về nghệ thuật chiến tranh của Tars Tarkas và việc huấn luyện hai con ngựa sao Hỏa. Một đôi lần tôi ghé qua chỗ ở của nàng thì nàng lại vắng mặt, đi dạo trên đường với Sola hoặc tham quan những tòa nhà trong vùng phụ cận của quảng trường. Tôi đã cảnh báo họ không được đi quá xa khỏi quảng trường vì sợ họ gặp phải bọn khi đột trắng hung tợn mà tôi đã quá biết rõ. Tuy nhiên, vì có Sola cùng đi trong tất cả các chuyến thám hiểm, và vì Sola vũ trang tốt, cũng không có gì đáng phải lo ngại cho lắm.

Vào chiều hôm trước ngày khởi hành, tôi nhìn thấy họ đi dọc theo một trong những đại lộ từ quảng trường dẫn tới hướng đông. Tôi bước tới gặp họ, và bảo Sola rằng tôi sẽ chịu trách nhiệm giữ an toàn cho Dejah Thoris và lệnh cho nàng quay về nơi ở để làm vài việc vặt. Tôi thích và tin tưởng Sola, nhưng vì một lý do nào đó tôi muốn được ở một mình với Dejah Thoris, người đại diện cho tất cả những gì tôi đã bỏ lại trên Trái đất. Dường như có những mối ràng buộc mạnh mẽ từ sự quan tâm chung giữa chúng tôi, như thể chúng tôi đã cùng sinh ra dưới một mái nhà chứ không phải từ hai hành tinh khác nhau, cách nhau đến khoảng bốn mươi tám triệu dặm xa xôi.

Tôi chắc chắn rằng nàng cũng chia sẻ những tình cảm của tôi ở khía cạnh này, vì khi tôi tới gần, vẻ đáng thương tuyệt vọng tan biến khỏi gương mặt yêu kiều của nàng và được thay thế bởi một nụ cười hân hoan chào đón, khi nàng đặt bàn tay phải bé nhỏ lên vai trái của tôi

theo kiểu chào chính thống của người Hòa tinh da đỏ.

“Sarkoja bảo tôi rằng anh đã trở thành một người Thark thực thụ,” nàng nói, “và rằng kể từ nay tôi sẽ không gặp anh thường xuyên nữa.”

“Sakoja là một kẻ dối trá hàng đầu,” tôi đáp, “mặc dù người Thark vẫn tuyệt đối tự hào về sự trung thực.”

Dejah Thoris cười to.

“Tôi biết rằng ngay cả khi anh trở thành một thành viên của cộng đồng, anh cũng sẽ không chấm dứt tình bạn với tôi. ‘Một chiến binh có thể thay đổi huy hiệu, nhưng không thay trái tim của anh ta’, như một câu tục ngữ ở Barsoom.”

“Tôi cho là họ đang cố ngăn cách chúng ta,” nàng nói tiếp, “vì bất cứ lúc nào anh hết nhiệm vụ thì một trong những người phụ nữ lớn tuổi của Tars Tarkas luôn luôn kiểm soát gì đó để làm cho Sola và tôi đi khuất mắt. Họ bắt tôi đi xuống những cái hầm bên dưới các tòa nhà để giúp họ trộn thứ thuốc súng phóng xạ đáng sợ và chế tạo những khẩu súng kinh khủng của họ. Anh biết rằng những thứ này được sản xuất dưới ánh sáng nhân tạo, vì nếu đưa ra ánh nắng chúng sẽ phát nổ. Anh có nhận thấy rằng đạn của họ nổ khi chúng chạm vào một đối tượng không? Ô, lớp bọc chắn sáng phía ngoài bị vỡ ra do lực va chạm, để lộ ra một ống thủy tinh gần như đặc, ở đầu của nó là một mảnh bột radium. Khi ánh mặt trời, dù đã bị khuếch tán, chạm vào chất bột này nó sẽ nổ với một sức mạnh không gì có thể chịu nổi. Nếu anh có bao giờ chứng kiến một trận đánh vào ban đêm anh sẽ nhận thấy không có những vụ nổ này, nhưng vào buổi sáng sau đó khi nắng lên những viên đạn bắn vào hôm trước sẽ phát nổ. Tuy nhiên, như một nguyên tắc, những viên đạn không nổ được dùng vào ban đêm. *[Tôi đã dùng từ radium để mô tả loại thuốc nổ này vì theo những khám phá gần đây trên Trái đất tôi tin rằng nó là một hỗn hợp mà radium là thành phần chính. Trong bản thảo của Đại úy Carter nó luôn được nói tới với một cái tên được dùng trong ngôn ngữ viết ở Helium và viết theo lối chữ tượng hình, do đó việc giới thiệu từ đó với các bạn gặp khó khăn và cũng chỉ là vô ích.]*

Trong khi tôi đang rất chú ý đến lời giải thích của Dejah Thoris, tôi còn quan tâm hơn đến vấn đề trước mắt, cách họ đối xử với nàng. Việc họ giữ nàng cách xa tôi không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng việc họ bắt nàng làm việc một cách nguy hiểm và khổ cực khiến tôi nổi giận.

“Họ có bắt cô phải gánh chịu sự tàn ác và ô nhục không Dejah Thoris?” Tôi hỏi, cảm thấy dòng máu nóng của các tổ tiên chiến binh đang sôi lên trong huyết quản khi chờ câu đáp của nàng.

“Chỉ hơi hơi thôi, John Carter,” nàng đáp. “Không có gì có thể làm tổn thương lòng kiêu hãnh của tôi. Họ biết rằng tôi là con gái của mười ngàn Jeddak, rằng tôi quay lại theo con đường của tiền nhân mà không làm hỏng công trình nào của kẻ xây dựng lên con kênh đào vĩ đại đầu tiên. Còn họ, những kẻ thậm chí không biết mẹ mình là ai, thì ghen tỵ với tôi. Sâu trong tim, họ ghét định mệnh kinh tởm của họ và do thế nên họ đã bắt tôi, người đại diện cho mọi thứ mà họ không có và cho mọi thứ mà họ khát khao nhưng không bao giờ đạt được, phải

gánh chịu sự oán hận của họ. Hãy thương hại họ, tù trưởng của tôi, vì dù chúng ta có chết trong tay họ, chúng ta vẫn có thể thương hại họ, vì chúng ta vĩ đại hơn họ và họ biết điều này.”

Nếu tôi biết được ý nghĩa của những từ “tù trưởng của tôi” mà một phụ nữ da đỏ Hỏa tinh thốt ra với một người đàn ông, hẳn tôi đã phải rất ngạc nhiên, nhưng khi đó và thậm chí nhiều tháng sau đó tôi chưa biết. Vâng, tôi vẫn còn phải học hỏi nhiều về Barsoom.

“Tôi cho rằng khôn ngoan nhất là chúng ta nên tuân theo số phận với thái độ càng tốt bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, Dejah Thoris. Nhưng, dù sao đi nữa, tôi hy vọng rằng lần sau tôi sẽ có thể hiện diện khi bất kỳ người Hỏa tinh nào, xanh, đỏ, hồng hay tím, dám liều lĩnh ngay cả cau mày với cô, công chúa của tôi.”

Dejah Thoris nín thở khi nghe tôi nói mấy từ cuối, và đắm đắm nhìn tôi với đôi mắt mờ to, rồi thở gấp và rồi, với một giọng cười khúc khích kỳ lạ, đem tới những lúm đồng tiền tình nghịch ở khoé miệng, nàng lắc đầu và nói to:

“Thật là trẻ con! Một chiến binh vĩ đại thế nhưng lại là một cậu bé con lóng ngóng.”

“Tôi đã làm gì sai à?” Tôi bối rối hỏi nàng.

“Một ngày nào đó anh sẽ biết, John Carter, nếu chúng ta còn sống. Nhưng tôi không thể nói với anh. Và tôi, con gái của Mors Kajak - con trai của Tardos Mors - đã nghe mà không nổi giận.” Nàng như tự nhủ khi kết luận.

Rồi nàng lại quay về với trạng thái vui vẻ, hạnh phúc cũ, trêu đùa tôi về lòng dũng cảm như một chiến binh Thark trái ngược hẳn với con tim mềm yếu và lòng tốt tự nhiên của tôi.

“Tôi cho rằng nếu tình cờ anh làm bị thương một kẻ thù anh sẽ đưa hắn về nhà và chăm sóc hắn cho tới khi lành lặn?” Nàng cười.

“Đó chính xác là điều mà chúng tôi làm trên trái đất,” tôi đáp. “Ít nhất là ở những người văn minh.”

Câu đáp này khiến nàng lại bật cười. Nàng không thể hiểu được, bởi vì, với tất cả sự dịu dàng ngọt ngào nữ tính của mình, nàng vẫn là một người sao Hỏa, và đối với một người sao Hỏa, kẻ thù tốt duy nhất là một kẻ thù đã chết; vì mỗi kẻ thù chết có ý nghĩa rất nhiều đối với phần được chia của những người còn sống.

Tôi rất thất vọng muốn biết lúc này tôi đã nói gì hay làm gì khiến cho nàng lo lắng, do đó tôi tiếp tục nài nỉ nàng giúp cho tôi sáng tỏ.

“Không,” nàng đáp, “anh đã nói và tôi đã nghe thấy, thế là đã đủ. Khi anh đã hiểu và nếu tôi chết, John Carter, rất có thể tôi sẽ ở trước vầng trăng nhỏ xoay quanh Barsoom mười hai lần, hãy nhớ rằng tôi đã nghe và tôi... đã cười.”

Tôi không hiểu ý nàng, nhưng càng nài nỉ nàng giải thích nàng càng dứt khoát khước từ yêu cầu của tôi, và thế là, trong tâm trạng vô cùng tuyệt vọng, tôi ngưng lại.

Lúc này, ngày đã chuyển sang đêm và khi chúng tôi đi dọc theo con đường lớn được soi sáng bởi hai vầng trăng sao Hỏa và với trái đất đang tỏa một vầng sáng xanh dịu dịu, dường như cả hai chúng tôi đang đơn độc giữa vũ trụ, và ít nhất, tôi cũng hài lòng nếu là như vậy.

Cái lạnh của đêm sao Hỏa ập xuống người chúng tôi, tôi tháo tấm lụa của mình ra choàng lên vai của Dejah Thoris. Khi cánh tay tôi đặt lên người nàng trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy một cơn rùng mình chạy xuyên qua mỗi thớ thịt của tôi, sự tiếp xúc với bất kỳ ai khác chưa bao giờ mang đến cho tôi cảm giác đó, và dường như nàng hơi tựa nhẹ vào người tôi, nhưng tôi không dám chắc điều này. Tôi chỉ biết rằng cánh tay tôi nằm trên vai nàng lâu hơn hành động choàng tấm lụa, và nàng không nói gì cả. Và thế là, trong im lặng, chúng tôi bước đi trên bề mặt của một thế giới đang hấp hối, nhưng trong ngực của mỗi chúng tôi ít nhất đã nảy sinh một điều xưa cũ nhất, thế nhưng vẫn luôn mới mẻ.

Tôi đã yêu Dejah Thoris. Sự tiếp xúc của tay tôi trên bờ vai trần của nàng đã nói với tôi bằng những lời tôi không thể nào làm được, và tôi biết rằng tôi đã yêu nàng ngay từ giây phút đầu tiên khi mắt tôi bắt gặp mắt nàng lần đầu ở quảng trường của thành phố chết Korad.

CHƯƠNG XIV: MỘT CUỘC THÁCH ĐẤU

Niềm thôi thúc đầu tiên là nói với nàng tình yêu của tôi, nhưng rồi tôi nghĩ tới tình trạng tuyệt vọng của nàng khi chỉ có mình tôi là có thể làm nhẹ đi gánh nặng tù đày và bảo vệ nàng theo cách thức yếu ớt của tôi để chống lại hàng ngàn kẻ thù cha truyền con nối mà nàng phải đối mặt khi chúng tôi tới Thark. Tôi không thể ngẫu nhiên khiến cho nàng thêm đau đớn hay phiền muộn bằng cách thừa nhận một tình yêu mà trong mọi khả năng cho phép nàng không thể đáp lại. Nếu tôi không thận trọng, nàng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn bây giờ, và ý nghĩ rằng nàng có thể cảm thấy tôi đã lợi dụng sự tuyệt vọng đó để tác động đến quyết định của nàng là nguyên do cuối cùng khiến cho tôi đành chôn giấu mối tình.

“Vì sao cô lặng lẽ thế, Dejah Thoris?” Tôi hỏi. “Có lẽ cô nên quay lại với Sola và nơi trú ngụ của mình.”

“Không,” nàng khẽ đáp, “tôi hạnh phúc ở đây. Tôi không biết vì sao như vậy. Tôi luôn luôn thấy hạnh phúc và hài lòng khi anh, một người xa lạ, đang ở cùng tôi, John Carter ạ. Những lúc ấy hình như tôi thấy an toàn khi nghĩ rằng, cùng với anh, tôi có thể quay lại vương quốc của cha tôi và cảm nhận vòng tay mạnh mẽ của ông quanh người tôi và những giọt nước mắt, những nụ hôn của mẹ tôi lên má.

“Mọi người hôn nhau trên sao Hỏa à?” Tôi hỏi, khi nàng giải thích từ nàng đã sử dụng, để trả lời thắc mắc của tôi về ý nghĩa của nó.

“Bố mẹ, anh em, chị em, vâng, và,” nàng nói thêm với một giọng thấp, trầm tư, “những kẻ yêu nhau.”

“Và cô, Dejah Thoris, có ba mẹ, anh em và chị em?”

“Vâng.”

“Và một người yêu?”

Nàng im lặng, và tôi không dám lặp lại câu hỏi.

“Đàn ông ở Barsoom,” cuối cùng nàng nói, “không hỏi những câu hỏi riêng tư như thế với phụ nữ, trừ mẹ của anh ta, và người phụ nữ mà vì nàng anh ta đã chiến đấu và chiến thắng.”

“Nhưng tôi đã chiến đấu...” Tôi bật thốt, và ước gì lưỡi của tôi bị cắt khỏi miệng, vì nàng quay lại ngay khi tôi giật mình ngưng nói, và kéo

mảnh lụa của tôi khỏi vai, nâng đưa trả cho tôi, rồi không nói một lời nào, đầu ngẩng cao, nâng bước đi với dáng điệu của một nữ hoàng hướng về quang trường và lối vào tòa nhà của mình.

Tôi không cố đi theo nàng, mà chỉ đứng nhìn xem nàng có an toàn về tới nhà không, rồi ra lệnh cho Woola đi cùng nàng, tôi chán chường quay về nhà của mình. Tôi ngồi bó gối hàng giờ trên những lớp vải lụa, cố lắng những cảm xúc xuống, suy tư về những ngẫu nhĩ lạ lùng thường đùa cợt với linh hồn khốn khổ của chúng ta.

Đây là tình yêu! Tôi đã trốn khỏi nó suốt bao nhiêu năm rong ruổi qua năm lục địa và những biển cả bao bọc chúng, không ngó ngang đến những phụ nữ xinh đẹp và những cơ may thúc hối; không ngó ngang đến niềm khao khát nửa vời đối với tình yêu và sự tìm kiếm thường trực con người lý tưởng của tôi, để rồi lại rơi một cách phẫn nộ và tuyệt vọng vào một mối tình với một sinh vật ở một thế giới khác, thuộc một chủng loại tuy tương tự nhưng không đồng nhất với chủng loại của tôi. Một người đàn bà nở ra từ một quả trứng, và có thể sống tới một ngàn tuổi; với những đồng loại có những tập tục và ý tưởng lạ lùng; một người đàn bà mà niềm hy vọng, những thú vui, những chuẩn mực về đức hạnh và những điều phải quấy của nàng khác rất xa với của tôi, như đã thấy ở những người Hòa tinh da xanh.

Phải, tôi là một tên khờ, nhưng tôi đang yêu, và dù phải chịu sự bất hạnh lớn nhất mà tôi từng biết tôi cũng không thể làm khác được. Tình yêu là thế đó, và những kẻ yêu nhau ở bất cứ nơi nào con người biết yêu là thế đó.

Với tôi, Dejah Thoris là tất cả những gì hoàn hảo nhất; tất cả đều đức hạnh, đẹp dễ, cao quý và tốt lành. Tôi tin vào điều đó từ đáy tim tôi, từ sâu thẳm hồn tôi vào đêm hôm đó ở Korad, khi tôi ngồi bó gối trên những tấm lụa và khi vàng trắng lớn của Barsoon trôi nhanh qua bầu trời hướng tây để tới chân trời, soi sáng những hình chạm trổ bằng vàng và cẩm thạch và châu ngọc trong gian phòng của tôi, và tôi vẫn tin vào điều đó ngay hôm nay, khi tôi ngồi ở bàn viết trong căn phòng đọc sách nhỏ nhìn ra dòng sông Hudson. Hai mươi năm đã trôi qua. Trong đó có mười năm tôi sống và chiến đấu vì Dejah Thoris và dân chúng của nàng, và mười năm tôi sống trong hồi ức về nàng.

Buổi sáng chúng tôi xuất phát về Thark trời trong và nắng nóng, như mọi buổi sáng Hòa tinh, ngoại trừ sáu tuần khi băng tuyết tan chảy ở hai cực của hành tinh.

Tôi tìm thấy Dejah Thoris trong đoàn xe đang xuất phát, nhưng nàng quay lưng lại phía tôi, và tôi có thể nhìn thấy máu đỏ bùng trên gương mặt của nàng. Với sự mâu thuẫn ngốc nghếch của mối tình, tôi đã lặng im khi lẽ ra tôi có thể bảo chữa cho sự thiếu hiểu biết, hay ít nhất cũng là sự nghiêm túc, trong bản chất của sự xúc phạm của tôi, và nhờ đó tệ ra cũng hòa giải được phần nào với nàng.

Bồn phận của tôi nhắc cho tôi nhớ tôi phải nhìn xem nàng có thoải mái không, thế nên tôi nhìn vào cổ xe của nàng và sắp xếp lại các tấm lụa và da thú của nàng. Trong lúc đang làm việc đó, tôi hoảng hốt khi nhận thấy nàng bị xiềng chặt một cổ chân vào hông của cổ xe.

“Điều này có nghĩa là gì?” Tôi hét lên, quay sang Sola.



“Sarkoja nghĩ rằng tốt nhất nên như thế.” Nàng đáp, về mặt nàng cho thấy nàng không đồng ý với cách làm đó.

Khi xem xét cái cùm, tôi thấy rằng nó có một cái khóa nhíp to lớn.

“Chìa khóa đâu Sola? Đưa nó cho tôi.”

“Sarkoja đeo nó, John Carter.” Nàng đáp.

Tôi quay đi không nói thêm lời nào và tìm ra Tars Tarkas. Tôi phản đối dữ dội những cách đối xử tàn ác và làm nhục không cần thiết đối với Dejah Thoris.

“John Carter,” ông ta đáp, “nếu có lúc nào mà anh và Dejah Thoris bỏ trốn khỏi người Thark thì đó chính là trong cuộc hành trình này. Chúng tôi biết rằng anh sẽ không bỏ đi mà không có cô ta. Anh đã chứng tỏ mình là một chiến binh hùng mạnh, và chúng tôi không muốn xiềng anh lại, nếu không thì cùm cả hai người là cách dễ dàng nhất để bảo đảm an toàn. Tôi đã nói xong”.

Tôi tìm thấy Dejah Thoris trong đoàn xe đang xuất phát.

Tôi nhìn thấy ngay sức mạnh trong lý lẽ của ông ta, và biết rằng van nài là điều vô ích, nhưng tôi yêu cầu nên lấy lại chìa khoá từ Sarkoja và rằng cô ta nên được lệnh để yên cho tù nhân trong tương lai.

“Điều này, ông có thể thực hiện cho tôi để đáp lại tình bạn mà tôi phải thú nhận tôi cảm thấy đối với ông, Tars Tarkas.”

“Tình bạn à?” Ông ta đáp. “Không có cái thứ đó đâu, John Carter, nhưng nếu anh muốn, tôi sẽ lệnh cho Sarkoja thôi quấy rầy cô gái, và tự tôi sẽ giữ chìa khóa.”

“Trừ phi ông muốn tôi chịu trách nhiệm làm việc đó.” Tôi đáp, mỉm cười.

Ông ta nghiêm trang nhìn tôi hồi lâu rồi nói:

“Nếu anh nói với tôi rằng cả anh và Dejah Thoris sẽ không cố tìm cách bỏ trốn cho tới khi chúng ta tới cung điện của Tal Hajus an toàn, anh sẽ có chìa khoá và có thể ném cái cùm xuống sông Iss.”

“Tốt hơn là ông nên giữ chìa khoá, Tars Tarkas.” Tôi đáp.

Ông ta mỉm cười và không nói gì nữa, nhưng đêm đó khi đang chuẩn bị trại ngủ tôi nhìn thấy ông ta tự mở cùm cho Dejah Thoris.

Với sự độc ác và lạnh lùng của Tars Tarkas, đây là một dòng chảy ngầm của một cái gì đó trong lòng ông ta mà dường như ông ta đã đấu tranh để vượt qua. Có thể đó là tàn tích của một bản năng con người nào đó của tổ tiên đã ám ảnh ông ta với nỗi sợ hãi các cách thức của đồng loại!

Khi tôi tới cỗ xe của Dejah Thoris, tôi đi ngang qua Sarkoja, và cái nhìn đen tối, nham hiểm ả gửi cho tôi là niềm an ủi ngọt ngào nhất mà tôi cảm thấy trong suốt nhiều giờ. Chúa ơi, ả ghét tôi làm sao! Sự căm ghét dựng lên như lông nhím từ ả một cách rõ ràng đến nỗi người ta gần như có thể cắt nó bằng một thanh gươm.

Một lúc sau, tôi thấy ả nói chuyện thân mật với một chiến binh tên là Zad - một gã to lớn, vụng về, thô lỗ, chưa bao giờ giết chết một ai trong số các tù trưởng, vì cái tên thứ hai chỉ có khi người ta chiếm được huy hiệu của một tù trưởng nào đó. Theo phong tục, tôi được ban cho những cái tên của những kẻ tôi giết chết. Thực tế, một số tù trưởng gọi tôi là Dotar Sojat, kết hợp tên của hai tù trưởng mà tôi đã đánh bại, hay nói cách khác, là đã giết chết trong một trận đấu công bằng.

Khi Sarkoja nói chuyện với Zad, đôi lúc hắn liếc nhìn về hướng tôi, trong khi đó hình như ả đang thôi thúc hắn làm một điều gì đó. Tôi không chú ý đến việc này lắm vào lúc đó, nhưng hôm sau, tôi có lý do để nhớ lại những tình huống đó, và đồng thời nhìn sâu vào sự căm ghét của Sarkoja và thời gian dài mà ả đã chờ đợi để phục thù tôi.

Chiều hôm đó, Dejah Thoris lại không thèm ngó tới tôi, dù tôi gọi tên nàng, nàng cũng không đáp lại, thậm chí không rung động một mí mắt để tỏ ra nàng nhận thấy sự tồn tại của tôi. Trong nỗi khốn khổ tột cùng, tôi đã làm điều mà phần lớn những kẻ đang yêu sẽ làm: tôi tìm cách thăm dò nàng thông qua một người thân. Trong trường hợp này đó là Sola, tôi chặn nàng lại ở một nơi khác trong khu trại.

“Có chuyện gì với Dejah Thoris?” Tôi buộc miệng hỏi. “Vì sao cô ấy không nói chuyện với tôi?”

Sola hình như cũng thấy bối rối, như thể những hành vi lạ lùng đó là của hai con người hoàn toàn khác hẳn với nàng, vì thật sự họ là như vậy, những đứa bé con khốn khổ.

“Cô ta nói anh đã chọc giận cô ta, và đó là tất cả những gì cô ấy nói, ngoại trừ rằng cô ta là con gái của một vị Jed và là cháu nội của một Jeddak và cô ta đã bị làm nhục bởi một kẻ không đáng để chải răng cho con sorak của bà cô ta.”

Tôi suy nghĩ về lời tường thuật này một lúc, rồi cuối cùng hỏi: “Con ‘sorak’ là con gì vậy, Sola?”

“Một con thú nhô lớn cỡ bàn tay tôi mà người Hòa tinh da đỏ nuôi cho vui.” Sola giải thích.

Không đáng cãi rằng cho con mèo của bà nằng! Tôi đã bị hạ giá khá nhiều trong suy nghĩ của Dejah Thoris, tôi nghĩ thầm. Nhưng tôi không thể không bật cười với tính chất lạ lùng của câu nói, rất quen thuộc và ở khía cạnh này rất giống ở trái đất. Nó làm cho tôi nhớ quê nhà, vì nghe nó rất giống với câu “không đáng lau giày cho cô ta.” Và lúc đó một dòng ý tưởng hoàn toàn mới mẽ ào đến với tôi. Tôi bắt đầu tự hỏi những người ở quê nhà tôi đang làm gì. Tôi không gặp họ đã nhiều năm. Có một gia tộc Carter ở Virginia có quan hệ rất gần với tôi. Tôi được xem là một ông chú vĩ đại, hoặc một vị trí nào đó ngớ ngẩn tương tự. Tôi có thể lang thang khắp chốn trong suốt hai mươi lăm đến ba mươi năm, và làm một ông chú vĩ đại dường như luôn là một điều cực kỳ phi lý, vì các ý nghĩ và cảm giác của tôi là của một cậu nhóc. Có hai đứa nhỏ ở gia đình Carter mà tôi rất mến yêu và chúng từng cho là không có ai trên Trái đất giống như chú Jack. Tôi có thể nhìn thấy chúng một cách rõ ràng khi đứng đó dưới bầu trời ngập ánh trắng của Barsoom, và tôi nhớ chúng như chưa bao giờ nhớ người nào đến vậy trước đó. Với bản tính của một gã lang thang, tôi chưa bao giờ biết ý nghĩa thật sự của từ quê nhà, nhưng căn phòng lớn của gia đình Carter luôn luôn đại diện cho tất cả những ý nghĩa của từ đó đối với tôi, và giờ đây trái tim tôi hướng về nó từ giữa những con người lạnh lùng và không thân thiện mà tôi bị ném vào. Không phải là ngay cả Dejah Thoris cũng coi thường tôi hay sao! Tôi là một sinh vật bậc thấp, thấp đến nỗi trong thực tế tôi thậm chí không đáng để cãi rằng cho con mèo của bà nằng; và rồi cảm giác hải hước còn sót lại đã cứu vớt tôi, và vừa cười to tôi vừa lăn mình vào đồng lúa và da thú và ngủ thiếp đi trên mặt đất ngập ánh trắng, giấc ngủ của một chiến sĩ mệt mỏi và khỏe mạnh.

Chúng tôi dỡ trại vào sáng sớm hôm sau và hành quân cho tới tối, chỉ dừng lại nghỉ một lần. Có hai sự cố đã phá vỡ sự buồn tẻ của cuộc hành quân. Vào khoảng trưa, chúng tôi nhìn thấy xa xa bên tay phải một cái gì đó giống như một lồng ấp, và Lorquas Ptomet lệnh cho Tars Tarkas tới điều tra. Ông ta điều thêm khoản chục chiến binh, trong đó có tôi, và chúng tôi băng qua thảm rêu tới gần cái lồng ấp nhỏ.

Đó thật sự là một cái lồng ấp, nhưng những quả trứng rất nhỏ so với những quả mà tôi đã từng thấy khi mới tới Hòa bình.

Tars Tarkas xuống ngựa và kiểm tra cẩn thận cái lồng ấp, cuối cùng thông báo rằng nó thuộc về người da xanh ở Warhoon và rằng bức tường rào đã gần khô.

“Chúng không thể xa hơn một ngày đường ở phía trước chúng ta.” Ông ta nói, ánh sáng của chiến trận lướt qua gương mặt dữ tợn.

Công việc ở cái lồng ấp thật sự ngăn ngại. Các chiến binh phá vỡ lối vào và một vài người bò vào, đập vỡ toàn bộ trứng với những thanh kiếm ngắn. Rồi lên ngựa trở lại, chúng tôi phi nhanh về nỗi vào đoàn xe. Trên đường quay lại, tôi tranh thủ hỏi Tars Tarkas có phải là những người Warhoon mà chúng tôi đã hủy trứng là một dân tộc bé nhỏ hơn người Thark.

“Tôi nhận thấy trứng của họ nhỏ hơn trứng mà tôi thấy trong lồng ấp của các ông nhiều.” Tôi nói thêm.

Ông ta giải thích rằng những quả trứng chỉ vừa được đặt vào đó; nhưng, như trứng của mọi dân tộc da xanh, chúng sẽ lớn lên trong thời

gian năm năm ấp cho tới khi chúng to bằng những quả trứng mà tôi đã thấy lúc mới tới Hỏa tinh. Đây đúng là một thông tin thú vị, vì tôi luôn tự hỏi rằng làm sao những phụ nữ Hỏa tinh da xanh, dù to lớn như thế, có thể đẻ ra những quả trứng khổng lồ mà từ đó nở ra những đứa trẻ sơ sinh cao bốn bộ. Thật ra, trứng mới đẻ chỉ lớn hơn trứng ngỗng một chút, và nếu như nó không tiếp tục lớn cho tới khi được đưa ra ánh mặt trời, những viên tù trưởng sẽ gặp chút ít khó khăn khi vận chuyển hàng trăm quả một lần từ các hầm trữ tới các lồng ấp.

Không lâu sau sự cố đó, chúng tôi dừng lại cho các con thú nghỉ, và trong chuyến nghỉ giải lao đó sự kiện thú vị thứ hai trong ngày xảy ra. Tôi đang thay đổi các mảnh vải lót đệm từ một trong hai con ngựa sang con kia, vì tôi đã chia phần việc trong ngày cho chúng, thì Zad tiến gần, và không nói lời nào, hấn gior thanh kiếm ngắn đâm một cú mạnh vào con thú của tôi.

Tôi không cần phải có một quyền cảm nang nghi thức xã giao của người da xanh mới biết cần làm gì đáp lại, vì trên thực tế, tôi phần nào đến nỗi gần như không thể kèm được việc rút khẩu súng ngắn ra và bắn hạ hấn vì hành động thô bạo đó; nhưng hấn đứng chờ với thanh kiếm dài vừa rút ra, và chọn lựa duy nhất của tôi là rút kiếm của mình và gặp hấn trong một trận đấu công bằng theo sự chọn lựa vũ khí của hấn hoặc một thứ vũ khí khác ngắn hơn.

Chọn lựa thứ hai luôn luôn được cho phép, do đó tôi có thể sử dụng thanh kiếm ngắn, con dao găm, cái rìu hoặc nắm đấm của mình tùy thích, nhưng tôi không thể sử dụng súng hay một lưỡi giáo trong khi hấn chỉ có thanh kiếm dài. Tôi chọn loại vũ khí y như hấn vì tôi biết hấn từng tự hào với khả năng sử dụng kiếm dài, và tôi muốn, nếu tôi biến hấn thành kẻ tệ nhất, thì tốt nhất là làm điều đó với chính thứ vũ khí của hấn. Cuộc đấu sau đó kéo dài và làm hoãn cuộc hành quân lại suốt một giờ. Toàn thể cộng đồng vây quanh chúng tôi, chừa ra một khoảng rộng có đường kính khoảng một trăm bộ cho cuộc đấu.

Đầu tiên Zad cố tìm cách quật ngã tôi như một con bò mộng hạ một con sói, nhưng tôi quá nhanh nhẹn so với hấn và cứ mỗi lần tôi né sang một bên hấn lại lao qua tôi, chỉ để nhận lãnh một cú chém lên cánh tay hay lưng hấn. Chẳng bao lâu người hấn đã ướt đầm máu do khoảng nửa tá vết thương nhẹ, nhưng tôi không có khoảng trống cần thiết để thực hiện một cú đâm hiệu quả. Thế rồi hấn thay đổi chiến thuật, chiến đấu một cách thận trọng và cực kỳ khéo léo. Hấn cố thực hiện một cách khoa học điều mà hấn không thể làm với sức mạnh vũ phu. Tôi phải thừa nhận rằng hấn là một kiếm sĩ tuyệt vời, và nếu tôi không có một sức chịu đựng cao và sự nhanh nhẹn nhờ trọng lực yếu hơn của sao Hỏa, có lẽ tôi không thể kết thúc cuộc chiến đấu về vang này.

Chúng tôi di chuyển một lúc theo đường tròn, không gây nguy hại gì lẫn cho nhau, hai thanh kiếm dài thẳng, mũi nhọn như kim lấp lánh dưới ánh nắng, giằng co lại chạm nhau toé lửa. Cuối cùng, nhận ra rằng hấn mất sức nhiều hơn tôi, Zad quyết định kết thúc trận đấu với một chiến thắng lừng lẫy cho mình, hấn xông lên vừa khi một luồng sáng loé ập vào mắt tôi khiến tôi không thể nhìn thấy gì và chỉ có thể phóng sang một bên một cách mù quáng, cảm thấy lưỡi kiếm của hấn lướt qua người, và vai trái tôi đau nhói. Trong một thoáng liếc nhìn để xác định lại vị trí của đối phương, một cảnh tượng đập vào đôi mắt sùng sốt của tôi. Trên cỗ xe của Dejah Thoris có ba người đang đứng chứng kiến trận đấu. Đó là Dejah Thoris, Sola và Sarkoja, và khi cái nhìn của tôi lướt qua họ, một hoạt cảnh nhỏ diễn ra đã chôn sâu

vào kỷ ức của tôi cho tới tận ngày chết.

Dejah Thoris quay sang Sarkoja với sự cuồng nộ của một con hổ cái và hất một vật đó khỏi cánh tay đang giơ cao của ả; một cái gì đó loé lên dưới ánh mặt trời khi nó rơi xuống đất. Lúc ấy, tôi nhận ra cái gì đã làm tôi không nhìn thấy gì cả ở khoảnh khắc trọng yếu vừa qua của trận đấu, và Sakoja đã làm gì để tìm cách giết tôi mà không cần dùng đến lưỡi gươm. Một điều khác mà tôi nhìn thấy khiến tôi suýt chút đã mất mạng ngay lúc đó, vì nó làm tôi trong thoáng chốc quên hẳn sự có mặt của đối thủ. Bởi vì, khi Dejah Thoris hất tẩm gương nhỏ khỏi tay ả, Sarkoja, với nét mặt hằn lên sự căm ghét và giận dữ, rút con dao găm của ả ra và đâm một cú khùng khiếp vào Dejah Thoris. Và Sola, chính Sola thân mến và trung thành của chúng tôi lao vào giữa hai người, điều cuối cùng tôi nhìn thấy là lưỡi dao nhọn ngấp sâu vào lồng ngực của nàng.

Đối thủ của tôi đã quay lại sau cú đâm và đang tập trung chú ý vào tôi, và tôi thì lại đang để hồn vào bên ngoài trận đấu. Chúng tôi cuồng nộ lao vào nhau hết lần này sang lần khác, cho tới khi đột nhiên, cảm thấy mũi kiếm nhọn của hấn trên ngực tôi trong một cú đâm, không thể đỡ gạt đi mà cũng không thể né khỏi, tôi lao người vào hấn với thanh kiếm chia thặng và với toàn bộ sức nặng của tôi, xác định sẽ cùng hấn lưỡng bại câu thương. Tôi cảm thấy lưỡi thép xuyên vào ngực tôi, và mọi thứ trở nên đen ngòm trước mắt, đầu tôi xoay tròn choáng váng và tôi cảm thấy đôi chân mình quy xuống.

CHƯƠNG XV: CÂU CHUYỆN ĐỜI CỦA SOLA

Khi tỉnh táo trở lại, và như tôi sớm nhận ra, tôi chỉ ngã xuống trong giây lát, tôi nhanh nhẹn nhồm người đứng lên tìm thanh kiếm, và tôi tìm ra nó, đang cắm sâu đến tận cán vào lồng ngực xanh của Zad. Hắn nằm chết cứng trên lớp thảm rêu của đáy biển cạn cổ xưa. Vũ khí của hắn đâm vào ngực trái tôi, nhưng chỉ xuyên qua lớp cơ bao phủ xương ngực, gần giữa ngực và xuyên ra ngoài ở bên dưới vai. Khi lao vào hắn, tôi đã hơi xoay người khiến kiếm của hắn chỉ xuyên qua phần mềm, gây nên một vết thương đau đớn nhưng không nguy hiểm.

Rút lưỡi kiếm của Zad ra khỏi ngực mình, tôi bước tới thu hồi lại thanh kiếm trên người Zad và quay lưng rời khỏi cái xác chết xấu xí của hắn, tôi bước đi, đau đớn, yếu ớt và phần nộ tới cổ xe chở đoàn tùy tùng và đồ đạc của tôi. Một tràng hoan hô của bọn người da xanh nổ ra chúc mừng tôi, nhưng tôi không quan tâm tới nó.

Người đâm máu và yếu ớt, tôi tới những người phụ nữ của tôi. Đã quen với những chuyện như thế, họ băng bó cho tôi, dùng những thứ thuốc thoa kỳ diệu chỉ dành cho những vết thương chí tử. Cái chết đã phải tháo lui. Chẳng bao lâu tôi đã hồi phục lại nhiều, ngoại trừ sự yếu ớt do mất nhiều máu và chút đau đớn quanh vết thương, cú đâm này không nguy hại gì cho lắm.

Ngay khi họ rời khỏi tôi, tôi vội vã đi tới cỗ xe của Dejah Thoris. Tôi trông thấy Sola tội nghiệp với bộ ngực quần đầy băng đang đứng gần cỗ xe. Lưỡi dao găm của Sarkoja đã đâm phải rìa của một vật trang sức kim loại trên ngực Sola nên bị chệch đi và chỉ gây một vết thương nhẹ ở phần mềm.

Khi tới gần, tôi nhìn thấy Dejah Thoris đang nằm sấp trên đồng lưa và da thú, thân hình bé nhỏ của nàng run lên với những đợt nức nở. Nàng không nhận ra sự hiện diện của tôi, và cũng không nghe thấy tiếng tôi trò chuyện với Sola.

“Cô ấy có bị thương không?” Tôi hỏi Sola, hắt đầu về phía Dejah Thoris..

“Không,” nàng đáp, “cô ấy nghĩ rằng anh đã chết.”

“Và có lẽ con mèo của bà nàng không còn ai để chải răng cho nó?” Tôi mỉm cười hỏi.

“Tôi nghĩ là anh đã sai rồi, John Carter.” Sola bảo. “Tôi không hiểu cái cách của cô ấy cũng như của anh, nhưng tôi dám chắc rằng con cháu của một ngàn Jeddak không bao giờ đau khổ đến thế vì bất kỳ kẻ nào khác trừ người đã chiếm được vị trí cao nhất trong tình cảm của cô ấy. Họ là một giống người kiêu hãnh, nhưng họ cũng giống như mọi người Barsoom khác, và anh hẳn đã làm tổn thương hoặc làm cô ấy đau khổ đến nỗi cô ấy không muốn thừa nhận rằng anh đang còn sống, dù cô ấy than khóc khi tưởng anh đã chết.”

“Nước mắt là một sự lạ lùng trên Barsoom,” nàng nói tiếp, “và tôi khó mà diễn dịch được ý nghĩa của nó. Cả đời tôi, tôi chỉ từng nhìn thấy hai người khóc, nhưng khác với Dejah Thoris, một người khóc vì nỗi buồn, người kia vì cơn giận do thất bại. Người thứ nhất là mẹ tôi, cách đây nhiều năm trước khi người ta giết bà; người thứ hai là Sarkoja, khi họ kéo ả ra khỏi tôi ngay hôm nay.”

“Mẹ cô!” Tôi cảm thán. “Nhưng mà, Sola, làm sao cô có thể biết được mẹ mình.”

“Nhưng tôi đã biết. Và cả cha tôi nữa.” Nàng nói thêm. “Nếu anh muốn nghe một câu chuyện kỳ lạ và không có tính chất của người Barsoom hãy tới cỗ xe tôi vào tối nay, John Carter, tôi sẽ kể cho anh nghe điều mà tôi chưa bao giờ nói ra trong đời mình trước đây. Đã có lệnh tiếp tục hành quân rồi, anh đi đi.”

“Tối nay tôi sẽ tới, Sola.” Tôi hứa. “Hãy chắc là sẽ bảo cho Dejah Thoris biết tôi còn sống và khỏe mạnh. Và chắc rằng cô không để cho cô ấy biết tôi đã nhìn thấy cô ấy khóc. Nếu cô ấy chịu nói chuyện với tôi, tôi sẽ chờ nghe yêu cầu của cô ấy.”

Sola leo lên cỗ xe đang nổi vào hàng ngũ, còn tôi vội vã quay lại con ngựa đang đứng chờ và phi nước kiệu tới vị trí của tôi ở sau Tars Tarkas ở phía sau đội hình.

Chúng tôi tạo thành một quang cảnh hùng vĩ và đáng sợ khi băng qua vùng đất màu vàng. Hai trăm năm mươi cỗ xe lộng lẫy và rực rỡ đủ màu, dẫn đầu là toán bảo vệ tiên phong với chũm hai trăm kỵ binh và tù trưởng, và ở phía sau là số quân tương đương, cùng với một quân số kỵ binh tương đương hoặc nhiều hơn ở hai bên sườn đội hình. Trên năm mươi con voi răng mấu hoặc những con quái thú có tên gọi là “zitidar” và trên năm hoặc sáu trăm con ngựa của các chiến binh đang chạy theo một đội hình hình vuông bao quanh bởi những chiến binh. Những thứ trang sức bằng kim loại và châu báu lấp lánh của những người đàn ông và phụ nữ, những bản sao giống hệt trên lớp đệm phủ lưng của những con và ngựa Hòa tinh, và được tô điểm thêm bởi màu sắc óng ánh của những tấm lụa, da thú và lông chim lộng lẫy, khoác lên đoàn xe cộ một vẻ tráng lệ man rợ có thể khiến cho một đại tù trưởng thổ dân da đỏ ở miền đông (Mỹ) phải xanh mặt vì ghen tỵ.

Những cái bánh xe rộng lớn của các cỗ xe và và móng guốc trần của các con thú lướt đi êm ái không một tiếng động trên đáy biển phủ rêu, và chúng tôi cứ tiến lên trong sự im lặng tuyệt đối, như một ảo ảnh khổng lồ nào đó, ngoại trừ khi sự im lặng bị phá vỡ bởi tiếng gầm gừ trong cổ họng của một con voi bị đâm bằng gậy nhọn, hay tiếng hí của những con ngựa. Những người Hòa tinh da xanh trò chuyện rất ít và thường là bằng những từ đơn tiết, trầm và gần giống như âm thanh rền rền của một tiếng sấm phía xa.

Chúng tôi băng qua một vùng đất đầy rêu không một vết đường mòn, bị ép xuống dưới sức nặng của những bánh xe lớn và chân thú rồi lại nảy lên phía sau lưng chúng tôi, không để lại một dấu hiệu gì rằng chúng tôi vừa đi qua đó. Thật sự, chúng tôi giống như hồn ma của

những người chết trong quá khứ lướt trên cái biển chết của cái hành tinh đang hấp hối với tất cả những âm thanh và cảnh tượng mà chúng tôi tạo nên khi đi qua đó. Lần đầu tiên, tôi chứng kiến một cuộc hành quân của một đội hình lớn người và thú mà không khuấy bụi mù trời và không để lại chút dấu vết nào. Bởi vì trên sao Hỏa không có bụi ngoại trừ ở những vùng trống trọt vào những tháng gió nhiều, và thậm chí, khi không có những cơn gió lớn hầu như người ta cũng không nhìn thấy bụi.

Đêm đó chúng tôi cắm trại ở chân của dãy đồi tạo thành ranh giới ở phía nam cái biển chết mà chúng tôi đã đi qua suốt hai ngày nay. Đã hai hôm những con thú không được uống, và chúng cũng đã không được uống nước suốt gần hai tháng sau khi rời khỏi Thark. Nhưng như Tars Tarkas giải thích với tôi, chúng chỉ cần rất ít nước và có thể sống vô hạn định nhờ vào thứ rêu bao phủ trên Barsoom. Thứ rêu đó, ông bảo tôi, giữ trong những cái lá bé xíu của nó độ ẩm đủ để đáp ứng cho nhu cầu ít ỏi của lũ súc vật.

Sau khi ăn xong khẩu phần bữa chiều với thứ thức ăn giống như bơ và sữa thực vật tôi đi tìm Sola. Tôi gặp nàng đang ngồi làm việc dưới ánh đuốc, nét mặt nàng rạng rỡ niềm vui khi đón chào tôi.

“Tôi mừng là anh đã tới.” Nàng nói. “Dejah Thoris đã ngủ và tôi thấy cô đơn. Người dân của tôi không quan tâm tới tôi, John Carter, tôi quá khác với họ. Đây là một định mệnh đáng buồn, vì tôi phải sống với họ. Tôi thường ước ao giá mà tôi là một phụ nữ Hỏa tinh da xanh thật sự, không biết yêu thương và không biết hy vọng. Nhưng tôi đã biết tình yêu và vì thế mà tôi đã mất mát.

“Tôi đã hứa kể cho anh nghe câu chuyện của tôi, hay đúng hơn là câu chuyện của cha mẹ tôi. Từ những gì tôi hiểu được về anh và cách sống của người dân của anh, tôi chắc rằng câu chuyện này với anh sẽ không lạ lẫm gì, nhưng ở người Hỏa tinh da xanh nó không giống với ký ức của những người Thark già nhất còn đang sống, mà những huyền thoại của chúng tôi cũng không có những câu chuyện tương tự.

“Mẹ tôi khá nhỏ bé. Thực tế là quá nhỏ để được phép làm mẹ, vì những tù trưởng của chúng tôi quan tâm chủ yếu tới tầm vóc. Bà cũng ít lạnh lùng và độc ác hơn phần đông những người đàn bà da xanh, và ít chú ý tới xã hội của họ. Bà thường đi lang thang một mình trên những con đường vắng vẻ của Thark, hoặc tới ngồi giữa những lùm cây hoa dại trên những ngọn đồi gần đó, nghĩ những ý tưởng và ước những điều ước mà tôi tin là chỉ có tôi trong số những người đàn bà Thark ngày nay mới có thể hiểu được, vì không phải tôi là con của mẹ tôi sao?”

“Và ở đó, giữa những ngọn đồi, bà đã gặp một chiến binh trẻ tuổi, người có bốn phận canh giữ những con voi và ngựa đang ăn rêu để ngăn chúng đi ra phía ngoài những ngọn đồi. Đầu tiên họ chỉ nói với nhau về những thứ mà cộng đồng Thark quan tâm, nhưng dần dần, khi họ gặp nhau thường xuyên hơn, và hoàn toàn rõ ràng với cả hai là không còn do tình cờ nữa, họ nói về bản thân, về những sở thích, về những ước vọng và hy vọng của mình. Bà tin ông ta và kể cho ông ta nghe về sự kính trọng của bà đối với sự tàn ác của dòng giống họ, đối với cuộc đời xấu xa, không có tình yêu mà họ đang sống, và sau đó, bà chờ đợi cơn bão phản đối sẽ nổ ra từ đôi môi cứng rắn,

lạnh lùng của ông ta; nhưng thay vì thế, ông ta ôm bà vào lòng và hôn bà.

“Họ giữ bí mật mối tình của mình suốt sáu năm trời. Bà, mẹ tôi, là người hầu của Tal Hajus vĩ đại, còn người yêu của bà chỉ là một chiến binh tầm thường, chỉ mang huy hiệu của chính ông ta. Nếu sự phản bội các truyền thống của người Thark của họ bị phát giác, cả hai sẽ phải bị tử hình trong đấu trường lớn trước mặt Tal Hajus và hội đồng tù trưởng.

“Quả trứng mà từ đó nở ra tôi được giấu bên dưới một cái lọ thủy tinh lớn trên ngọn tháp cao nhất và khó lên nhất trong số những ngọn tháp đã đổ nát một phần của đô thị Thark cổ. Mỗi năm một lần, mẹ tôi đến thăm nó trong suốt năm năm dài nó nằm ở đó trong quá trình ấp trứng. Bà không dám đến thường xuyên hơn, vì từ khả năng trực giác mạnh mẽ của mình, bà e rằng mọi việc đi lại của bà đã bị theo dõi. Trong thời gian này cha tôi đã lập được nhiều chiến công với tư cách một chiến binh và đã thu được nhiều huy hiệu của các tù trưởng khác. Tình yêu của ông đối với mẹ tôi không bao giờ phai nhạt, và tham vọng trong đời ông là đạt tới địa vị nơi ông có thể đoạt lấy huy hiệu của chính Hal Tajus, và do đó, trở thành người cai trị của dân Thark, được tự do tuyên bố bà là của riêng ông, cũng như, với quyền uy của mình, có thể bảo vệ cho đứa con, ngược lại, nó sẽ nhanh chóng bị giết chết một khi sự thật bị tiết lộ.”

“Đó là một giấc mơ mãnh liệt, giấc mơ về việc đoạt lấy huy hiệu của Tal Hajus trong năm năm ngắn ngủi, nhưng ông tiến bộ rất nhanh, chẳng bao lâu đã chiếm địa vị cao trong hội đồng của Thark. Nhưng một ngày nọ, cơ may đã bị đánh mất mãi mãi, trong chùng mực nó có thể đến đúng thời điểm để cứu lấy những người mà ông yêu mến, vì ông được lệnh lên đường trong một cuộc viễn chinh tới cực nam băng giá, gây chiến với cư dân ở đó và cướp đoạt đa thú của họ, đó là cách sử xử của người Barsoom da xanh - họ không lao động để làm ra thứ mà họ có thể tước đoạt từ những người khác.”

“Ông đã đi suốt bốn năm, và khi ông quay về, tất cả đã xảy ra đối với cả ba chúng tôi. Vì khoảng một năm sau khi ông lên đường, và một thời gian ngắn trước cuộc quay về của một đoàn viễn chinh đã lên đường trước đó để xem xét những kết quả của một lòng ấp của cộng đồng, quả trứng đã nở. Sau đó, mẹ tôi tiếp tục giữ tôi trong ngôi tháp cổ, đến thăm tôi hàng đêm và rộng rãi ban phát cho tôi tình yêu mà cuộc sống cộng đồng đã tước đoạt của cả hai. Bà hy vọng rằng, khi đoàn viễn chinh đến lòng ấp trở về, bà sẽ lên cho tôi vào hoà lẫn với những đứa trẻ được chỉ định về chỗ ở của Tal Hajus, và nhờ đó thoát khỏi số mệnh chắc chắn sẽ đến nếu tôi lỗi chống lại truyền thống xưa cũ của bà bị phát hiện ra.”

“Bà nhanh chóng dạy tôi ngôn ngữ và các tập tục của dân tộc và một đêm bà kể cho tôi nghe câu chuyện mà tôi đang kể cho anh nghe. Bà nhấn mạnh với tôi cần tuyệt đối giữ bí mật và cực kỳ cảnh giác sau khi đã ở giữa bọn trẻ con Thark khác, không được để cho ai đoán ra là tôi đã có học vấn hơn chúng, và cũng không được biểu lộ bất cứ một dấu hiệu tình cảm gì với bà trước mặt những người khác, hoặc việc tôi biết cha mẹ mình là ai; rồi kéo tôi tới gần, bà khẽ nói vào tai tôi tên của cha tôi.”

“Rồi khi ấy một luồng sáng loé lên trong bóng tối của căn phòng trên ngọn tháp. Và Sarkoja đứng đó, đôi mắt sáng ngời, hiểm ác của ả

dẫn vào mẹ tôi. Sự căm ghét và và khinh bỉ của ả khiến trái tim thơ trẻ của tôi lạnh đi vì khủng khiếp. Rõ ràng là ả đã nghe thấy toàn bộ câu chuyện, rõ ràng là ả đã nghi ngờ với sự vắng mặt hàng đêm của mẹ tôi nên đã theo dõi và tới đó vào cái đêm định mệnh ấy.

“Một điều mà ả không nghe hoặc không biết được, là lời thề thì cái tên của cha tôi. Điều này là hiển nhiên vì ả liên tục bắt buộc mẹ tôi nói ra tên của người đồng phạm, nhưng bao nhiêu sĩ nhục hay đe dọa của ả đều vô ích, và để cứu tôi khỏi chịu sự hành hạ tàn ác của ả, mẹ tôi đã nói dối, bà bảo Sarkoja rằng chỉ có mình bà biết và chưa bao giờ nói cho ai biết, kể cả con của bà.

“Sau những câu chửi rủa, Sarkoja vội vã đến báo cáo với Tal Hajus về phát hiện của ả, và trong lúc ả đi khỏi, mẹ tôi bọc tôi vào những tấm lụa và da thú khoác trên người bà để không ai chú ý, rồi bà đi xuống đường, chạy điên cuồng tới vùng ngoại ô thành phố, hướng về phía miền nam xa xôi, về phía người đàn ông mà bà không thể yêu cầu sự bảo vệ của ông ta, mà chỉ để nhìn thấy một lần nữa gương mặt của ông trước khi chết.

“Khi chúng tôi tới gần ranh giới phía nam thành phố, một âm thanh vọng tới chúng tôi xuyên qua đồng rêu hoang vắng, từ hướng của ngọn đồi duy nhất băng qua những ngọn đồi dẫn tới các cánh cổng, ngọn đồi mà các đoàn xe từ hướng bắc hay hướng nam hay hướng tây đều phải băng qua để vào thành phố. Âm thanh mà chúng tôi nghe là tiếng hí của những con ngựa và tiếng gầm của những con voi, với tiếng loảng xoảng của vũ khí báo hiệu rằng một đoàn binh đang tiến tới gần. Ý nghĩ trên hết của mẹ tôi là đó chính là cha tôi quay về từ cuộc viễn chinh, nhưng sự cảnh giác của người Thark ngăn bà lao xuống mừng đón ông một cách nồng nhiệt vội vàng.

“Nấp vào bóng tối của một lối vào, và chờ đợi đoàn xe tới. Khi khúc đầu của đoàn xe đi qua chỗ chúng tôi, vầng trăng nhỏ hơn bùng lên trên những mái che và thấp sáng quang cảnh với ánh sáng lộng lẫy của nó. Mẹ tôi lúi vào dưới bóng tối thân thiện, và từ nơi nấp, bà nhìn thấy đó không phải là đoàn của cha tôi, mà là là đoàn xe mang bọn trẻ con mới nở trở về. Ngay lúc đó bà nghĩ ra một kế, và khi một cỗ xe lớn lướt qua gần nơi nấp của chúng tôi, bà lén lút nhảy lên tấm ván chặn hậu, co mình thấp dưới bóng của bọc cao, bà ôm tôi vào ngực với một tình yêu cuồng loạn.

“Bà biết rằng, sau đêm đó sẽ không bao giờ bà có thể ôm tôi vào lòng, cũng sẽ không bao giờ gặp mặt nhau được nữa. Giữa đám hỗn loạn của quảng trường bà bỏ tôi trộn lẫn với những đứa trẻ con khác, những người canh gác chúng trong cuộc hành trình lúc bấy giờ đã thôi không thực hiện trách nhiệm của họ nữa. Chúng tôi được đưa vào một căn phòng lớn, được những người phụ nữ không tháp tùng theo đoàn xe cho ăn, và hôm sau chúng tôi được chia ra theo những đám tùy tùng của các tù trưởng.

“Sau đêm đó, tôi không bao giờ gặp lại mẹ tôi. Bà bị Tal Hajus nhốt vào ngục. Mọi nỗ lực, kể cả những cuộc hành hạ kinh khủng và đáng hổ thẹn nhất để buộc bà nói ra tên của cha tôi đều thất bại. Bà vẫn im lặng một cách kiên cường và trung thành cho tới phút lìa đời vì sự hành hạ dã man, giữa tiếng cười của Tal Hajus và những tù trưởng.

“Sau đó, tôi biết được bà đã bảo với họ rằng bà đã giết tôi để cứu tôi khỏi phải chịu một số phận như bà trong bàn tay của họ, và đã quảng xác tôi cho lũ khi đột trắng. Chỉ có Sarkoja là không tin bà, và tôi cảm thấy kể từ ngày đó ả đã nghi ngờ nguồn gốc của tôi, nhưng không dám biểu lộ ra với tôi, bởi vì, tôi chắc chắn rằng ả cũng đã đoán được nhân thân của cha tôi.

“Khi ông quay về từ cuộc thám hiểm và nghe Tal Hajus kể lại tấn thảm kịch của mẹ tôi, tôi cũng có mặt ở đó, nhưng ông không biểu lộ một cảm xúc gì, thậm chí không run một cơ mặt nào, mà chỉ không cười khi Tal Hajus mô tả một cách khoái trá những cuộc chiến đấu với cái chết của mẹ tôi. Kể từ đó trở đi, ông là kẻ độc ác nhất trong những kẻ độc ác, và tôi đang chờ đợi ngày ông đạt tới đích tham vọng của mình, giết chết Tal Hajus, vì tôi chắc chắn rằng ông chỉ chờ cơ hội để thực hiện một cuộc báo thù khủng khiếp, rằng tình yêu vĩ đại trong ngực ông vẫn mạnh mẽ như cách đây bốn mươi năm, như tôi đang có khi chúng ta ngồi đây, ở bờ của một cái biển chết trong khi mọi người đang say ngủ, John Carter à.”

“Vậy bây giờ cha của cô có đi cùng chúng ta không, Sola?” Tôi hỏi.

“Có,” nàng đáp, “nhưng ông không biết tôi là ai, và cũng không biết ai đã phản phúc báo cáo với Tal Hajus về mẹ tôi. Chỉ có tôi biết tên của cha tôi, và chỉ có tôi, Tal Hajus và Sarkoja biết rằng ả đã đưa đến sự khổ nhục và cái chết cho người cha tôi yêu dấu.”

Chúng tôi ngồi lặng lẽ một lúc, nàng chìm vào những ý nghĩ âm ảm về quá khứ kinh khủng của mình, và tôi chìm trong niềm thương xót đối với những sinh vật mà các tập tục vô cảm, không có tình người của họ đã tạo nên những cuộc đời đầy hận thù và độc ác. Rồi nàng cất tiếng.

“John Carter, nếu có người đàn ông chân chính nào đó có thể đi vào trái tim lạnh lùng, chết chóc của Barsoom thì đó chính là anh. Tôi biết rằng tôi có thể tin anh, và vì nếu anh biết được điều này, một ngày nào đó nó có thể giúp anh, cha tôi, Dejah Thoris hay cho chính tôi, tôi sẽ nói cho anh biết tên của cha tôi, mà không đặt ra điều kiện hay hạn chế gì với anh cả. Khi đến lúc, hãy nói ra sự thật nếu theo anh nó là điều tốt nhất. Tôi tin anh vì tôi biết rằng anh không vương phải lời nguyền với sự chân thật tuyệt đối, rằng anh có thể nói dối như một ai đó trong những người đàn ông chân chính ở Virginia của anh nếu như việc nói dối đó có thể giúp cho người khác thoát khỏi sự buồn phiền hay đau khổ. Tên của cha tôi là Tars Tarkas.”

CHƯƠNG XVI: ÂM MÙA CHẠY TRỐN

Phần còn lại trong chuyến hành trình về Thark không có sự cố gì. Chúng tôi trải qua hai mươi ngày đường, băng qua hai đáy biển và đi vòng quanh một số thành phố tiêu điều, phần lớn nhỏ hơn Korad. Hai lần chúng tôi băng qua những con kênh đào nổi tiếng của Hỏa tinh, như các nhà thiên văn học trên trái đất của chúng ta gọi. Khi tới những nơi này, một chiến binh được cử đi xa lên phía trước với một cái kính viễn vọng, và nếu không thấy một đội binh lớn người Hỏa tinh da đỏ nào, chúng tôi gom nhỏ đội hình càng sát càng tốt để không bị phát hiện và cắm trại cho tới tối, khi đó chúng tôi chậm rãi tiếp cận con đường có cây trồng, và định vị một trong những con đường đại lộ rộng lớn băng qua những khu vực đó vào những quãng thời gian nghỉ thông thường, bỏ một cách lặng lẽ và lén lút tới những vùng đất khô cằn ở phía bên kia. Mỗi lần băng qua như vậy mất khoảng năm giờ, và chuyến kể tiếp mất cả đêm, để có thể rời khỏi những cánh đồng có tường cao khi mặt trời ló dạng.

Khi băng qua bóng tối, tôi không nhìn thấy gì nhiều, trừ vàng trắng gần đang vội vã lướt nhanh qua bầu trời sao Hỏa, soi sáng những khoảnh đất nhỏ lúc này lúc khác, phơi bày ra những cánh đồng có tường bao bọc và những dãy nhà thấp nằm rải rác, có vẻ giống những nông trại trên trái đất. Có nhiều loại cây, được trồng theo hàng lối, trong đó có một số rất cao. Trong một số tường rào có nhiều súc vật, báo hiệu sự có mặt của chúng với những tiếng hí và thở phì phò khi nghe thấy mùi của chúng tôi - những con thú hoang dã và những con người còn hoang dã hơn.

Tôi chỉ trông thấy con người một lần duy nhất khi băng qua chỗ giao lộ với con đường cao tốc rộng màu trắng xẻ dọc theo vùng đất trồng trọt ngay ở trung tâm của nó. Người đó hẳn đang ngủ ở ven đường, vì khi tôi đến ngang chỗ hắn, hắn chống khuỷu tay nhô dậy và sau khi thoáng nhìn thấy đoàn xe đang tới gần, hắn vùng đứng dậy và hốt hoảng chạy xuôi xuống con đường, trèo qua bức tường gần đó với sự nhanh nhẹn của một con mèo đang sợ hãi. Những người Thark không thèm chú ý đến hắn; họ không sẵn sàng gây chiến và dấu hiệu duy nhất cho thấy họ nhìn thấy hắn là đoàn xe di chuyển nhanh hơn, tiến vội về phía biên giới quanh hiu đánh dấu lối vào lãnh thổ của Tal Hajus.

Tôi cũng không trò chuyện với Dejah Thoris lần nào, vì nàng không nói gì với tôi khi tôi tới cỗ xe của nàng, và lòng kiêu hãnh ngu ngốc của tôi ngăn tôi ngỏ lời trước với nàng. Tôi hoàn toàn tin chắc rằng cách xử sự của một người đàn ông đối với một phụ nữ tỷ lệ ngược với lòng dũng cảm của anh ta giữa những người đàn ông. Sự yếu đuối và khù khờ thường có khả năng lớn để mê hoặc phái đẹp, một chiến binh có thể đương đầu với hàng ngàn hiểm nguy thật sự mà không hề e sợ lại ngồi nấp trong bóng tối như một đứa trẻ con nhút nhát.

Đúng ba mươi ngày sau khi tôi tới Barsoom, chúng tôi tiến vào cố đô của người Thark, bộ lạc người da xanh này đã đánh cắp ngay cả cái tên của một dân tộc bị quên lãng từ lâu. Những bộ lạc người Thark có khoảng ba mươi ngàn người, được chia thành hai mươi lăm cộng đồng. Mỗi cộng đồng có riêng vị phó vương và các tù trưởng của nó, nhưng tất cả đều dưới quyền cai trị của Tal Hajus, Vua xứ Thark.

Năm cộng đồng có thù thù của mình ở thành phố Thark, phần còn lại nằm rải rác ở các thành phố hoang vu khác của Hòa tinh cổ đại thuộc phạm vi lãnh thổ của Tal Hajus.

Chúng tôi tiến vào quảng trường trung tâm rộng lớn vào đầu buổi chiều. Không có một sự đón chào thân thiện nồng nhiệt nào dành cho đoàn viễn chinh mới quay về. Những người tình cờ trông thấy gọi tên những chiến binh hay phụ nữ mà họ quen biết theo nghi thức chào hỏi, nhưng khi mọi người biết rằng đoàn xe mang về hai tù nhân thì họ bắt đầu chú ý nhiều hơn, và Dejah Thoris và tôi trở thành trung tâm của những đám người tò mò.

Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi được chỉ định vào nơi ở mới, và phần còn lại của ngày được chúng tôi dùng để ổn định bản thân với những điều kiện đổi thay. Nhà của tôi bây giờ nằm trên một đại lộ dẫn tới quảng trường từ phía nam, con đường huyết mạch mà chúng tôi đã hành quân qua từ cổng thành. Tôi ở đầu xa của dãy nhà và được chiếm toàn bộ tòa nhà. Phong cách kiến trúc ở đây giống như ở Korad, chỉ khác là có tỷ lệ to lớn hơn và giàu có hơn. Nơi ở của tôi xứng đáng để làm nơi cư ngụ cho vị hoàng đế lớn nhất trên trái đất, nhưng đối với những sinh vật kỳ quái này một tòa nhà chẳng có gì là hấp dẫn ngoài kích thích và tầm cỡ của các gian phòng của nó. Tòa nhà càng rộng lớn thì càng đáng ước ao. Vì thế, Tal Hajus chiếm một nơi hẳn phải là một khu dinh thự công cộng khổng lồ, lớn nhất trong thành phố nhưng hoàn toàn không thích hợp cho mục đích cư ngụ. Tòa nhà lớn kế tiếp thuộc về Ptomel Lorquas, kế nữa là của vị phó vương có đẳng cấp thấp hơn, và cứ thế cho đến hết danh sách năm vị phó vương. Những chiến binh chiếm các tòa nhà của các tù trưởng mà họ tùy tùng, hoặc, nếu thích, họ có thể tìm nơi ở trong hàng ngàn tòa nhà bỏ không trong khu vực của mình. Mỗi cộng đồng được phân bổ một phần nhất định của thành phố. Việc chọn lựa nhà được tiến hành theo các phân bổ này, và tất cả bọn họ đều chiếm những tòa nhà hướng mặt ra quảng trường.

Khi đã tôi bố trí nhà cửa ngăn nắp, hay đúng hơn là thấy nó đã được thực hiện xong, trời đã hoàng hôn. Tôi vội vã ra ngoài để đến chỗ ở của Sola và những người nàng chăm sóc, vì tôi quyết định phải nói chuyện với Dejah Thoris và cố làm cho nàng nhận ra sự cần thiết phải tạm thời gác lại nỗi hờn giận cho tới khi tôi tìm ra cách trợ giúp nàng bỏ trốn. Tôi tìm kiếm một cách vô hiệu quả cho tới khi tia nắng cuối cùng của mặt trời đỏ rực đã biến mất sau phía chân trời và lúc ấy tôi trông thấy cái đầu xấu xí của Woola thò ra từ một cửa sổ ở tầng hai của tòa nhà ở phía đối diện trên chính con đường nơi tôi đang ở nhưng gần quảng trường hơn.

Không chờ có lời mời, tôi đi lên cầu thang xoáy dẫn tới tầng hai và bước vào một gian phòng lớn ở phía trước của tòa nhà. Woola trung thành mừng đón tôi, nó phóng thân hình to lớn của nó vào người tôi, suýt làm tôi ngã lún ra sàn nhà. Con vật tội nghiệp này mừng rỡ khi gặp tôi đến nỗi tôi cho rằng nó sẽ nuốt sống tôi, cái mõm của nó ngoác ra đến tận mang tai, phô bày ra ba hàng nanh với nụ cười quái quỷ của nó.

Tôi khẽ ra lệnh cho nó giữ im lặng rồi vội nhìn xuyên qua bóng tối lơ mơ để kiểm tìm Dejah Thoris, rồi gọi to khi không thấy nàng đâu cả. Có một tiếng đáp thì thầm từ góc xa của căn phòng, và chỉ với vài bước vội tôi đã đứng bên cạnh nàng, nơi nàng đang co người giữa

đồng lụa và da thú bên trên một cái trường kỷ cổ bằng gỗ có chạm khắc. Nàng đứng thẳng lên, nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

“Dotar Sojat người Thark sẽ làm gì với tù nhân Dejah Thoris của anh ta?”

“Dejah Thoris, tôi không biết rằng tôi đã làm cô nổi giận. Việc làm tổn thương hay xúc phạm cô, người mà tôi hy vọng sẽ bảo vệ và an ủi, nằm ngoài mong muốn của tôi. Nếu muốn, cô đừng để ý gì đến tôi nữa, nhưng cô phải giúp tôi trong việc tìm ra cách hữu hiệu để cô trốn thoát, nếu như điều đó có thể xảy ra, thì đó không phải là yêu cầu mà là mệnh lệnh của tôi. Khi cô đã an toàn trở lại trong cung điện của cha cô, cô có thể làm gì với tôi tùy ý, nhưng từ giờ cho tới ngày đó, tôi là chủ nhân của cô, và cô phải vâng lệnh và giúp đỡ tôi.”

Nàng nghiêm trang nhìn tôi một lúc lâu và tôi nghĩ rằng cơn giận của nàng đã dịu đi.

“Tôi hiểu lời anh nói, Dotar Sojat,” nàng đáp, “nhưng tôi không hiểu anh. Anh là một sự pha trộn kỳ quặc giữa một người đàn ông và một đứa trẻ con, giữa sự thô lỗ và cao thượng. Tôi ước gì có thể đọc thấu tim anh.”

“Hãy nhìn xuống chân cô, Dejah Thoris; nó nằm ở đó, nơi nó đã nằm kể từ đêm hôm đó ở Korad, và nó sẽ nằm ở đó mãi mãi, chỉ đập vì mỗi một mình cô cho tới khi cái chết buộc nó phải lặng im vĩnh viễn.”

Nàng tiến một bước ngắn tới gần tôi, đôi tay xinh đẹp của nàng chìa ra với một cử chỉ dò hỏi lạ lùng.

“Ý anh là gì, John Carter?” Nàng thì thầm, “Anh đang nói gì với tôi thế?”

“Tôi đang nói rằng tôi đã tự hứa với mình rằng tôi sẽ không nói chuyện với cô, ít nhất cho tới khi cô không còn là một tù nhân của người da xanh nữa. Tôi sẽ không bao giờ nói với cô những gì tôi đã nghĩ về thái độ của cô đối với tôi trong ba mươi ngày qua; Tôi đang nói rằng tôi là của cô, Dejah Thoris, cả thân thể và linh hồn, để phục vụ cô, chiến đấu vì cô và chết vì cô. Tôi chỉ xin cô đáp lại một điều, đó là cô đừng có dấu hiệu gì, dù là của sự kết tội hay tán đồng những lời tôi nói cho tới khi cô an toàn giữa dân tộc của mình, và rằng bất kỳ tình cảm nào cô ấp ủ đối với tôi sẽ không chịu ảnh hưởng hay thay đổi bởi lòng biết ơn; bất cứ điều gì tôi có thể làm để phục vụ cho cô sẽ xuất phát duy nhất từ những động cơ ích kỷ, vì nó mang tới cho tôi nhiều niềm vui để phục vụ cô hơn là không làm điều đó.”

“Tôi sẽ tôn trọng các mong muốn của anh, John Carter, vì tôi hiểu những động cơ thôi thúc của chúng, và tôi chấp nhận sự phục vụ của anh giống như tuân theo thẩm quyền của anh. Lời nói của anh sẽ là luật lệ đối với tôi. Tôi đã hai lần nghĩ sai về anh và một lần nữa xin anh tha thứ.”

Cuộc trò chuyện mang tính riêng tư hơn bị ngăn lại do Sola vừa bước vào phòng. Nàng có vẻ rất kích động, bối rối và hoàn toàn không

giống với bản tính bình thân và tự chủ thường ngày của nàng.

“Cái à Sarkoja kinh khủng đó đã tới gặp Tal Hajus,” nàng nói lớn, “và từ những gì tôi nghe thấy ở quảng trường có rất ít hy vọng cho cả hai người.”

“Họ nói gì?” Dejah Thoris hỏi.

“Rằng cô sẽ bị ném cho những con chó rừng trong đấu trường lớn ngay khi các bộ lạc tập hợp về xem Trò chơi lớn hàng năm.”

“Sola, cô là người Thark,” tôi nói, “nhưng cô ghét và ghê tởm những tập quán của dân tộc cô giống như chúng tôi. Cô có đi cùng chúng tôi trong một nỗ lực tối đa để bỏ trốn hay không? Tôi chắc rằng Dejah Thoris có thể ban cho cô một ngôi nhà và sự bảo vệ giữa người dân của cô ấy, và số phận của cô giữa những người đó không thể tồi tệ hơn ở đây.”

“Phải,” Dejah Thoris nói, “hãy đi với chúng tôi, Sola, cô sẽ sống tốt hơn giữa những người da đỏ ở Helium so với ở đây, và tôi có thể hứa với cô không chỉ là một quê nhà, mà còn cả tình yêu và lòng thương mến mà bản chất cô khao khát nhưng luôn bị khước từ bởi các tập quán của người dân cô ở đây. Hãy đi với chúng tôi, Sola. Chúng tôi có thể đi mà không có cô, nhưng số phận của cô sẽ rất khủng khiếp nếu họ nghĩ cô đã thông đồng giúp đỡ chúng tôi. Tôi biết rằng thậm chí cả sự sợ hãi cũng không thể làm cho cô cản ngăn cuộc bỏ trốn của chúng tôi, nhưng chúng tôi muốn cô đi cùng chúng tôi, chúng tôi muốn cô tới một vùng đất tràn ánh nắng và niềm hạnh phúc, giữa những người biết ý nghĩa của tình yêu, sự thông cảm, và lòng biết ơn. Hãy nói là cô sẽ đi, Sola, hãy bảo với tôi là cô sẽ đi.”

“Con kênh đào lớn dẫn tới Helium chỉ cách đây năm mươi dặm về phía nam,” Sola, thì thầm, như tự nhủ, “một con ngựa chạy nhanh có thể chạy mất ba giờ, và tới Helium còn năm trăm dặm nữa, phần lớn con đường đi qua những vùng hiu quạnh. Họ sẽ biết và sẽ đuổi theo chúng ta. Chúng ta có thể nấp sau những thân cây lớn một lúc, nhưng các cơ may trốn thoát rất nhỏ bé. Họ có thể đuổi theo chúng ta đến tận cổng thành Helium, và họ sẽ có thể lấy mạng chúng ta bất cứ lúc nào, hai người chưa biết về họ đâu.”

“Không có con đường nào khác tới Helium sao?” Tôi hỏi. “Cô có thể vẽ một tấm bản đồ thô sơ về vùng đất chúng ta phải đi qua không, Dejah Thoris?”

“Được,” nàng đáp và tháo một viên kim cương lớn khỏi mái tóc, nàng vẽ lên sàn nhà cẩm thạch tấm bản đồ đầu tiên về lãnh thổ Barsoom mà tôi từng nhìn thấy. Nó đan chéo ở mọi hướng với những đường thẳng dài, đôi khi chạy song song và đôi khi hội tụ về một vòng tròn lớn. Những đường thẳng, nàng nói, là những con kênh đào; các vòng tròn là những thành phố, và ở một vòng tròn cách xa về hướng tây bắc chúng tôi, nàng chỉ ra đó là Helium. Có những thành phố khác gần hơn, nhưng nàng bảo rằng nàng sợ phải đi vào đó, vì không phải tất cả bọn họ đều thân thiện với Helium.

Cuối cùng, sau khi cẩn thận nghiền cứu tấm bản đồ dưới ánh trăng giờ đây đang tràn ngập gian phòng, tôi chỉ ra một con kênh nằm xa ở hướng bắc đường như cũng dẫn tới Helium.

“Vùng này có phải là lãnh thổ của ông cô không?” Tôi hỏi.

“Phải, nhưng nó cách chúng ta hai trăm dặm về phía bắc; nó là một trong những con kênh mà chúng tôi đã băng qua trên chuyến quay về Thark.”

“Họ sẽ không bao giờ ngờ rằng chúng ta lại đi theo con kênh xa đó,” tôi đáp, “và đó là lý do vì sao tôi nghĩ rằng nó là con đường tẩu thoát tốt nhất của chúng ta.”

Sola đồng ý với tôi, và chúng tôi quyết định sẽ rời khỏi Thark ngay đêm đó. Tôi tìm và trải nệm yên cho hai con ngựa thật nhanh. Sola sẽ cưỡi một con, còn Dejah Thoris và tôi trên con còn lại. Mỗi người mang theo thức ăn và nước uống đủ dùng cho hai ngày, vì nếu mang nhiều quá, hai con thú sẽ không thể chạy nhanh trên quãng đường dài như thế.

Tôi ra lệnh cho Sola đi trước với Dejah Thoris dọc theo những đại lộ vắng người nhất tới ranh giới phía nam của thành phố, ở đó tôi sẽ đón họ với hai con ngựa, rồi để họ ở lại gom góp các thứ cần dùng, tôi lặng lẽ đu ra cửa sau của tầng một, vào sân nhốt thú, nơi hai con ngựa của tôi đang đi quanh quẩn theo thói quen của chúng, trước khi nằm xuống ngủ đêm.



SHE DREW UPON THE MARBLE FLOOR THE FIRST MAP OF THE
BARSOOMIAN TERRITORY I HAD EVER SEEN. *Page 178*

Trong bóng tối của những toà nhà và bên dưới ánh trắng những đàn lớn ngựa và voi đang đi lại, bọn voi gặm gù còn bọn ngựa thỉnh

thoảng lại cất tiếng hí vang. Lúc này chúng im lặng hơn nhờ sự vắng mặt của con người, nhưng khi người thấy tôi chúng bắt đầu bồn chồn và những tiếng kêu của chúng huyền ảo hơn. Vào chuồng ngựa một mình lúc ban đêm là một việc làm liều lĩnh. Đầu tiên là vì tiếng ồn ào gia tăng có thể khiến các chiến binh ở gần ngờ có chuyện gì bất trắc, và cũng vì một lý do nào đó, hoặc chẳng có lý do gì cả, một con ngựa có thể lao đến tấn công tôi.

Không muốn đánh thức những tính xấu của chúng trong một đêm như thế, tôi men theo bóng tối của những tòa nhà, sẵn sàng nhảy lên một cánh cửa sổ hay cửa ra vào gần đó khi gặp nguy cơ. Cứ thế, tôi di chuyển lặng lẽ tới cánh cổng lớn ở phía sau sân, và khi gần tới lối vào tôi khẽ gọi hai con ngựa của tôi. Tôi thật biết ơn lòng tốt đã khiến tôi dự đoán trước đề chiếm được tình yêu và lòng tin của hai con thú hoang dã này, vì ngay lập tức từ phía xa của mảnh sân tôi nhìn thấy chúng đang phi về phía tôi.

Nàng về lên sân nhà cẩm thạch tám bản đồ đầu tiên về thổ Barsoom mà tôi từng nhìn thấy.

Chúng đến gần tôi, cọ mũi vào người tôi và đánh hơi tìm những mẫu thức ăn mà tôi thường thưởng cho chúng. Tôi mở cổng, lệnh cho chúng đi ra ngoài và lặng lẽ lướt theo chúng, tôi khép hai cánh cổng lại sau lưng.

Tôi không phủ yên hay cưỡi chúng ngay ở đó mà im lặng đi bộ trong bóng tối của những tòa nhà hướng về một con đường vắng vẻ dẫn tới nơi tôi đã hẹn với Dejah Thoris và Sola. Tôi và hai con thú lên lút đi dọc theo những con đường vắng, nhưng chỉ tới khi nhìn thấy cánh đồng trống tôi mới bắt đầu thờ phào nhẹ nhõm. Tôi chắc rằng Sola và Dejah Thoris không gặp khó khăn gì khi đi tới điểm hẹn, nhưng với hai con thú lớn của tôi, tôi không chắc ăn về phần mình cho lắm, vì việc các chiến binh rời khỏi thành phố là hoàn toàn bất bình thường. Trên thực tế, họ không có nơi nào để đến ngoại trừ một chuyến hành trình dài.

Tôi đến điểm hẹn một cách an toàn, nhưng vì Sola và Dejah thoris chưa tới, tôi dẫn hai con thú tới lối vào của một trong những tòa nhà lớn. Đoán rằng một trong những người phụ nữ sống cùng nhà có thể ghé vào nói chuyện với Sola và do đó đã trì hoãn họ lại, tôi không bồn chồn lo âu gì cả. Cho tới khi gần một giờ đã trôi qua mà vẫn không thấy bóng dáng họ đâu, và khi nửa giờ nữa đã trôi qua lòng tôi cồn cào lo lắng. Rồi âm thanh của một đoàn người đang tới gần phá vỡ sự tĩnh lặng của màn đêm. Từ tiếng động, tôi biết đó không thể là của những người đang lên lút tìm đến với tự do. Chẳng bao lâu đoàn người đã tới gần tôi, và từ những bóng tối ở lối vào, tôi nhận ra một toán kỵ binh. Khi đi ngang qua tôi, họ buông ra vài lời khiến tim tôi thất lại.

“Có lẽ hẳn ta sắp xếp để gặp chúng ngay phía ngoài thành phố và như thế...”

Tôi không nghe thấy gì nữa, họ đã đi qua. Nhưng bao nhiêu đó đã đủ rồi. Kế hoạch của chúng tôi đã bại lộ. Và cơ hội để bỏ trốn từ nay trở đi thật sự rất mong manh. Hy vọng duy nhất của tôi bây giờ là bí mật quay lại nơi ở của Dejah Thoris và tìm xem việc gì đã xảy ra cho nàng, nhưng làm sao làm được chuyện đó với hai con ngựa khổng lồ trong tay tôi. Lúc này có lẽ thành phố đã bị khuấy động bởi cuộc bỏ

trôn của chúng tôi.

Đột nhiên tôi nảy ra một ý, và dựa vào kiến thức của tôi về cấu trúc của những tòa nhà trong những thành phố Hỏa tinh cổ với một cái sân nằm giữa trung tâm mỗi khối nhà, tôi dò dẫm đi qua những căn phòng tối, gọi hai con thú đi theo tôi. Chúng gặp khó khăn khi đi qua một số lối ra vào, nhưng vì những toà nhà mặt tiền thành phố được thiết kế theo một tỷ lệ to lớn, chúng vẫn có thể khom người lượn qua một cách chậm chạp. Và cứ thế, cuối cùng chúng tôi tới một mảnh sân mà ở đó tôi tìm thấy thảm rêu có thể cung cấp cho chúng thức ăn và nước uống cho tới khi tôi có thể đưa chúng quay lại chuồng. Tôi tin rằng chúng sẽ im lặng và cũng rất ít có khả năng chúng bị phát hiện vì người da xanh ít khi muốn đi vào những toà nhà nằm mé ngoài này do nỗi sợ bọn khi đột trắng của Hỏa tinh.

Tháo những tấm nệm yên ra, tôi giấu chúng vào cửa sau của toà nhà mà từ đó chúng tôi đã đi vào mảnh sân, thả lỏng hai con thú. Rồi tôi nhanh chóng đi qua mảnh sân tới phía sau của những toà nhà ở mé hông. Đứng chờ cho tới khi chắc chắn không có ai tới gần, tôi vội vã băng qua phía đối diện, qua lối vào đầu tiên đến mảnh sân phía ngoài. Cứ thế, băng qua hết mảnh sân này tới mảnh sân khác, tôi an toàn trở về mảnh sân ở phía sau nơi ở của Dejah Thoris.

Tất nhiên, ở đây tôi sẽ gặp lại lũ súc vật của những chiến binh sống ở những toà nhà xung quanh, và rất có thể tôi cũng chạm trán với các chiến binh ở đó nếu đi vào. Nhưng may cho tôi, tôi có một phương pháp khác an toàn hơn để tới tầng, trên nơi có thể tìm thấy Dejah Thoris, và sau khi xác định càng gần càng tốt toà nhà nàng ở, vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng từ mảnh sân, tôi thu hết sức và phóng lên cho tới khi vớ được tấm lụa che cửa sổ ở tầng hai mà tôi nghĩ là ở phía sau căn phòng của nàng. Tôi len lén đi ra phía trước của tòa nhà, và khi chưa tới cửa phòng nàng tôi nhận ra rằng trong đó đang có người qua những giọng nói.

Tôi không vội đi vào mà lắng nghe xem có phải đó là Dejah Thoris và nếu tôi liều lĩnh vào đó có thì an toàn không. Sự cẩn trọng của tôi thật sự đáng giá vì câu chuyện mà tôi nghe thấy được nói với giọng cổ của những người đàn ông. Người nói là một tù trưởng và hắn đang ra lệnh cho bốn tên lính của mình.

“Khi hắn ta trở lại căn phòng này,” hắn nói, “chắc chắn là sẽ như vậy khi hắn thấy cô ta không đến gặp hắn ở rìa thành phố, bốn đứa bay phải bao vây và tước vũ khí của hắn. Cần sự kết hợp sức mạnh của cả bốn người nếu các báo cáo họ mang về từ Korad là đúng. Khi đã trói chặt hắn, hãy đưa hắn xuống những căn hầm bên dưới nơi ở của Jeddak và xiềng hắn lại một cách an toàn để khi Tal Hajus muốn gặp hắn chúng ta có thể tìm được hắn. Không cho hắn nói chuyện với ai cả, cũng không cho phép ai vào căn phòng này trước khi hắn tới. Sẽ không có nguy cơ cô gái trở lại, vì giờ này cô ta đã an toàn trong tay Tal Hajus, và có lẽ tất cả tổ tiên của cô ta sẽ phải thương xót cô ta, vì Tal Hajus không biết xót thương gì cả. Sarkoja vĩ đại đã làm một công việc cao quý đêm nay. Ta đi đây, và nếu bọn bay không bắt được hắn khi hắn tới, ta sẽ ra lệnh quăng xác bọn bay xuống đáy sông Iss lạnh lẽo.”

CHƯƠNG XVII: BỊ BẮT - TẤN CÔNG TAL HAJUS

Nói xong, kẻ vừa nói quay lưng đi ra khỏi phòng theo cánh cửa mà tôi đang đứng, nhưng tôi không cần chờ đợi lâu hơn, tôi đã nghe đủ để thấy lòng tràn ngập niềm sợ hãi. Lén lút và lặng lẽ, tôi quay lại mảnh sân theo con đường đã đến. Kế hoạch hành động của tôi hình thành ngay giây phút này. Băng qua mảnh sân và con đường phía đối diện, chẳng bao lâu tôi đã đứng trong sân của Tal Hajus.

Những căn phòng sáng rực ở tầng một báo cho tôi biết nơi cần tìm đến, và tôi bước tới một cánh cửa sổ, phóng vào trong. Tôi phát hiện ngay rằng việc tiếp cận không dễ dàng như tôi hy vọng, vì những phòng phía sau ngó xuống mảnh sân đầy những chiến binh và phụ nữ. Tôi liếc nhìn lên những tầng trên, phát hiện ra rằng tầng thứ ba hoàn toàn không có ánh đèn. Tôi quyết định đi vào tòa nhà từ nơi đó. Trong giây lát, tôi đã nhảy tới những cánh cửa sổ bên trên, và ngay sau đó tôi luồn theo những bóng tối chờ che của tầng ba không ánh sáng.

May thay, căn phòng tôi chọn vắng người. Trong lúc lặng lẽ bò tới hành lang phía ngoài tôi phát hiện thấy ánh đèn trong những căn phòng phía trước. Khi tới một lối vào, tôi nhận ra nó chỉ là một khoảng trống phía trên một căn phòng mái vòm từ tầng một, kéo dài từ bên dưới tới hai tầng cho tới mái toà nhà cao vút bên trên đầu tôi. Sàn của căn phòng hình tròn này đông nghẹt những chiến binh, phụ nữ, và ở một đầu là một bệ cao rộng lớn trên đó một con người xấu xí nhất mà tôi từng thấy đang ngồi. Hắn ta có tất cả những đặc điểm độc ác, lạnh lùng, khô khan, kinh khủng của những chiến binh da xanh, nhưng trở thành nổi bật và tồi tệ hơn bởi những đam mê cực súc mà hắn theo đuổi suốt nhiều năm. Không có một dấu hiệu nào của phẩm giá hay sự tự hào trên nét mặt đòi trụ của hắn. Trong lúc hắn ngồi nghiêng thân hình đồ sộ trên cái bực như một con quái thú, sáu chi của hắn duỗi ra trông thật lạ lùng và đáng sợ.

Nhưng điều khiến người tôi đông cứng lại là cảnh tượng Dejah Thoris và Sola đang đứng trước mặt hắn, và cái vẻ đều đặn tàn bạo của hắn khi hắn dần dần mất lời xấu xí lên những đường cong trên thân hình xinh đẹp của nàng. Nàng đang nói, nhưng tôi không thể nghe thấy nàng nói gì cũng như không nghe được giọng đáp trầm trầm của hắn. Nàng đứng thẳng người trước mặt hắn, đầu ngẩng cao, và ngay cả ở một khoảng cách xa như vậy tôi cũng có thể nhận ra vẻ khinh miệt và ghê tởm trên mặt nàng khi nàng không chút sợ sệt liếc mắt nhìn lên hắn. Nàng thật sự là người con cháu kiêu hãnh của một ngàn vị Jeddak, đến từng phân trên thân thể cao quý, đáng yêu và bé nhỏ của nàng; rất nhỏ bé, rất mong manh bên cạnh những chiến binh to lớn quanh nàng, nhưng trong vẻ đường bệ của nàng họ trở nên bé nhỏ tầm thường. Nàng là con người mạnh mẽ nhất trong số họ và tôi tin rằng họ cảm nhận được điều đó.

Ngay lúc đó, Tal Hajus khoác tay ra hiệu cho tất cả rời khỏi phòng, chỉ để lại hai tù nhân trước mặt hắn. Những viên tù trưởng và những người phụ nữ chậm chạp biến vào bóng tối của các căn phòng xung quanh, chỉ còn Dejah Thoris và Sola đứng lẻ loi trước vua của người Thark.

Có một tù trưởng hơi ngần ngừ trước khi đi khỏi. Tôi thấy hắn đứng trong bóng tối của một cây cột to lớn, những ngón tay bồn chồn nhịp trên chuỗi của thanh kiếm không lồ và đôi mắt hung tợn của hắn nhìn Tal Hajus đầy căm ghét. Đó là Tars Tarkas. Tôi có thể đọc thấy những ý nghĩ của ông như trong một trang sách mở bởi vẻ kinh tởm hiển nhiên trên nét mặt. Ông đang nghĩ về người đàn bà mà cách đây bốn mươi năm đã đứng trước con quái vật đó, và nếu tôi có thể nói một lời vào tai ông ngay lúc đó, sự cai trị của Tal Hajus hẳn đã kết thúc. Nhưng cuối cùng, ông cũng lẩm lủi rời khỏi căn phòng, không biết rằng ông đã bỏ lại con gái của mình cho lòng thương hại của kẻ mà ông kinh tởm nhất.

Tal Hajus đứng lên, và tôi, nửa sợ hãi, nửa lưỡng lự trước được các dự tính của hắn, vội vã chạy tới cầu thang xoắn dẫn tới những tầng dưới. Không có ai ở gần để ngăn trở tôi, và tôi tới tầng của căn phòng đó mà không bị ai phát hiện. Tôi nấp sau bóng tối của cây cột mà Tars Tarkas vừa mới rời khỏi. Khi tôi tới tầng này, Tal Hajus đang nói.

“Công chúa xứ Helium, ta có thể đòi một khoản chuộc từ người của ngươi để giao trả lại ngươi nguyên vẹn, nhưng ta thích cả ngàn lần hơn thế được ngắm nhìn gương mặt xinh đẹp đó nhăn nhó vì bị hành hạ đau đớn. Nó sẽ được kéo dài, ta hứa với ngươi điều đó. Mười ngày vui thú quá ngắn ngủi để bày tỏ tình yêu ta dành cho chủng tộc của ngươi. Những nỗi kinh khủng vì cái chết của ngươi sẽ ám ảnh giấc ngủ của người da đỏ suốt nhiều niên kỷ sắp tới. Chúng sẽ rùng mình trong bóng đêm khi nghe cha chúng kể lại sự phục thù đáng sợ của những người da xanh, về quyền lực, sự hùng mạnh, lòng căm ghét và sự độc ác của Tal Hajus. Nhưng trước khi bị hành hạ, ngươi sẽ là của ta trong một giờ ngắn ngủi, và lời về điều đó cũng sẽ truyền tới tai Tardos Mors, Jeddak xứ Helium, ông nội của ngươi, để hắn ra lệnh ra mặt đất vì buồn phiền đau đớn. Ngày mai cuộc hành hình sẽ bắt đầu. Đêm nay ngươi là của Tal Hajus, đến đây nào!”

Hắn bước khỏi cái bọc và thô bạo gior tay vớ lấy nàng, nhưng ngay khi hắn sắp chạm vào nàng thì tôi đã nhảy vào giữa hai người. Lưỡi kiếm ngắn của tôi, bén ngọt và lấp lánh, đang nằm trong bàn tay phải của tôi. Tôi có thể cảm nó ngập sâu vào trái tim thối nát của hắn trước khi hắn nhận ra tôi ở trước mặt hắn, nhưng khi tôi gior tay lên để đâm, tôi nghĩ tới Tars Tarkas, và dù với tất cả cơn giận dữ, tất cả lòng căm ghét của mình, tôi không thể cướp khỏi tay ông khoảnh khắc ngọt ngào mà vì nó ông đã sống và hy vọng suốt những năm dài mòn mỏi, và vì lẽ đó, tôi vung nắm tay phải lên cầm hắn. Không một tiếng động, hắn gục xuống sàn nhà như một người đã chết.

Trong sự im lặng đầy chết chóc, tôi nắm lấy tay Dejah Thoris, và ra dấu cho Sola chạy theo, chúng tôi êm ái ra khỏi căn phòng và xuống tầng bên dưới. Vẫn chưa bị phát hiện, chúng tôi tới một cánh cửa sổ phía sau và với những sợi dây da tôi thả xuống mặt đất, đầu tiên là Sola rồi tới Dejah Thoris. Nhẹ nhàng đu xuống sau họ, tôi kéo họ nhanh chóng vòng qua mảnh sân dưới bóng tối của những tòa nhà, và cứ thế, chúng tôi đi tới mảnh sân mà tôi vừa rời khỏi từ ranh giới xa của thành phố.

Cuối cùng, chúng tôi đến gần hai con ngựa trong mảnh sân nơi tôi đã để chúng lại. Tôi đặt yên nệm lên lưng chúng rồi vội vã băng qua toà nhà ra con đường bên ngoài. Sola trên lưng một con ngựa, tôi và Dejah Thoris cưỡi một con khác, chúng tôi phi từ thành phố Thark qua những ngọn đồi hướng về phía nam.

Thay vì chạy vòng quanh thành phố để đi về hướng tây bắc và tới con kênh đào gần nhất nằm cách đó không xa, chúng tôi quay sang hướng đông bắc và băng qua thảm rêu, vì ở đó, sau hai trăm dặm hiểm nguy và mệt nhọc, có một con kênh đào khác dẫn tới Helium.

Không ai nói lời nào cho tới khi chúng tôi đã bỏ lại thành phố khá xa phía sau lưng, nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng nước nhỏ lặng lẽ của Dejah Thoris khi nàng ôm chặt tôi, tựa mái đầu thân thương của nàng vào lưng tôi.

“Nếu chúng ta thành công, tù trưởng của tôi, món nợ của Helium sẽ là một món nợ lớn, hơn tất cả những gì nó có thể trả cho anh, và nếu chúng ta thất bại,” nàng nói tiếp, “món nợ cũng không ít hơn, dù Helium sẽ không bao giờ biết được, vì anh đã cứu chúng tôi thoát khỏi một điều còn kinh khủng hơn cái chết.”

Tôi không đáp, mà đưa tay khẽ nắm những ngón tay bé nhỏ yêu dấu đang bám chặt vào tôi để tìm nguồn an ủi, rồi trong im lặng, chúng tôi phi nhanh qua cánh đồng rêu vàng ngập ánh trắng, mỗi người mang những ý nghĩ riêng tư. Về phần tôi, tôi không thể nào vui sướng hơn, với thân hình ấm áp của Dejah Thoris ép sát vào người tôi, và với mọi nguy hiểm chưa qua hết, tim tôi đang hát ca hoan hỉ như thể chúng tôi đã đi vào cổng thành Helium.

Những kế hoạch trước đây của chúng tôi đã bị đảo lộn đến nỗi giờ đây chúng tôi nhận ra mình không có thức ăn nước uống gì cả, và chỉ mình tôi có vũ khí. Do đó, chúng tôi thúc hai con thú phi nhanh hết sức trước khi có thể hy vọng nhìn thấy điểm kết thúc giai đoạn đầu của cuộc hành trình.

Chúng tôi phi ngựa suốt đêm và cả ngày hôm sau, chỉ dừng lại nghỉ ngơi chút ít. Vào đêm thứ hai cả chúng tôi và hai con thú đều hoàn toàn kiệt sức, vì thế chúng tôi nằm lăn ra trên thảm rêu và ngủ khoảng năm sáu giờ, rồi lại tiếp tục cuộc hành trình trước lúc bình minh. Suốt ngày hôm sau chúng tôi đi mãi, và đến xế chiều, khi không nhìn thấy một thân cây nào ở phía xa, một dấu hiệu của những con kênh đào trên khắp Hòa tinh, sự thật kinh khủng lộ lên trong đầu chúng tôi - chúng tôi đã bị lạc đường.

Rõ ràng là chúng tôi đã đi vòng tròn, nhưng khó mà nói là theo cách nào, và dường như cũng không thể xảy ra với mặt trời chỉ hướng vào ban ngày và trăng sao vào ban đêm. Dù sao thì chẳng có một con kênh đào nào trong tầm mắt, và cả bọn đã hầu như muốn ngất đi vì đói khát và kiệt sức. Xa xa trước mặt, hơi chênh về phía tay phải, chúng tôi có thể nhận ra những đường viền của một dãy núi thấp. Chúng tôi quyết định cố đi tới đó với hy vọng từ một mồm núi nào đó có thể nhìn thấy con kênh đào thất lạc. Đêm buông xuống trước khi chúng tôi đi tới mục tiêu, và gần như muốn ngất đi vì mệt mỏi, chúng tôi nằm xuống ngủ.

Tôi bị đánh thức vào sáng sớm bởi một thân hình to lớn nào đó đang đè lên người tôi, và mở mắt ra, tôi giật mình trông thấy anh bạn cũ Woola đang nằm sát vào tôi. Con vật trung thành đã chạy theo chúng tôi băng qua thảm rêu không dấu vết đó để chia sẻ số phận với chúng tôi, dù đó là gì đi nữa.

Vòng tay quanh cổ nó, tôi áp má vào má nó. Tôi không chút xấu hổ vì đã làm điều đó, mà cũng không xấu hổ vì những giọt lệ ứa ra trên khoé mắt khi nghĩ tới tình yêu mà nó dành cho tôi. Một lúc sau, Dejah Thoris và Sola thức giấc, và chúng tôi quyết định ngay lập tức cố gắng lên tới dãy đồi.

Đi được khoảng một dặm, tôi nhận thấy con ngựa của tôi bắt đầu lao đảo một cách đáng thương, dù chúng tôi không ép chúng đi nhanh hơn mức đi bộ từ trưa ngày hôm trước. Đột nhiên, nó nghiêng sang một bên và ngã lăn ra đất. Dejah Thoris và tôi bị ném ra khỏi lưng nó và rơi lên lớp rêu mềm một cách nhẹ nhàng. Nhưng con vật tội nghiệp đang trong tình trạng rất đáng thương, thậm chí không thể đứng dậy được, dù đã thoát khỏi gánh nặng của chúng tôi. Sola bảo tôi rằng độ lạnh của ban đêm và sự nghi ngại có thể giúp nó hồi phục lại, vì thế tôi quyết định không giết nó như dự định ban đầu, vì tôi nghĩ rằng bỏ nó nằm chết vì đói khát một mình là một sự độc ác. Tháo các yên nệm ra khỏi lưng nó, chúng tôi giao con vật cho số phận của nó và đi tiếp với con ngựa còn lại. Sola và tôi đi bộ, để Dejah Thoris cưỡi ngựa, dù nàng cực lực phản đối. Bằng cách đó, chúng tôi đã đến cách dãy đồi chừng một dặm. Khi đó, với tầm cao từ trên lưng ngựa, Dejah Thoris hét to rằng nàng nhìn thấy một đoàn lớn những người cưỡi ngựa đang đi xuống một ngọn đèo cách đây vài dặm. Sola và tôi nhìn về hướng nàng chỉ, và rõ ràng không thể nhầm, có hàng trăm kỵ binh đang phi ngựa. Hình như họ đang đi theo hướng tây nam, xa dần khỏi chúng tôi.

Không còn ngờ gì, đó là những kỵ binh Thark được phái đi bắt lại chúng tôi, và chúng tôi thờ phào nhẹ nhõm khi họ đi theo hướng ngược lại. Nhanh chóng nhắc Dejah Thoris khỏi con ngựa, tôi ra lệnh cho nó nằm xuống và cả ba chúng tôi cũng nằm xuống, càng thu nhỏ lại càng tốt vì sợ sẽ thu hút sự chú ý của những chiến binh.

Chúng tôi có thể thấy họ khi họ đi qua đèo, chỉ trong một giây lát, trước khi họ biến mất sau một mòm núi, đối với chúng tôi là một mòm núi may mắn nhất, bởi vì nếu có thời gian quan sát lâu hơn, gần như họ không thể không phát hiện ra chúng tôi. Minh chứng là người chiến binh cuối cùng đi vào tầm nhìn từ ngọn đèo, hấn dừng lại, và với sự khiếp đảm của chúng tôi, rút ra chiếc ống dòm nhỏ bé nhưng rất hữu hiệu đưa lên mắt và quét qua mọi hướng của đáy biển. Rõ ràng hấn là một tù trưởng, vì trong những đội hình hành quân nhất định của người da xanh, có một tù trưởng đi ở phía sau cùng của đạo quân. Khi ống dòm của hấn quét qua chỗ chúng tôi, tim chúng tôi như ngừng đập, và tôi có thể cảm thấy mồ hôi lạnh tuôn ra từ mỗi lỗ chân lông trên người.

Ngay khi nó quét qua bên trên chúng tôi và dừng lại, sự căng thẳng của chúng tôi đã gần tới điểm bùng nổ, và tôi nghi ngờ không biết có ai trong chúng tôi thờ được trong vài giây đó hay chẳng. Và khi hấn hạ thấp ống dòm, chúng tôi có thể thấy hấn hét to ra lệnh cho các chiến binh đã đi qua tầm nhìn của chúng tôi sau mòm núi. Tuy nhiên, hấn không chờ họ mà quát ngựa chạy như điên về phía chúng tôi.

Chỉ có một cơ may bé nhỏ và chúng tôi phải nhanh chóng nắm lấy. Đưa khẩu súng Hòa bình lên vai, tôi ngấm và chạm vào nút bấm điều khiển cò. Có một tiếng nổ chói tai khi viên đạn chạm phải mục tiêu, và tên tù trưởng đang tấn công lộn ngược về phía sau khỏi lưng con ngựa.

Tôi bật dậy thúc con ngựa của mình đứng lên, và lệnh cho Sola cùng lên ngựa với Dejah Thoris và cố gắng chạy tới dãy đồi trước khi bọn chiến binh tới chỗ chúng tôi. Tôi biết rằng họ có thể tìm một nơi ẩn nấp tạm thời trong những khe núi, và dù họ có thể chết vì đói khát ở đó cũng tốt hơn là rơi vào tay của bọn người Thark.

Tôi nhắc Dejah Thoris lên, đặt nàng lên lưng ngựa sau lưng Sola, người đã lên ngựa theo lệnh của tôi. “Tạm biệt, công chúa của tôi,” tôi thầm thì, “có thể chúng ta sẽ gặp lại ở Helium. Tôi đã từng thoát khỏi những cuộc chạy trốn tồi tệ hơn thế này,” và tôi cố mỉm cười vì tôi đã nói dối.

“Sao?” Nàng thét lên, “Anh không đi cùng chúng tôi sao?”

“Làm sao được, Dejah Thoris? Phải có ai đó giữ bọn này lại một lúc, và tôi có thể thoát khỏi chúng một mình dễ hơn là cả ba chúng ta.”

Nàng phóng nhanh khỏi lưng ngựa và vòng đôi tay thân thương quanh cổ tôi, quay sang Sola, nàng nói với phẩm giá lạnh lẽ: ‘Chạy đi, Sola! Dejah Thoris ở lại với người đàn ông mà cô ta yêu.’”

Những lời này đã in sâu vào tim tôi. Chà, dù có phải chết hàng ngàn lần tôi cũng vui sướng nếu được nghe lại chúng một lần nữa. Nhưng khi đó tôi không thể hưởng sự mê ly trong vòng tay ngọt ngào của nàng thậm chí chỉ trong một giây, tôi bế nàng lên, đặt lại nàng vào vị trí sau lưng Sola, nghiêm khắc ra lệnh cho Sola dùng sức giữ nàng ở đó, rồi vỗ mạnh hông con ngựa, tôi nhìn thấy họ phóng ra xa. Dejah Thoris cố gắng lần cuối để thoát khỏi bàn tay của Sola.

Quay lại, tôi nhận thấy những chiến binh da xanh đang phi ngựa trên mồm núi và tìm kiếm tù trưởng của chúng. Trong khoảnh khắc, chúng nhìn thấy tôi và tôi nhìn thấy chúng. Hầu như ngay lúc đó, tôi nổ súng, nằm sát ngực xuống thâm rêu. Tôi có khoảng một trăm viên đạn trong ổ súng và một trăm viên khác trên dây đạn đeo sau lưng, và tôi tiếp tục bắn liên thanh cho tới khi nhìn thấy tất cả những chiến binh đầu tiên quay lại sau mồm núi hoặc đã chết hoặc chạy tìm chỗ nấp.

Tuy nhiên sự trì hoãn của tôi rất ngắn ngủi, vì chẳng bao lâu toàn bộ đội quân, tới vài ngàn người, đã xuất hiện và lao thẳng một cách điên cuồng tới chỗ tôi. Tôi bắn cho tới lúc khẩu súng hết đạn và chúng đã tới gần tôi, và sau khi liếc nhìn lại, nhận thấy Sola và Dejah Thoris đã biến mất sau dãy đồi, tôi phóng người lên, ném khẩu súng vô dụng đi và chạy theo hướng ngược với Sola và Dejah Thoris.

Nếu người sao Hỏa từng xem một cuộc biểu diễn nhảy cao, thì nó đã được dành cho những chiến binh sừng sốt vào cái ngày cách nay đã nhiều năm đó. Nhưng dù nó dẫn chúng ra xa khỏi Dejah Thoris, nó không làm giảm đi lòng nôn nóng bất giữ tôi.

Chúng điên cuồng đuổi theo tôi cho tới khi chân tôi vướng phải một mẩu đá thạch anh lồi ra, và tôi té nhào trên thâm rêu. Khi nhìn lên,

bọn chúng đã đứng quanh tôi, và dù tôi rút thanh kiếm dài ra để đánh đổi cuộc sống với một cái giá cao nhất có thể, mọi sự đã sớm kết thúc. Tôi quay cuồng dưới những cú đâm xối xả lên người tôi; đầu tôi choáng váng; mọi thứ tối đen, và tôi ngã xuống chân chúng, rơi vào chốn lãng quên.

CHƯƠNG XVIII: BỊ XIỀNG Ở WARHOON

Phải mất nhiều giờ trước lúc tôi tỉnh lại, và tôi nhớ rõ cái cảm giác ngạc nhiên khi nhận ra mình chưa chết.

Tôi đang nằm giữa một đồng chăn lùa và da thú ở góc của một căn phòng nhỏ có nhiều chiến binh da xanh và đang khom người bên trên tôi là một phụ nữ già nua xấu xí.

Khi tôi mở mắt ra, bà ta quay sang một chiến binh, nói rằng:

“Ồ Jed, hần ta sẽ sống.”

“Thế thì tốt.” Cả chiến binh đó đáp, ngồi dậy và tới gần cái trường kỷ tôi nằm. “Hần sẽ cống hiến môn thể thao hiểm có cho Trò chơi lớn.”

Khi tôi nhìn lên, tôi thấy rằng hần không phải là người Thark, vì trang phục và huy hiệu của hần không phải của tộc người đó. Hần là một gã to lớn, gương mặt và ngực phủ đầy sẹo, mất một cái nanh và một vành tai. Hai bên ngực hần treo những cái sọ người và chen lẫn trong đó là một số bàn tay người sấy khô.

Lời ám chỉ của hần về Trò chơi lớn mà tôi đã nghe nhiều khi ở với người Thark làm tôi tin chắc rằng tôi đã tránh vô dưa gặp vô dưa.

Sau một vài lời trao đổi với bà già, trong đó bà ta bảo đảm rằng lúc này tôi đã đủ khoẻ để lên đường, viên tù trưởng ra lệnh cho chúng tôi lên ngựa và đi phía sau đoàn quân.

Tôi bị cột chặt vào một con ngựa và hai bên có hai kỵ binh để ngăn con thú không chạy lỏng lên. Chúng tôi chạy với một tốc độ khủng khiếp để đuổi theo đoàn quân. Những vết thương của tôi chỉ làm tôi hơi đau chút ít. Khả năng chữa trị của bà già thật nhanh chóng và kỳ diệu, bà ta đã băng bó các vết thương một cách khéo léo.

Ngay trước lúc trời sụp tối chúng tôi tới đội hình chính của đoàn quân sau khi họ đã hạ trại để nghỉ đêm. Ngay lập tức, tôi được đưa tới trước mặt người chỉ huy, vua của các tộc người Warhoon.

Giống như viên tù trưởng đã đưa tôi tới đó, người hần ta đầy sẹo và cũng đeo những chiếc sọ và bàn tay người sấy khô, thứ có lẽ đánh

dầu cho tất cả các chiến binh có đẳng cấp giữa những người Warhoon, cũng như biểu thị sự hung tợn đáng sợ của họ, thậm chí còn vượt xa sự hung tợn của người Thark.

Nhà vua, Bar Comas, người còn tương đối trẻ, là đối tượng của lòng căm hờn và ghen ghét dữ dội của Dak Kova, viên phó vương già của hắn, kẻ đã bắt được tôi, và tôi không thể không nhận thấy những nỗ lực có chủ tâm của tay phó thủ lĩnh để làm nhục thượng cấp của hắn.

Hắn hoàn toàn bỏ qua nghi thức chào hỏi thông thường khi chúng tôi đến nơi ở của Bar Comas, và khi hắn thô bạo đẩy tôi đến trước vị vua, hắn nói to với giọng dữ tợn.

“Ta đã mang về một sinh vật lạ lùng đeo huy hiệu của một người Thark, kẻ mà ta sẽ lấy làm vui thích cho đánh nhau với một con ngựa hoang trong Trò chơi lớn.”

“Hắn sẽ chết khi Bar Comas, Jeddak của ngươi thấy thích hợp, nếu cần.” Người cầm quyền trẻ đáp lại, với sự nhấn mạnh và đầy phẩm giá.

“Nếu cần?” Dak Kova gầm lên. “Nhân danh những bàn tay chết ở cổ ta hắn sẽ chết, Bar Comas. Không có sự ủy mị yếu hèn nào về phần ông có thể cứu được hắn. Ồ, sẽ có ngày Warhoon được cai trị bởi một Jeddak thật sự thay vì một kẻ yếu đuối tìm mềm như bún mà ngay cả già Dak Kova này cũng có thể đoạt lấy từ hắn chiếc huy hiệu với đôi tay trần của ông ta!”

Bar Combas nhìn viên tù trưởng dám thách thức và bắt phục một lúc, thể hiện vẻ kiêu căng, khinh thị không chút sợ hãi và căm ghét, và rồi không nói lời nào, hắn chẳng cần rút vũ khí ra mà lao thẳng tới bóp cổ kẻ đã phi báng hắn.

Trước đó, tôi chưa bao giờ nhìn thấy hai chiến binh da xanh đánh nhau với thứ vũ khí bản năng và biểu hiện của sự hung tợn đã mang một cách đáng sợ như thú vật mà chỉ có một trí tưởng tượng hỗn loạn mới có thể hình dung được. Họ xé rách mắt và tai nhau với đôi bàn tay và dùng những chiếc nanh cắn xé cho tới khi cả hai đều bị thương nơi tả từ đầu tới chân.

Lúc đầu, Bar Comas có vẻ khá hơn vì hắn khỏe hơn, nhanh nhẹn hơn và thông minh hơn. Dường như cuộc đánh nhau chỉ có thể kết thúc với cái chết cuối cùng khi Bar Comas trượt ngã khi vung ra khỏi một cú xiết chặt. Chính sơ hở đó là điều mà Dak Kova cần, lao người vào thân hình của đối thủ, hắn cắm ngập chiếc nanh duy nhất của hắn vào háng của Bar Comas và với nỗ lực cuối cùng hắn xé toạt vị vua trẻ tuổi dọc suốt chiều dài của thân hình, chiếc nanh cuối cùng chèn vào giữa những chiếc xương hàm của Bar Comas. Kẻ chiến thắng và người chiến bại đều nằm bất động trên thảm rêu, một khối khổng lồ da thịt tả tơi và đầm máu.

Bar Comas đã chết cứng, và chỉ có những nỗ lực phi thường của những người phụ nữ tùy tùng của Dak Kova mới cứu hắn thoát khỏi số

phận mà hấn đáng nhận. Ba ngày sau, hấn có thể tự đi mà không cần ai giúp đỡ tới bên thân thể của Bar Comas. Theo tập tục, nó vẫn còn nằm ở nơi nó ngã xuống. Đặt chân lên cổ của kẻ cầm quyền trước đó, hấn tuyên xưng danh hiệu Jeddak xứ Warhoon.

Đôi tay và đầu của vị vua đã chết được chặt ra để bổ sung vào những thứ trang sức của người chiến thắng hấn, và khi đó những người phụ nữ của hấn thu gom những gì còn lại, giữa những tràng cười man dại và khủng khiếp.

Những vết thương của Dak Kova đã làm cuộc hành quân bị trì hoãn lâu đến nỗi hấn quyết định gác lại chuyến đi - mục đích là đột kích vào một cộng đồng Thark nhỏ để trả thù việc họ đã phá hủy lồng ấp trứng - cho tới sau Trò chơi lớn, và toàn thể các đội chiến binh, với quân số mười ngàn người, quay trở lại Warhoon.

Lời giới thiệu của tôi về giống người độc ác và khát máu này chỉ là một liệt kê vắn tắt cho các cảnh tượng mà tôi đã chứng kiến hầu như hàng ngày khi ở với họ. Họ là một bộ tộc nhỏ hơn người Thark nhưng dữ tợn hơn nhiều. Không ngày nào trôi qua mà không có vài thành viên của những cộng đồng Warhoon khác nhau chọi nhau trong những trận đấu một mất một còn. Tôi đã thấy có tám trận đấu như thế trong vòng một ngày.

Chúng tôi tới thành phố Warhoon sau ba ngày hành quân. Ngay lập tức, tôi bị nhốt vào một căn hầm và bị xiềng chân vào sàn và tường nhà. Thức ăn thịnh soạn được mang tới, nhưng vì trong hầm tối mịt, tôi không thể biết tôi đã ở trong đó bao nhiêu ngày, tuần hay tháng. Đó là kinh nghiệm khủng khiếp nhất trong suốt đời tôi và việc tâm trí tôi không suy sụp bởi những nỗi khủng khiếp trong bóng tối đen như mực đó vẫn là một điều kỳ diệu đối với tôi kể từ khi đó. Căn hầm đầy những con vật gì đó bò lê lổn nhổn. Những thân hình lạnh buốt, ngoằn ngoèo trườn qua người tôi khi tôi nằm, và trong bóng tối thịnh soạn tôi bắt gặp những đôi mắt nhấp nháy, dữ tợn đăm đăm dán vào tôi. Không có âm thanh nào từ thế giới bên trên vọng tới tai tôi và tên cai ngục không hề nói với tôi một lời nào khi mang thức ăn tới, dù lúc đầu tôi liên tục hỏi han hấn ta.

Cuối cùng, lý trí lung lay của tôi tập trung tất cả những cảm giác kinh tởm căm ghét đối với những sinh vật xấu xa đã đưa tôi vào nơi chốn khủng khiếp đó vào tên cai ngục lẻ loi, kẻ đối với tôi đại diện cho toàn thể bộ tộc Warhoon.

Tôi đã chú ý thấy hấn luôn luôn tới gần nơi hấn có thể đặt thức ăn trong tầm tay với của tôi với cây đuốc tù mù, và khi hấn khom xuống để đặt nó lên sàn nhà, đầu hấn ở ngang tầm ngực của tôi. Thế là với sự tàn ác của một gã điên, tôi lúi lại vào góc xa của căn hầm khi nghe hấn tới gần và cuộn một đoạn xích ngắn trong sợi xích cột tôi trong tay, tôi chờ hấn tới, người co lại như một con thú săn mồi.

Khi hấn khom xuống để đặt thức ăn lên sàn, tôi vung sợi xích lên trên đầu và quật với tất cả sức lực vào sọ hấn. Hấn lạng lẽ gục xuống sàn.

Bật cười to và nói lâm nhâm như một gã điên, tôi sờ soạng đôi tay trên người gã để tìm cổ họng hắn. Vòng quanh cổ hắn có một sợi dây nhỏ mà ở đầu là một chùm chìa khoá. Khi chạm vào xâu chìa khoá, tôi tỉnh táo lại với một ý nghĩ đột ngột. Tôi không còn là gã khờ trở chứng nữa, mà là một con người tỉnh táo, có lý trí với phương tiện tẩu thoát trong tay.

Khi đang mò mẫm để tháo sợi dây khỏi cổ gã nạn nhân của tôi, tôi liếc nhìn vào bóng tối và thấy sáu đôi mắt nhấp nháy đang dán vào tôi. Chúng chậm rãi tới gần tôi, và tôi cũng chậm rãi lùi lại phía sau. Quay trở về góc của tôi, tôi co người đưa lòng bàn tay ra, ở phía trước tôi, những con mắt đáng sợ len lén đến gần cho tới khi chúng chạm vào cái xác chết ở dưới chân tôi. Rồi chúng chậm chậm lui lại nhưng lần này với một âm thanh chói tai và cuối cùng biến mất vào một nơi thâm kín xa xôi nào đó trong căn hầm.

CHƯƠNG XIX: TRẬN CHIẾN Ở ĐẦU TRƯỜNG

Tôi dần lấy lại bình tĩnh và cuối cùng cố thử tháo xích chìa khóa ra khỏi xác chết của tên cai ngục một lần nữa. Nhưng khi tôi thò tay ra trong bóng tối để tìm nó tôi phát hiện trong cơn khủng khiếp rằng nó đã biến mất. Rồi sự thật loé lên trong đầu tôi. Chủ nhân của những cặp mắt nhấp nháy đó đã kéo chiến lợi phẩm của tôi ra khỏi tôi để thưởng thức trong hang ổ kế bên của chúng; vì chúng đã chờ đợi suốt nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng, trong thời gian cầm tù bất tận đáng sợ của tôi, để lòi xác chết của tôi về làm một bữa tiệc linh đình.

Trong hai ngày không có ai mang thức ăn đến cho tôi, nhưng rồi một sứ giả mới xuất hiện và sự cầm tù tôi lại tiếp diễn như trước đó, nhưng tôi không cho phép lý trí mình bị nhấn chìm bởi sự khủng khiếp của hoàn cảnh một lần nữa.

Sau đó một thời gian ngắn, một tù nhân khác bị tống vào hầm và xiềng gông tôi. Dưới ánh đuốc tù mù, tôi thấy rằng anh ta là một người Hòa tinh da đỏ và gần như tôi không thể chờ tới lúc tên canh ngục bỏ đi để nói chuyện với anh ta. Khi tiếng chân lùi ra của chúng đã tắt hẳn từ xa, tôi khẽ nói từ chào hỏi của người Hòa tinh: “Kaor!”

“Người đang nói trong bóng tối, anh là ai?”

“John Carter, một người bạn của người da đỏ ở Helium.”

“Tôi là người ở Helium, nhưng tôi không nhớ tên anh.”

Thế là tôi kể cho anh ta nghe câu chuyện của tôi như đã viết, chỉ bỏ qua những phần liên quan tới tình yêu của tôi dành cho Dejah Thoris. Anh ta rất kích động với những tin tức về nàng công chúa của Helium và có vẻ như hoàn toàn tin chắc rằng nàng và Sola có thể dễ dàng tới được một điểm an toàn từ nơi họ đã chia tay với tôi. Anh ta bảo anh ta biết rất rõ nơi đó vì hẻm núi mà những chiến binh Warhoon đã đi qua khi họ phát hiện ra chúng tôi là con đường duy nhất được họ sử dụng khi hành quân xuống phía nam.

“Dejah Thoris và Sola đã đi vào dãy đồi cách một con kênh đào lớn không đầy năm dặm và có lẽ giờ này đã an toàn.” Anh ta bảo đảm với tôi.

Người bạn tù của tôi là Kantos Kan, một padwar (đại úy) không quân của Helium. Anh là thành viên của chuyến thám hiểm định mệnh xấu số đã lọt vào tay của người Thark lúc Dejah Thoris bị bắt. Anh kể lại vắn tắt những sự cố xảy ra sau cuộc bại trận đó.

Bị tôn trọng nặng và chỉ còn một phần quân số, họ đã chậm chạp lê về Helium, nhưng khi đi qua gần thành phố Zodanga, thù địch của những kẻ thù truyền kiếp trong số những người Hòa bình da đỏ của Helium, họ đã bị một đoàn thuyền lớn tấn công và tất cả ngoại trừ con tàu chở Kantos Kan đều bị phá hủy hay bị bắt. Tàu của anh bị ba chiến thuyền Zodanga truy đuổi nhiều ngày nhưng cuối cùng đã thoát được nhờ bóng tối của một đêm không có trăng.

Ba mươi ngày sau khi Dejah Thoris bị bắt, vào khoảng thời gian chúng tôi về tới Thark, tàu của anh tới Helium với khoảng mười người còn sống sót trong số thủy thủ đoàn bảy trăm sĩ quan và binh lính. Ngay lập tức bảy hạm đội lớn, mỗi hạm đội gồm bảy trăm chiến thuyền đã xuất phát để tìm Dejah Thoris, và từ những thuyền này, hai ngàn chiếc thuyền nhỏ hơn vẫn đang tiếp tục tìm kiếm năng công chúa mất tích.

Hai cộng đồng người da xanh đã bị quét tan bởi những hạm đội báo thù, nhưng họ vẫn không tìm thấy dấu vết nào của nàng. Họ đã tìm kiếm trong những bộ tộc ở miền bắc, và chỉ vài ngày vừa qua họ mới mở rộng cuộc tìm kiếm xuống phía nam.

Kantos Kan được cử lái một trong những cỗ xe bay một người lái và không may đã bị người Warhoon phát hiện khi đang anh thám hiểm thành phố của họ. Sự dũng cảm và táo bạo của người dân ông này khiến tôi vô cùng kính trọng và khâm phục. Một mình, anh đã đáp xuống đất ở ranh giới của thành phố và đã đi bộ thâm nhập vào những tòa nhà bao quanh quảng trường. Trong hai ngày đêm, anh đã do thám các khu nhà ở và các hầm ngục của họ để tìm kiếm năng công chúa yêu quý, rồi lọt vào tay của một toán quân Warhoon khi sắp sửa ra đi vì chắc rằng Dejah Thoris không bị cầm tù ở đây.

Trong thời gian bị nhốt, Kantos Kan và tôi đã rất thân nhau và kết một tình bằng hữu ấm nồng. Tuy nhiên, chỉ một vài ngày sau, chúng tôi bị lôi khỏi căn hầm cho Trò chơi lớn. Sáng sớm hôm đó, chúng tôi bị đưa vào một sảnh đường lớn nằm sâu bên dưới mặt đất. Một phần lớn của nó đã bị đổ nát nên khó mà nói lúc đầu nó to lớn như thế nào. Ở điều kiện lúc ấy, nó có thể chứa được toàn bộ hai mươi ngàn người Warhoon của các bộ tộc.

Đầu trường rất rộng lớn nhưng cực kỳ gồ ghề và hoang phế. Xung quanh nó người Warhoon đã chất cao những hòn đá xây nhà lấy từ những dinh thự sụp đổ của thành phố cổ để ngăn những con thú và những tù nhân chạy lên khán đài, và ở hai đầu có xây những cái chuồng để nhốt chúng cho đến khi tới lượt chúng ra giắc đấu trong đấu trường.

Kantos Kan và tôi được nhốt chung trong một cái chuồng. Ở những chuồng khác là những con chó hoang, ngựa hoang, voi điên, các chiến binh da xanh và phụ nữ của các bộ tộc khác, cùng nhiều loài thú hoang dữ tợn khác trên Barsoom mà tôi chưa bao giờ trông thấy. Tiếng hí, tiếng gầm rú ầm ĩ của chúng làm điếc cả tai và về ngoài dữ tợn đủ khiến cho trái tim dũng cảm nhất cũng phải cảm thấy đã tới ngày tận số.

Kantos Kan giải thích với tôi rằng vào cuối ngày một trong những tù nhân có thể lấy lại tự do và số khác sẽ chết trong đấu trường. Những kẻ chiến thắng trong những cuộc đấu khác nhau trong ngày sẽ tiếp tục đọ sức với nhau cho tới khi chỉ còn hai đối thủ sống sót. Kẻ chiến thắng trong trận cuối cùng được thả tự do, dù là người hay là thú. Sáng hôm sau, các chuồng lại chứa đầy những nạn nhân mới, và cứ thế Trò chơi lớn diễn ra suốt mười ngày.

Không lâu sau khi chúng tôi bị nhốt vào chuồng, đấu trường bắt đầu đầy nghẹt và chỉ trong vòng một giờ, mọi chỗ ngồi đều bị chiếm. Dak Kova, với các jed và tù trưởng của hắn, ngồi ở trung tâm của một bên của đấu trường bên trên một cái bục lớn.

Khi Dak Kova ra hiệu hai cánh cửa chuồng được mở rộng và một chục phụ nữ da xanh bị đưa vào giữa đấu trường. Mỗi người được phát một con dao găm, và ở đầu kia, một bầy chó hoang vừa được thả ra lao tới họ.

Khi những con thú hung tợn vừa gầm gừ tru lên vừa lao tới những người phụ nữ hầu như không có gì tự vệ, tôi quay mặt đi vì không thể nhìn cái quang cảnh khủng khiếp đó. Tiếng la hét cười đùa của những khán giả chứng tỏ sự thú vị của cuộc đấu. Khi Kantos Kan bảo nó đã kết thúc, tôi quay lại và nhìn thấy ba con chó hoang chiến thắng, đang nhe răng và tru lên trên xác của những con mồi. Những người phụ nữ đã chết hết.

Kế tiếp, một con voi điên được thả vào giữa bầy chó còn lại, và cứ thế những cuộc đấu tiếp diễn suốt một ngày dài nóng bức và khủng khiếp.

Trong ngày hôm đó, đầu tiên tôi đã đọ sức với người rồi sau đó là thú, nhưng vì tôi có một thanh kiếm dài và luôn luôn hơn hẳn đối thủ về sự nhanh nhẹn và nói chung cả sức mạnh, chúng chỉ là trò trẻ con với tôi. Cứ mỗi lần chiến thắng, tôi lại được đám đông khát máu hoan hô và cho tới lúc cuối, có những tiếng hét đòi đưa tôi ra khỏi đấu trường và kết nạp tôi làm thành viên bộ tộc của Warhoon.

Cuối cùng, chỉ còn ba người sót lại, một chiến binh da xanh của một bộ tộc xa miền bắc, Kantos Kan và tôi.

Hai người kia đánh nhau và rồi đến lượt tôi phải chiến đấu với kẻ thắng để giành lấy tự do của kẻ chiến thắng chung cuộc.

Kantos Kan đã đánh nhau nhiều trận trong ngày và giống như tôi, đã luôn giành thắng lợi, nhưng đôi khi chỉ trong chân tơ kẻ tóc, đặc biệt khi đọ sức với những chiến binh da xanh. Tôi ít có hy vọng rằng anh có thể hạ được đối thủ khổng lồ của mình, hắn đã hạ gục tất cả mọi đối thủ trước anh trong ngày hôm đó. Hắn cao gần mười sáu bộ, trong khi Kantos Kan chỉ hơn sáu bộ chút ít. Khi họ tiến lên để chạm trán nhau, lần đầu tiên tôi nhận thấy mưu mẹo của một đấu sĩ Hòa tinh đã giúp cho Kantos Kan giành được chiến thắng và cuộc sống trong trò chơi may rủi. Bởi vì, khi anh còn cách đối thủ khổng lồ của mình khoảng hai mươi bộ, anh đưa cánh tay cầm kiếm ra phía sau vai và với một cú vung mạnh, anh phóng thanh kiếm vào gã chiến binh da xanh. Nó bay vút đi như một mũi tên và xuyên vào tim của gã xấu

xổ, hạ hân nằm gục chết trên đấu trường.

Giờ đây Kantos Kan và tôi phải đo sức với nhau. Khi chúng tôi tới gần nhau, tôi khẽ bảo với anh cứ kéo dài trận đấu cho tới gần tối với hy vọng rằng chúng tôi có thể tìm ra một phương tiện nào đó để tẩu thoát. Rõ ràng, đám đông đã đoán ra rằng chúng tôi không có lòng dạ nào để đánh nhau và họ giận dữ la hét đòi hỏi một trong hai người phải ra một đòn trí mạng. Ngay khi tôi nhìn thấy bóng tối bắt đầu buông xuống, tôi khẽ bảo Kantos Kan đâm thanh kiếm của anh vào giữa cánh tay trái và người tôi. Khi anh ta làm điều đó, tôi lao đảo lùi lại, kẹp chặt thanh kiếm dưới cánh tay và ngã lặn ra mặt đất với thanh kiếm rõ ràng đã xuyên qua ngực tôi. Kantos bước nhanh tới bên tôi, đặt bàn chân lên cổ tôi và rút thanh kiếm ra khỏi thân người tôi rồi đâm một cú kết thúc xuyên qua cổ để cắt đứt động mạch của tôi, nhưng thật ra lúc đó lưỡi kiếm lạnh lẽo chỉ xuyên vào lớp cát của đấu trường. Trong bóng tối đang buông xuống, không ai có thể nói gì khác hơn là anh đã thật sự giết chết tôi. Tôi thì thầm bảo anh đi và đòi lại quyền tự do của mình, sau đó hãy tìm tôi ở những ngọn đồi ở hướng đông thành phố, và anh rời khỏi đấu trường.

Khi khán đài đã vắng bóng người, tôi len lên bò lên và vì đấu trường lớn nằm cách xa quảng trường và trong một phần bỏ hoang của thành phố chết, tôi không gặp rắc rối gì trong việc đi tới dãy đồi bên ngoài.

CHƯƠNG XX: TRONG NHÀ MÁY KHÍ QUYỀN

Tôi ở đó chờ Kantos Kan suốt hai ngày, nhưng vì không thấy anh tới, tôi lên đường theo hướng tây bắc về một điểm mà anh ta đã bảo rằng có một con kênh đào gần nhất. Thức ăn duy nhất của tôi bao gồm sữa thực vật từ những thân cây dồi dào thứ chất lỏng vô giá này.

Tôi lang thang suốt hai tuần, lê chân qua những đêm dài, với những vì sao dẫn lối, còn ban ngày thì nấp vào dưới một tảng đá lồi nào đó giữa những ngọn đồi mà tôi đi qua. Nhiều lần tôi bị những con thú hoang tấn công trong bóng tối, nên tôi luôn nắm chắc thanh kiếm trong tay, sẵn sàng chờ đón chúng. Thường thường, khả năng ngoại cảm mà tôi mới thu đắc cảnh báo cho tôi trước, nhưng một lần nọ tôi bị đè xuống với những chiếc nanh kinh khủng kẻ vào cổ và một bộ mặt lông lá kẻ bên mặt trước khi tôi biết mình đang bị đe dọa.

Tôi không biết loài thú nào đang đề lên mình, nhưng tôi có thể cảm thấy rằng nó to lớn, nặng và có nhiều chân. Tay tôi chộp vào cổ nó trước khi những chiếc nanh cắm sâu vào cổ tôi, và chậm chạp, tôi đẩy bộ mặt lông lá ra khỏi người tôi, xiết chặt những ngón tay cứng như kềm của tôi lên khí quản của nó.

Chúng tôi nằm đó không một tiếng động. Con thú tấn công tôi với những chiếc nanh đáng sợ, và tôi cố duy trì gọng kềm của mình trong khi cố đẩy nó ra xa. Dần dần, đôi tay tôi yếu đi với cuộc chiến đấu không cân sức. Và từng phần một, đôi mắt đỏ rực và những chiếc nanh lấp loáng lại tiến đến sát mặt tôi, cho tới khi bộ mặt lông lá lại chạm vào mặt tôi lần nữa, tôi nhận ra tất cả đã chấm dứt. Ngay lúc đó, một thân hình to lớn lao ra từ bóng tối nhào lên con vật đang đề lên tôi. Cả hai lần tròn, gầm gừ trên lớp thảm rêu, cắn xé nhau một cách dữ tợn, nhưng mọi chuyện nhanh chóng kết thúc và kẻ bảo vệ cho tôi đứng lên với cái đầu hạ thấp trên cổ của con vật suýt chút đã giết chết tôi.

Vàng trắng lớn, đột ngột nhô ra ở chân trời và soi sáng một vùng phong cảnh Barsoom, giúp tôi nhận ra kẻ cứu mạng mình là Woola, nhưng nó đến từ khi nào và làm cách nào để tìm ra tôi, tôi không biết. Không cần phải nói tôi vui mừng thế nào khi có nó làm bạn đường, nhưng niềm vui của tôi khi nhìn thấy nó bị khuấy động bởi mối lo âu về lý do nó rời khỏi Dejah Thoris. Tôi dám chắc chỉ có cái chết của nàng mới có thể lý giải cho việc nó rời khỏi nàng, vì tôi biết nó rất trung thành với mệnh lệnh của tôi.

Dưới ánh sáng rạng rỡ lúc này của hai vàng trắng, tôi thấy rằng nó chỉ còn là một cái bóng của thân hình nó trước đây, và khi nó quay lại để ngấu nghiến cái xác chết sau khi chào mừng tôi, tôi nhận ra anh bạn khốn khổ này đã hầu như gần chết vì đói. Bản thân tôi cũng chỉ khá hơn nó đôi chút nhưng tôi không thể ăn thịt sống và cũng không có phương tiện gì để đốt lửa. Khi Woola ăn xong, tôi tiếp tục cuộc du hành mệt mỏi và dường như vô tận để kiếm tìm con kênh đào.

Vào rạng sáng ngày thứ mười lăm trong chuyến hành trình, tôi vui mừng tột độ khi nhìn thấy những hàng cây cao báo hiệu cho đối tượng

tìm kiếm của tôi. Vào khoảng giữa trưa tôi mệt nhọc lê chân tới cổng của một tòa nhà rộng lớn nằm trên một diện tích có lẽ đến bốn dặm vuông và cao tới trăm bộ. Không có một khe hở nào trên những bức tường dày ngoại trừ những cửa sổ bé xíu, cũng không có bất kỳ dấu hiệu nào của sự sống quanh đây.

Tôi không tìm thấy một cái chuông hay một công cụ nào đó để báo cho những người ở đây biết đến sự hiện diện của tôi, ngoại trừ một cái ống tròn nhỏ trên tường gần cửa ra vào. Nó chỉ to bằng một cây bút chì, và nghĩ rằng nó có thể là một phần của một cái ống nói, tôi kê miệng vào đó và gọi to. Rồi có một giọng nói phát ra từ đó, hỏi tôi là ai, từ đâu đến và mục đích là gì.

Tôi giải thích rằng tôi đã trốn thoát khỏi người Warhoon và đang sắp chết vì đói và kiệt sức.

“Anh đeo huy hiệu của chiến binh da xanh và có một con chó đi theo, thế nhưng anh lại có hình dáng của một người da đỏ. Về màu da anh không phải là xanh cũng không phải là đỏ. Nhân danh ngày thứ chín, anh là loại sinh vật nào vậy?”

“Tôi là một người bạn của người da đỏ Barsoom và tôi đang đói. Nhân danh nhân loại hãy mở cửa cho chúng tôi.” Tôi đáp.

Lúc đó cánh cửa trước mặt tôi bắt đầu lùi lại cho tới khi nó chìm vào bức tường cao mười lăm bộ, rồi nó trượt êm ái sang bên trái, để lộ ra một hành lang ngắn hẹp bằng bê tông. Ở đầu kia hành lang là một cánh cửa khác, giống hệt như cánh cửa mà tôi vừa bước qua. Tôi không thấy ai cả, nhưng ngay khi tôi và Woola bước qua cánh cửa thứ nhất, nó trượt trở lại vị trí cũ trên tường. Khi cánh cửa trượt sang bên, tôi nhận thấy nó rất dày, có thể tới hai mươi bộ. Khi cánh cửa trở về vị trí đóng, những ống thép hình trụ lớn hạ xuống từ trần nhà phía sau nó và lấp vào những lỗ tròn trên sàn nhà.

Cánh cửa thứ hai và thứ ba cũng lùi lại và trượt sang một bên như cánh cửa đầu, rồi tôi bước vào một gian phòng lớn. Ở đó tôi tìm thấy thức ăn và nước uống đặt trên một cái bàn lớn bằng đá. Một giọng nói bảo tôi hãy ăn no và cho con chó của tôi ăn, và trong lúc tôi đang ăn vị chủ nhân giấu mặt tiến hành một cuộc điều tra thăm dò nghiêm túc về tôi.

“Những lời của anh rất đáng chú ý,” người đó nói, khi kết luận về cuộc điều tra. “Nhưng hiển nhiên là anh đã nói thật, và cũng hiển nhiên là anh không phải là người ở Barsoom. Tôi có thể nói điều này vì cấu tạo não của anh và vị trí lạ lùng của các cơ quan nội tạng, cùng hình dáng và kích cỡ của quả tim.”

“Ông có thể nhìn xuyên qua tôi?” Tôi sững sốt.

“Phải, tôi có thể nhìn thấy tất cả trừ các ý nghĩ của anh, và nếu anh là người Barsoom tôi cũng có thể đọc được chúng.”

Rồi một cánh cửa mở ra ở đầu kia của gian phòng và một ông già lạ lùng, khô đét, bé nhỏ tiến lại gần tôi. Ông ta chỉ khoác một loại vải hay trang sức gì đấy, một cái vòng cổ nhỏ bằng vàng treo một vật trang sức to bằng cái đĩa thức ăn nạm đầy những viên kim cương lớn, ngay chính giữa là một viên đá kỳ lạ, có đường kính chừng một in-sơ, lấp lánh chín tia sáng màu sắc khác nhau, bảy màu trên trái đất chúng ta và hai màu tuyệt đẹp khác mà với tôi rất mới lạ và không có tên gọi. Tôi không thể tả lại chúng giống như bạn không thể tả lại màu đỏ với một người mù. Tôi chỉ biết rằng chúng cực kỳ đẹp.

Ông già ngồi nói chuyện với tôi suốt mấy giờ. Điều lạ lùng nhất trong cuộc trao đổi giữa chúng tôi là tôi có thể đọc được mọi ý nghĩ của ông ta, trong khi ông ta không thể hiểu được một chút gì trong đầu tôi trừ phi tôi nói ra.

Tôi không để lộ khả năng của mình trong việc cảm nhận các hoạt động tinh thần của ông ta, do vậy tôi biết được nhiều điều mà sau này rất có giá trị đối với tôi. Tôi không hề biết rằng ông ta đã nghi ngờ năng lực kỳ lạ này của tôi, vì người sao Hỏa đã đạt tới độ kiểm soát các hoạt động tinh thần của họ hoàn hảo đến nỗi họ có thể chuyển giao trực tiếp các ý nghĩ của họ một cách tuyệt đối chính xác.

Tòa nhà này chứa một cỗ máy sản xuất ra bầu khí quyển nhân tạo để duy trì cuộc sống ở Hỏa tinh. Bí mật của toàn bộ quá trình này xoay quanh việc sử dụng tia sáng thứ chín, một trong những tia sáng đẹp đẽ mà tôi đã nhìn thấy phát ra từ viên đá lớn trên ngực người chủ nhân.

Tia sáng này được tách khỏi các tia quang phổ khác của mặt trời nhờ những thiết bị điều chỉnh tinh vi đặt trên mái của tòa nhà to lớn, ba phần tư trong số đó được dùng cho các bể chứa cất giữ tia sáng thứ chín. Quá trình sản xuất này được tiến hành nhờ cơ chế điện từ, hay nói đúng hơn là nó kết hợp với một tỷ lệ các dao động điện xác định, và kết quả được bơm vào năm trung tâm không khí chủ yếu của hành tinh, mà theo lời của người chủ nhân, được nối với bầu trời để chuyển hóa nó thành khí quyển.

Luôn luôn có đủ nguồn dự trữ tia sáng thứ chín trong tòa nhà lớn này để duy trì bầu khí quyển hiện tại của Hỏa tinh trong một ngàn năm. Điều đáng ngại duy nhất, như người bạn của tôi cho biết, là các thiết bị bơm có thể xảy ra sự cố.

Ông ta dẫn tôi tới một căn phòng bên trong. Ở đó tôi trông thấy một dãy hai mươi máy bơm chất phóng xạ, Mỗi máy đều ngang nhau về công suất cung cấp cho toàn sao Hỏa bầu khí quyển tổng hợp. Trong suốt tám trăm năm, ông ta bảo tôi, ông ta đã theo dõi những cái máy bơm này được luân phiên sử dụng mỗi ngày - khoảng hai mươi bốn giờ rưỡi giờ trên trái đất. Ông ta có một người trợ lý cùng theo dõi với ông. Mỗi năm Hỏa tinh - khoảng ba trăm bốn mươi bốn ngày trên trái đất của chúng ta, mỗi người trong số họ ở một mình trong cái nhà máy khổng lồ, hiu quạnh này.



THE OLD MAN SAT AND TALKED WITH ME FOR HOURS.

Page 224

Mỗi người sao Hỏa da đỏ đều được dạy bảo từ thời thơ ấu những nguyên tắc sản xuất ra bầu khí quyển, nhưng mỗi lần chỉ có hai người nắm giữ được những bí mật của việc điều hành nhà máy. Nó có những bức tường dày tới một trăm năm mươi bộ, tuyệt đối không thể tấn công được, và ngay cả mái nhà cũng được bảo vệ khỏi sự tấn công của tàu bay với một lớp kính che phủ dày năm bộ.

Mối lo bị tấn công duy nhất của họ là từ những người Hỏa tinh da xanh hoặc vài người da đỏ điên cuồng, vì mọi người Hỏa tinh đều nhận thức được rằng mọi sự sống của Hỏa tinh đều tồn tại nhờ vào hoạt động liên tục của nhà máy này.

Tôi phát hiện ra một sự kiện quái lạ khi theo dõi những ý nghĩ của ông ta là những cánh cửa bên ngoài được vận hành bằng phương tiện ngoại cảm. Những cái chốt được điều chỉnh một cách tinh vi đến nỗi mấy cánh cửa được mở ra bởi sự kết hợp của những làn sóng ý nghĩ. Để thực nghiệm trò chơi mới phát hiện ra và muốn thử làm ông ta ngạc nhiên khi vén mở sự kết hợp đó, tôi làm ra vẻ tình cờ hỏi ông ta làm cách nào mở những cánh cửa nặng nề to lớn như thế, nhưng ông ta đáp nhanh rằng đó là một bí mật không thể tiết lộ được.

Ông già ngồi nói chuyện với tôi suốt mấy giờ.

Kể từ lúc đó, thái độ của ông ta đối với tôi thay đổi hẳn, như thể ông ta sợ rằng bí mật lớn của ông ta bị lộ ra, và tôi đọc được sự ngờ vực và sợ hãi trong vẻ mặt và các ý nghĩ của ông ta, dù lời nói của ông ta vẫn bình thường.

Trước khi tôi đi nghỉ đêm, ông ta hứa sẽ giao cho một lá thư gửi cho một quan chức nông nghiệp ở gần đó để giúp tôi tới Zodanga, thành phố gần nhất.

“Nhưng anh đừng để cho họ biết anh muốn tới Helium vì họ đang có chiến tranh với nước đó. Tôi và người trợ lý không có quê hương, chúng tôi thuộc về toàn thể Barsoom và tấm phù hiệu mà chúng tôi đeo bảo vệ cho chúng tôi ở mọi đất nước, ngay cả với người da xanh, dù chúng tôi không dám tin tưởng vào họ mấy.” Ông ta nói thêm.

“Thôi, chúc ngủ ngon, anh bạn. Chúc anh có một giấc ngủ dài và êm đềm, một giấc ngủ dài.”

Và dù ông ta mỉm cười vui vẻ, tôi nhìn thấy trong ý nghĩ của ông ta niềm ao ước giá mà ông ta đã không cho tôi vào, và hình ảnh ông ta đứng bên giường tôi trong bóng đêm, và một nhát dao đâm phập vào ngực tôi - “Tôi rất tiếc, nhưng tôi phải làm điều này vì lợi ích của Barsoom.”

Khi ông ta đóng cửa phòng, những ý nghĩ của ông ta cũng bị cắt rời khỏi tôi, một điều khá lạ lùng trong kiến thức ít ỏi của tôi về sự thần giao cách cảm.

Tôi phải làm gì? Làm sao tôi thoát ra khỏi những bức tường dày này? Tôi có thể giết ông ta một cách dễ dàng ngay lúc biết ý định của ông ta, nhưng khi ông ta chết, tôi cũng không thể trốn thoát, và khi nhà máy này ngưng hoạt động tôi cũng sẽ chết với tất cả các cư dân khác của hành tinh này. Tất cả, kể cả Dejah Thoris nếu nàng còn sống. Đối với những người khác tôi sẽ không bận tâm mấy, nhưng ý nghĩ về Dejah Thoris quét khỏi đầu tôi mọi mong muốn giết chết người chủ nhà lầm lẫn của tôi.

Tôi cẩn trọng mở cửa phòng, theo sau là Woola, đi tìm bí mật của những cánh cửa. Một kế hoạch điên cuồng nảy ra trong đầu tôi, tôi sẽ cố phá hỏng những cái chốt lớn bằng chín lần sóng ý nghĩ mà tôi đã đọc thấy trong đầu của người chủ nhân.

Len lén bò qua hành lang này tới hành lang khác và đi xuống cầu thang quanh quẹo, cuối cùng tôi tới được căn phòng lớn mà lúc sáng tôi đã thoả con đói dài ngày. Tôi không thấy ông già đâu cả, và cũng không biết ông ta ngủ đêm ở đâu.

Khi tôi sắp bước vào phòng, một tiếng động nhẹ ở phía sau khiến tôi lùi vào bóng tối của một góc khuất trong hành lang. Lôi Woola theo, tôi khom thấp người trong bóng tối.

Ngay lúc đó, ông già đi qua gần bên tôi. Khi ông ta đi vào căn phòng lờ mờ sáng mà khi nãy tôi sắp bước vào, tôi nhìn thấy ông ta cầm một con dao dài, mỏng và đang mài nó trên một phiến đá. Trong đầu ông ta là quyết định kiểm tra những cái máy bơm, mất khoảng nửa giờ, sau đó sẽ quay lại phòng ngủ của tôi và hạ sát tôi.

Khi ông ta đi qua căn phòng lớn và biến mất dưới cầu thang dẫn tới phòng đặt máy bơm, tôi len lén chuồn ra khỏi nơi ẩn nấp và đi tới cánh cửa lớn cuối cùng trong số ba cánh cửa ngăn cách tôi với tự do.

Tập trung tư tưởng vào cái khoá khổng lồ, tôi phóng chín lần sóng ý nghĩ thẳng vào nó. Tôi chờ đợi trong một khoảnh khắc nghệt thờ. Cuối cùng, cánh cửa khổng lồ chuyển động nhẹ nhàng về phía tôi và trượt sang một bên. Sau đó, hai cánh cửa còn lại cũng mở ra theo lệnh của tôi. Tôi và Woola lao vào bóng tối, tự do và không có gì khác hơn trước, ngoại trừ một điều là đã no bụng.

Vội vã thoát xa khỏi bóng tối của tòa nhà kinh khủng, tôi tới một ngã tư đầu tiên, hướng về con đường trung tâm càng nhanh càng tốt. Tôi tới đó vào rạng sáng và khi bước vào vòng rào thứ nhất tôi tìm kiếm những dấu vết của con người ở đó.

Những toà nhà thấp nằm rải rác, với những cánh cửa không thể vượt qua, và không có động tĩnh gì khi tôi đập và kêu cửa. Mọi mặt và kiệt sức vì mất ngủ, tôi ném người xuống mặt đất và lệnh cho Woola đứng canh gác.

Một lúc sau, tôi thức giấc do tiếng gầm gừ sợ hãi của nó. Mở mắt ra, tôi nhìn thấy ba người da đỏ đang đứng cách chúng tôi một quãng ngắn với những khẩu súng.

“Tôi không có vũ khí và không phải là kẻ thù.” Tôi vội vã giải thích. “Tôi từng là tù nhân của người da xanh và đang đi tới Zodanga. Tất cả những gì tôi yêu cầu là thức ăn và sự nghỉ ngơi cho tôi và con chó và phương hướng để đi tới địa điểm tôi muốn.”

Họ hạ súng xuống và vui vẻ tiến tới gần tôi, đặt tay lên vai tôi, theo cung cách chào hỏi đúng tập tục, và hỏi tôi nhiều điều về bản thân tôi và hành trình của tôi. Rồi họ dẫn tôi tới nhà của một người trong bọn cách đó không xa.

Những ngôi nhà mà tôi đập cửa lúc sáng chỉ dùng để chứa hàng hóa và sản phẩm nông trại, còn nhà ở thì nằm giữa một khu rừng nhỏ với những thân cây khổng lồ, và giống như mọi ngôi nhà của người Hỏa tinh da đỏ, có thể cao lên vào ban đêm khoảng bốn mươi đến năm mươi bộ trên những cột tròn lớn bằng kim loại có thể trượt lên xuống trong một cái ống bọc chìm vào mặt đất, được vận hành bởi một cỗ máy phóng xạ bé xíu trong lõi vào của tòa nhà. Thay vì bận tâm với việc làm tường rào, người Hỏa tinh da đỏ chỉ đơn giản nâng cao nó lên khỏi tầm nguy hiểm vào ban đêm. Họ cũng có những phương tiện riêng để hạ thấp hay nâng cao chúng khỏi mặt đất nếu muốn đi xa và bỏ nhà lại.

Hai anh em này, với vợ và con của họ, ở trong ba ngôi nhà tương tự trong nông trại này. Bản thân họ không làm nông mà là những quan chức nhà nước. Việc làm nông được thực hiện bởi những người tù thường phạm, tù nhân chiến tranh, người thiếu nợ không trả đúng hạn và những người chưa có gia đình quá nghèo không thể đóng nổi khoản thuế độc thân cao mà mọi nhà nước Hỏa tinh da đỏ đều áp dụng.

Họ là những con người thân thiện và phóng khoáng. Tôi sống ở đó với họ nhiều ngày, nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau những gian khổ lâu dài.

Khi họ nghe câu chuyện của tôi - tôi loại bỏ mọi chi tiết liên quan tới Dejah Thoris và ông già trong nhà máy khí quyển - họ khuyên tôi nên quét màu lên người để giống với dân tộc họ và sau đó cố tìm việc làm ở Zodanga, trong lục quân hoặc không quân.

“Cơ may để mọi người tin vào câu chuyện của anh rất ít, cho tới khi anh có thể chứng minh được sự chân thật của mình và kết bạn được với những người có địa vị cao trong triều đình. Anh có thể dễ dàng làm được điều này thông qua quân dịch, vì chúng tôi là một dân tộc hiếu chiến trên Barsoom, và dành những đặc quyền tốt nhất cho chiến sĩ.” Một người trong bọn nói.

Khi tôi sắp lên đường, họ tặng tôi một con ngựa nhỏ giống hệt như những con ngựa được người Hỏa tinh da xanh dùng để cưỡi. Nó có tầm vóc của một con ngựa bình thường nhưng có màu sắc và hình dáng giống hệt như những người anh em họ hoang dã khổng lồ và dữ tợn.

Những người bạn này cũng cho tôi một thứ dầu màu đỏ để quét lên toàn bộ thân thể và một người trong bọn cắt giùm tôi mái tóc đã mọc quá dài theo một thời thượng lúc bấy giờ, vuông ở phía sau và ngang trán ở phía trước, để tôi có thể đi tới bất cứ nơi nào trên Hỏa tinh

như một người Hỏa tinh da đỏ chính thức. Tôi cũng thay cả các tấm huy hiệu và trang sức theo kiểu của một quý ông Zodanga có quan hệ với gia đình Ptor, họ tên của những người bạn tốt đó.

Họ bỏ đầy tiền Zodanga vào một cái túi nhỏ bên hông tôi. Sự trao đổi mua bán trên sao Hỏa cũng giống như của chúng ta ngoại trừ việc các đồng xu có hình bầu dục. Tiền giấy do các cá nhân phát hành khi cần tới và được chuộc lại hai lần mỗi năm. Nếu một người phát hành nhiều hơn số mà anh ta có thể chuộc, nhà nước trả đủ cho những người chủ nợ và người mắc nợ phải làm để trả hết nợ trong những nông trại hay hầm mỏ, tất cả đều thuộc về nhà nước. Điều này thích hợp cho tất cả mọi người ngoại trừ người mắc nợ vì khó mà đạt đủ số lao động tình nguyện để làm việc trong những nông trại quanh quẩn rộng lớn của Hỏa tinh, trải dài như những dải băng cái tóc hẹp từ cực này đến cực kia, băng qua những miền đất mà dân cư là thú hoang và những con người còn hoang dã hơn.

Khi tôi đề cập tới việc tôi không có khả năng đền đáp lại lòng tốt của họ, họ bảo đảm với tôi rằng tôi sẽ có thừa cơ hội nếu tôi còn sống lâu trên Barsoom, và khi chào từ biệt tôi, họ dõi theo cho tới khi tôi khuất hẳn trên con đường trắng rộng lớn.

CHƯƠNG XXI: PHI ĐỘT TRÌNH SÁT CỦA ZODANGA

Khi tiếp tục chuyển hành trình tới Zodanga, nhiều cảnh vật lạ lùng và thú vị đã thu hút sự chú ý của tôi. Ở nhiều ngôi nhà nông trại tôi ghé lại, tôi học được một số điều mới mẻ liên quan tới các phương pháp và cung cách xử sự của Barsoom.

Nguồn nước cung cấp cho các nông trại của Hòa tinh được tích trữ trong những kho dự trữ ngầm khổng lồ ở hai đầu cực từ những mòm băng tan chảy, được bơm qua những đường ống dẫn dài tới các trung tâm dân cư khác nhau.

Dọc theo những đường ống dẫn này cho đến hết chiều dài của chúng là những vùng đất trồng trọt. Chúng được phân thành nhiều luống cỏ cùng kích cỡ, mỗi luống đặt dưới sự giám sát của một hoặc vài viên chức nhà nước.

Thay vì tràn ngập trên bề mặt của các cánh đồng, và do vậy gây lãng phí một lượng lớn nước do bốc hơi, chất lỏng quý báu này được chuyên chở ngầm qua một mạng lưới những đường ống nhỏ chạy thẳng tới bộ rễ của cây trồng. Những cây trồng trên Hòa tinh đều giống nhau như đúc vì không có hạn hán, không có mưa, không có gió mạnh, không có côn trùng và những loài chim phá hại.

Trong chuyến đi này, tôi đã nếm món thịt đầu tiên kể từ ngày rời trái đất - những miếng bíp tết và sườn lớn ngon lành từ những con thú nuôi mập mạp của các nông trại. Tôi cũng được thưởng thức những thứ rau quả thơm ngon, nhưng không có thứ nào giống như rau quả trên trái đất. Mọi loại cây trái và hoa quả, thú vật đều được cải tiến qua nhiều niên kỷ trồng trọt và chăn nuôi một cách khoa học đến mức so với chúng, những thứ đó trên trái đất trở nên vô nghĩa.

Ở lần ghé lại thứ hai, tôi gặp vài người có học thức của một giai cấp quý tộc và trong khi trò chuyện chúng tôi tình cờ nói đến Helium. Một trong những người lớn tuổi hơn, từng đến đó trong một chuyến công vụ ngoại giao cách đây nhiều năm, nói đến với niềm tiếc nuối những tình huống đã duy trì tình trạng chiến tranh hai quốc gia này.

“Helium vô cùng tự hào về những người phụ nữ đẹp nhất của Barsoom, và về người phụ nữ kỳ diệu quý báu hơn tất cả mọi kho tàng, con gái của Mors Kajar. Dejah Thoris là đóa hoa kỳ diệu nhất.” Ông ta nói.

“Sao chứ,” ông ta nói thêm, “mọi người thật sự tôn thờ mảnh đất mà nàng bước lên và từ khi nàng mất tích trong chuyến thám hiểm xui xẻo ấy, toàn Helium chìm vào cảnh thê lương ảo não.”

“Việc người lãnh đạo của chúng tôi đã tấn công hạm đội không may ấy khi nó quay về Helium chỉ là một trong những sai lầm kinh khủng của ông ta. Vì các sai lầm đó, tôi e rằng không sớm thì muộn Zodanga buộc phải ra một người thông minh hơn cho vị trí của ông ta.”

“Ngay cả bây giờ, dù những đội quân chiến thắng của chúng tôi đang bao vây Helium, người dân Zodanga đang bày tỏ sự bất bình của họ, vì chiến tranh không phải là một điều được nhiều người ưa thích, nếu nó không dựa trên lẽ phải và sự công bằng. Các lực lượng của chúng tôi lợi dụng sự vắng mặt của hạm đội chủ yếu của Helium đang đi tìm kiếm công chúa của họ, nhờ thế chúng tôi mới có thể dễ dàng đánh thắng thành phố ấy. Người ta nói nó sẽ đầu hàng trong vòng vài tuần trăng tối.”

“Vậy, ông nghĩ số phận của công chúa Dejah Thoris sẽ ra sao?” Tôi hỏi, làm ra vẻ tỉnh bơ.

“Nàng đã chết.” Ông ta đáp. “Người ta biết điều này từ một chiến binh da xanh mới bị chúng tôi bắt ở phía nam. Nàng bỏ trốn khỏi các bộ tộc Thark với một sinh vật lạ của một thế giới khác, chỉ để rơi vào tay của người Warhoon. Những con ngựa của họ được tìm thấy đang lang thang trên đáy biển cạn và những chứng cứ của một trận chiến đẫm máu được phát hiện ở gần bên.”

Trong khi tin tức này không hay chút nào, nó cũng không phải là chứng cứ kết luận về cái chết của Dejah Thoris, vì thế, tôi quyết định thực hiện mọi nỗ lực có thể để tới Helium càng sớm càng tốt và mang tới cho Tardos Mors những tin tức về địa điểm mà cháu của ông có thể có mặt trong phạm vi tôi biết.

Mười ngày sau khi rời khỏi nhà của anh em Ptor, tôi tới Zodanga. Kể từ khi tiếp xúc với những cư dân da đỏ của Hòa bình, tôi nhận thấy rằng Woola gây một sự chú ý không thân thiện ở họ, vì con vật to lớn này thuộc vào một chủng loại chưa bao giờ được thuần dưỡng bởi người da đỏ. Một người đi dọc đại lộ Broadway với một con sư tử Phi châu theo sát gót chân sẽ gây một ấn tượng tương tự như tôi đã tạo ra khi tôi bước vào Zodanga với Woola.

Ý nghĩ về việc phải chia tay với con vật trung thành này khiến cho tôi tiếc nuối và buồn phiền đến nỗi tôi tạm gác nó lại cho tới khi ngay trước khi chúng tôi tới những công thành. Nhưng cuối cùng, lúc đó bắt buộc chúng tôi phải tách rời nhau. Vì tôi sẵn sàng hy sinh đời tôi cho việc phục vụ nàng, và trong cuộc tìm kiếm nàng tôi sắp phải đối mặt với những nguy cơ chưa biết tới của thành phố bí ẩn này, tôi không thể cho phép ngay cả cuộc sống của Woola đe dọa tới sự thành công của cuộc mạo hiểm này. Niềm hạnh phúc tạm thời của nó còn nhỏ bé hơn nhiều, và tôi ngờ rằng nó sẽ khó lòng quên tôi. Thế là tôi chào chia tay với con thú khốn khổ, tuy nhiên, cũng hứa với nó nếu tôi vượt qua cuộc mạo hiểm an toàn, bằng cách nào đó tôi sẽ tìm ra nó.

Hình như nó hiểu tôi rất rõ, và khi tôi chỉ về hướng Thark, nó buồn bã quay đi. Tôi cũng không thể nhìn nó ra đi, vì thế tôi quay mặt về phía Zodanga và với một tâm trạng đau buồn tiến tới gần những bức tường cao của thành phố.

Lá thư tôi mang từ những người bạn giúp tôi được vào ngay lập tức cái thành phố rộng lớn có tường bao quanh đó. Trời vẫn còn rất sớm và các đường phố thật sự vắng vẻ. Những căn nhà, mọc cao trên những cây cột tròn, trông như những con quạ khổng lồ, còn bản thân

những chiếc cột giống như những thân cây bằng thép. Các cửa tiệm không mọc cao mà cũng chẳng có rào cản trước cửa, vì trên Hỏa tinh hoàn toàn không biết tới việc trộm cắp. Sự ám sát là nỗi sợ kéo dài tới hiện tại của tất cả mọi người Hỏa tinh, và chỉ vì lý do này, ngôi nhà của họ được đưa lên cao vào ban đêm hay những lúc nguy hiểm.

Anh em nhà Ptor đã hướng dẫn tỉ mỉ cho tôi trong việc tới một địa điểm có thể tìm được chỗ ở và sống gần nhà những viên chức của các cơ quan nhà nước mà họ đã nhờ tôi mang tới những lá thư. Con đường tôi đi dẫn tới quảng trường trung tâm, một đặc điểm của tất cả các thành phố trên sao Hỏa.

Quảng trường của Zodanga chiếm diện tích một dặm vuông và bao quanh bởi các cung điện của jeddak, các viên jed và các thành viên khác của giới hoàng gia và quý tộc của Zodanga, cũng như các toà nhà công cộng chủ yếu, các quán ăn và cửa tiệm.

Khi băng qua quảng trường lớn, nhìn ngắm một cách hăm mộ kiến trúc tuyệt diệu và những cô cây màu tím nhạt lộng lẫy trải thảm trên bãi cỏ rộng, tôi phát hiện ra một người da đỏ đang đi tới gần từ một trong những đại lộ. Anh ta không chú ý gì tới tôi, nhưng khi anh ta tới bên cạnh, tôi nhận ra anh ta và tôi quay lại, đặt tay lên vai anh ta, gọi to:

“Chào, Kantos Kan!”

Nhanh như chớp, anh ta xoay người lại và trước khi tôi kịp hạ tay xuống, mũi kiếm của anh ta đã chĩa vào ngực tôi.

“Anh là ai?” Anh ta gầm lên, và với một cú nhảy lui lại mang tôi cách xa khỏi mũi kiếm của anh ta năm mươi bộ, anh ta hạ kiếm xuống và cười to:

“Anh không có câu trả lời nào hay hơn thế, vì trên toàn Barsoon chỉ có một người có thể nhảy như một trái banh cao su. Nhân danh mẹ của vàng trắng nhỏ, anh đến đây bằng cách nào, John Carter, và anh đã trở thành một phù thủy hay sao mà có thể đổi màu theo ý muốn như thế?”

“Anh đã làm tôi hết hồn, anh bạn của tôi,” anh ta nói tiếp sau khi tôi vẫn tắt thuật lại những cuộc mạo hiểm của tôi từ khi chia tay anh ta ở đầu trường của Warhoon. “Nếu những người Zodanga biết tên tôi và thành phố của tôi, tôi sẽ sớm ngồi trên bờ của biển mắt tích Korus với những tổ tiên tôn kính và đã qua đời của tôi. Tôi tới đây theo lệnh của Tardos Mors, Jeddak xứ Helium để tìm kiếm tung tích của Công chúa Dejah Thoris. Sab Than, Hoàng tử xứ Zodanga, đã giấu nàng trong thành phố và đã yêu nàng điên dại. Cha của anh ta, Than Kosis, Jeddak xứ Zodanga, đã đánh đổi sự tự nguyện kết hôn của nàng với con trai ông ta với cái giá sự hoà bình giữa hai nước, nhưng Tardos Mors không chấp thuận những yêu sách đó và đã hời âm rằng ông và dân chúng của ông thả nhìn thấy gương mặt đã chết của công chúa còn hơn thấy nàng kết hôn với bất kỳ ai không phải là sự chọn lựa riêng của nàng, và về mặt cá nhân, ông thả bị nhấn chìm trong

tro bụi của một Helium bị mất và đốt cháy tan hoang còn hơn kết thông gia với Than Kosis. Phúc đáp của ông ta là sự lãng mạn chết người nhất mà ông có thể tặng cho Than Kosis và người Zodanga, nhưng dân chúng của ông yêu mến ông hơn vì điều đó và sức mạnh của ông ở Helium hiện nay lớn hơn bao giờ hết.”

“Tôi đã tới đây ba ngày,” Kantos Kan nói tiếp, “nhưng tôi chưa tìm ra nơi nhốt Dejah Thoris. Hôm nay tôi gia nhập vào không quân Zodanga với tư cách một trinh sát viên không phận và tôi hy vọng bằng cách này tôi có thể chiếm được lòng tin của Hoàng tử Sab Than, chỉ huy của sư đoàn không quân này. Tôi mừng là anh đã tới đây, John Carter, vì tôi biết lòng trung thành của anh đối với công chúa của tôi. Hai chúng ta cùng nhau hành động sẽ có thể thành công nhiều hơn.”

Lúc này, quảng trường bắt đầu có nhiều người đi lại và tiến hành các hoạt động thường ngày của họ. Những cửa tiệm mở cửa và các quán ăn đầy những khách quen đầu buổi sáng. Kantos Kan dẫn tôi vào một trong những tiệm ăn rộng lớn này, nơi chúng tôi được phục vụ hoàn toàn bởi các thiết bị cơ học. Không có bàn tay nào chạm tới món ăn từ khi nó được đưa vào tiệm trong trạng thái tươi sống cho tới khi nó bốc khói ngon lành trên bàn trước mặt thực khách. Họ kêu món ăn ưa thích bằng cách ấn những cái nút tí hon.

Sau khi dùng bữa, Kantos Kan đưa tôi tới nơi ở của phi đội trinh sát và khi giới thiệu tôi với cấp trên, anh ta hỏi tôi có thể được nhận vào phi đội hay không. Theo tập quán, cần có một cuộc kiểm tra, nhưng Kantos Kan đã bảo tôi không cần lo gì về chuyện này. Anh ta mang lệnh kiểm tra tôi tới một sĩ quan kiểm tra và lấy tư cách John Carter để tiến hành kiểm tra.

“Trò bịp này sẽ bị phát hiện,” anh ta vui vẻ giải thích, “khi họ kiểm tra lại trọng lượng, các số đo và các dữ liệu nhận dạng khác của tôi, nhưng sẽ mất vài tháng chuyện này mới làm xong và công vụ của chúng ta sẽ hoàn tất hoặc thất bại từ lâu trước đó.”

Trong vài ngày kế tiếp, Kantos Kan dạy tôi các tính năng phức tạp của việc bay và cách sửa chữa các bộ phận nhỏ bé cầu kỳ. Thân của chiếc xe bay một người lái dài khoảng mười sáu bộ, rộng hai bộ và dày ba insơ, thon lại thành mũi nhọn ở hai đầu. Người lái ngồi trên đỉnh của chiếc tàu, trên một chỗ ngồi được thiết kế bên trên một cỗ máy phóng xạ nhỏ, không tiếng động. Nhiên liệu được chứa trong những vách kim loại mỏng của thân tàu và chứa tia sáng thứ tám của Hòa tinh, hoặc tia đầy, như được gọi theo tính năng của nó.

Tia sáng này, cũng như tia sáng thứ chín, không được biết tới trên trái đất, nhưng người Hòa tinh đã phát hiện ra rằng nó mang thuộc tính cổ hữu của mọi thứ ánh sáng bất kể là nó phát ra từ nguồn sáng nào. Họ đã biết rằng chính tia sáng mặt trời thứ tám đã đưa ánh sáng của mặt trời tới những hành tinh khác nhau, rằng chính tia sáng thứ tám riêng biệt của mỗi hành tinh sẽ “phản chiếu” hay đẩy ánh sáng đã hấp thu ra không gian một lần nữa. Tia sáng mặt trời thứ tám được hấp thu bởi bề mặt của Barsoom, nhưng tia sáng Barsoom thứ tám có khuynh hướng đẩy ánh sáng từ Hòa tinh ra không gian, thường xuyên phát ra từ hành tinh này và thiết lập nên một lực đẩy của trọng lực mà khi bị hãm lại có thể nhắc những trọng lượng rất lớn khỏi mặt đất.

Chính tia sáng này cho phép họ thực hiện việc bay hoàn hảo đến nỗi những chiến thuyền cân nặng hơn bất cứ thứ gì trên trái đất có thể lướt đi một cách nhẹ nhàng và duyên dáng qua bầu không khí loãng của Hỏa tinh như một khinh khí cầu bay trong bầu khí quyển nặng nề của Trái đất.

Trong những năm đầu của phát hiện này nhiều sự cố lạ lùng đã xảy ra trước khi người Hỏa tinh biết được cách đo lường và kiểm soát thứ năng lượng kỳ diệu mà họ tìm ra. Trong một trường hợp đã xảy ra cách đó khoảng chín trăm năm, chiếc chiến thuyền lớn đầu tiên được làm với những thiết bị chứa tia sáng thứ tám đã chứa một lượng quá lớn tia sáng này và nó đã bay lên khỏi Helium với năm trăm sĩ quan và binh sĩ, không bao giờ quay về nữa.

Năng lực đẩy của con tàu đối với hành tinh này lớn đến nỗi nó đã mang con tàu vào không gian xa xôi, mà ngày nay có thể nhìn thấy được, với sự trợ giúp của các kính viễn vọng mạnh, đang bay qua bầu trời cách Hỏa tinh mười ngàn dặm; một vệ tinh nhân tạo bé tí hơn vẫn còn xoay quanh Hỏa tinh cho tới khi tận thế.

Ngày thứ tư sau khi tới Zodanga, tôi bay chuyến đầu tiên, và kết quả của chuyến đi này là tôi được thăng cấp, bao gồm cả việc có chỗ ở trong cung điện của Than Kosis.

Hôm đó, khi lướt bên trên thành phố, tôi lượn vòng nhiều lần, vì tôi đã nhìn thấy Kantos Kan làm như thế, và rồi cho động cơ mở hết tốc lực, tôi bay với vận tốc kinh khủng về hướng nam, theo một trong những con kênh đào chảy đến Zodanga từ hướng đó.

Có lẽ tôi đã bay được hai trăm dặm trong chưa đầy một giờ khi phát hiện xa xa bên dưới một đoàn ba kỵ binh da xanh đang phi ngựa như điên về hướng một bóng dáng nhỏ bé đang cố chạy tới một trong những cánh đồng có tường bao.

Nhanh chóng cho tàu quay về hướng chúng, và bay vòng ở phía sau các chiến binh, tôi sớm nhận ra rằng đối tượng rượt đuổi của chúng là một người da đỏ mang huy hiệu của phi đội trinh sát mà tôi gia nhập. Cách đó một quãng ngắn là chiếc tàu bay tí hon của anh ta, xung quanh là những công cụ cho thấy anh đang sửa chữa một hư hỏng gì đó khi bọn chiến binh da xanh xuất hiện.

Hầu như chúng đã tới sau lưng anh. Những con thú đuổi theo thân hình nhỏ bé với một tốc độ kinh khủng, trong lúc những chiến binh nghiêng thấp người sang phải, với những chiếc giáo kim loại to lớn của chúng. Dường như tên nào cũng cố gắng là người đầu tiên đâm trúng người Zodanga khốn khổ, và có lẽ số mạng anh đã chấm dứt nếu tôi không tới kịp lúc.

Lái con tàu ở tốc độ cao ngay sau những chiến binh, chẳng bao lâu tôi bắt kịp chúng và không giảm tốc độ, tôi đâm chiếc máy bay bé nhỏ của tôi vào giữa vai của tên gần nhất, xuyên mũi thép nhọn qua cổ hắn. Cú va chạm hất thân hình không đầu của gã đó vào không trung bên trên đầu con ngựa rồi rơi thịch xuống lớp rêu. Hai con ngựa của hai tên kia hí lên kinh hãi, rồi bỏ chạy theo hướng ngược lại.

Tôi giảm tốc độ, bay vòng lại và hạ cánh xuống đất ở chân của gã Zodanga đang sừng sốt. Anh ta nồng nhiệt cảm ơn sự giúp đỡ kịp thời của tôi và hứa rằng việc làm này sẽ được tưởng thưởng xứng đáng, vì tôi vừa cứu mạng của một người em họ của Vua xứ Zodanga.

Chúng tôi không lãng phí thời gian để trò chuyện vì biết rằng những chiến binh da xanh chắc chắn sẽ quay lại khi chúng kiểm soát lại được hai con ngựa. Vợ và tôi chiếc tàu hồng, chúng tôi cố tiến hành các sửa chữa cần thiết và gần như hoàn tất khi nhìn thấy hai tên quái vật da xanh đang quay lại với tốc độ hết mức từ hướng đối diện. Khi chúng còn cách khoảng một trăm mét, hai con ngựa bắt đầu lông lên và tuyệt đối không chịu tiến tới gần chiếc tàu bay đã làm chúng hoảng kinh.

Cuối cùng, hai tên chiến binh xuống ngựa và dắt ngựa tiến tới chúng tôi với hai lưỡi kiếm dài.

Tôi vừa tiến tới gặp tên to con hơn, vừa bảo người Zoganda làm điều tốt nhất có thể với tên kia. Tôi kết liễu đối thủ gần như không cần cố gắng, với những thực hành nhiều đến mức đã trở thành thói quen, rồi quay vợ sang người bạn mới quen mà tôi thấy đang thật sự trong tình trạng tuyệt vọng.

Anh ta đã bị thương và té xuống với bàn chân to lớn của đối thủ đặt lên cổ và lưỡi kiếm đang giờ cao để thực hiện cú đâm kết liễu. Tôi phóng người qua khoảng cách năm mươi bộ và chĩa thẳng mũi kiếm xuyên qua người của tên chiến binh da xanh. Thanh kiếm của hắn rơi xuống đất, trở thành vô hại, và hắn gục xuống trên thân hình kiệt sức của người Zodanga.

Một cuộc kiểm tra nhanh cho thấy anh ta không bị thương nặng lắm. Sau khi nghỉ ngơi giây lát, anh ta thú nhận rằng đã đủ khỏe để lên đường quay về. Tuy nhiên, anh ta phải lái chiếc tàu của mình, vì những chiếc tàu này chỉ chở được một người duy nhất.

Nhanh chóng hoàn tất việc sửa chữa, chúng tôi cùng bay bên nhau trên bầu trời Hỏa tinh tĩnh lặng, không một đám mây, với một tốc độ lớn và không gặp trở ngại gì khác trên đường quay về Zoganda.

Khi tới gần thành phố, chúng tôi phát hiện thấy một đám đông những thường dân và những toán lính đang tụ họp trên quảng đất trống phía trước thành phố. Bầu trời đen ngịt với những chiếc tàu bay chiến đấu và những tàu bay cá nhân, những dải lụa bay dài màu xám, những dải cờ và các thiết kế màu mè kỳ lạ khác.

Người bạn đồng hành ra dấu cho tôi bay chậm lại và cho tàu của anh ta bay sát vào tàu tôi, anh ta đề nghị chúng tôi tới gần để xem cuộc lễ hội mã, theo lời anh ta, có mục đích ban thưởng vinh dự cho các cá nhân viên chức và dân thường vì lòng dũng cảm và các phục vụ nổi bật khác. Rồi anh ta giương ra một lá cờ hiệu nhỏ biểu thị rằng tàu bay của anh ta đang mang một thành viên hoàng gia Zodanga, và chúng tôi cùng bay qua cái mê cung của những tàu bay cho tới khi bay tới bên trên Vua xứ Zodanga và đám triều thần. Tất cả đều cười trên lưng những con ngựa nhỏ được thuần hóa của người Hỏa tinh da đỏ. Yên ngựa và đồ trang sức của họ đầy những lông chim màu

sắc lông lấy đến nỗi tôi phải giặt mình với sự giống nhau đáng kinh ngạc giữa họ và những thỏ dân da đỏ trên trái đất.

Một trong đám triều thần kêu gọi Than Kosis chú ý tới sự hiện diện của người đồng đội của tôi bên trên đầu họ và nhà vua ra hiệu cho anh ta đáp xuống. Trong khi chờ đợi các đội quân đi vào vị trí đối diện với nhà vua, cả hai sôi nổi trò chuyện với nhau. Thình thoảng, nhà vua và đám triều thần ngẩng lên nhìn tôi. Tôi không thể nghe thấy họ nói gì và ngay sau đó cuộc nói chuyện chấm dứt, tất cả xuống ngựa, khi đội quân cuối cùng đã xoay vào hàng ngũ trước đức vua của họ. Một thành viên trong đám triều thần tuyên dương tên họ của người có hành vi anh hùng đã được nhà vua chuẩn y, rồi Than Kosis tiến lên và đặt một huy hiệu trang sức lên cánh tay của người may mắn.

Khi đã có mười người được ban thưởng, viên phụ tá gọi to:

“John Carter, phi đội trình sát!”

Tôi chưa bao giờ kinh ngạc đến thế trong đời, nhưng thói quen của kỷ luật quân đội vẫn còn mạnh mẽ trong tôi, và tôi nhẹ nhàng hạ cánh chiếc tàu bay, đi tới theo cách thức mà tôi đã thấy. Khi tôi dừng lại trước mặt viên phụ tá, anh ta nói với tôi thật to để toàn bộ đám đông có thể nghe thấy.

“Công nhận John Carter,” anh ta nói, “về lòng dũng cảm nổi bật và kỹ năng của anh trong việc bảo vệ cho em họ của Jeddak Than Kosis, và chỉ một mình đã tiêu diệt được ba chiến binh da xanh, vua của chúng tôi rất hân hoan ban cho anh dấu hiệu của lòng quý trọng của người.”

Khi đó, Than Kosis tiến lại gần tôi và đặt chiếc huy hiệu lên cánh tay tôi, ông ta nói:

“Em họ của ta đã kể lại chi tiết về chiến công tuyệt diệu của anh, điều gần như là một phép màu, và nếu anh có thể bảo vệ một người em họ của nhà vua tốt như thế, anh cũng có thể bảo vệ chính bản thân nhà vua. Vì vậy, anh được phong cấp đại úy của đội cận vệ và sau đây sẽ được vào trú ngụ trong cung điện của ta.”

Tôi cảm ơn ông ta, và theo lệnh của ông ta, tôi đứng vào vị trí của những triều thần khác. Sau buổi lễ, tôi đưa chiếc tàu về nơi đậu trên mái doanh trại của phi đội trình sát, và theo lệnh từ cung điện, tôi tới báo cáo với viên sĩ quan quản lý cung điện.

CHƯƠNG XXII: TÌM THẤY DEJAH THORIS

Viên trưởng quan mà tôi báo cáo đã được lệnh bố trí tôi ở gần nhà vua. Trong thời kỳ chiến tranh, ông ta luôn nằm trong nguy cơ bị ám sát, vì cái quy luật cho rằng tất cả đều hợp lẽ trong chiến tranh dường như đã tạo thành nguyên tắc xử thế của các cuộc xung đột trên sao Hỏa.

Ông ta đưa tôi tới ngay căn phòng mà Than Kosis ở. Vị vua này đang trò chuyện với người con trai, Sab Than, nhiều cận thần khác, không thấy tôi bước vào.

Những bức tường của gian phòng treo đầy những tấm màn che kín cả những cửa sổ và cửa ra vào. Căn phòng được thắp sáng bởi những tia sáng mặt trời được giữ lại giữa bản thân trần nhà và một cái gì đó trông như một trần nhà giả bằng thủy tinh nằm bên dưới nó vài inơ.

Người hướng dẫn của tôi vén những bức màn sang một bên, để lộ ra một hành lang vòng quanh căn phòng, giữa những tấm màn và vách tường của căn phòng. Tôi ở lại trong hành lang này, chừng nào Than Kosis còn ở trong phòng, anh ta bảo. Khi ông ta rời khỏi phòng tôi phải đi theo. Bốn phận duy nhất của tôi là bảo vệ cho nhà vua và tránh khỏi tầm mắt của ông ta càng nhiều càng tốt. Tôi sẽ được thay phiên sau quãng thời gian bốn giờ. Nói xong, viên trưởng quan đi khỏi.

Những tấm màn làm bằng một thứ vải lạ lùng tạo cảm giác rất dày ở mặt ngoài, nhưng ở nơi ẩn nấp của mình, tôi có thể quan sát tất cả những gì diễn ra trong phòng một cách dễ dàng như thể không có bức màn nào ngăn trở.

Gần như vừa khi tôi vào vị trí thì tấm màn ở đầu đối diện được vén lên và bốn người lính cận vệ bước vào, bao quanh một thân hình phụ nữ. Khi tới gần Than Kosis, những người lính nghiêng người sang bên và ở đó, trước mặt nhà vua và cách tôi chưa đầy mười bộ, là Dejah Thoris, gương mặt xinh đẹp sáng rõ với những nụ cười.

Sab Than, hoàng tử Zodanga, tới gần để gặp nàng, và tay trong tay, họ tới gần nhà vua. Than Kosis ngạc nhiên nhìn lên, đứng dậy và chào nàng.

“Vì sự thay đổi lạ lùng nào mà ta hân hạnh được công chúa Helium viếng thăm đây, người mà cách đây hai ngày, không hề để ý tới lòng kiêu hãnh của ta, đã đoán quyết với ta rằng nàng thích Tal Hajus, người Thark da xanh hơn là con trai ta?

Dejah Thoris chỉ mỉm cười và với hai lúm đồng tiền hiện lên ở khoé môi, nàng đáp:

“Từ buổi đầu của thời gian trên Barsoom, phụ nữ đã có đặc quyền thay đổi ý kiến của mình khi nàng ta thích và che giấu những gì liên quan đến con tim của mình. Ngài sẽ tha thứ cho điều đó chứ, Than Kosis, như con trai của mình. Hai ngày trước đây, tôi không chắc chắn về tình yêu của anh ta đối với tôi, nhưng giờ thì tôi chắc, và tôi đến để xin ngài tha thứ cho những lời mạo phạm của tôi và chấp nhận sự bảo đảm của công chúa của Helium rằng khi đến lúc, nàng sẽ kết hôn với Sab Than, hoàng tử xứ Zoganda.”

“Ta mừng vì nàng đã quyết định như thế,” Than Kosis đáp. “Ta không muốn gây chiến chống lại dân chúng ở Helium thêm nữa, và lời hứa của nàng sẽ được ghi nhận và được công bố với thần dân của ta ngay tức khắc.”

“Tốt hơn là nên hoãn việc công bố lại cho tới khi chiến tranh kết thúc, Than Kosis,” Dejah Thoris ngắt lời, “Thần dân của ngài cũng như thần dân của tôi sẽ thấy lạ nếu công chúa của Helium hiến thân cho kẻ thù của đất nước nàng vào giữa lúc đang thù địch.”

“Cuộc chiến không thể chấm dứt ngay lập tức hay sao?” Sab Than nói. “Chỉ cần một lời của Than Kosis là đủ để mang lại hòa bình. Hãy nói đi cha, nói lời sẽ đẩy nhanh niềm hạnh phúc của con, và kết thúc mối xung đột không được nhiều người mong muốn này.”

“Chúng ta hãy xem dân chúng Helium nắm lấy hòa bình như thế nào. Ít nhất ta cũng sẽ đề nghị điều này với họ.”

Sau vài lời nữa, Dejah Thoris quay lưng rời khỏi phòng, theo sau là những người canh giữ.

Thế là tòa lâu đài của giấc mơ hạnh phúc ngắn ngủi của tôi đã sụp đổ tan tành với những gì trong thực tế. Người phụ nữ mà tôi cung hiến cuộc đời tôi, người mà từ đôi môi của nàng mới vừa đây thôi tôi đã nghe thấy lời tuyên bố tình yêu đối với tôi, đã nhẹ nhõm quên đi sự tồn tại của tôi và mỉm cười hiến thân cho con trai của kẻ thù đáng ghét nhất của dân chúng của nàng.

Dù đã nghe nó bằng chính đôi tai của mình, tôi vẫn không thể tin điều đó. Tôi phải tìm ra nơi ở của nàng và buộc nàng lặp lại sự thật ác nghiệt ấy với một mình tôi lần nữa trước khi tôi tin chắc. Thế là tôi rời khỏi vị trí, đi nhanh qua hành lang phía sau những tấm màn tới cánh cửa mà từ đó nàng đã ra khỏi căn phòng. Lặng lẽ lướt qua cánh cửa, tôi phát hiện ra một mê cung những hành lang quanh quẹo, rẽ nhánh và xoay theo mọi hướng.

Chạy nhanh theo hành lang đầu tiên và rồi một hành lang khác, tôi sớm nhận ra tôi đã bị lạc một cách vô vọng. Khi đang đứng tựa vào một bức tường thờ hờn hển, tôi nghe thấy có tiếng nói gần bên tôi. Rõ ràng chúng đến từ phía đối diện của bức vách mà tôi dựa vào và ngay lúc đó tôi nhận ra giọng nói của Dejah Thoris. Tôi không thể nghe thấy nàng nói gì nhưng tôi biết rằng tôi không thể nào nhận lầm giọng nói.

Bước tới vài bước, tôi phát hiện ra một hành lang khác mà ở đầu kia là một cánh cửa. Đi nhanh tới đó, tôi lọt vào một căn phòng chỉ để

thấy mình đứng trong một gian tiền sảnh và trước mặt tôi là bốn tên lính gác đã cùng đi với nàng. Một tên đứng ngay dậy và xáp đến gần tôi, hỏi tôi đang đi đâu.

“Tôi từ chỗ Than Kosis đến,” tôi đáp, “và muốn nói chuyện riêng với Dejah Thoris, công chúa xứ Helium.”

“Sự vụ lệnh của anh đâu?” Gã đó hỏi.

Tôi không biết hắn muốn nói gì, nhưng đáp rằng tôi là một thành viên của đội cận vệ, và không chờ hắn đáp, tôi lao tới cánh cửa đối diện, từ phía sau nó tôi có thể nghe tiếng trò chuyện của Dejah Thoris.

Nhưng tôi không dễ dàng vào được. Những tên lính gác bước tới trước mặt tôi, nói:

“Không có ai do Than Kosis cử đến mà không có sự vụ lệnh hay mật khẩu. Anh phải đưa cho tôi một trong hai thứ đó trước khi anh có thể đi qua.”

“Lệnh duy nhất mà tôi cần, anh bạn ạ, để vào nơi tôi muốn vào, treo ở bên hông tôi.” Tôi đáp, vỗ vào thanh kiếm dài. “Anh có để cho tôi đi qua trong hòa bình hay không?”

Để đáp lại, hắn rút kiếm ra, gọi những tên khác giúp sức. Cả bốn tên đứng đó, với kiếm trong tay, chặn không cho tôi tiến tới.

“Anh không tới đây theo lệnh của Than Kosis.” Gã đã hỏi tôi la lên. “Và anh không chỉ không được vào phòng của Dejah Thoris mà còn phải quay lại Than Kosis sau phiên gác để giải thích về sự táo bạo này. Hãy ném kiếm xuống. Anh không thể thắng được bốn người chúng tôi.” Hắn nói với một nụ cười khẩy.

Câu đáp của tôi là một nhát đâm nhanh để lại cho tôi ba đối thủ và có thể bảo đảm với bạn rằng chúng xứng với huy hiệu của tôi. Chúng ép tôi lùi lại sát tường, chiến đấu vì cuộc sống của mình. Chậm chạp, tôi tiến dần tới một góc phòng nơi có thể buộc chúng tấn công tôi từng người một mỗi lần, cứ thế, chúng tôi choảng nhau khoảng hai mươi phút. Tiếng thép va chạm tạo nên một cảnh thực sự ồn ào trong căn phòng nhỏ.

Tiếng động đã đưa Dejah Thoris đến cửa phòng, và nàng đứng đó trong suốt cuộc đánh nhau với Sola ở sau lưng, nhìn qua vai nàng. Nét mặt nàng thân nhiên và vô cảm và tôi biết rằng nàng không nhận ra tôi, và cả Sola cũng thế.

Cuối cùng, một nhát kiếm may mắn hạ gục tên lính thứ hai và với hai đối thủ còn lại, tôi thay đổi chiến thuật và hạ chúng với cung cách

chiến đấu đã mang tới cho tôi nhiều thắng lợi. Tên thứ ba ngã trong vòng mười giây sau tên thứ hai, và tên cuối cùng nằm chết trên sàn nhà đầm máu trong vài giây sau đó. Chúng là những chiến binh dũng cảm và cao thượng, và tôi buồn vì buộc phải giết chúng, nhưng nếu cần giết hết cả dân chúng trên sao Hỏa để tới bên cạnh Dejah Thoris của tôi, tôi cũng sẵn sàng.

Đút thanh kiếm đầm máu vào bao, tôi tiến tới gần nàng công chúa Hỏa tinh của mình. Nàng vẫn đứng im lặng nhìn tôi mà không có dấu hiệu gì đã nhận ra tôi.

“Người Zodanga kia, anh là ai?” Nàng thì thầm. “Một kẻ thù khác tới quấy nhiễu tôi trong nỗi bất hạnh của tôi chẳng?”

“Tôi là một người bạn,” tôi đáp, “và từng là một người bạn thân yêu.”

“Không có người bạn nào của công chúa Helium đeo thứ huy hiệu đó, “ nàng đáp, “thế nhưng giọng nói! Tôi đã nghe nó trước đây; không phải...không thể là... không, vì anh ấy đã chết rồi.”

“Dù vậy, công chúa của tôi, đây không ai khác hơn là John Carter,” Tôi nói. “Nàng không nhận ra, dù qua lớp sơn và huy hiệu khác lạ, con tim của tù trưởng của nàng sao?”

Khi tôi đến gần nàng, nàng lao tới tôi với đôi tay giơ thẳng, nhưng khi tôi muốn vòng tay ôm lấy nàng, nàng lùi lại với một cái rùng mình và một tiếng rên rỉ đau đớn.

“Quá muộn, quá muộn rồi,” nàng đau đớn. “Ồ, tù trưởng của em, người mà em nghĩ là đã chết, giá mà chàng quay lại chỉ một giờ trước đây... giờ thì đã quá muộn, quá muộn rồi.”

“Nàng muốn nói gì, Dejah Thoris?” Tôi hét lên. “Rằng lẽ ra nàng đã không hứa trao thân cho hoàng tử của Zodanga nếu nàng biết tôi còn sống?”

“Chàng nghĩ rằng em có thể trao con tim cho chàng hôm qua, rồi hôm nay trao nó cho người khác sao, John Cater? Em nghĩ rằng nó đã nằm chôn vùi cùng với tro tàn của chàng trong lòng đất của Barsoom, và vì thế hôm nay em đã hứa trao thân thể của em cho một người khác để cứu thần dân của em thoát khỏi lời nguyền của quân đội Zodanga chiến thắng.”

“Nhưng tôi không chết, công chúa của tôi. Tôi đến để giành lại nàng, và cả Zoganda cũng không thể ngăn được điều đó.”

“Đã quá muộn rồi, John Carter, em đã hứa rồi, và ở Barsoom đó là chung cuộc. Các nghi lễ sẽ tới sau nhưng chỉ là những hình thức mà

thôi. Em xem như đã kết hôn rồi, John Carter. Chàng sẽ không thể gọi em là công chúa của chàng nữa. Chàng không thể là tù trưởng của em nữa.”

“Tôi chỉ biết rất ít các tập tục của nàng ở đây, trên Barsoom, Dejah Thoris, nhưng tôi biết rằng tôi yêu nàng, và nếu nàng muốn nói những lời cuối cùng nàng đã nói với tôi ngày hôm đó, khi các đội quân của Warhoon đuổi theo chúng ta, không người đàn ông nào khác có thể khẳng định nàng là cô dâu của hắn. Nàng đã nghĩ như thế lúc đó, công chúa của tôi, và nàng vẫn còn nghĩ như thế! Hãy nói rằng đó là sự thật.”

“Em đã nghĩ như thế, John Carter, nàng thì thầm. “Giờ thì em không thể lặp lại chúng vì em đã trao bản thân cho một người khác. Ôi, giá mà chàng hiểu được cách xử sự của chúng em, bạn của em,” nàng tiếp tục, nửa như tự nhủ, “lời hứa sẽ là của chàng cách đây nhiều tháng, và chàng có thể giành được em trước tất cả mọi người khác. Nó có thể mang ý nghĩa là sự sụp đổ của Helium, nhưng em có thể trao cho tù trưởng Thark của em toàn vương quốc.”

Rồi nàng nói lớn: “Chàng có nhớ cái đêm chàng đã xúc phạm em? Chàng đã gọi em là công chúa của chàng mà không cầu xin nắm lấy tay em, và rồi chàng khoắc lác rằng chàng đã chiến đấu vì em. Chàng không biết, và lẽ ra em không nên coi là mình bị xúc phạm; giờ thì em đã hiểu ra. Nhưng không có ai bảo với chàng điều mà em không thể làm, rằng trên Barsoom có hai loại phụ nữ trong các thành phố của người da đỏ. Một loại kẻ chiến đấu vì họ có thể cầu hôn với họ. Loại khác kẻ chiến đấu vì họ không bao giờ yêu cầu bàn tay của họ. Khi một người đã chiếm được một người phụ nữ anh ta có thể gọi nàng là công chúa của anh ta, hoặc bất kỳ từ nào chỉ sự sở hữu. Chàng đã chiến đấu vì em, nhưng chưa bao giờ cầu hôn với em, vì thế khi chàng gọi em là công chúa của chàng, chàng thấy đó,” nàng ngập ngừng, “em đã bị tổn thương, nhưng ngay cả lúc đó, John Carter, em cũng không cự tuyệt chàng, như lẽ ra đã làm, cho tới khi chàng làm cho nó tồi tệ gấp đôi bằng cách châm chọc em với việc chiếm được em qua chiến đấu.”

“Giờ này tôi không cần cầu xin nàng tha thứ, Dejah Thoris,” tôi nói, “Nàng phải biết lỗi lầm của tôi là do sự thiếu hiểu biết các tập tục của Barsoom. Điều tôi đã không làm, do niềm tin tiềm ẩn rằng sự thỉnh cầu của tôi sẽ là táo bạo và không được hoan nghênh, tôi làm nó bây giờ, Dejah Thoris, tôi cầu xin nàng làm vợ của tôi, bởi toàn bộ dòng máu chiến đấu của người Virginia chảy trong các huyết quản của tôi, nàng phải là vợ của tôi.”

“Không, John Careter, vô ích thôi,” nàng khóc, một cách tuyệt vọng. “Em sẽ không bao giờ là vợ của chàng trong khi Sab Than còn sống.”

“Nàng đã đóng dấu niêm cho sự đảm bảo cái chết của hắn, công chúa của tôi, Sab phải chết.”

“Thế cũng không được,” nàng vội vã giải thích. “Em không thể lấy người đã giết chồng mình, dù là để tự vệ. Đó là tập quán. Chúng em bị

điều hành bởi tập quán trên Barsoom. Vô ích, bạn của em. Chẳng phải đi ngay đi, và đừng bao giờ gặp lại em nữa. Tạm biệt, người từng là tù trưởng của em.”

Tan nát cõi lòng và chán nản, tôi rút lui khỏi căn phòng, nhưng tôi không hoàn toàn tuyệt vọng, và cũng không thừa nhận rằng tôi đã đánh mất Dejha Thoris cho tới khi hôn lễ đã thật sự tiến hành.

Khi tôi đi dọc những hành lang, tôi hoàn toàn lạc lối giữa những mê cung các lối đi như trước khi tôi tìm ra căn phòng của Dejah Thoris.

Tôi biết rằng hy vọng duy nhất của tôi đặt vào việc tẩu thoát khỏi thành phố Zodanga, vì cái chết của bốn tên lính phải được lý giải, và vì tôi không bao giờ có thể tìm lại vị trí lúc đầu của mình mà không có người hướng dẫn, sự nghi ngờ chắc chắn sẽ ập lên tôi ngay khi tôi bị phát hiện đang đi lang thang vô mục đích qua cung điện.

Tôi đi tới một hành lang xoắn ốc đưa xuống một tầng thấp hơn, và tôi đi theo nó qua nhiều tầng cho tới khi tôi tới lối ra vào của một căn phòng lớn trong đó có một số lính canh. Những bức tường của căn phòng này treo những tấm màn có thể nhìn qua, tôi nấp vào sau chúng mà không bị phát hiện.

Cuộc chuyện trò của những tên lính gác rất chung chung, và không làm tôi chú ý cho tới khi một viên sĩ quan bước vào và lệnh cho bốn tên lính trong số đó đi đồi ca cho những người đang canh gác công chúa của Helium. Lúc này, tôi biết, những rắc rối của tôi đã bắt đầu, và họ sẽ sớm đuổi bắt tôi, vì dường như ngay khi toán lính rời khỏi phòng một người trong bọn lao vào phòng trở lại, gần như nghẹt thở, la to rằng họ đã tìm thấy bốn đồng đội nằm chết trong gian tiền sảnh.

Trong khoảnh khắc, toàn thể cung điện đầy những người, Lính gác, sĩ quan, triều thần, phục vụ và nô lệ chạy tán loạn qua các hành lang và phòng ốc để thực hiện các thông điệp, mệnh lệnh và tìm kiếm dấu vết của kẻ sát nhân.

Đây là cơ hội mong manh của tôi, vì khi một số lính vội vã đi qua nơi tôi nấp, tôi đi theo họ qua những mê cung của cung điện cho tới khi đi ngang qua một sảnh đường lớn, tôi nhìn thấy ánh sáng ban ngày ủa vào qua một dãy cửa sổ lớn.

Tôi rời khỏi những người dẫn lối ở đây, và phóng người tới cái cửa sổ gần nhất, tìm một con đường để thoát thân. Những cánh cửa sổ mở ra một ban công lớn nhìn xuống một trong những đại lộ của Zodanga. Mặt đất cách đó chừng ba mươi bộ và cũng ở khoảng cách chừng đó từ tòa nhà là một bức tường cao hai mươi bộ, xây bằng thủy tinh dày khoảng một bộ. Với một người Hóa tinh da đỏ, tẩu thoát theo đường này là chuyện có vẻ như không thể, nhưng với tôi, với sức mạnh và sự nhanh nhẹn của mình, dường như mọi chuyện đã xong xuôi. Mối sợ duy nhất của tôi là bị phát hiện trước khi trời tối, vì tôi không thể nhảy trong ánh sáng ban ngày, với con đường đầy những người qua lại.

Tôi tìm một nơi ẩn nấp và cuối cùng tình cờ tìm ra chỗ, trong một vật trang trí khổng lồ treo lơ lửng giữa trần nhà cách mặt đất chừng mười bộ. Tôi nhảy một cách dễ dàng vào cái chụp đèn giống như một cái chén khổng lồ, và vừa khi lọt vào đó, tôi nghe thấy tiếng một số người đi vào phòng. Nhóm người dừng lại bên dưới chỗ nấp của tôi, và tôi có thể nghe rõ từng lời họ nói.

“Đây là bọn đến từ Helium.” Một người trong bọn nói.

“Vâng thưa đức vua, nhưng làm sao chúng lọt vào cung điện được? Tôi có thể tin rằng dù với sự cẩn trọng của các vệ sĩ, một người đơn độc có thể vào bên trong cung điện, nhưng làm sao một lực lượng sáu bảy tên có thể có thể vào mà không bị phát hiện. Tuy nhiên, chúng ta sẽ sớm biết thôi, vì nhà tâm lý học hoàng gia đã tới.”

Có một người khác vào phòng, sau khi thực hiện nghi thức chào hỏi nhà vua, hắn nói:

“Ồ, đức vua hùng cường, tôi đọc thấy trong đầu những người đã chết một câu chuyện lạ lùng. Họ bị hạ gục không phải bởi một nhóm mà chỉ một đối thủ duy nhất.”

Hắn ta ngừng lại để sức nặng của lời thông báo có thể tạo đủ ấn tượng cho người nghe, và lời nói của hắn rõ ràng khó tin mà tin được bởi một lời phản bác nóng hổi của Than Kosis.

“Anh mang đến cho ta câu chuyện quái quỷ nào vậy, Notan?” Ông ta kêu lên.

“Đó là sự thật, thưa đức vua.” Nhà tâm lý đáp. “Thực tế, những ấn tượng in dấu rất mạnh mẽ trong bộ não của mỗi kiếm sĩ canh gác. Đối thủ của họ là một người rất cao, mang huy hiệu của đội vận vệ của ngài, và khả năng chiến đấu của hắn thật sự cao cường vì hắn chiến đấu một cách trung thực với cả bốn người và tiêu diệt họ với kỹ thuật điêu luyện, sức mạnh và sự dẻo dai. Dù hắn đeo huy hiệu của Zodanga, thưa đức vua, người ta chưa bao giờ gặp hắn trong nước hay bất kỳ nước nào khác trên Barsoom.”

“Tôi đã kiểm tra bộ não của công chúa Helium và thấy nó trống không. Nàng hoàn toàn kiểm soát được nó, và tôi không đọc được thông tin gì trong đó. Nàng bảo rằng nàng đã chứng kiến một phần của cuộc chạm trán và rằng khi đó nàng chỉ thấy một người duy nhất đấu với những vệ binh, một người mà nàng không nhận ra và chưa bao giờ gặp.”

“Kẻ cứu mạng cho ta khi trước ở đâu?” Một người khác trong bọn nói, và tôi nhận ra giọng nói của người em họ của Than Kosis, người tôi đã cứu thoát những chiến binh da xanh. “Nhân danh huy hiệu của các tổ tiên đầu tiên của tôi,” anh ta nói tiếp, “sự mô tả rất phù hợp với anh ta, đặc biệt là khả năng chiến đấu.”

“Người này ở đâu?” Than Kosis hét to. “Hãy đưa hắn đến gặp ta ngay. Anh biết gì về hắn, người em họ? Lúc này ta thấy thật lạ khi nghĩ về việc có một chiến binh tài ba như thế ở Zodanga mà ngay cả tên của hắn chúng ta cũng không biết cho tới hôm qua. Và tên của hắn nữa, John Carter, có ai từng nghe một cái tên như thế ở Barsoom không!”

Chẳng bao lâu, có tin báo không tìm thấy tôi ở đâu, cả trong cung điện hay ở nơi ở của tôi khi trước trong doanh trại của phi đội trinh sát. Họ đã tìm ra và thẩm vấn Kantos Kan, nhưng anh ta không biết gì về tung tích của tôi, và về quá khứ của tôi, anh ta bảo anh ta chỉ biết rất ít, vì anh ta mới gặp tôi gần đây khi bị người Warhoon bắt.

“Hãy trông chừng tên này,” Than Kosis ra lệnh. Hắn cũng là một người lạ và có khả năng cả hai đến từ Helium, và từ tên này, sớm muộn gì chúng ta sẽ tìm ra tên kia. Tăng cường gấp bốn số người canh gác trên không và thẩm tra kỹ càng từng người rời khỏi thành phố trên không hay trên mặt đất.”

Một thông điệp khác được đưa vào, báo rằng tôi vẫn còn trong phạm vi các bức tường cung điện.

“Mỗi người ra hay vào cung điện hôm nay phải được kiểm tra cẩn thận.” Nhà vua kết luận, “và không một ai được tiếp cận tên đại úy mới này.”

“Vậy là chúng ta sẽ sớm tìm ra hắn,” Than Kosis nói, “và trong lúc đó chúng ta sẽ sửa chữa các căn phòng của công chúa Helium và thẩm vấn nàng ta về vụ này. Nàng ta có thể biết nhiều hơn những gì nói ra với anh, Notan ạ. Đi thôi.”

Họ rời khỏi phòng. Khi bóng tối đã bao trùm, tôi nhẹ nhàng phóng ra khỏi chỗ nấp và chạy nhanh tới ban công. Có rất ít người qua lại, và chờ tới lúc không có ai ở gần, tôi nhảy nhanh tới nóc của bức tường thủy tinh và từ đó nhảy xuống con đường lớn bên ngoài cung điện.

CHƯƠNG XXIII: LẠC GIỮA BẦU TRỜI

Không cần cố gắng trốn tránh, tôi đi vội tới vùng phụ cận của nơi ở của chúng tôi, nơi tôi chắc chắn sẽ gặp Kantos Kan. Khi tới gần tòa nhà, tôi cẩn thận hơn vì đoán rằng nơi này đã được canh gác nghiêm ngặt, và đúng là như thế. Nhiều người đeo huy hiệu dân sự đi lảng vảng quanh lối vào cửa trước và cửa sau. Cách duy nhất để tới tầng trên nơi tọa lạc các căn phòng của chúng tôi mà không bị phát hiện là thông qua một tòa nhà liền kề, và sau khi cân nhắc cách thức hành động, tôi tìm cách phóng lên mái của một cửa tiệm có nhiều cửa ra vào.

Nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác, một lúc sau tôi tới một cánh cửa sổ mở trong tòa nhà nơi tôi hy vọng tìm ra Kantos Kan, và chỉ thoáng sau, tôi đứng trong căn phòng trước mặt anh ta. Anh ta ở một mình và không tỏ vẻ ngạc nhiên gì khi tôi xuất hiện, bảo rằng anh ta đã mong tôi tới sớm hơn, vì phiên gác của tôi đã qua lâu rồi.

Tôi thấy rằng anh ta không biết gì về những sự cố trong cung điện, và khi tôi kể lại anh ta rất kích động. Tin tức Dejah Thoris đã hứa trao tay nạng cho Sab Than khiến anh ta mất hết tinh thần.

“Không thể như thế được,” anh ta than vãn, “Không thể được! Vì sao, bất kỳ người nào ở Helium cũng thà chịu chết hơn là bán nạng công chúa yêu dấu của họ cho nhà cầm quyền của Zodanga. Hẳn nạng đã mất trí rồi khi thực hiện một trao đổi như thế. Anh, người không biết dân chúng Helium chúng tôi yêu mến các thành viên hoàng tộc của mình thế nào, sẽ không hiểu được nỗi khủng khiếp khi thấy một sự liên minh xấu xa như thế.”

“Có thể làm gì đây, John Carter?” anh ta nói tiếp. “Anh là một người tháo vát. Anh có nghĩ ra cách nào đó để cứu Helium thoát khỏi nỗi ô nhục này không?”

“Nếu tôi có thể tới gần Sab Than,” tôi đáp, “tôi có thể giải quyết khó khăn mà Helium đang vướng phải, nhưng vì những lý do riêng tư, tôi mong là một ai khác sẽ thực hiện nhất kiếm giải thoát cho Dejah Thoris.”

Kantos Kan nhìn sâu vào mắt tôi trước khi nói.

“Anh yêu nạng!” Anh ta nói. “Nạng có biết điều đó không?”

“Nạng biết, Kantos Kan, và cự tuyệt tôi chỉ vì nạng đã hứa với Sab Than.”

Chàng trai tuyệt vời nhảy bật lên, và ôm chặt vai tôi, anh ta la lên:

“Nếu quyền chọn lựa là của tôi, tôi không thể nào chọn một người bạn đời phù hợp hơn cho công chúa thứ nhất của Bardoom. Đây là tay tôi đặt trên vai anh, John Carter, và lời hứa của tôi rằng Sab Than sẽ đi đời trước mũi kiếm của tôi vì tình yêu của tôi đối với Helium, đối với Dejah Thosis, và đối với anh. Ngay đêm nay tôi sẽ cố gắng tới nơi ở của hãn trong cung điện.”

“Bằng cách nào?” Tôi hỏi. “Anh đang bị canh giữ nghiêm ngặt và có gấp bốn số người tuần tra trên bầu trời.”

Anh ta nghiêng đầu suy nghĩ một lúc, rồi ngẩng lên với vẻ tự tin.

“Tôi chỉ cần lọt khỏi những tên gác này là có thể làm được,” cuối cùng anh ta nói. “Tôi biết một lối vào cung điện bí mật qua đỉnh của tòa tháp cao nhất. Tôi đã tình cờ rơi xuống đó khi bay ngang qua cung điện để tuần tra. Trong việc này, chúng tôi phải kiểm tra cẩn thận mọi diễn biến bất thường có thể xảy ra, và một gương mặt nhìn ra từ đỉnh của tòa tháp cao nhất của cung điện là điều bất thường nhất đối với tôi. Do đó, tôi bay đến gần và phát hiện ra rằng người đang nhìn ra không ai khác hơn là Sab Than. Hãn ta nhẹ nhàng rút lui khi bị phát hiện và lệnh cho tôi giữ kín việc này, giải thích rằng hành lang từ tòa tháp dẫn thẳng tới phòng của hãn, và chỉ có mình hãn biết. Nếu tôi có thể tới mái của doanh trại và lấy được tàu bay, tôi có thể đến chỗ ở của Sab Than trong năm phút. Nhưng làm sao tôi thoát ra khỏi toà nhà này, đã bị canh giữ như anh nói?”

“Việc canh gác những chiếc tàu bay ở doanh trại có tốt không?” Tôi hỏi.

“Thông thường chỉ có một người trực trên mái vào ban đêm.”

“Hãy đi tới mái của tòa nhà này, Kantos Kan, và đợi tôi ở đó.”

Không dừng lại để giải thích kế hoạch của mình, tôi quay xuống con đường và vội vã tới doanh trại. Tôi không dám vào tòa nhà lúc nào cũng đầy những thành viên của phi đội, giờ đây đang lùng sục tôi như tất cả những người Zodanga khác.

Tòa nhà này rất lớn, chọc thẳng lên trời với độ cao một ngàn bộ. Ít có tòa nhà nào ở Zodanga cao hơn doanh trại này, dù có nhiều tòa nhà cao tới vài trăm bộ. Các sân bay cho các tàu chiến lớn cao hơn năm trăm bộ, còn các ga hàng hóa và hành khách của các phi đội thương mại cũng cao gần bằng chừng ấy.

Trèo lên tòa nhà này mất khá nhiều thời gian và đầy nguy hiểm, nhưng vì không còn cách nào khác, tôi tiến hành công việc. Nhờ lối kiến trúc của Hỏa tinh cực kỳ công phu việc leo lên đơn giản hơn nhiều so với sự chờ đợi của tôi, vì tôi tìm thấy những rìa trang trí và những

vật che chắn tạo thành những nấc thang suốt con đường lên tới nóc của tòa nhà. Ở đây, tôi gặp chướng ngại vật thật sự đầu tiên. Các mái hiên gie ra cách xa bức tường mà tôi đang bám vào gần hai mươi bộ, và dù đã leo vòng quanh cả tòa nhà, tôi vẫn không tìm ra một khoảng trống nào để leo lên tiếp.

Tầng thượng có đèn, và đầy những lính tráng đang nghỉ ngơi thư giãn. Vì vậy, tôi không thể lên mái nhà qua ngõ bên trong.

Có một cơ may bé nhỏ, vô hy vọng, và tôi quyết định phải nắm lấy nó, vì Dejah Thoris, và không người nào đàn ông nào từng sống lại không liều mạng cả ngàn lần cho những cô gái như nàng.

Bò theo bức tường với hai chân và một tay, tôi tháo một trong những sợi dây da dài trong mớ dây đai của tôi. Ở một đầu của nó gắn một cái móc lớn, nhờ đó, các phi công có thể đu người trên hông và sau đuôi máy bay để sửa chữa các thứ, và nhờ đó các đội quân tiếp đất từ các tàu chiến lớn.

Tôi thận trọng ném cái móc lên mái nhà nhiều lần cho tới khi nó móc cứng vào cái gì đó, tôi kéo nhẹ để củng cố sức giữ của nó, nhưng vật đó có chịu nổi sức nặng của tôi hay không thì tôi không biết. Có lẽ nó đã móc vào gờ mé ngoài của mái nhà, không thì khi thân hình tôi đang đong đưa ở đầu sợi dây, nó có thể trượt ra và quăng tôi xuống lòng đường bên dưới một ngàn bộ.

Tôi ngần ngừ giây lát, rồi, phóng người khỏi nơi đang đeo bám, tôi lao vào không trung ở đầu của sợi dây. Xa xa bên dưới là những con đường rực rỡ ánh đèn, mặt lộ cứng và cái chết. Có một cú giật nhẹ ở đầu sợi dây, và một tiếng trượt kèn kẹt làm tôi lạnh cả người, rồi cái móc cố định lại và tôi đã an toàn.

Nhanh chóng đu lên, tôi bám vào rìa của mái hiên và đu người lên bề mặt của mái nhà. Khi đứng lên, tôi bắt gặp trước mặt mình người lính gác và thấy mình đang nhìn vào họng súng của hắn ta.

“Anh là ai, từ đâu đến?” Hắn la lên.

“Tôi là một trinh sát viên, là bạn, và là một người suýt chết, vì chỉ với cơ may ngàn cân treo sợi tóc tôi mới thoát khỏi việc rơi xuống con đường bên dưới.” Tôi đáp.

“Nhưng làm thế nào anh lên được mái nhà hờ anh bạn? Không có ai hạ cánh, cũng không ai từ trong nhà lên suốt một giờ qua. Nhanh lên, giải thích ngay, không tôi gọi đội bảo vệ.”

“Nhìn đây này, anh bạn, và anh sẽ thấy tôi tới bằng cách nào và suýt chết ra sao.” Tôi đáp, quay lại rìa mái nhà, nơi, hai mươi mét bên

dưới, ở đầu kia của sợi dây, treo toàn bộ những vũ khí của tôi.

Gã lính gác, do tò mò thôi thúc, bước tới bên tôi và tới cái chết của hắn, vì khi hắn nghiêng người nhìn qua mái hiên, tôi nắm lấy cổ hắn và cánh tay cầm súng của hắn và ném mạnh hắn lên mái nhà. Khẩu súng ngắn rời khỏi tay hắn, và những ngón tay của tôi cắt đứt nỗ lực la lên cầu cứu của hắn. Tôi cột hắn lại rồi treo hắn trên rìa của mái nhà giống như bản thân đã treo lơ lửng cách đây không lâu. Tôi biết phải tới sáng mai người ta mới phát hiện ra hắn, và tôi chỉ cần bấy nhiêu thời gian thôi.

Kéo các dây đai và vũ khí lên xong, tôi vội vã tới chỗ mấy chiếc tàu bay, và tìm ra ngay tàu của tôi và của Kantos Kan. Cột tàu của anh ta sau tàu tôi, tôi khởi động máy và lướt khỏi mái nhà, và lượn xuống những con đường thành phố bên dưới khoảng cách mà đội tuần tra thường bay. Trong chưa đầy một phút, tôi đã hạ cánh an toàn trên mái nhà của tòa nhà chúng tôi, bên cạnh Kantos Kan đang sừng sốt.

Tôi không mất thời giờ giải thích, mà ngay lập tức thảo luận các kế hoạch cho tương lai trước mắt. Chúng tôi quyết định rằng tôi sẽ cố tới Helium trong khi Kantos Kan vào cung điện và hạ sát Sab Than. Nếu thành công, anh ta sẽ bay theo tôi. Anh ta đưa chiếc la bàn cho tôi, một dụng cụ bé nhỏ thông minh có thể nhanh chóng xác định bất kỳ một điểm nào trên bề mặt của Hòa tinh, rồi nói lời tạm biệt, chúng tôi cùng đứng lên và phóng tàu về hướng cung điện, nằm trên lộ trình tôi phải vượt qua để tới Helium.

Khi tới gần tòa tháp cao, một tàu tuần tra lao xuống từ bên trên chúng tôi, rọi ánh đèn pha sáng loá lên tàu chúng tôi, và có tiếng gầm lên ra lệnh dừng tàu, tiếp theo là một phát súng mà tôi không thêm để ý tới. Kantos Kan lao nhanh vào bóng tối, còn tôi lướt đều với vận tốc kinh khủng băng qua bầu trời sao Hỏa, theo sau là cả chục chiếc tàu của phi đội trinh sát tham gia cuộc truy đuổi, và sau nữa là một chiếc tàu tuần tiễu, chở một trăm lính và một khẩu đội súng liên thanh. Bằng cách lượn vòng và bay ngoặc trở lại, lúc xuống thấp lúc lên cao, tôi có thể xoay sở thoát ra khỏi ánh đèn tìm kiếm của chúng trong phần lớn thời gian, nhưng tôi cũng lạc lối vì chiến thuật đó, vì thế, tôi quyết định bất kể mọi thứ để bay theo đường thẳng và giao kết quả cho định mệnh và vận tốc của chiếc tàu bay.

Kantos Kan đã chỉ cho tôi một mẹo cài số, chỉ có lực lượng không quân của Helium biết, giúp cho động cơ máy bay tăng tốc độ lên rất lớn, và tôi chắc rằng tôi có thể bỏ xa bọn truy đuổi nếu thoát khỏi những khẩu súng thêm một lúc.

Khi bay qua bầu trời với những viên đạn bay vun vút xung quanh, tôi chắc rằng chỉ nhờ một phép mầu tôi mới có thể thoát thân. Nhưng hạt súc sắc đã được gieo rồi, và thế là, mở hết tốc lực, tôi phóng thẳng tới Helium. Dần dần, tôi bỏ những kẻ truy đuổi xa lại phía sau và tôi chỉ mới vừa tự chúc mừng cho cuộc tẩu thoát may mắn của mình thì một viên đạn bắn thẳng từ tàu tuần tiễu trúng vào mũi con tàu nhỏ của tôi. Sự chấn động gần như lật úp con tàu, và nó lao xuống, xuyên qua bóng đêm tăm tối.

Tôi rơi bao xa thì kiểm soát lại được chiếc tàu tôi cũng không biết, nhưng hẳn tôi phải rất gần mặt đất khi cất cánh bay lên, vì tôi nghe rất rõ tiếng hí của những con thú bên dưới. Bay lên cao trở lại, tôi nhìn lướt qua bầu trời để tìm bọn truy đuổi, và cuối cùng thấy rằng ánh

đèn của chúng đã ở rất xa phía sau, đang hạ xuống đất, hiển nhiên là để tìm tôi.

Không chờ đến khi ánh đèn của chúng biến mất, tôi liền linh chiếu tia đèn nhỏ của tôi vào chiếc la bàn, lúc đó tôi kinh hoàng nhận ra rằng một mảnh nhỏ của viên đạn đã hoàn toàn phá hỏng người dẫn đường duy nhất của tôi, cũng như cái đồng hồ đo tốc độ. Đúng là tôi có thể theo ánh sao để đi về hướng Helium, nhưng không biết đích xác vị trí của thành phố cũng như tốc độ bay, cơ may tôi có thể tìm thấy nó rất mong manh.

Helium nằm cách Zodanga một ngàn dặm về hướng tây nam, và với chiếc la bàn còn nguyên vẹn, tôi có thể đi tới đó trong vòng bốn đến năm giờ nếu không có sự cố gì. Tuy nhiên, do tình thế thay đổi, sáng hôm sau tôi bay qua chặng đường mênh mông trên đáy biển chết suốt sáu giờ với vận tốc tối đa. Lúc bấy giờ, bên dưới tôi là một thành phố lớn, nhưng nó không phải là Helium, vì trên Hỏa tinh chỉ có Helium là nơi duy nhất bao gồm hai thành phố lớn có tường bao quanh theo đường tròn cách nhau chừng bảy mươi lăm dặm và có thể dễ dàng nhận thấy từ độ cao mà tôi đang bay.

Tin rằng mình đã bay quá xa về hướng bắc và tây, tôi quay lại theo hướng đông nam, qua nhiều thành phố lớn khác vào trước buổi trưa, nhưng không có nơi nào giống như mô tả của Kantos Kan về Helium. Ngoài hình thức thành phố đôi của Helium, một đặc điểm phân biệt khác là hai tòa tháp lớn, một tòa màu tím thẫm rực rỡ cao gần một dặm nằm giữa trung tâm của một trong hai thành phố, và tòa tháp thứ hai màu vàng tươi cũng có độ cao tương tự nằm giữa thành phố thứ hai.

CHƯƠNG XXIV: TARS TARKAS KẾT TÌNH BẰNG HỮU

Khoảng giữa trưa tôi bay thấp qua thành phố chết lớn của sao Hỏa cổ đại. Khi lướt qua cánh đồng bên ngoài tôi bay ngang qua một chiến địa kinh hoàng với hàng ngàn chiến binh da xanh. Ngay khi tôi vừa trông thấy họ, một loạt đạn đã bay thẳng tới tôi, và với độ chính xác gần như tuyệt đối của thứ vũ khí của họ, chiếc tàu bay nhỏ của tôi bị phá hủy ngay lập tức, lao thẳng xuống mặt đất.

Tôi rơi xuống gần như ngay trung tâm của chiến địa, giữa những chiến binh không nhận ra sự xuất hiện của tôi vì đang đánh nhau sống chết. Những người đánh bộ sử dụng trường kiếm, thỉnh thoảng một phát đạn từ một tay thiện xạ ở phía ngoài lại hạ gục một chiến binh vừa rời ra khỏi đám đông đang đánh nhau hỗn loạn.

Khi máy bay của tôi rơi xuống giữa họ, tôi nhận thấy chỉ có hai đường, chiến đấu hoặc chết, với cơ may là chết chắc ở mọi giá. Thế là tôi nhảy xuống đất với thanh trường kiếm, sẵn sàng tự vệ với mọi khả năng có được.

Tôi nhảy xuống bên cạnh một gã to lớn đang đương cự với ba đối thủ, và khi tôi liếc nhìn qua gương mặt dữ tợn của hắn, sáng bừng lên vì chiến trận, tôi nhận ra Tars Tarkas của Thark. Ông không thấy tôi, vì tôi ở phía sau ông một chút. Ngay lúc đó ba chiến binh đối phương tấn công ông, và tôi nhận ra đó là bọn người Warhoon. Tars Tarkas hạ nhanh một đối thủ, nhưng khi bước lui lại cho một nhát kiếm khác, ông vấp ngã trên một xác chết ở phía sau và lâm vào thế nguy kịch. Nhanh chur chớp, bọn chúng lao tới ông, và Tars Tarkas lẽ ra đã về châu tiên tổ nếu tôi không nhảy ra trước thân hình to lớn của ông để đương đầu với hai chiến binh Warhoon. Khi tôi hạ được một tên, Tars Tarkas đã đứng lên và nhanh chóng thanh toán tên còn lại.

Ông nhìn tôi, và một nụ cười thoáng qua đôi môi dữ tợn, vỗ vai tôi, ông nói.

“Tôi gần như không nhận ra anh, John Carter, nhưng không có người nào trên Barsoom có thể làm điều mà anh đã làm cho tôi. Tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu được có một thứ gì đó như là tình bạn, anh bạn của tôi.”

Ông không nói thêm, và cũng không có cơ hội, vì bọn Warhoon đang tiến tới gần chúng tôi, và chúng tôi cùng nhau chiến đấu, kè vai sát cánh suốt buổi chiều dài nóng nực đó, cho tới khi cơn thủy triều chiến trận rút đi và những tên chiến binh Warhoon còn sót lại quay ngựa tháo chạy vào bóng tối.

Mười ngàn người đã tham dự trong trận đánh lớn đó và trên chiến địa có ba ngàn xác chết. Không bên nào thu nhặt xác và cũng không có bắt tù binh.

Trên đường quay về thành phố sau trận đánh, chúng tôi đi thẳng tới nơi ở của Tars Tarkas. Ở đó, tôi được để yên một mình trong lúc vị tù trưởng đi dự cuộc họp hội đồng.

Trong lúc ngồi chờ Tars Tarkas quay lại, tôi nghe có ai đó đang đi lại trong một căn phòng kế bên, và khi tôi nhìn lên, đột nhiên có một con vật to lớn và xấu xí chồm tới đè tôi ngã xuống đồng lùa và da thú mà trên đó tôi đang ngồi. Đó là Woola, Woola trung thành và yêu mến của tôi. Nó đã tìm được đường quay về Thark, và như sau đó Tars Tarkas bảo tôi, đã tới ngay lập tức chỗ ở của tôi trước kia, buồn thê thiết và chờ đợi một cách vô vọng ngày tôi trở lại.

“Tal Hajus đã biết anh ở đây, John Carter,” Tars Tarkas nói khi quay lại sau cuộc họp, “Sarkoja đã trông thấy và nhận ra anh khi chúng ta quay về. Tal Hajus đã lệnh cho tôi đưa anh tới gặp hần đêm nay. Tôi có mười con ngựa, John Carter, anh có thể chọn con nào anh thích, và tôi sẽ đưa anh tới con kênh đào gần nhất dẫn tới Helium. Tars Tarkas có thể là một chiến binh da xanh tàn ác, nhưng hần ta cũng có thể là một người bạn. Đi, chúng ta phải lên đường.”

“Và khi ông quay lại thì sao, Tars Tarkas?” Tôi hỏi.

“Những con chó hoang, có lẽ thế, hoặc tệ hơn,” ông ta đáp. “Trừ phi tôi may mắn gặp được cơ hội chiến đấu với Tal Hajus mà tôi đã chờ từ lâu.”

“Chúng ta sẽ ở lại, Tars Tarkas, và đến gặp Tal Hajus đêm nay. Ông không phải tự hy sinh bản thân mình, và có lẽ đêm nay ông sẽ có cơ hội mà ông chờ đợi.”

Ông ta cực lực phản đối, bảo rằng Tal Hajus thường nổi điên lên khi nghĩ tới cú đâm của tôi, và nếu hần tóm được tôi, tôi ắt phải chịu những cực hình khủng khiếp nhất.

Trong lúc đang ăn, tôi kể lại cho Tars Tarkas nghe câu chuyện mà Sola đã kể vào cái đêm ở trên đáy biển chết trong chuyến hành quân về Thark.

Ông không nói gì, nhưng những cơ mặt to lớn run rẩy vì đau khổ khi nhớ lại những sự kinh hoàng ập lên kẻ duy nhất mà ông thương yêu trong suốt cuộc đời lạnh lùng, tàn nhẫn khủng khiếp của mình.

Ông không còn phản đối khi tôi đề nghị rằng cả hai sẽ đến gặp Tal Hajus, chỉ nói rằng ông muốn nói chuyện với Sarkoja trước. Theo yêu cầu của ông, chúng tôi cùng tới chỗ ở của ả.

“Sarkoja,” Tars Tarkas nói, “bốn mươi năm trước, vì người mà một phụ nữ tên là Gozava đã phải gánh chịu cực hình và cái chết. Ta vừa khám phá ra rằng người chiến binh đã từng yêu người phụ nữ ấy đã biết công lao của người trong việc đó. Ông ta có thể không giết người, Sarkoja, vì điều đó không hợp với tập quán của chúng ta, nhưng không có gì ngăn cản ông ta cột một đầu dây vào cổ người và đầu kia vào một con ngựa hoang, chỉ để xem người có đủ sức khoẻ để sống sót và giúp cho việc duy trì nòi giống chúng ta hay không. Ta nghe rằng ông ta sẽ làm điều ấy vào ngày mai, và ta nghĩ nên cảnh báo cho người biết, vì ta là một con người công chính. Dòng sông Iss chỉ là một chuyển hành hương ngắn thôi, Sarkoja. Đi, John Carter.”

Sáng hôm sau Sarkoja biến mất, và từ đó không người nào còn gặp ả.

Im lặng, chúng tôi vội vã đến cung điện của nhà vua, ở đó, ngay lập tức chúng tôi được cho vào gặp ông ta. Thực tế, ông ta đang chờ gặp tôi và đang đứng thẳng trên bục nhìn chăm chăm ra cửa khi tôi bước vào.

“Trời hấn vào cây cột kia,” ông ta hét lên. “Chúng ta sẽ xem ai còn dám tấn công Tal Hajus hùng mạnh. Nướng sắt lên, tự tay ta sẽ đốt cháy đôi mắt của hấn để hấn không còn làm ô uế ta với cái nhìn đê tiện của hấn.”

“Các tù trưởng của Thark,” tôi nói to, quay sang hội đồng tù trưởng và phớt lờ Tal Hajus, “tôi từng là một tù trưởng trong số các người, và hôm nay vì Thark tôi đã chiến đấu kẻ vai sát cánh với những chiến binh vĩ đại nhất của nó. Các người nợ tôi, ít nhất, là một lần lắng nghe. Hôm nay tôi đã đánh thắng nhiều đối thủ. Tôi yêu cầu các người hãy là những kẻ công bằng...”

“Câm miệng lại,” Tal Hajus gầm lên. “Tóm lấy gã đó và trói hấn lại như ta đã ra lệnh.”

“Hãy công bằng, Tal Hajus,” Lorquas Ptomel nói. “Ông là ai mà dám gạt sang một bên những tập tục nhiều đời của người Thark.”

“Phải, hãy công bằng!” Nhiều người lập lại, và thế là, trong khi Tal Hajus nổi cáu sùi bọt mép, tôi nói tiếp.

“Các người là một giống dân dũng cảm và các người yêu sự dũng cảm, nhưng đức vua hùng mạnh của các người ở đâu trong trận đánh hôm nay? Tôi không thấy ông ta trong đám đông binh sĩ, ông ta không ở đó. Ông ta giày vò những người phụ nữ và những đứa trẻ con không thể tự vệ trong hang ổ của mình, nhưng có bao nhiêu lần một trong các người nhìn thấy ông ta chiến đấu với những người đàn ông? Tại sao ngay cả tôi, một người tí hon bên cạnh ông ta cũng có thể đánh ngã ông ta với một cú đâm duy nhất? Có phải người Thark muốn các jeddak của mình là kiểu người như thế? Bây giờ đứng bên cạnh tôi là một người Thark vĩ đại, một chiến binh hùng mạnh và một con người cao thượng. Các vị tù trưởng, nếu Tars Tarkas là Jeddak của Thark, nghe có tốt không?

Một tràng hoan hô âm vang chào mừng lời đề xuất này.

“Hội đồng chỉ còn có việc ra lệnh, và Tal Hajus phải chứng minh sức mạnh để cai trị của mình. Nếu ông ta là một người dũng cảm, ông ta sẽ mời Tars Tarkas giao chiến, vì ông ta không thích Tars Tarkas, nhưng ông ta sợ. Tal Hajus, jeddak của các người, là một tên hèn nhát. Với đôi tay không của mình, tôi có thể giết chết ông ta, và ông ta biết điều đó.”

Sau khi tôi dùng lời, có một sự im lặng căng thẳng, vì tất cả các đôi mắt đều dồn vào Tal Hajus. Ông ta không nói hay cử động gì cả, nhưng màu xanh bầm thiu trên mặt ông ta chuyển sang bầm tím, và đôi môi của ông ta đã bị đóng băng.

“Tal Hajus,” Lorquas Ptomel nói với một giọng lạnh lùng cứng rắn. “Chưa bao giờ trong cuộc đời dài của ta, ta thấy một jeddak người Thark ô nhục như vậy. Chỉ có một câu đáp cho lời cáo buộc này. Chúng ta đợi nó.” Và Tal Hajus vẫn đứng lặng như thể bị Trời trừng phạt.

“Các tù trưởng,” Lorquas Ptomel nói tiếp, “Tal Hajus, Jeddak, sẽ chứng minh sức mạnh để điều khiển Tars Tarkas chứ?”

Có hai mươi tù trưởng trong bọc diễu hành, và hai mươi thanh kiếm loé sáng được giơ cao.

Không còn chọn lựa nào khác. Nghị quyết đó là chung cuộc, và thế là Tal Hajus rút thanh trường kiếm của ông ta ra và tiến tới gặp Tars Tarkas.

Trận đấu sớm kết thúc, và, với bàn chân đặt lên cổ của gã quái vật đã chết, Tars Tarkas trở thành vua của người Thark.

Hành động đầu tiên của ông là phong tôi làm một tù trưởng chính thức với đẳng cấp tôi đã đạt được từ những trận đấu trong mấy tuần đầu bị cầm tù giữa người Thark.

Nhìn thấy xu hướng ủng hộ của các chiến binh đối với Tars Tarkas cũng như đối với tôi, tôi nắm ngay lấy cơ hội để tranh thủ sự giúp sức của họ trong việc chống lại Zodanga. Tôi kể cho Tars Tarkas câu chuyện mạo hiểm của mình, và trong vài lời đã giải thích cho ông ý nghĩ tôi có sẵn trong đầu.

“John Carter đã có một thỉnh nguyện,” ông nói với hội đồng, “phù hợp với sự ủng hộ của ta. Ta sẽ nói thật vắn tắt với các người. Dejah Thoris, công chúa xứ Helium, người tù trước đây của chúng ta, hiện đang bị Jeddak xứ Zodanga giam giữ. Nàng ta phải cưới con trai của ông ta để cứu đất nước thoát khỏi sự hủy diệt của quân đội Zodanga.

“John Carter đã đề nghị rằng chúng ta sẽ giải cứu nàng ta và trao trả nàng cho Helium. Các chiến lợi phẩm của Zodanga sẽ rất dồi dào, và ta thường nghĩ rằng nếu liên minh với dân Helium, chúng ta có thể có được sự đảm bảo đầy đủ về chất dinh dưỡng để cho phép chúng ta gia tăng tầm vóc và độ thường xuyên của việc ấp trứng, và nhờ đó chắc chắn sẽ trở thành một dân tộc tối thượng trong số người da xanh

trên khắp Barsoom. Các người nói sao?”

Đó là một cơ hội để chiến đấu, để cướp phá, và họ chớp lấy miếng mồi ngon đó như một con cá hồi da đốm chớp một con ruồi.

Vì người Thark hăng hái đến điên cuồng, chưa đầy nửa giờ sau đó hai mươi sứ giả kỵ binh được cử băng qua những đáy biển chết để triệu tập các bộ tộc lại cho cuộc viễn chinh.

Chúng tôi hành quân suốt ba ngày tới Zodanga với lực lượng mười vạn chiến binh, vì Tars Tarkas đã tranh thủ được sự phục vụ của ba bộ tộc nhỏ với lời hứa về số chiến lợi phẩm lớn lao ở Zodanga.

Tôi đi cạnh người chiến binh Thark vĩ đại ở đầu hàng quân, và ở sau gót con ngựa của tôi là Woola yêu dấu.

Chúng tôi chỉ hành quân vào ban đêm, tính toán giờ sao cho có thể cắm trại vào ban ngày ở các thành phố hoang, nơi mà, ngay cả với những con thú cũng được giữ trong nhà trong suốt những giờ của ban ngày. Trên đường hành quân, Tars Tarkas, với khả năng và tài thuyết phục, đã tranh thủ thêm năm vạn chiến binh từ các bộ tộc khác. Thế là mười ngày sau khi xuất quân, chúng tôi dừng lại vào giữa đêm ở mé ngoài thành phố lớn có tường bao của Zodanga với lực lượng mười lăm vạn quân.

Sức chiến đấu và tính hiệu quả của đạo quân các quái vật khổng lồ xanh dữ tợn này tương đương với con số gấp mười lần của những người da đỏ. Chưa bao giờ trong lịch sử của Barsoom, Tars Tarkas bảo tôi, có một lực lượng chiến binh da xanh to lớn như thế cùng chiến đấu bên nhau. Việc giữ một không khí hoà hợp giữa các bộ tộc là một công việc vô cùng khó nhọc, và với tôi, thật là một phép lạ khi ông đưa họ đến thành phố mà không có một trận đánh nào xảy ra trong bọn.

Nhưng khi tới gần Zodanga, những cuộc cãi cọ nổ ra do lòng căm ghét người da đỏ của họ, nhất là đối với người Zodanga, đất nước đã nhiều năm phát động một chiến dịch hủy diệt liên miên chống lại người da xanh, đặc biệt là việc phá hủy các lồng ấp trứng của họ.

Lúc này, khi đã ở trước mặt Zodanga, công việc mở cổng vào thành phố được giao phó cho tôi. Đề nghị Tars Tarkas chia lực lượng ra thành hai phân đội ở ngoài tầm nghe của thành phố, với mỗi phân đội tấn công vào một cổng thành lớn, tôi điều động hai mươi kỵ binh và tiếp cận một trong những cổng nhỏ nằm rải rác quanh tường thành. Những cổng nhỏ này không được canh gác thường xuyên, nhưng có những đội lính tuần tra trên những đại lộ vòng quanh thành phố ngay phía trong tường thành.

Những bức tường của Zodanga cao bảy mươi lăm bộ và dày năm mươi bộ. Chúng được xây dựng bằng những khối đá thạch anh khổng lồ, và việc thâm nhập vào thành phố, đối với đội chiến binh da xanh tiên phong của tôi, có vẻ như là điều bất khả thi. Những gã được chỉ định theo tôi là người của những bộ tộc nhỏ, do đó không biết tôi.

Cho ba tên úp mặt vào tường và bám chặt, tôi lệnh cho hai tên nữa leo lên vai ba tên đó, và tên thứ sáu leo lên vai của hai tên bên trên. Đầu của tên trên cùng cao cách mặt đất khoảng bốn mươi bộ.

Theo cách này, với mười chiến binh, tôi tạo thành ba bậc thang người từ mặt đất cho đến người đứng trên cùng. Rồi xuất phát từ một quãng cách ngắn, tôi phóng nhanh từ bậc này sang bậc khác, với cú nhảy cuối cùng từ bờ vai rộng của tên đứng cao nhất, tôi bám được đỉnh của bức tường và lặng lẽ đu người lên bề mặt to rộng của nó. Sau đó, tôi kéo sáu sợi dây da dài từ sáu chiến binh. Những sợi dây này chúng tôi đã cột trước lại với nhau, và ném một đầu dây cho tên đứng cao nhất, tôi cẩn thận hạ thấp dần đầu dây kia vào bên trong bức tường, xuống con đường bên dưới. Không nhìn thấy ai cả, tôi đu người xuống từ từ tới đầu sợi dây, và nhảy xuống đường ở độ cao ba mươi bộ cách mặt đất.

Tôi đã nghe Kantosa Kan nói về bí mật của việc mở những cánh cổng này ra. Và trong khoảnh khắc, hai mươi chiến binh to lớn của tôi đã đứng bên trong thành phố sắp tận số của Zodanga.

Tôi vui mừng nhận ra tôi đã vào đúng ngay phía ngoài vòng ranh giới thấp hơn của cái cung điện khổng lồ. Bản thân tòa cung điện hiện ra ở phía xa trong một quãng sáng rực rỡ, và ngay lập tức tôi quyết định dẫn một phần các chiến binh đi thẳng vào bên trong cung điện, còn phần còn lại sẽ tấn công các doanh trại lính.

Tôi cử một tên quay về chỗ Tars Tarkas để điều thêm năm mươi chiến binh Thark rồi lệnh cho mười tên tới đánh chiếm và mở một trong những cổng lớn trong khi với chín tên còn lại tôi tấn công một cổng lớn khác. Chúng tôi thực hiện công việc một cách lặng lẽ, không nổ một phát súng và ém lại đó cho tới khi tôi có thể tới cung điện với năm mươi chiến binh Thark. Kế hoạch của tôi đã thành công mỹ mãn. Hai đội tuần tra mà chúng tôi gặp được tiến về châu tổ tiên ở bên bờ của biển chết Korus, và những toán quân ở hai cánh cổng cũng lặng lẽ đi theo chúng.

CHƯƠNG XXV: CƯỚP PHÁ ZODANGA

Năm mươi chiến binh Thark, dẫn đầu là Tars Tarkas, phi trên những con ngựa to lớn tiến vào cánh cổng lớn mà tôi đã mở rộng. Tôi dẫn họ tới tường cung điện mà tôi vượt qua một cách dễ dàng không cần sự trợ giúp. Tuy nhiên, khi đã lọt vào bên trong, cánh cổng gây cho tôi nhiều rắc rối, nhưng cuối cùng tôi cũng được tưởng thưởng khi đứng nhìn nó mở rộng ra trên hai trụ cổng to lớn. Ngay sau đó, đội tiên phong dữ tợn của tôi phi ngựa băng qua những khu vườn của vua xứ Zodanga.

Khi tới gần cung điện, tôi có thể trông thấy qua những cánh cửa sổ của tầng một gian khán phòng rực rỡ ánh đèn của Than Kosis. Gian phòng khổng lồ đầy những nhà quý tộc và phụ nữ, như thể có một nghi lễ quan trọng gì đó sắp được tiến hành. Ở phía ngoài cung điện không có một người lính gác nào cả, do vậy, tôi đoán ra sự thật rằng thành phố và cung điện được người ta cho là không thể đánh vào được. Thế là tôi tới gần và nhìn vào.

Ở một đầu căn phòng, trên những chiếc ngai vàng to lớn khảm đầy kim cương là Than Kosis và các cận thần, vây quanh là những sĩ quan và chức sắc nhà nước. Trước mặt họ là hai hàng binh lính, và khi tôi nhìn vào, tiến vào giữa hai hàng lính đó từ đầu bên kia của sảnh đường, người dẫn đầu của một đoàn diễu hành đang tiến tới chân của ngai vàng.

Đầu tiên là bốn viên sĩ quan cận vệ đi đều bước, bê một cái khay lớn phủ lụa tím, bên trên khay là hai chiếc vòng vàng to lớn. Ngay sau bốn viên sĩ quan này là bốn người khác bê một cái khay tương tự, trên là những đồ trang sức lộng lẫy của một công chúa và hoàng tử.

Hai đội bê khay này đến trước chân ngai vàng và dừng lại, tách ra, đứng đối diện nhau. Rồi đến các chức sắc, các sĩ quan của cung điện và quân đội, và cuối cùng là hai nhân vật phủ kín người trong những tấm lụa tím, nên không thể nhận diện được. Cả hai dừng lại ở chân ngai vàng, đối diện với Than Kosis. Khi đám còn lại của đoàn diễu hành đã đi vào và về vị trí, Than Kosis nói với hai người đang đứng trước ông ta. Tôi không thể nghe thấy lời ông ta, nhưng ngay lúc đó hai viên sĩ quan bước lên và gỡ tấm khăn choàng mặt của một trong hai người đó, và tôi nhận ra Kantos Kan đã thất bại trong nhiệm vụ của anh ta, vì đó là Sab Than.

Lúc này, Than Kosis lấy một bộ trang sức từ một trong hai chiếc khay, và đặt một trong hai chiếc vòng cổ lên cổ người con trai, móc khóa lại. Sau vài lời với Sab Than, ông ta quay sang nhân vật kia. Các viên sĩ quan đã gỡ khăn che mặt của người này, và tôi nhìn một cách thấu hiểu vào gương mặt của Dejah Thoris, công chúa xứ Helium.

Đối tượng của nghi lễ này đã rõ ràng đối với tôi. Ngay sau đó Dejah Thoris sẽ gắn bó mãi mãi với hoàng tử xứ Zodanga. Đó là một nghi lễ rất đẹp đẽ và ấn tượng, tôi cho là vậy, nhưng với tôi, dường như đó là một cảnh tượng tàn nhẫn nhất mà tôi từng chứng kiến. Khi các món trang sức được khoác lên thân hình đẹp đẽ của nàng và chiếc vòng cổ của nàng đang nằm trong bàn tay của Than Kosis, tôi giờ cao

thanh trường kiếm lên khỏi đầu, và với một cú chém mạnh, tôi phá vỡ lớp kính của cánh cửa sổ lớn và phóng vào giữa đám người sừng sốt.

Với một cú nhảy, tôi đã đứng trên bực bên cạnh Than Kosis, và khi ông ta đang choáng váng vì kinh ngạc, tôi hạ thanh kiếm chém xuống chiếc vòng vàng sẽ ràng buộc Dejah Thoris vào người khác.

Trong một khoảnh khắc, tất cả rối tung. Cả ngàn thanh kiếm được rút khỏi vỏ đe dọa tôi từ mọi hướng, và Sab Than lao tới tôi với con dao găm nạm ngọc mà hắn rút ra từ các trang sức hôn lễ của mình. Tôi có thể giết hắn dễ dàng như giết một con ruồi, nhưng tập tục lâu đời của Barsoom đã giữ tay tôi lại, và nắm lấy cổ tay cầm dao của hắn khi lưỡi dao lướt tới ngực tôi, tôi kẹp cổ hắn như một cái kềm và cùng với thanh kiếm băng tới đầu kia của sảnh đường.

“Zoganda đã sụp đổ.” Tôi hét lên. “Hãy nhìn kia!”

Mọi cặp mắt nhìn theo hướng tôi chỉ. Và ở đó, lao qua cánh cửa ở lối vào Tars Tarkas và năm mươi chiến binh của ông đang phi ngựa tới.

Một tiếng kêu cảnh báo và sừng sốt vỡ toang từ đám đông, nhưng không có vẻ gì sợ hãi, và trong thoáng chốc, các chiến binh và quý tộc của Zoganda lao tới những người Thark đang tiến tới gần.

Đây Sab Than ngã dúi xuống bực, tôi kéo Djah Thoris tới bên cạnh. Ở sau chiếc ngai vàng có một lối đi hẹp và Than Kosis đang đứng ngay đó đối diện với tôi, tay cầm kiếm. Trong một khoảnh khắc chạm kiếm nhau, tôi thấy ông ta không phải là đối thủ của mình.

Khi đi vòng qua cái bực to lớn, tôi thấy Sab Than chạy tới bậc thềm để giúp cha hắn, nhưng khi hắn giơ tay lên tấn công, Dejah Thoris nhảy tới trước mặt hắn và lúc đó thanh kiếm của tôi hạ một nhát khiến Sab Than trở thành vua xứ Zodanga. Khi cha hắn lăn ra chết trên sân, vị vua mới thoát khỏi tay của Dejah Thoris và chúng tôi lại đối diện nhau.

Ngay sau đó, hắn được một toán sĩ quan kéo tới hỗ trợ, và quay lưng về chiếc ngai vàng, một lần nữa tôi chiến đấu vì Dejah Thoris. Tôi chịu một sức ép khó khăn là phải lo tự vệ, thế nhưng không được hạ sát Sab Than, vì đó là cơ may cuối cùng để chiếm được người phụ nữ tôi yêu. Lưỡi kiếm của tôi xoay tròn với tốc độ của một tia chớp với những nhát đâm chém vào các đối thủ. Khi tôi đã tước vũ khí hai tên và hạ một tên, thêm nhiều tên khác ủa tới để hỗ trợ cho nhà vua mới của chúng và để báo thù cho nhà vua cũ.

Khi chúng tiến tới, có những tiếng kêu: “Người phụ nữ! Người phụ nữ! Hạ cô ta đi, đây là âm mưu của cô ta. Giết cô ta! Giết!”

Vừa gọi Dejah Thoris tới sau lưng, tôi tiến về phía lối đi nhỏ ở phía sau chiếc ngai vàng, nhưng những tên sĩ quan nhận ra ý định của tôi.

Ba tên lao tới phía sau tôi và khóa chặt mọi cơ hội chiếm được một vị trí nơi tôi có thể bảo vệ Dejah Thoris chống lại bất kỳ kiếm sĩ nào.

Những người Thark đang bận tay ở giữa sảnh đường, và tôi bắt đầu nhận ra rằng không có phép màu nào có thể cứu được Dejah Thoris và tôi, rồi tôi thấy Tars Tarkas xuyên qua đám người bé nhỏ đang bu quanh ông ta. Với một đường kiếm xoay tròn, ông hạ gục hơn chục người, và cứ thế ông ta mở một lối đi phía trước cho tới khi ông ta đứng trên cái bục bên cạnh tôi, đương đầu với cái chết và sự hủy diệt ở bên phải và bên trái.

Sự dũng cảm của người Zodanga thật đáng sợ, không ai tìm cách bỏ trốn, và trận đánh chỉ dừng lại với những người Thark còn sống sót trong sảnh đường, ngoài tôi và Dejah Thoris.

Sab Than nằm chết bên cạnh cha hắn, và các tử thi của các hiệp sĩ và quý tộc Zodanga nằm la liệt trên nền nhà đầm máu.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi khi trận chiến kết thúc là Kantos Kan. Giao Dejah Thoris cho Tars Tarkas trông nom, tôi mang theo một chục chiến binh đi vội tới những căn hầm bên dưới cung điện. Tất cả bọn cai ngục đã ra giúp sức cho các chiến sĩ ở sảnh đường, vì thế, chúng tôi sục sạo tìm kiếm những căn hầm ngục mà không gặp trở ngại gì.

Tôi lớn tiếng gọi tên Kantos Kan ở mỗi hành lang và phòng, và cuối cùng được tường thưởng khi nghe thấy một lời đáp xa xăm. Đi theo tiếng nói, chẳng bao lâu chúng tôi tìm thấy anh ta ở một góc tối.

Anh ta vui mừng tột độ khi gặp tôi, và đã biết ý nghĩa của trận đánh vì nó mở hồ vọng xuống căn ngục của anh ta. Anh ta bảo đội tuần tra trên không đã bắt được anh ta trước khi anh ta tới tòa tháp cao của cung điện, vì thế anh ta không gặp được Sab Than.

Chúng tôi phát hiện ra việc cố gắng chặt đứt khoá của nhà tù và các thứ gông xiềng trên người anh ta là vô ích, thế nên, theo đề nghị của anh ta, tôi quay lại tìm trên các tử thi chùm chìa khóa để mở khóa căn nhà ngục và các thứ gông xiềng.

May thay, trong số xác chết đầu tiên tôi đã tìm ra tên cai ngục của anh ta, ngay sau đó chúng tôi đưa Kantos Kan vào sảnh đường.

Những âm thanh của lửa cháy, tiếng la hét và kêu khóc vọng đến chúng tôi từ các đường phố. Tars Tarkas vội vã quay ra chỉ đạo. Kantos Kan đi theo ông ta để dẫn đường. Những chiến binh da xanh bắt đầu lục lạo khắp cung điện để tìm những người Zodanga khác và để cướp phá, bỏ lại mình tôi và Dejah Thoris.

Nàng đang ngồi trên một chiếc ngai vàng, và khi tôi quay sang, nàng đón chào tôi với một nụ cười nhợt nhạt.

“Đã từng có người nào như thế không nhỉ?” Nàng cảm thán. “Em biết rằng Barsoom chưa bao giờ có một người như chàng. Mọi người đàn ông trên Trái đất có thể như chàng không? Một mình, một kẻ lạ, bị săn đuổi, bị đe dọa, bị hành hạ, chàng đã làm được trong vòng vài tháng điều mà suốt những niên đại đã qua của Barsoom chưa có người đàn ông nào làm được: kết hợp lại những bộ tộc hoang dã của các đáy biển chết và đưa họ tới chiến đấu như những đồng minh của một dân tộc da đỏ.”

“Câu trả lời rất dễ, Dejah Thoris.” Tôi mỉm cười đáp. “Không phải là tôi làm chuyện đó, mà là tình yêu, tình yêu đối với Dejah Thoris, một sức mạnh còn hơn cả những phép màu lớn lao nhất mà nàng từng thấy.”

Mặt nàng ửng hồng và nàng đáp:

“Bây giờ chàng có thể nói điều đó, John Carter, và em có thể nghe, vì em tự do.”

“Hơn thế, tôi vẫn phải nói, trước khi nó lại quá muộn,” Tôi quay lại. “Tôi đã làm nhiều điều kỳ lạ trong đời mình, nhiều điều mà những người đàn ông thông minh hơn không dám làm, nhưng chưa bao giờ trong trí tưởng tượng điên dại nhất của mình, tôi mơ tới việc chiếm được Dejah Thoris cho bản thân mình... vì tôi chưa bao giờ mơ rằng trong toàn thể vũ trụ này lại có một người phụ nữ như công chúa xứ Helium. Việc nàng là một công chúa không làm tôi bối rối, nhưng việc nàng là nàng đủ khiến cho tôi nghi ngờ sự tinh táo của mình khi tôi hỏi nàng, công chúa của tôi, nàng có sẵn lòng làm vợ tôi không?”

“Người đã biết rất rõ lời đáp cho sự cầu xin của anh ta trước khi nó được đưa ra thì không cần phải bối rối.” Nàng đáp, đứng lên và đặt đôi tay yêu dấu của nàng lên vai tôi, và thế là tôi ôm lấy nàng và hôn nàng.

Và thế là, giữa một thành phố tan hoang vì chiến trận điên cuồng, đầy những vết tích chiến tranh, với cái chết và sự hủy diệt đang gặt hái vụ mùa khủng khiếp của chúng xung quanh, Dejah Thoris, công chúa xứ Helium, người con gái chân chính của Mars, vị thần chiến tranh, đã đính hôn với John Carter, người đàn ông chân chính ở Virginia.

CHƯƠNG XXVI: NIỀM HÂN HOAN SAU CẢNH TANG THƯỜNG

Một lúc sau Tars Tarkas và Kantos Kan quay lại báo rằng Zodanga đã hoàn toàn bị chinh phục. Các lực lượng bị tiêu diệt hoặc bắt giữ toàn bộ, và không còn một sự chống trả nào từ bên trong. Nhiều chiến thuyền đã chạy thoát, nhưng có cả ngàn thuyền phục vụ cho chiến tranh và thương mại đang nằm dưới sự canh giữ của quân Thark.

Các bộ tộc nhỏ đã bắt đầu cướp phá và cãi cọ lẫn nhau, vì thế chúng tôi quyết định sẽ tập hợp các chiến binh có thể, xuống thuyền càng nhiều càng tốt cùng với những tù nhân Zodanga và tiến thẳng tới Helium, không để mất thêm thời gian.

Năm giờ sau, chúng tôi bay từ mái các toà nhà phi cảng với toàn đoàn gồm hai trăm năm mươi chiến thuyền, mang theo gần mười vạn chiến binh da xanh. Theo sau là một đoàn thuyền chở các con ngựa.

Chúng tôi để lại sau lưng thành phố tan hoang trong bàn tay dữ tợn và tàn bạo của hơn bốn vạn chiến binh da xanh của các bộ tộc nhỏ. Họ đang cướp phá, giết người và đánh lẫn nhau. Họ đã dí đuốc vào hàng trăm chỗ, và những cột khói dày đặc bốc lên cao bên trên thành phố như thể để che khuất khỏi con mắt của vũ trụ những cảnh tượng khủng khiếp bên dưới.

Vào giữa chiều, chúng tôi nhìn thấy các tháp lớn màu tím và vàng của Helium, và một lúc sau, một đoàn chiến thuyền lớn của Zodanga từ các trại của những toán quân bao vây tiến tới gặp chúng tôi.

Những lá cờ đuôi nheo của Helium đã được treo từ mũi tới đuôi mỗi con thuyền hùng mạnh của chúng tôi, nhưng người Zodanga không cần dấu hiệu này cũng nhận ra chúng tôi là kẻ thù, vì các chiến binh da xanh đã nổ súng gần như ngay khi họ vừa cất cánh rời mặt đất. Với tài thiện xạ phi thường, họ quét hết loạt đạn này sang loạt khác lên đoàn thuyền đang tiến đến.

Hai thành phố sinh đôi của Helium, nhận ra chúng tôi là bạn, cử hàng trăm con thuyền ra hỗ trợ chúng tôi, và khi đó bắt đầu trận không chiến thật sự đầu tiên mà tôi từng chứng kiến.

Những chiếc thuyền chở các chiến binh da xanh bay vòng bên trên các đoàn chiến thuyền của Helium và Zodanga, và các khẩu pháo của chúng vô dụng trong tay của những người Thark, vì không có không quân nên không có kỹ năng gì về súng ống trên thuyền. Tuy nhiên, những khẩu súng cá nhân của họ lại rất hữu hiệu, và kết quả cuối cùng của cuộc giao chiến chịu ảnh hưởng mạnh mẽ, nếu không phải là được quyết định toàn bộ, bởi sự có mặt của họ.

Đầu tiên, hai lực lượng bay vòng ở cùng một độ cao, nã súng từ thuyền này sang thuyền kia. Ngay lúc đó, trên thân của một tàu chiến

lớn của người Zodanga bị thủng một lỗ lớn, nó lao đảo quay úp lại, những thân hình bé nhỏ trên thuyền bị xoay ngược và rơi xuống mặt đất cách xa một ngàn bộ bên dưới, rồi với tốc độ yếu ớt, nó rơi xuống theo họ, gần như hoàn toàn tự chôn mình vào lớp đất mềm của đáy biển cổ đại.

Một tiếng thét hân hoan cất lên từ phi đội của Helium, và với sự dữ tợn tăng gấp bội, họ lao vào đoàn thuyền của Zodanga. Với một kỹ thuật điều luyện hai chiếc thuyền của Helium bay lên bên trên đối thủ của họ, từ đó họ trút hàng loạt bom xuống dưới.

Rồi từng chiếc một, những chiến thuyền của Helium thành công trong việc cất cánh lên bên trên máy bay của người Zodanga, và trong một thời gian ngắn, một số chiến thuyền bị bao vây rơi một cách tuyệt vọng xuống tòa tháp màu tím của Helium. Nhiều chiếc khác tìm cách bỏ trốn, nhưng chẳng bao lâu chúng bị bao vây bởi hàng ngàn máy bay cá nhân bé xiu, và bên trên mỗi chiếc lơ lửng một chiến thuyền kinh khủng của Helium sẵn sàng thả bom lên thuyền họ.

Trong vòng chưa đầy một giờ từ khi đoàn thuyền chiến thắng của Zoganda bay lên gặp chúng tôi, trận chiến đã kết thúc, và các con thuyền còn lại của quân đội Zodanga bại trận được đưa về các thành phố của Helium dưới sự giám sát của các phi đoàn chiến thắng.

Có một cảnh tượng vô cùng lâm ly về phía những kẻ đầu hàng, kết quả của một tập tục lâu đời đòi hỏi những người đầu hàng phải tự đề cao bằng cách tự nguyện lao xuống nơi viên chỉ huy của đoàn tàu bị tiêu diệt. Từng người tiếp nối nhau, những chiến binh dũng cảm, giương cao ngọn cờ bên trên đầu, nhảy từ vị trí ở đầu tàu xuống đất.

Cuộc chiến chấm dứt, và sự hy sinh vô ích của những con người dũng cảm cũng đã kết thúc theo.

Lúc bấy giờ, chúng tôi hướng về những con tàu chỉ huy của Helium, và khi đã tới tầm nghe thấy, tôi thét lớn rằng chúng tôi đang chờ công chúa Dajah Thoris trên thuyền, rằng chúng tôi muốn chuyển nàng xuống con tàu đó để nàng có thể được đưa về thành phố ngay lập tức.

Khi lời kêu gọi của tôi đã tới tai của họ, một tiếng reo hò lớn nổi lên từ boong của con tàu chỉ huy, và giấy lát sau các màu cờ báo hiệu cho sự có mặt của công chúa Helium được kéo lên khắp con tàu. Khi các con thuyền khác của phi đội nắm được ý nghĩa của các lá cờ hiệu, họ reo hò tỏ mở và giương màu cờ của nàng trong ánh mặt trời lấp lánh.

Con tàu chỉ huy hạ xuống chỗ chúng tôi, và khi nàng lộ ra khỏi boong tàu, hàng chục viên sĩ quan nhảy xuống boong tàu của chúng tôi. Khi ánh mắt kinh ngạc của họ dán lên hàng trăm chiến binh da xanh, lúc này đang bước ra khỏi các công sự chiến đấu, họ dừng lại kinh hoàng, nhưng khi nhìn thấy Kantos Kan, họ lao tới vây quanh anh ta.

Khi đó, Dejah Thoris và tôi bước tới, và họ không nhìn tới ai khác ngoài nàng. Nàng nồng nhiệt đón chào họ, gọi tên từng người, vì họ đã những người tôn quý từng phục vụ cho ông của nàng, và nàng biết họ rất rõ.

“Hãy đặt tay của các vị lên vai của John Carter,” nàng bảo họ, rồi quay sang tôi, “con người mà Helium đã mang ơn vì công chúa của nó cũng như vì chiến thắng của nó hôm nay.”

Họ rất nhả nhận với tôi, nói nhiều điều tốt đẹp cũng như ngợi khen tôi, nhưng dường như điều gây cho họ nhiều ấn tượng nhất là tôi đã tìm được sự trợ giúp của những người Thark dữ tợn trong chiến dịch giải phóng Dejah Thoris và giải phóng Helium của tôi.

“Các vị còn nợ lời cảm ơn với một người khác ngoài tôi,” tôi nói, “và ông ấy đây rồi. Hãy gặp một trong những chiến binh và nhà cầm quyền vĩ đại nhất của Barsoom, Tars Tarkas, Jeddak xứ Thark.”

Với sự lịch thiệp nhả nhận họ ngỏ lời chào mừng người chiến binh Thark vĩ đại, và với sự ngạc nhiên của tôi, ông cũng tỏ ra không kém sút họ mấy trong thái độ thoải mái và phát biểu lịch thiệp. Dù không phải là sắc tộc lắm lời, người Thark cực kỳ tuân theo nghi thức, và cung cách xử sự của họ khiến họ thích ứng một cách đáng ngạc nhiên với các cung cách xử sự lịch thiệp đường hoàng.

Dejah Thoris xuống tàu, và rất buồn lòng vì tôi không thể theo nàng, nhưng, như tôi đã giải thích với nàng, cuộc chiến mới chỉ thắng lợi một phần. Chúng tôi vẫn còn phải đối phó với các lực lượng bộ binh Zodanga đang bao vây thành phố, và tôi không thể rời khỏi Tars Tarkas cho tới khi mọi chuyện xong xuôi êm đẹp.

Viên chỉ huy các lực lượng không quân của Helium hứa sẽ sắp xếp cho các đạo quân của Helium tấn công ra từ thành phố để phối hợp với cuộc tấn công của chúng tôi. Thế là các chiến thuyền chia tay nhau và Dejah Thoris được đưa về cung điện của ông nàng, Tardos Mors, vua xứ Helium.

Ở ngoài xa, hạm đội vận chuyển của chúng tôi với bảy ngựa của các chiến binh da xanh đang nằm chờ trong suốt trận không chiến. Khó mà đưa những con thú này xuống đất khi không có những bậc thang, nhưng không còn cách nào khác. Thế là chúng tôi tới một nơi cách thành phố chừng mười dặm và bắt đầu công việc. Cần phải đưa bọn thú xuống bằng dây, và công việc này chiếm hết phần còn lại của ngày và nửa phần đêm hôm đó. Kỵ binh của Zodanga tấn công chúng tôi hai lần, nhưng không có tổn thất gì lớn và khi bóng đêm buông xuống họ rút lui.

Ngày sau khi con ngựa cuối cùng được đưa xuống đất, Tars Tarkas ra lệnh tiến công, và chúng tôi ém quân vào khu trại Zodanga theo ba hướng: bắc, nam và đông.

Chúng tôi chạm trán các đồn tiền tiêu cách khu trại chính khoảng một dặm, và như đã sắp xếp, xem như đây là dấu hiệu của cuộc tấn công. Với những tiếng reo hò man dại và tiếng hí chóit tai của những con ngựa, chúng tôi xông vào những chiến binh Zodanga.

Chúng tôi không làm họ bất ngờ, mà vấp phải một trận tuyến công sự chuẩn bị công phu. Chúng tôi bị đẩy lui hết đợt này sang đợt khác cho tới trưa, và tôi bắt đầu lo ngại cho kết quả của trận chiến.

Quân số của người Zodanga lên tới một triệu chiến binh, tập hợp từ cực này tới cực kia, bất cứ nơi nào có các con kênh đào như dải băng của họ chảy qua, trong khi đối chọi với họ là không tới mười vạn chiến binh da xanh. Các lực lượng từ Helium chưa tới, mà chúng tôi cũng không có tin tức gì của họ.

Vừa hay, tới trưa, chúng tôi nghe tiếng súng nổ dữ dội dọc theo trận tuyến giữa người Zodanga và hai thành phố, và chúng tôi biết rằng lực lượng chi viện của mình đã tới.

Tars Tarkas lại ra lệnh tấn công, và một lần nữa những con ngựa hùng dũng chờ các kỵ sĩ kinh khủng của chúng lao tới thành lũy của quân thù. Cùng lúc đó, trận tuyến của Helium tràn lên các công sự đối kháng của người Zodanga, và một lúc sau, họ bị nghiền nát giữa hai thớt cối xay đá. Họ đã chiến đấu một cách kiên cường, nhưng vô hiệu.

Cánh đồng trước thành phố, nơi trước đó đoàn quân cuối cùng của Zodanga bị bao vây, trở thành một bãi tha ma khi trận chiến kết thúc. Các tù binh được giải về Helium, và chúng tôi tiến vào cổng thành phố lớn với tư cách của những anh hùng thắng trận.

Những đại lộ rộng lớn đông nghẹt những phụ nữ và trẻ con, trong đó có một số đàn ông có bốn phận ở lại thành phố trong thời gian chiến trận do những yêu cầu cấp thiết. Chúng tôi được chào mừng bằng những tràng hoan hô bất tận và những vật trang sức bằng vàng, bạch kim, bạc, và các thứ châu báu. Thành phố đã nổi điên vì sự hân hoan.

Những anh bạn người Thark dữ tợn gây nên sự nóng nhiệt và kích động cuồng dại nhất. Chưa bao giờ trước đó một đội quân của các chiến binh da xanh bước vào trong các cánh cổng thành của Helium, và lúc bấy giờ, việc họ đến với tư cách là những người bạn và những đồng minh làm tâm hồn những người da đỏ tràn ngập niềm hoan hỉ.

Rõ ràng, người dân Helium đã biết sự phục vụ tận tình của tôi đối với Dejah Thoris bởi những tiếng hét to gọi tên tôi, và với những đồng đồ trang sức được khoác lên người tôi và con ngựa to lớn của tôi khi chúng tôi băng qua các đại lộ để tới cung điện, và dù có sự hiện diện với vẻ ngoài dữ tợn của Woola, đám đông vẫn đeo bám theo sát tôi.

Khi tới gần tòa cung điện lộng lẫy, chúng tôi được tiếp đón bởi một toán sĩ quan. Họ nồng nhiệt chào mừng chúng tôi và yêu cầu được

gặp mặt Tars Tarkas và các tù trưởng của ông. Tôi xuống ngựa, và cùng đi với các vị vua và phó vương của các lực lượng đồng minh đến tiếp nhận lời cảm ơn của Tardos Mors về sự phục vụ của chúng tôi.

Đứng ở đầu các bậc thềm lớn dẫn tới cổng chính của cung điện là phái đoàn hoàng gia, và khi chúng tôi tới các bậc thềm bên dưới, một người trong số đó đi xuống tiếp đón chúng tôi.

Ông ta là một mẫu đàn ông hoàn hảo: cao lớn, thẳng như một mũi tên, thân hình rắn chắc và có phong độ đường bộ của một nhà lãnh tụ. Không cần ai bảo, tôi biết đó là Tardos Mors, vua xứ Helium.

Người đầu tiên ông ta gặp trong đoàn chúng tôi là Tars Tarkas và những lời đầu tiên của ông đã đánh dấu cho tình bạn mới vĩnh viễn giữa hai chủng tộc.

“Sự kiện Tardos Mors có thể gặp chiến binh vĩ đại nhất còn đang sống của Barsoom là một niềm vinh dự vô giá, nhưng việc ông ta có thể đặt tay mình lên vai của một người bạn và một đồng minh là một ân huệ còn lớn hơn nhiều.” Ông nói một cách nghiêm trang.

“Jeddak xứ Helium,” Tars Tarkas đáp, “đã có một người của một thế giới khác đến dạy cho các chiến binh da xanh của Barsoom về ý nghĩa của tình bạn. Nhờ anh ta, các bộ tộc người Thark đã có thể hiểu ông, và có thể cảm kích và đền đáp các tình cảm đã được thể hiện một cách biết ơn.”

Sau đó, Tards Mors chào mừng từng vị vua và phó vương da xanh, và nói với mỗi người những lời cảm kích và thân hữu.

Khi đến chỗ tôi, ông ta đặt cả hai bàn tay lên đôi vai tôi.

“Chào mừng, con trai của ta,” ông nói, “việc con đã được ban tặng một cách vui mừng và không một lời phản đối viên ngọc quý giá nhất trên toàn cõi Helium, trên khắp Barsoom, đã đủ để cho ta tôn trọng.”

Rồi chúng tôi được giới thiệu với Mors Kajak, phó vương của thành Helium nhỏ, cha của Dejah Thoris. Ông đi theo sát sau lưng của Tardos Mors và dường như còn xúc động vì cuộc gặp gỡ hơn cả cha ông.

Hàng chục lần, ông cố thể hiện lòng biết ơn đối với tôi, nhưng giọng nói của ông bị nghẹn lại vì xúc động và ông không nói nên lời. Thế nhưng ông đã, như sau đó tôi biết, nổi tiếng là một chiến binh táo tợn và không biết sợ hãi, ngay cả ở một hành tinh thích chiến tranh như Barsoom. Như mọi người Helium khác, ông tôn sùng con gái của mình, và ông không thể nghĩ tới việc nàng đã thoát khỏi điều gì mà không rung động sâu xa.

CHƯƠNG XXVII: TỪ NIỀM VUI TỚI CÁI CHẾT

Các bộ tộc Thark và các đồng minh hoang dã của họ được chiêu đãi tiệc tùng và tiêu khiển suốt mười ngày, và sau đó, chờ đầy những quà tặng đắt giá và được hộ tống bởi mười ngàn binh sĩ Helium theo lệnh của Mors Kajak, họ bắt đầu chuyến hành trình quay về quê hương. Vị phó vương của thành Helium nhỏ cùng một đoàn quý tộc theo tiễn chân họ suốt con đường tới Thark để củng cố hơn nữa mối liên kết mới của hòa bình và tình thân hữu.

Sola cũng đi cùng với Tars Tarkas, cha nàng, người đã biết nàng là con gái của mình trước tất cả các tù trưởng khác.

Ba tuần sau, Mors Kajak và các viên sĩ quan của ông, cùng với Tars Tarkas và Sola quay lại trên một chiến thuyền đã được chia phần cho Thark để kịp thời dự hôn lễ của Dejah Thoris và John Carter.

Sau đó, trong suốt chín năm, tôi đã phục vụ trong các hội đồng và đã chiến đấu trong các lực lượng của Helium với tư cách một hoàng tử của hoàng tộc Tardos Mors. Dân chúng dường như không hề mệt mỏi trong việc ban tặng vinh dự cho tôi, và không ngày nào lại không mang tới những chứng cứ mới về tình yêu của họ đối với công chúa của tôi, Dejah Thoris vô song.

Trong một cái lồng ấp trứng trên mái cung điện của chúng tôi có một quả trứng màu trắng như tuyết. Trong gần năm năm, mười chiến sĩ của đội Cận vệ hoàng gia đã thường xuyên canh giữ nó, và không ngày nào khi tôi có mặt trong thành phố mà Dejah Thoris và tôi không tay trong tay đứng trước cái lồng ấp bé bỏng của chúng tôi để hoạch định cho tương lai, khi quả trứng xinh đẹp nở ra.

Hắn sâu trong ký ức của tôi là hình ảnh của đêm cuối cùng. Chúng tôi ngồi bên nhau ở đó, chuyện trò khe khẽ về sự lãng mạn lạ lùng đã đan dệt cuộc đời chúng tôi lại với nhau và về sinh vật kỳ diệu sắp chào đời để làm tăng thêm niềm hạnh phúc và hoàn thành những hy vọng của chúng tôi.

Từ xa, chúng tôi nhìn thấy ánh sáng trắng rực rỡ của một con tàu bay đang tới gần, nhưng không chú ý lắm đến một cảnh tượng quá bình thường như thế. Như một tia sét, nó lao về Helium cho tới khi vận tốc rất cao của nó chứng tỏ một sự bất thường.

Con tàu nhấp nháy những tín hiệu đèn thông báo rằng nó mang tin tức tới cho nhà vua, rồi nó bay lượn vòng một cách nôn nóng chờ đợi con thuyền tuần tra chậm chạp đến để hộ tống nó tới phi cảng của cung điện.

Mười phút sau khi nó đáp xuống mái cung điện, tôi được triệu tập tới phòng hội đồng. Ở đó đã đông đủ những thành viên khi tôi tới.

Trên chiếc bệ cao đặt ngai vàng, Tardos Mors đang bước tới bước lui với gương mặt rất căng thẳng. Khi tất cả đã ngồi vào vị trí, ông quay về phía chúng tôi.

“Sáng nay,” ông nói, “có tin tức gửi đến nhiều chính phủ của Barsoom rằng người điều hành nhà máy sản xuất bầu khí quyển đã không báo cáo qua đường vô tuyến suốt hai ngày, và hầu hết những cuộc gọi vô tuyến tới ông ta từ một số thủ đô cũng không nhận được một tín hiệu hồi âm nào cả.

“Đại sứ của các quốc gia khác đã yêu cầu chúng ta nắm quyền xử lý tình hình và nhanh chóng tìm người trợ lý duy trì nhà máy. Suốt ngày này, hơn một ngàn chiếc máy bay đã đi tìm ông ta cho đến khi vừa lúc nãy có một chiếc quay về mang theo xác chết của ông ta, tìm thấy ở trong một cái hầm bên dưới nhà ông ta, bị một tên sát thủ nào đó cắt xẻo một cách khủng khiếp.

“Ta không cần phải nói với các ông điều này có ý nghĩa thế nào đối với Barsoom. Cần mất cả tháng để xâm nhập vào các bức tường dày đó, trên thực tế, công việc đã được bắt đầu, và điều đáng ngại là các máy bơm có chạy tốt không vì chúng đã vận hành suốt mấy trăm năm rồi, nhưng điều tệ hại nhất mà chúng ta lo ngại, đã xảy ra. Các thiết bị cho thấy sự giảm sút nhanh chóng áp suất không khí trên toàn cõi Barsoom - cỗ máy đã dừng hoạt động.”

“Các ông, chúng ta chỉ còn sống được nhiều nhất ba ngày.” Ông kết luận.

Trong nhiều phút là sự im lặng tuyệt đối, và rồi một nhà quý tộc trẻ đứng lên, và với thanh kiếm gior cao trên đầu, anh ta nói với Tardos Mors:

“Những người đàn ông của Helium từng tự hào rằng họ đã chứng tỏ cho Barsoom thấy một quốc gia da đỏ sống ra sao, giờ là cơ hội để chúng ta chứng tỏ cho họ thấy chúng ta sẽ chết ra sao. Chúng ta hãy cứ đi làm những bổn phận của mình như thể vẫn còn cả ngàn năm hữu dụng trước mặt chúng ta.”

Căn phòng rung lên với tiếng hoan hô, bởi vì không có gì tốt hơn để làm ngoài việc gác lại các mối lo sợ bằng ví dụ của chúng tôi. Chúng tôi đi ra với những nụ cười, còn nỗi buồn thì chôn giấu xuống đáy tim.

Khi quay về cung điện của mình, tôi thấy rằng tin đồn đã tới tai Dejah Thoris, và tôi kể lại cho nàng tất cả những gì tôi đã nghe.

“Chúng ta đã sống rất hạnh phúc, John Carter,” nàng nói, “và em cảm ơn bất kỳ định mệnh nào ập xuống chúng ta vì nó cho phép chúng ta cùng chết bên nhau.”

Hai ngày kế tiếp không có gì thay đổi lớn trong việc cung cấp không khí, nhưng vào buổi sáng ngày thứ ba, việc hít thở bắt đầu trở nên khó khăn ở những tầng cao. Các đại lộ và các quảng trường của Helium đầy nghẹt dân chúng. Mọi hoạt động đều dừng lại. Phần lớn dân chúng đứng cảm nhìn thẳng vào ngày tàn không thể tránh khỏi của mình. Tuy nhiên, đây đó, cũng có những người đàn ông và phụ nữ lặng lẽ khổ đau.

Cho tới giữa trưa, nhiều người yếu hơn bắt đầu không chịu nổi, và trong vòng một giờ hàng ngàn dân chúng của Barsoom đã bị ngất xỉu trước khi chết vì ngạt thở.

Dejah thoris, tôi và những thành viên khác của hoàng gia đã tụ họp trong một khu vườn xây chìm dưới mặt đất trong sân cung điện. Chúng tôi trò chuyện rất khẽ, nếu có trò chuyện, sự khủng khiếp của bóng đen ác nghiệt của thần chết đang trùm lên chúng tôi. Ngay cả Woola dường như cũng cảm thấy sức nặng của tai họa sắp đến, vì nó nằm sát vào tôi và Dejah Thoris, rên rĩ một cách bí ai.

Cái lồng ấp tí hon đã được đem xuống khỏi mái cung điện theo lời yêu cầu của Dejah Thoris, và lúc này nàng ngồi nhìn đắm đắm vào cuộc sống nhỏ bé chưa được biết mà nàng sẽ không bao giờ biết nữa.

Khi việc khó thở ngày càng dễ nhận ra, Tardos Mors đứng lên và nói:

“Chúng ta hãy nói lời vĩnh biệt nhau. Những ngày vĩ đại của Barsoom đã qua rồi. Mặt trời ngày mai sẽ nhìn xuống một thế giới chết chóc mà xuyên qua mọi sự bất diệt vẫn xoay đều qua bầu trời và không còn con người cư trú, ngay cả trong ký ức. Đây là sự kết thúc.”

Ông khom người xuống hôn những người phụ nữ trong gia đình, và đặt bàn tay mạnh mẽ của mình lên vai của những người đàn ông.

Khi tôi buồn bã quay sang Dejah Thoris, đầu nàng đang gục xuống ngực, và với mọi vẻ ngoài, trông nàng không còn sự sống. Với một tiếng kêu, tôi lao tới bên nàng và bế nàng lên tay.

Đôi mắt nàng mở ra, nhìn vào mắt tôi.

“Hãy hôn em, John Carter,” nàng thì thào. “Em yêu chàng! Em yêu chàng! Thật là ác nghiệt khi chúng ta, những người vừa bắt đầu một cuộc sống của tình yêu và hạnh phúc, đã phải bị phân ly.”

Khi tôi ép đôi môi thân yêu của nàng vào môi tôi, cảm giác cũ về sức mạnh bất khuất và quyền năng trời dấy trong tôi. Dòng máu chiến đấu của Virginia rót sự sống vào những huyết mạch của tôi.

“Sẽ không như thế, công chúa của tôi.” Tôi kêu lên. “Có cách, phải có một cách nào đó, và John Carter, người đã tìm ra đường sống trên một thế giới xa lạ vì tình yêu đối với nàng, sẽ tìm ra nó!”

Và cùng những lời đó, chuỗi âm thanh thứ chín đã bị quên lãng từ lâu bỏ qua ngưỡng ý thức của tôi. Toàn bộ ý nghĩa của chúng sáng rực trong tôi như một tia chớp trong bóng tối - chiếc chìa khoá để mở ba cánh cửa vĩ đại của nhà máy khí quyển!

Đột ngột quay sang Tardos Mors trong lúc vẫn ôm thân hình yêu dấu đang hấp hối của nàng, tôi kêu lên.

“Một chiếc máy bay cá nhân, Jeddak của cháu! Nhanh lên! Lệnh cho chiếc máy bay nhanh nhất của ông tới đình cung điện. Cháu sẽ cứu được Barsoom.”

Ông không chờ để hỏi, mà ngay lập tức một người lính gác chạy tới phi cảng gần nhất và dù không khí rất loãng và hầu như không còn ở trên mái nhà, họ cố tìm cách đưa lên chiếc máy bay trinh sát cá nhân nhanh nhất mà kỹ thuật của Barsoom có thể sản xuất ra.

Hôn Dejah Thoris cả chục lần và lệnh cho Woola, đang muốn theo tôi, ở lại và bảo vệ cho nàng, tôi nhảy lên với sự khéo léo và sức mạnh tới các mái cao của cung điện, và thoáng giây sau đó, tôi hướng về mục tiêu của những niềm hy vọng của toàn cõi Barsoom.

Tôi phải bay thấp để có đủ không khí thở, vì thế tôi bay thẳng qua một đáy biển chết nhờ đó chỉ phải cất cao vài bộ bên trên mặt đất.

Tôi bay với một tốc độ đáng sợ vì chuyến đi này là một cuộc chạy đua với thời gian và cái chết. Gương mặt của Dejah Thoris luôn hiện lên trước mắt tôi. Khi quay lại nhìn lần cuối trước lúc rời khỏi cung điện, tôi đã thấy nàng lao đảo té quỵ xuống đất bên cạnh cái lồng ấp nhỏ bé. Nàng đã rơi vào tình trạng hôn mê và sẽ kết thúc bằng cái chết, nếu nguồn cung cấp không khí vẫn chưa được hồi phục. Tôi biết rõ, và thế là, chú ý tới những cơn gió, tôi ném tất cả ra khỏi boong tàu, kể cả các thứ trang sức của tôi, ngoại trừ động cơ và chiếc la bàn. Rồi úp bụng dọc theo sàn tàu với một tay trên bánh lái và tay kia đẩy mức vận tốc tới điểm tối đa, tôi chệch bầu không khí mỏng manh của sao Hỏa đang hấp hối với vận tốc của một vì sao băng.

Một giờ trước khi trời tối, những bức tường vĩ đại của nhà máy khí quyển đã đột ngột xuất hiện trước mặt tôi, và với một cú rơi đánh thịch, tôi nhào xuống mặt đất phía trước nhà máy.

Bên cạnh cánh cửa là một đoàn người đang làm việc để phá vỡ bức tường, nhưng hầu như họ chỉ gãi nhẹ vào bề mặt cứng như đá, và lúc bấy giờ phần lớn đã nằm ngủ giắc ngủ cuối cùng mà ngay cả không khí cũng không thể đánh thức họ được nữa.

Tình hình ở đây dường như tồi tệ hơn nhiều so với ở Helium, và tôi thở một cách khó khăn. Có vài người vẫn còn tỉnh táo, và tôi nói với

trong mấy người đó.

“Nếu tôi mở được những cánh cửa này, có ai có thể khởi động các cỗ máy không?” Tôi hỏi.

“Tôi có thể,” anh ta đáp, “nếu anh mở nhanh, tôi chỉ kéo dài được giây lát nữa. Nhưng vô ích, cả hai đã chết và không có ai trên Barsoom biết bí mật của những cái khóa kinh khủng đó. Suốt ba ngày qua nhiều người đã nỗ lực một cách vô ích để giải quyết bí mật của nó.”

Tôi không còn thì giờ để nói, tôi đang rất yếu và kiểm soát tâm trí một cách khó khăn.

Nhưng, với một nỗ lực cuối cùng, khi khụy xuống trên hai đầu gối, tôi phóng chín làn sóng ý nghĩ vào cánh cửa trước mặt. Người Hòa tinh kia đã bò tới cạnh tôi và dán đôi mắt vào cánh cửa, chúng tôi chờ đợi trong sự im lặng chết chóc.

Cánh cửa không hề chậm chạp lùi lại. Tôi cố đứng lên đi theo nó nhưng tôi quá yếu.

“Hãy đi theo nó,” tôi nói với người đồng đội, “và nếu anh tới phòng bom hãy mở tất cả các máy bom. Đó là cơ may duy nhất để Barsoom tồn tại vào ngày mai!”

Từ chỗ tôi nằm, tôi lần lượt mở cánh cửa thứ hai, rồi thứ ba, và khi tôi thấy niềm hy vọng của Barsoom yếu ớt bò lê qua cánh cửa cuối cùng, tôi bất tỉnh ngã quy xuống mặt đất.

CHƯƠNG XXVIII: TRONG HANG ĐỘNG Ở ARIZONA

Khi tôi mở mắt ra trở lại trời đã tối. Trên người tôi là những lớp vỏ lạ lùng, cứng quèo; và chúng rách tả tơi thành mảnh vụn khi tôi ngồi dậy.

Tôi kiểm tra lại bản thân từ đầu đến chân, và từ đầu đến chân tôi có mặc quần áo, dù khi tôi bị ngất xỉu ở cánh cửa lớn của nhà máy khi quyền tôi đang trần truồng. Trước mặt tôi là một khoảng trời nhỏ ngập ánh trắng lọt qua một khe hở lõm chõm.

Khi những ngón tay của tôi lướt qua thân người, chúng bắt gặp những cái túi và trong một trong mấy cái túi là một hộp quẹt diêm nhỏ được gói lại bằng giấy dầu. Tôi quẹt một que diêm, và trong ánh lửa lơ mờ, nó soi sáng một cái gì đó giống như trong một hang núi lớn, ở phía sau hang núi, tôi phát hiện ra một thân hình kỳ lạ, bất động nằm trên một cái ghế dài nhỏ xíu. Khi tới gần, tôi thấy đó là xác ướp của một bà già bé nhỏ có mái tóc đen dài, và vật mà nó tựa lên là một cái đèn đốt bằng than nhỏ, bên trên là một cái lọ tròn bằng đồng chứa một ít bột màu xanh.

Phía sau xác ướp, treo lủng lẳng dưới những sợi dây da chưa thuộc buông xuống từ nóc hang và trải ngang qua hang là một hàng những bộ xương người. Những sợi dây treo đó nối với một sợi khác nằm trong tay của xác ướp bà già nhỏ bé. Khi tôi chạm vào chỗ nối, những bộ xương đu đưa với một tiếng động giống như tiếng lá khô xào xạc.

Trước hoạt cảnh hết sức quái đản và kinh dị đó, tôi vội vã lao ra khỏi cửa hang, vui mừng thoát khỏi một nơi khủng khiếp như thế.

Quang cảnh trước mắt khi tôi bước ra rìa một mỏm núi ở phía trước lối vào hang động làm lòng tôi tràn ngập sự kinh hoàng.

Một bầu trời mới và một phong cảnh mới trải ra trước mắt tôi. Những ngọn núi lấp lánh màu bạc ở xa xa, vàng trắng gần như bất động treo lơ lửng trên bầu trời, những thung lũng rải rác những bụi xương rồng bên dưới không phải là của Hỏa tinh. Tôi hầu như không tin vào đôi mắt của mình, nhưng sự thật chậm chạp sáng tỏ lại trong tôi: Tôi đang nhìn xuống Arizona từ cùng một mỏm núi mà tại đó mười năm trước tôi đã ngược nhìn lên Hỏa tinh với niềm khao khát.

Hai tay ôm lấy đầu, cổ lòng tan nát và phiền muộn, tôi quay xuống con đường bên dưới hang núi.

Trên đầu tôi, cách hơn bốn mươi tám triệu dặm xa, con mắt đỏ của Hỏa tinh vẫn sáng lên rực rỡ, nắm giữ niềm bí ẩn kinh khủng của mình.

Người Hỏa tinh đó có tới được phòng máy bơm không? Bầu không khí truyền sức sống có kịp thời tới được những người dân của hành tinh xa xôi đó để cứu sống họ không? Dejah Thoris của tôi có còn sống, hay thân hình xinh đẹp của nàng đã nằm chết lạnh lẽo bên cạnh cái lồng ấp bé nhỏ bằng vàng trong khu vườn ngầm trong cung điện của Tardos Mors, Vua xứ Helium?

Suốt mười năm tôi đã chờ đợi và nguyện cầu để có được lời giải đáp cho những câu hỏi đó. Suốt mười năm tôi đã chờ đợi và nguyện cầu để được đưa quay lại thế giới của tình yêu đã mất. Tôi thà nằm chết bên cạnh nàng còn hơn sống trên trái đất cách biệt nàng hàng triệu dặm xa xôi.

Cái mộ cũ tôi đã tìm ra và vẫn chưa có ai động tới đã biến tôi thành một người vô cùng giàu có. Nhưng tôi nào có quan tâm tới bạc tiền!

Đêm nay, khi tôi ngồi đây trong căn phòng nhỏ nhìn ra dòng sông Hudson, đã có hai mươi năm trôi qua kể từ khi tôi mở mắt ra lần đầu tiên trên sao Hỏa.

Qua cánh cửa sổ nhỏ cạnh bàn viết, tôi có thể nhìn thấy Hỏa tinh đỏ rực lấp lánh giữa bầu trời. Đêm nay dường như nó lại cất tiếng kêu gọi tôi. Vì trước đó, kể từ cái đêm chết chóc xa xôi ấy, nó chưa bao giờ cất tiếng gọi tôi. Và tôi nghĩ tôi có thể nhìn thấy, xuyên qua vực thẳm kinh khủng của không gian, một người phụ nữ xinh đẹp với mái tóc đen óng ả, đang đứng trong khu vườn của một cung điện. Bên cạnh nàng là một đứa bé trai. Nó vòng đôi tay quanh cổ nàng khi nàng chỉ lên bầu trời tới hành tinh Trái đất. Và ở dưới chân họ, là một con chó khổng lồ xấu xí với một trái tim quý như vàng.

Tôi tin rằng họ đang chờ đợi tôi ở đó, và có cái gì đó bảo với tôi rằng tôi sẽ sớm biết được điều này.

HẾT

Chú thích

^[1] Các chi tiết về Burroughs bên trên dựa theo en.wikipedia.com

^[2] Các chi tiết về Burroughs bên trên dựa theo en.wikipedia.com

^[3] Mars (sao Hỏa) là tên của Thần chiến tranh theo thần thoại La Mã.